



NGƯỜI XÂY DỰNG

Tháng 11&12- 2021 số 361&362 năm thứ XXXV

MỤC LỤC

CHÀO XUÂN NHÂM DẦN

Thư chúc tết của Chủ tịch Tổng hội XDVN	3
Quan điểm về thơ Xuân của bác Hồ	Nguyễn Văn Toàn 4
Toàn cảnh Việt Nam 2021 - Vững bước trong khó khăn, chờ thời cơ bứt phá	TTXVN 5
Chúa sơn lâm	Nguyễn Văn Thanh 8
5 sự kiện lớn do Tổng hội XDVN tổ chức năm 2021	Nhất Nam 9
Chùa vào Tết khắp vùng miền nước ta	Kim Thi 11
Một năm hoạt động của Tổng hội XDVN: Dấu ấn từ sự thích ứng linh hoạt	Thành Huyền 12

KỶ NIỆM 35 NĂM TẠP CHÍ NGƯỜI XÂY DỰNG

Một chặng đường vinh quang - 35 năm Tạp chí Người Xây dựng	Người Xây dựng 16
Chùm thơ Xuân	Nguyễn Quang Huệ, Nguyễn Thanh Bình 19

KIẾN TRÚC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ XÃ HỘI

Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia - Đổi mới và phát triển để xứng tầm đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực nghiên cứu quy hoạch xây dựng	Lưu Đức Cường 22
Vì một không gian sinh tồn bền vững cho toàn nhân loại	Hải Anh 27
Vấn đề kết nối hạ tầng giao thông liên thông, kết nối xã hội 10 quốc gia cộng đồng kinh tế Đông Nam Á.	Trần Công Thanh 31
Đánh giá quá trình hình thành cụm công nghiệp	Lưu Đức Hải, Lê Kim Hoà 34

DIỄN ĐÀN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý giao tiếp thông tin dự án xây dựng	Lê Mỹ Loan, Lương Đức Long 39
Xây dựng cây thư mục quản lý dự án và mô hình quản lý dữ liệu dự án xây dựng, làm việc từ xa qua giao thức VPN ở các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ	Nguyễn Bảo Linh, Phạm Hồng Luân 44
Xây dựng mô hình đánh giá về trật tự xây dựng đô thị trong công tác quản lý xây dựng tại tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Hải Vũ, Phạm Hồng Luân 49
Mối liên hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng	Phạm Văn Linh, Phạm Hồng Luân 55
Nghiên cứu những tiêu chí chính trong việc chuẩn bị đấu thầu của các nhà thầu Việt Nam khi tiếp cận dự án vốn FDI	Trần Quốc Thành, Nguyễn Hồng Văn, Lương Đức Long, Đỗ Tiến Sỹ 58

Các phương pháp bố trí định vị công trình xây dựng ở ngoài thực địa	Phạm Văn Chuyên 66
Chiến trường của... Từ điển	Nguyễn Huy Côn 73
Kỹ thuật môi trường xây dựng và chất lượng công trình	Kim Thi 74
Giải thưởng Loa Thành	Nguyễn Tài 76

Danh sách giải thưởng Loa Thành

NHÌN RA NƯỚC NGOÀI

Mỹ lắp đặt 7 trang trại điện gió lớn ngoài khơi	VCDst 38
"Thành phố 10 phút" trong lòng Seoul	VCDst 80
Đan Mạch xây turbine gió cao nhất thế giới	80

Tin hoạt động Tổng hội

Hoạt động của Tổng hội năm 2021	81
---------------------------------	----

Bìa 1: Người Xây dựng chào Xuân Nhâm Dần

○ Tổng biên tập

Nhà báo. Hoàng Chiến Thắng

○ Phó tổng biên tập

KS. Nguyễn Xuân Hải

Nhà báo. Trần Cường

GS.TS. Huỳnh Văn Hoàng

○ Hội đồng Biên tập:

GS.TSKH Phạm Hồng Giang (Chủ tịch)

TS. Đặng Việt Dũng (Phó Chủ tịch)

PGS.TS. Bùi Văn Bội

PGS.TS. Trần Chung

PGS.TS. Lưu Đức Hải

PGS.TS. Đỗ Văn Hứa

GS.TSKH. Đỗ Nguyên Khoát

TS. Trần Hồng Mai

TS. Thái Duy Sâm

GS.TSKH. Nguyễn Tài

TS.KTS. Lê Thị Bích Thuận

PGS.TS. Phạm Hoàng Kiên

GS.TSKH. Nguyễn Thúc Tuyên

○ Ban biên tập:

KTS. Vũ Trường Hạo (Trưởng ban)

CN. Thành Ngọc Dũng (Phó Trưởng ban)

CN. Bùi Thị Thuý Liên (Phó Trưởng ban)

○ Trưởng ban bạn đọc:

Phùng Thị Mai Hoa

○ Tòa soạn phía Bắc:

625A đường La Thành - Ba Đình - Hà Nội

ĐT: 024. 38314740, 38314733

ĐD: 0903410315 * Fax: 84-4-38314735

Email: nguoi xaydung1986@gmail.com

Website: nguoi xaydung.com.vn

○ Chi nhánh tại Miền Trung - Tây Nguyên:

Trưởng chi nhánh: Nguyễn Cửu Loan

Tầng 3, số 79 Quang Trung, P. Hải Châu,

Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại/Fax: 0236. 3812306

○ Đại diện tòa soạn phía Nam:

GS.TS. Huỳnh Văn Hoàng

Cao ốc số 8-12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa (T8),

P. Nguyễn Thái Bình, Q1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 028. 38211106 * Fax: 028. 38211154

Phát hành: Công ty Báo chí TW và đặt mua tại bưu điện hoặc tòa soạn tạp chí

○ Xuất bản theo giấy phép số 438/GP-

BTMTT do Bộ TTTT cấp ngày 19/3/2012

○ In tại Công ty CP In và TM Quốc Duy.



THE BUILDER MAGAZINE

11&12 - 2021 N^o 361 & 362 35TH Year

CONTENTS

○ Editor in chief

Journalist Hoang Chien Thang

○ Deputy Editor-in-chief:

Eng. Nguyen Xuan Hai

Journalist Tran Cuong

Prof.Dr. Huynh Van Hoang

○ Editors Council

Prof.Dr of Sc. Pham Hong Giang (Chairman)

Dr. Dang Viet Dung (Vice Chairman)

Ass.Prof.Dr. Bui Van Boi

Ass.Prof.Dr. Tran Chung

Ass.Prof.Dr. Luu Duc Hai

Ass.Prof.Dr. Do Van Hua

Prof.Dr of Sc. Do Nguyen Khoat

Dr. Tran Hong Mai

Dr. Thai Duy Sam

Prof.Dr of Sc. Nguyen Tai

Dr.Arch. Le Thi Bich Thuan

Ass.Prof.Dr. Pham Hoang Kien

Prof.Dr of Sc. Nguyen Thuc Tuyen

○ Editorial Staff:

Arch. Vu Truong Hao (Chief)

BA. Thanh Ngoc Dung (Deputy)

BA. Bui Thi Thuy Lien (Deputy)

○ Chief of Reader Board:

Phung thi Mai Hoa

○ Editorial Office in the North:

625A La Thanh St, Ba Dinh - Hanoi

Tel: 04. 38314740, 38314733

Mobil: 0903410315 * Fax: 84-4-38314735

Email: nguoi xay dung1986@gmail.com

Website: tapchinguoi xay dung.vn

○ Branch office in Central Region:

Nguyen Cuu Loan

199 Nguyen Van Linh road, Da Nang City

Tel/Fax: 0511. 3812306

○ Editorial Office in the South:

Huynh Van Hoang

Building N^o 8-12 Nam Ky Khoi Nghia

(8 Fl.), Dist 1, Ho Chi Minh City

Tel: 08.38211106 * Fax: 08. 38211154

○ License No 438/GP-BTTTT

granted by Ministry of Communication and Information on March 19th.2012

Releasing: Central Press Company and order

at the Post office or headquarters of the Builder

○ Printed at Quoc Duy Trading & Printing JSC.

WELCOME NHAM DAN SPRING

New Year greeting letter from the president of VFCEA

Uncle Ho's view of spring poetry

Stand firm in difficulties, waiting for the opportunity to break through

Lord of the Forest

5 big events organized by VFCEA in 2021

Temples in Tet throughout our country

Interview with President Dang Viet Dung

35TH ANNIVERSARY OF THE BUILDER MAGAZINE

A Glorious Journey - 35 Years of The Builder's Magazine

Spring is back (poetry)

a bunch of poems by Nguyen Thanh Binh

PLANNING-ARCHITECTURAL-URBAN & SOCIAL

National Institute of Urban and Rural planning (VIUP) innovate and develop to be worthy of leader in field of construction planning research

For a sustainable living space for all humanity

The issue of connecting transport infrastructure and social connection in 10 countries of southeast Asian economic community.

Assessing the process of forming industrial clusters

SCIENCE AND TECHNOLOGY FORUM

Analysis of factors affecting information communication management of construction projects

Building project management directory tree and data

Management model of construction project Telecommuting through VPN protocol in construction SME's

Building an assessment model of urban construction order in construction management in Dong Thap province

Relationship between factors affecting the appraisal process of project and designs created after the fundamental design made by the specialized construction agency

Research on main criteria in bidding preparation of Vietnam contractors when approaching FDI projects

Methods of locating construction works in the field

The battlefield of... Dictionary

Construction environmental engineering and building quality

Loa Thành Award

Loa Thành Award List

LOOKING ABROAD

U.S. installs 7 large offshore wind farms

"10 Minutes City" inside of Seoul

Denmark to build world's tallest wind turbine

VFCEA news

Activities of the VFCEA in 2021

Nguyễn Văn Toàn 4

TTXVN 5

Nguyễn Văn Thanh 8

Nhất Nam 9

Kim Thi 11

Thành Huyền 12

Người Xây dựng 16

Nguyễn Quang Huệ 19

Nguyễn Thanh Bình 19

Lưu Đức Cường 22

Hải Anh 27

Trần Công Thanh 31

Lưu Đức Hải, Lê Kim Hoà 34

Lê Mỹ Loan, Lương Đức Long 39

Nguyễn Bảo Linh, Phạm Hồng Luân 44

Nguyễn Hải Vũ, Phạm Hồng Luân 49

Phạm Văn Linh, Phạm Hồng Luân 55

Trần Quốc Thành, Nguyễn Hồng Vãn, Lương Đức Long, Đỗ Tiến Sỹ 58

Phạm Văn Chuyên 66

Nguyễn Huy Côn 73

Kim Thi 74

Nguyễn Tài 76

VCDst 80

VCDst 80

81



TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM



THƯ CHÚC TẾT CỦA CHỦ TỊCH TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

Thân mến gửi toàn thể anh chị em hội viên Tổng hội!

Nhân dịp Xuân mới Nhâm Dần 2022, thay mặt Đoàn Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam, tôi xin gửi tới các thể hệ hội viên của Tổng hội và bạn đọc Tạp chí Người Xây dựng lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc một năm mới an lành, hạnh phúc, dồi dào sức khỏe và thành công trong cuộc sống và trong công tác!

Chúng ta đã trải qua năm Tân Sửu 2021 với những khó khăn chồng lên khó khăn, thách thức tiếp nối thách thức do Đại dịch toàn cầu COVID-19 gây ra. Cả đất nước ta nói chung và những người lao động Ngành Xây dựng, các thành viên, hội viên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam nói riêng, chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tác động của “Kẻ thù vô hình COVID-19”.

Tuy nhiên, đất nước ta vẫn vươn lên mạnh mẽ, vững vàng trước cơn lốc dịch bệnh: Bình tĩnh ứng phó, chuyển trạng thái phòng chống dịch, thực hiện thành công chiến lược Vaccine “đi sau về trước” với chiến dịch tiêm chủng có quy mô chưa từng có; Nỗ lực phục hồi, thúc đẩy phát triển kinh tế để quý IV đã có tăng trưởng vượt bậc 5,22%, cao hơn cùng kỳ 2020, hỗ trợ có hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch bệnh; Tổ chức thành công Hội nghị Văn hóa toàn quốc; An ninh quốc phòng tiếp tục được giữ vững; Công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều thành tích ấn tượng...

Trong thành tích chung đó, Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể được Bộ Xây dựng, Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam đánh giá là một trong các đơn vị hàng đầu trong hoạt động công tác hội, công tác tư vấn phản biện, nghiên cứu khoa học, đào tạo, truyền thông và phổ biến chính sách. Tổ chức thành công hai cuộc hội thảo toàn quốc, quy tụ được nhiều chuyên gia, nhà khoa học trên cả nước, có tính xã hội sâu sắc, được dư luận đánh giá cao là hội thảo “Thiên tai lũ quét, sạt lở đất ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, nguyên nhân và giải pháp giảm thiểu”, tổ chức tại Hội An vào đầu năm 2021 và hội thảo “Đô thị công nghiệp gắn bó với nhà ở công nhân”, tổ chức tại thủ đô Hà Nội vào cuối năm 2021; Triển khai nhiều đề tài khoa học được các hội đồng nghiệm thu đánh giá cao; tiếp tục đồng tổ chức Giải thưởng Loa Thành thường niên đạt kết quả tốt với sự tham gia ngày càng đông đảo của các sinh viên; Đẩy mạnh công tác đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề; Tham gia tích cực trong công tác phản biện chính sách, tập trung vào công tác sửa đổi Luật. Nghị định, quy chuẩn tiêu chuẩn và quy hoạch ngành; Hoạt động báo chí tuyên truyền có nhiều khởi sắc, bám sát thực tiễn, phản ánh kịp thời các vấn đề thời sự. Một trong những dấu ấn đánh dấu hoạt động ấn tượng của Tổng hội Xây dựng Việt Nam năm 2021 là việc Tổng hội đã chủ động đề xuất và ký kết văn bản hợp tác với một loạt các cơ quan như: Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hiệp hội Nhà thầu Xây dựng Việt Nam, Hội Quy hoạch Phát triển và Đô thị Việt Nam, Hội Cấp Thoát nước Việt Nam, Hiệp hội Bất Động sản Việt Nam.

Năm 2022 là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, là năm kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Tổng hội Xây dựng Việt Nam (1982-2022), đồng thời là năm Tổng hội tổ chức Đại hội nhiệm kỳ IX (2022-2027), là năm tiếp tục phải thích nghi với điều kiện dịch bệnh. Phát huy kết quả đạt được của năm 2021, Tổng hội và các Hội thành viên quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác đã đề ra. Tập trung tổ chức thành công Đại hội IX; Triển khai các chương trình hành động sau Đại hội; Tiếp tục tổ chức tốt các cuộc hội thảo: Chuyển đổi số - Đô thị thông minh, Luật Quản lý và Phát triển Đô thị, Doanh nghiệp xây dựng thích ứng với dịch bệnh, Xã hội hóa dịch vụ công...; Triển khai các nhiệm vụ khoa học; Đẩy mạnh hoạt động truyền thông; Hoạt động đào tạo; Đổi mới hoạt động của Giải thưởng Loa Thành; Nâng cao chất lượng công tác tư vấn phản biện, giám định xã hội; Phát triển quan hệ hợp tác Quốc tế; Tăng cường phối hợp và nâng cao chất lượng hoạt động của các hội chuyên ngành, hội địa phương.

Một mùa Xuân đang tới, mang đến cho mỗi người chúng ta thật nhiều hy vọng về cuộc sống tốt đẹp, về sự phồn vinh của Đất nước, về sự phát triển mạnh mẽ của Tổng hội. Để những hy vọng trở thành hiện thực, chúng ta sẽ cùng nhau đoàn kết, tiếp tục nỗ lực phấn đấu xây dựng tổ chức Hội ngày càng phát triển vững mạnh, hoạt động hiệu quả, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng đất nước và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Thân ái!

TS. Đặng Việt Dũng
Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam

Quan điểm về thơ xuân của Bác Hồ

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất. Bởi vậy, thật thú vị khi vào mùa xuân chúng ta được nghe tâm sự của Người trong những bài thơ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành trọn cuộc đời mình cho cách mạng. Quan niệm về thơ được Người bày tỏ rõ ràng:

*Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

(“Cảm tưởng khi đọc *Thiên gia thi*”)

Bởi vậy, thơ về mùa xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh thấm đượm tinh thần cách mạng.

Đó là:

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

(“Rằm tháng Giêng”)

Và:

*Nếu không có cảnh đông tàn
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân
Nghĩ mình trong bước gian truân
Gian nan rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

(“Tự khuyên mình”)

Bài thơ “Tự khuyên mình” được Chủ tịch Hồ Chí Minh làm khi bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt khi hoạt động cách mạng và bị chúng cầm tù trên đất Trung Quốc từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943. Mùa xuân ở đây được Người đặt trong mối tương quan đối lập với mùa đông. Đông về, giá lạnh, khắc nghiệt, tượng trưng cho khó khăn, gian khổ trên con đường phát triển của phong trào cách mạng. Xuân tới, ấm áp, tươi vui, tượng trưng cho cách mạng thắng lợi. Đó chính là niềm tin bất thắng của Người.

Do đó, đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, mùa xuân năm 1946 thực sự là mùa xuân đầu tiên của nước Việt Nam mới và cái Tết năm đó thực sự là Tết Độc lập, Tự do. Trong một bài thơ chúc mừng một tờ báo đăng trong số Tết, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

*Tết này mới thực Tết dân ta
Mấy chữ chào mừng báo Quốc gia
Độc lập đầy với ba chén rượu
Tự do vàng đỏ một rừng hoa
Mọi nhà vui đón Xuân Dân chủ
Cả nước hoan nghênh Phúc Cộng hoà.*

(“Mừng báo Quốc gia”)



*Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiến tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!*
XUÂN 1969 HỒ CHÍ MINH

Chú thích ảnh: Bài thơ chúc Tết năm 1969 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Ảnh tư liệu lịch sử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng viết bài “Mừng Tết Nguyên Đán như thế nào?” (ngày 18-1-1960) nêu những việc đáng chê, đáng khen trong việc ăn Tết, nhắc nhở cán bộ phải làm gương, hướng dẫn nhân dân ăn Tết vui vẻ, tiết kiệm. Người nhận định: “Nếu có bao nhiêu tiền bỏ ra mua sắm hết để đánh chén lu bù, thế là mừng Xuân một cách lạc hậu, thế là lãng phí, thế là không Xuân”. Và Người làm thơ kêu gọi: *Mừng Xuân, Xuân cả thế gian/ Phải đâu lãng phí cỗ bàn mới Xuân.*

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, trồng cây không chỉ là lợi ích kinh tế trước mắt mà còn là mùa xuân vững bền của đất nước, của dân tộc. Bởi vậy, Người làm thơ kêu gọi: *Mùa xuân là Tết trồng cây/ Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.*

Trong mùa xuân năm 1969, khi kẻ thù còn âm mưu chia cắt lâu dài đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định về mùa xuân Thống nhất của đất nước sẽ là mùa xuân vui nhất của dân tộc ta. Và ước nguyện đó của Người đã được thực hiện trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!”*

(Thơ chúc Tết 1969)

Do đó, thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi mùa xuân về như Người bày tỏ là: *Mấy lời thân ái nômina, vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân* (Chúc Tết Giáp Thìn - 1964).□

Nguyễn Văn Toàn

TOÀN CẢNH VIỆT NAM 2021

Vững bước trong khó khăn, chờ thời cơ bứt phá

10 sự kiện trong nước nổi bật năm 2021 do cơ quan thông tấn của Chính phủ (Thông Tấn xã Việt Nam) bình chọn

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thành công rất tốt đẹp:

Diễn ra từ ngày 25/1 đến 1/2/2021 tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công rất tốt đẹp, để lại dấu ấn đậm nét về một Đại hội “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại hội xác định mục tiêu phát triển đất nước cho 5 năm, 10 năm tiếp theo và đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045.



Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ra mắt Đại hội. Ảnh: TTXVN

2. Gần 70 triệu cử tri cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp:

Ngày 23/5/2021, 99,6% cử tri cả nước đã đi bỏ phiếu, thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, bầu ra 499 đại



Cử tri người Mông tại bản Nậm Giắt, xã Phong Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La làm thủ tục bỏ phiếu bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp. Ảnh: Hữu Quyết - TTXVN

biểu Quốc hội khóa XV; 3.721 đại biểu HĐND cấp tỉnh, 22.550 đại biểu HĐND cấp huyện và 239.788 đại biểu HĐND cấp xã, nhiệm kỳ 2021-2026.

Cuộc bầu cử đã diễn ra dân chủ, đúng luật, an toàn trong bối cảnh cả hệ thống chính trị, toàn dân và toàn quân nỗ lực phòng, chống đại dịch COVID-19.

3. Chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch COVID-19:

Đợt bùng phát dịch thứ tư với sự xuất hiện của biến chủng siêu lây nhiễm Delta đã đảo ngược các thành quả trong công tác phòng, chống dịch trước đó với số ca nhiễm và ca tử vong tăng cao ở nhiều địa phương trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh, thành phố phía Nam. Đảng, Nhà nước đã chuyển hướng chiến lược phòng, chống dịch từ “không ca mắc” sang thực hiện mục tiêu kép.

Việc thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP ban hành ngày 11/10/2021 về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, vì mục tiêu cao nhất là bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân, đã giúp kiểm soát dịch bệnh, phục hồi kinh tế - xã hội, từng bước ổn định đời sống người dân.



Các bác sĩ Trung tâm Hồi sức tích cực COVID-19 Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh ngày đêm tận tình cứu chữa, giành giật sự sống cho bệnh nhân nặng. Ảnh: TTXVN

Đợt dịch thứ tư, cả nước đã ghi nhận 1.630.851 ca mắc, nâng tổng số ca mắc COVID-19 từ đầu dịch đến nay lên 1.636.455; số ca tử vong là 31.007 và 1.229.684 người đã khỏi bệnh.

4. Thực hiện thành công chiến lược vaccine:

Đảng, Nhà nước đã huy động mọi nguồn lực, quyết tâm thực hiện Chiến lược vaccine phòng COVID-19 vì mục tiêu miễn dịch cộng đồng với các giải pháp: Thành

lập Quỹ vaccine; tiến hành ngoại giao vaccine; nghiên cứu sản xuất vaccine trong nước; tổ chức Chiến dịch tiêm chủng vaccine miễn phí quy mô chưa từng có trong lịch sử và có giai đoạn đạt tốc độ cao hơn trung bình thế giới 30%. Đến ngày 25/12, gần 98% dân số từ 18 tuổi trở lên đã được tiêm 1 liều, tăng gần 4 lần, và hơn 86% được tiêm 2 liều, tăng hơn 25 lần so với cuối tháng 8/2021. Việc tiêm liều tăng cường và tiêm chủng cho thanh thiếu niên từ 12 đến dưới 18 tuổi cũng đang được khẩn trương triển khai.



Thành phố Hồ Chí Minh triển khai tiêm vaccine phòng COVID-19 mũi 3 cho lực lượng tuyến đầu. Ảnh: Thu Hương - TTXVN

5. Ban hành 5 văn bản quan trọng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng:

Ngay trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ Đại hội XIII, Đảng đã ban hành: Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Kết luận số 21-KL/TW, Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII “về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị” và Quy định số 37-QĐ/TW “về những điều đảng viên không được làm”, ba văn bản này có nhiều điểm mới, bổ sung về phạm vi, mục tiêu, giải pháp...;

Kết luận số 14-KL/TW về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và Quy



Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc nhằm quán triệt và triển khai kết luận và quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngày 09/12/2021.

Ảnh: Phương Hoa - TTXVN

định số 41-QĐ/TW về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, hai văn bản có các quy định lần đầu ban hành.

6. Hội nghị Văn hóa toàn quốc khơi dậy nguồn lực nội sinh, UNESCO tiếp tục tôn vinh văn hóa Việt Nam:

Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định 6 mục tiêu cụ thể và 10 giải pháp trọng tâm, tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới; phát huy nguồn lực nội sinh to lớn để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Sự kiện này diễn ra vào ngày 24/11/2021 sau đúng 75 năm Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất.



Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã chính thức ghi danh Xòe Thái là Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại. Ảnh: TTXVN

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) ngày 15/12/2021 chính thức ghi danh Nghệ thuật Xòe Thái là Di sản phi vật thể đại diện của nhân loại. Trước đó, ngày 23/11, Đại hội đồng UNESCO đã quyết định vinh danh và cùng kỷ niệm: 200 năm ngày sinh danh nhân Nguyễn Đình Chiểu; 250 năm ngày sinh và 200 năm ngày mất của nữ sỹ Hồ Xuân Hương vào năm 2022.

7. Việt Nam tham gia tích cực vào các cơ chế hợp tác đa phương:

Tại Hội nghị các bên tham gia Công ước Khung của



Quang cảnh phiên họp công bố danh sách các nước trúng Hội đồng chấp hành UNESCO. Việt Nam trúng cử thành viên Hội đồng Chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025 với số phiếu rất cao.

Ảnh: Thu Hà - TTXVN

Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP 26), Việt Nam đã cam kết giảm mức phát thải khí nhà kính về “0” vào năm 2050, cắt giảm 30% khí metan vào năm 2030 so với năm 2020..., khẳng định quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Việt Nam trong việc đẩy mạnh chuyển đổi mô hình kinh tế sang tăng trưởng xanh và ứng phó toàn diện với biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, Việt Nam tiếp tục đóng góp tích cực, có trách nhiệm trong khuôn khổ ASEAN, AIPA, ASEM, ASEP, APEC, APPF..., hoàn thành tốt đẹp nhiệm kỳ thứ hai Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; tái đắc cử Ủy ban Luật pháp quốc tế của Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2027, trúng cử thành viên Hội đồng Chấp hành Tổ chức UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025.

8. Biến động lớn của nền kinh tế và nỗ lực duy trì một số trụ cột tăng trưởng:

GDP quý III/2021 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP hằng quý do tác động của làn sóng dịch COVID-19 lần thứ tư. Khu vực dịch vụ, sản xuất công nghiệp ở phía Nam ghi nhận mức sụt giảm sâu và có tới 60% người dân bị mất việc làm hoặc giảm thu nhập trong quý III.



Nông dân Cần Thơ thu hoạch lúa Hè Thu. Xuất khẩu gạo Việt Nam năm 2021 ước đạt khoảng 6 triệu tấn, kim ngạch khoảng 3,32 tỷ USD.

Ảnh: Thanh Liêm - TTXVN

Quốc hội và Chính phủ đã có các quyết sách mạnh mẽ nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, khơi thông mọi nguồn lực đầu tư, sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế”.

Nhờ đó, Việt Nam đạt và vượt một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng: Thu ngân sách về đích trước một tháng, ước đạt 1.471 nghìn tỷ đồng, vượt 9,5% so với dự toán và cao hơn 3% so với mục tiêu của Chính phủ; xuất khẩu vượt mốc 335 tỷ USD và xuất siêu khoảng 3 tỷ USD, trở thành quốc gia xuất siêu 6 năm liên tiếp; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt hơn 29 tỷ USD. Ngành nông nghiệp tiếp tục là điểm tựa vững chắc của nền kinh tế với mức tăng trưởng 2,8%.

9. Lần đầu tiên đưa vào hoạt động hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:



Ngày 22/6/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dự Lễ công bố vận hành chính thức triển khai Dự án Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về Dân cư; Dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân và Lễ công bố vận hành chính thức hệ thống từ ngày 01/7/2021.

Ảnh: Dương Giang - TTXVN

Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được đưa vào hoạt động từ ngày 1/7/2021 là nền tảng quan trọng trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.

Cùng với việc hoàn thành mục tiêu cấp thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử, lần đầu tiên thông tin cơ bản về công dân Việt Nam được chuẩn hóa, số hóa và đưa vào hệ thống liên thông phục vụ quản lý nhà nước, cũng như giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo hướng hiện đại, tiện ích và tiết kiệm.

10. Thể thao Việt Nam giành được những thành tích ấn tượng trong bối cảnh khó khăn:



Võ sĩ Nguyễn Thị Thu Nhi (trái) xuất sắc đánh bại đương kim vô địch người Nhật Bản Etsuko Tada sau 10 hiệp đấu.

Ảnh: Mạnh Hùng - TTXVN

Đội tuyển Bóng đá nam Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử lọt vào vòng loại thứ ba World Cup 2022. Đội tuyển Futsal lần thứ hai giành quyền dự vòng chung kết FIFA Futsal World Cup, cho thấy bước tiến vượt bậc dù phải dừng chân ở vòng 1/8.

Về thành tích cá nhân, vận động viên cử tạ khuyết tật Lê Văn Công giành tấm Huy chương Bạc hạng 49kg nam Paralympic 2020 Nhật Bản; Nữ võ sĩ Nguyễn Thị Thu Nhi trở thành võ sĩ boxing Việt Nam đầu tiên giành đai vô địch WBO thể giới hạng nhẹ. □

Chúa Sơn Lâm

Nguyễn Văn Thanh



Trong tiếng Việt, ngoài từ Dàn, hổ còn có nhiều tên gọi khác đồng nghĩa với hổ: Khái, Hùm, Cọp, và những tên gọi ẩn nghĩa: Ông Kênh, ông Ba mươi, Chúa sơn lâm.

Hổ có tên khoa học là *Panthera tigris*, là động vật lớn nhất thuộc họ Mèo (*Felidae*). Hổ là loài thú uy nghi, lông vàng vằn đen, một ít lông trắng dưới bụng và trên đầu. Người hùng của núi rừng có vị dài gần 3m, kể cả đuôi là 4m, nặng 2-3 tạ. Hổ thai nghén 100-108 ngày, đẻ khoảng 2-5 con. Vị chúa sơn lâm tung hoành khắp châu Á như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Iran, Malaysia, Lào, Campuchia, Thái Lan...

Ở rừng Việt Nam trước đây, hổ phân bố rất rộng, số lượng lên đến hàng nghìn con, đã có những nơi nhiều hổ nổi tiếng như “Cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận”. Trong cuốn hồi ký Toàn quyền Paul Doumer ghi lại lúc bấy giờ “Vùng đất hoàn toàn thuộc về cọp, khi chúng tỉnh giấc ngủ ngày, khi mà ánh sáng mặt trời nhạt đi hoặc tắt hẳn, không còn khiến chúng chói mắt, đó là lúc chúng hoạt động, nói đúng hơn là lúc chúng săn mồi và tìm kiếm bạn tình. Một khi lãnh thổ đã thuộc về chúng, chẳng có gì khiến chúng e ngại hay dám

khiến chúng phải e ngại. Ai muốn giữ mạng thì hãy chạy hoặc trốn. Máu chảy, thịt rơi dưới móng vuốt của lũ thú đói, tàn bạo, hung dữ hơn hẳn bất cứ loài nào khác”.

Đồng bằng Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII cọp nhiều vô kể. Trong cuốn Gia Định thành thông chí, Trịnh Hoài Đức kể: “*Chúng sinh sống nhan nhản ở miệt U Minh, ở các cánh rừng ngập mặn, tại các cửa sông Tiền, sông Hậu, kể cả những nơi đã được khai hoang khá sớm tại Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long... để lại dấu ấn sâu đậm nơi vùng đất này.*

- Cà Mau khi khọt trên cây

Dưới sông cá lội, trên giồng cọp đua

- U Minh Rạch Giá thị quá sơn trường
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um”.

Hay nói như nhà văn Sơn Nam, ở nơi mà: “*Cọp sấu rống và ghé sách vách chờ”.*

Cọp hung dữ và liều lĩnh như vậy nhưng người dân đất phương Nam trong quá trình đi mở cõi vẫn đánh cọp, diệt cọp, dù đó là đàn bà hay trẻ con. Về nạn cọp ở trấn Vĩnh Thanh (Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc nay), sách xưa cho biết: “*Xứ này có nhiều thú và cọp dữ, nhưng dân cư đã quen thường, nên không sợ hãi, tay người bé và đàn bà cầm dao cắt cỏ và đòn xóc cũng bắt được cọp”.*

Trong bài viết “Tĩnh Quảng Trị” in trong tập san Đô Thành Hiếu Cổ (B.A.V.H) năm 1921 của đoàn Công sứ Pháp A. Laborde chép rằng: “*Tại làng Thủy Ba Thượng ngày nọ, có một con quạ bay ngang và làm rơi một cái xương người. Một đồng cốt cho rằng đó là xương của một vị thần tên Mai Quý Đông. Lập tức người ta lập đền thờ thần và thần thường nhập vào cốt đồng để dạy cho dân chúng nghề bắt hổ”.* Do đó dân Thủy Ba nổi tiếng có tài bắt hổ và luôn được giao nhiệm vụ bắt hổ để giao đấu với voi triều đình. Đôi khi dân Thủy Ba mang đến Huế luôn cả cái bẫy hổ để dâng cho vua cái vinh dự được tự tay giết con hổ sa bẫy! Cuộc săn hổ cuối cùng của người Thủy Ba ở Huế xảy ra dưới thời vua Thành Thái năm thứ XVII, là năm những người săn hổ thành lập một đội săn hổ có tên là Vọng Thành. Đó cũng là năm mà trận đấu hổ ở Hồ Quyền cuối cùng được tổ chức tại Huế”.

Sau này, thì cọp tuyệt chủng, không còn ở khắp các tỉnh Nam Bộ như ngày trước. Các tỉnh miền Trung chỉ còn lác đác vài con ở núi giáp rừng Trường Sơn và Tây Nguyên. Ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi,... ở các khu vực giáp Campuchia, Lào cũng còn rất ít. Trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta 1954-1975, bom đạn của giặc đã xua đuổi hàng nghìn con hổ sinh sống trong các vạt rừng Việt Nam chạy sang những vùng rừng rậm Campuchia, Lào và Malayxia, cho nên số lượng phân bố trong tự nhiên bị giảm sút nghiêm trọng.

Từ những năm 1963, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh về cấm săn bắt chim, thú rừng; Đưa hổ và nhiều loài động vật, thực vật vào danh mục bảo vệ, quy hoạch hệ thống các khu rừng đặc dụng đại diện cho các hệ sinh thái rừng trên cả nước, đổi mới về thể chế, chính sách cũng như huy động nhiều nguồn lực cho bảo tồn thiên nhiên.

Và đặc biệt, những năm gần đây, hệ thống các văn bản pháp luật về động vật hoang dã của Việt Nam bao gồm: Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng (1991, 2004); Luật Lâm nghiệp 2017; Luật Đa dạng sinh

(Xem tiếp trang 14)

5 sự kiện lớn của Tổng hội Xây dựng Việt Nam năm 2021

Có thể nói, năm 2021, dịch bệnh COVID-19 hoành hành đã làm ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống xã hội và làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Tổng hội Xây dựng Việt Nam và các Hội, các Viện thành viên.

Nhiều hoạt động, hội nghị phải hoãn, hạn chế hoặc chuyển sang hình thức trực tuyến. Tuy nhiên, trước những khó khăn ấy, Tổng hội Xây dựng Việt Nam dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch cùng sự đồng lòng, đoàn kết, quyết tâm của tập thể cán bộ, chuyên gia đã để lại nhiều dấu ấn nổi bật đóng góp lớn về chuyên môn, đồng hành và góp phần xây dựng chính sách của Nhà nước, mang lại giá trị to lớn cho xã hội.

Tạp chí Người Xây dựng điểm lại các sự kiện lớn đã được Tổng hội tổ chức:

1. Tổ chức thành công Hội thảo “Thiên tai lũ quét, sạt lở đất ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, nguyên nhân và giải pháp giảm thiểu”

Đây được đánh giá là một trong những Hội thảo chuyên môn lớn nhất trong năm 2021, mang giá trị to lớn cho xã hội được Tổng hội Xây dựng Việt Nam phối hợp với UBND tỉnh Quảng Nam tổ chức vào ngày 16/1/2021, tại TP Hội An.

Hội thảo đã thu hút hơn 150 đại biểu, khách mời là lãnh đạo các ban, ngành, địa phương miền Trung như: Quảng Nam, Kon Tum... cùng các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, thủy lợi, phòng chống thiên tai đến dự và đóng góp ý kiến.

2. Lễ trao Giải thưởng Loa Thành lần thứ 33

Sáng 12/12/2021, tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã phối hợp với Bộ Xây dựng,

Vượt lên những khó khăn, trở ngại của đại dịch COVID-19, Tổng hội Xây dựng Việt Nam vẫn tổ chức được hàng loạt các sự kiện lớn, đóng góp về chuyên môn, mang lại giá trị to lớn cho xã hội.

Hội thảo bàn về các giải pháp giảm thiểu thiệt hại do thiên tai lũ quét, sạt lở đất ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, trong bối cảnh những năm gần đây hàng loạt các vụ sạt lở, mưa lũ gây ra nhiều hậu quả nặng nề.



Toàn cảnh Hội thảo “Thiên tai lũ quét, sạt lở đất ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, nguyên nhân và giải pháp giảm thiểu” diễn ra vào ngày 16/01/2021.

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Kiến Trúc sư Việt Nam tổ chức thành công lễ trao Giải thưởng Loa Thành lần thứ 33.



Lễ trao Giải thưởng Loa Thành lần thứ 33 tại Văn Miếu Quốc Tử Giám

Giải thưởng Loa Thành là giải thưởng được tổ chức thường niên dành cho đề án tốt nghiệp xuất sắc của sinh viên ngành Kiến trúc và Xây dựng trên toàn quốc nhằm động viên, khuyến khích sinh viên học tập và say mê nghiên cứu khoa học. Qua đó phát hiện, tôn vinh các tài năng trẻ, nâng cao chất lượng đào tạo, đội ngũ kỹ sư, kiến trúc sư trẻ cho ngành xây dựng, kiến trúc, quy hoạch, góp phần hun đúc tinh thần sáng tạo trong khoa học của các em sinh viên, thế hệ tương lai của nền khoa học Việt Nam.

Giải thưởng Loa Thành năm 2021, dù chịu tác động lớn của đại dịch COVID-19, các trường gặp khó khăn trong hình thức học tập, chủ yếu là hình thức online nhưng vẫn có 188 đề án gửi đến Ban Tổ chức dự thi với chất lượng rất tốt.

Việc trao giải thưởng cũng phần nào thể hiện tinh thần trách nhiệm trong việc “ươm mầm tương lai” cho nước nhà.

3. Tổ chức thành công Hội thảo “Đô thị công nghiệp gắn với nhà ở công nhân”



TS. Lê Quang Hùng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Phó chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam phát biểu tại hội thảo

Trong bối cảnh dịch COVID-19 bùng phát, công nhân là một trong những lực lượng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất về việc làm, tiền lương, thưởng... Do đó, Hội thảo “Đô thị công nghiệp gắn bó với nhà ở công nhân” do Tổng hội Xây dựng Việt Nam phối hợp cùng Bộ Xây dựng và Liên Hiệp các Hội KHKTT Việt Nam tổ chức càng mang ý nghĩa quan trọng, sâu sắc và giàu tính nhân văn.

Hội thảo được tổ chức ngày 31/12/2021, với sự tham gia của hơn 150 đại biểu ở 46 đầu cầu cả nước. Sự tham gia tích cực, đông đảo của nhiều chuyên gia đã cho thấy tính thời sự và bức thiết của vấn đề này.

Năm 2021 Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã được Bộ Trưởng Bộ Xây dựng ký tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển của Ngành Xây dựng.

Bên cạnh đó, 1 tập thể và 5 cá nhân được nhận bằng khen của Liên hiệp hội; 16 tập thể và 52 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Tổng hội Xây dựng Việt Nam tặng bằng khen.

TS. Đặng Việt Dũng - Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam cho biết: Căn cứ kết quả hội thảo, Tổng Hội sẽ có văn bản gửi tới Chính phủ và các ban ngành đề xuất các vấn đề liên quan để làm sao chia sẻ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi nhất về nhà ở đối với công nhân khu công nghiệp.

4. Hội nghị tổng kết đánh giá công tác 9 tháng năm 2021

Ngày 02/11/2021, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá công tác 9 tháng năm 2021 và triển khai nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2021 của Tổng hội Xây dựng Việt Nam. TSKH Phan Xuân Dũng, Bí thư Đảng, Đoàn, Chủ tịch VUSTA đánh giá rất cao các hoạt động của Tổng Hội Xây dựng và ghi nhận sự phối hợp chặt chẽ nhất giữa hai bên.

Trong năm 2021, Covid-19 hoành hành nên gặp rất nhiều khó khăn nhưng Tổng hội đã rất cố gắng hoàn thành tất cả nhiệm vụ “không có một công việc nào bị gián đoạn mà vẫn hoạt động thường xuyên”.

5. Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Tạp chí Người Xây dựng

Tạp chí Người Xây dựng, Cơ quan ngôn luận của Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm ngày lập (1986-2021) được tổ chức vào ngày 14/12/2021.

Tại buổi lễ, Tổng hội Xây dựng Việt Nam cũng công bố Quyết định bổ nhiệm ông Hoàng Chiến Thắng làm Tổng biên tập Tạp chí Người Xây dựng.



Chủ tịch Đặng Việt Dũng và Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Tổng hội Xây dựng Việt Nam Phạm Thế Minh trao Bằng khen tập thể cho Tạp chí Người Xây dựng.

Phát biểu tại buổi lễ, TS Đặng Việt Dũng nhấn mạnh, chặng đường 35 năm là chặng đường gian khổ nhưng đầy vinh quang của Tạp chí. Tổng hội Xây dựng Việt Nam đánh giá cao những cống hiến của Tạp chí trong công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, các thành tựu khoa học xây dựng, các hoạt động thường xuyên của Tổng hội. Hoạt động của Tạp chí đã góp phần nâng cao vị thế của Tổng hội trong lĩnh vực tư vấn phản biện, nghiên cứu khoa học, tạo ra sức lan tỏa trong tập hợp đội ngũ, góp phần làm phong phú thêm hoạt động trong lĩnh vực truyền thông của Tổng hội. □

Nhất Nam

Chùa vào tết khắp các vùng miền đất nước ta

Kim Thi

Chúng ta đều biết rằng chùa là công trình dùng làm nơi thờ Phật, nơi cầu kinh lễ Phật của tín đồ một làng hay một vùng. Chùa được xây dựng ở nơi có cảnh quan đẹp, có không khí tĩnh lặng. Bố cục kiến trúc thường bao gồm: tiền đường, thiên hương và thượng điện. Chung quanh bộ phận chính này còn có thể có tam quan ở phía trước, các hành lang ở hai bên và nhà Tổ ở phía sau. Việt Nam ta có rất nhiều chùa tại khắp các vùng miền khác nhau của Tổ Quốc, ngày rằm, mùng một hàng tháng không chùa nào là thừa vắng bóng người đi cầu Trời khấn Phật, khói hương nghi ngút. Đặc biệt là trong những dịp Lễ, Tết...



CHÙA BÚT THÁP ở làng Bút Tháp, xã Đình Tổ huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, được khởi công từ thời Trần Thánh Tông. Khoảng các năm 1646-1647 được trùng tu và còn lại đến ngày nay. Là quần thể kiến trúc Phật giáo hoàn chỉnh, bố cục đối xứng trên một trục dọc dài trên 100m. Từ ngoài vào gồm: tam quan, gác chuông, tiền đường, thiêu hương, thượng điện, tích thiên am, nhà trong, phủ thờ và hậu đường. Ngoài ra, bên phải chùa

là Tháp Bảo Nghiêm (hay Tháp Bút), 5 tầng, cao trên 13m, bằng đá xanh, là một tháp đá đẹp và quý hiếm còn lại ở Việt Nam. Nhiều tác phẩm điêu khắc gỗ và đá có giá trị nghệ thuật cao được ghi nhận tại chùa này.

CHÙA DÂU ở làng Liên Lâu (nay là làng Dâu), xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Được xây dựng từ thế kỷ thứ II, là trung tâm Phật giáo sớm nhất ở Việt Nam. Chùa ngày nay là kiến trúc đã tu sửa thời Hậu Lê (thế kỷ thứ XVII-XVIII). Chùa chính bố cục nội công



ngoại quốc trong khuôn viên hình chữ nhật 30 x 74m, bao gồm: tiền đường, tháp Hòa Phong, tả trường lang, hữu trường lang, đại bái đường, Phật điện, cung cấm, hậu đường, Thạch Quang Am. Bên trái chùa là công trình phụ trợ, chiếm diện tích 45x45m. Chùa còn có tháp Hòa Phong bằng gạch 9 tầng, nay

còn lại 3 tầng, được trùng tu năm 1738.

CHÙA KEO ở xã Vũ Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Được dựng từ thời Lý Thánh Tông (1028-1054) ở ven sông Hồng; sau để tránh lũ lụt nên đã di chuyển vào chỗ hiện nay



(vào thời Hậu Lê), đồng thời trùng tu và mở rộng. Chùa thờ Phật và thờ Lý Quốc Sư. Chùa nằm trên khu đất rộng gần 6 hecta với bố cục kiến trúc theo nhiều lớp. Tổng thể công trình bao gồm cột cờ, sân lát đá, tam quan ngoại, ao trước chùa, tam quan nội, sân đất, chùa Hộ (có tượng Hộ Pháp), chùa Phật, thiêu hương, phước quốc, thượng điện, gác chuông và kết thúc là nhà tổ. Hai bên còn có dãy hành lang khoảng 70 gian, phía ngoài hành lang là hai ao rộng hình chữ nhật. Toàn bộ các công trình kiến trúc đều bằng gỗ lim, chạm khắc tinh vi đẹp đẽ. Tiêu biểu là gác chuông bằng gỗ cao 11,60m, có mặt bằng hình vuông 10x10m trên nền cao 0,5m, chia thành ba tầng.

CHÙA MÍA Tên chữ là Sùng Nghiêm tự, chùa ở xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Xây dựng từ trước thế kỷ XVII, quy mô nhỏ.



Năm 1632, vợ chúa Trịnh Tráng (tục gọi là bà Chúa Mía) đứng ra xây dựng lại. Chùa có 287 pho tượng lớn nhỏ, trong đó một nửa tạc bằng gỗ, một nửa làm bằng đất luyện, sơn son thếp vàng. Hai pho tượng: Quan Âm tổng tử và Tuyết Sơn là những kiệt tác nghệ thuật. Chùa còn giữ lại nhiều cổ vật như chuông lớn đúc năm 1743, khánh đồng đúc năm 1846 và bia Bà Chúa Mía dựng năm 1632.

(Xem tiếp trang 21)

MỘT NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM: Dấu ấn từ sự thích ứng linh hoạt

Năm 2021 những tưởng rất khó khăn với hoạt động của các tổ chức xã hội nghề nghiệp nhưng với sự đổi mới tư duy, thích ứng linh hoạt, Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã có một năm đáng nhớ với nhiều hoạt động hiệu quả. TS. Đặng Việt Dũng - Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam chia sẻ với phóng viên (PV) Tạp chí Người Xây dựng trước thềm năm mới 2022.



TS. Đặng Việt Dũng cho rằng thích ứng linh hoạt chính là phương châm làm nên thành công của Tổng hội Xây dựng trong năm vừa qua.

PV: Thưa ông, ông có thể chia sẻ với bạn đọc những thành tích của Tổng hội Xây dựng Việt Nam trong năm vừa qua?

TS. Đặng Việt Dũng: Năm 2021 là năm cả nước nói chung, ngành xây dựng nói riêng, trong đó có các Hội nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng gặp muôn vàn khó khăn bởi đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, với sự nhiệt tình, tâm huyết của đội ngũ trí thức, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đoàn Chủ tịch, cùng với sự quan tâm phối hợp của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Bộ Xây dựng, Tổng hội cơ bản hoàn thành chương trình công tác năm 2021 theo kế hoạch đã đề ra, có nhiều bước tiến bộ với 10 dấu ấn quan trọng:

1. Chủ động phối hợp, hợp tác: Đây là năm đầu tiên Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã chủ động đề xuất và ký kết văn bản hợp tác với: Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hiệp hội Nhà thầu Xây dựng Việt Nam, Hội Quy hoạch và Phát triển Đô thị Việt Nam, Hội Cấp Thoát nước Việt Nam, Hiệp hội Bất Động sản Việt Nam và cùng các Hội bạn phối hợp tổ chức đào tạo, hội thảo và có nhiều kiến nghị đến các cơ quan các cấp thẩm quyền đề xuất giải quyết các khó khăn cho doanh nghiệp như giá thép, giá hạn chứng chỉ hành nghề... Bên cạnh đó Tổng hội cũng chủ động làm việc với các Cục, Vụ và một số đơn vị thuộc Bộ Xây dựng để phối hợp chặt chẽ trong công tác.

2. Tổ chức thành công các hội thảo lớn quốc gia: Một trong các điểm nhấn trong năm 2021 là Tổng hội tổ chức thành công 02 cuộc hội thảo quốc gia gồm hội thảo “Thiên tai lũ quét, sạt lở đất ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, nguyên nhân và giải pháp giảm thiểu” phối hợp cùng với UBND tỉnh Quảng Nam tổ chức tại Hội An vào ngày 16.1.2021 và hội thảo “Đô thị công nghiệp gắn với nhà ở công nhân” phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Bộ Xây dựng tổ chức vào ngày 31.12.2021 tại Thủ đô Hà Nội. Các cuộc hội thảo đều được tổ chức rất thành công, với sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, chuyên gia trong và ngoài nước. Được sự quan tâm rất lớn từ dư luận xã hội và giới truyền thông. Kết quả của hội thảo được đánh giá cao.

3. Đại hội nhiệm kỳ và hoàn thiện thông tin tổ chức: Tiến hành rà soát, cập nhật lại quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự và đã cập nhật được thông tin của 13/13 hội chuyên ngành, 50/57 hội viên tập thể và 41/45 hội địa phương và 3/12 tổ chức trực thuộc. Năm 2021, đã có 4 Hội chuyên ngành thuộc Tổng hội tổ chức Đại

hội nhiệm kỳ, Tổng hội kết nạp được 01 hội viên tập thể, bổ nhiệm 03 đồng chí phụ trách các ban KHCN, ban Kinh tế của Tổng hội và Tổng biên tập Tạp chí Người Xây dựng, bầu bổ sung 03 đồng chí vào Đoàn Chủ tịch. Kiện toàn tổ chức Tạp chí Người Xây dựng.

4. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tư vấn phản biện, giám định xã hội: Với nỗ lực của các cơ quan chuyên môn, Tổng hội đã xây dựng được ngân hàng chuyên gia gồm 100 vị đến từ các Hội thành viên của Tổng hội. Việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn phản biện được tiến hành thường xuyên và theo phương thức thảo luận tập thể nên chất lượng công tác phản biện nâng lên rõ rệt. Năm 2021, Tổng hội đã tham gia phản biện nhiều quy hoạch ngành, đóng góp các ý kiến chuyên môn cho việc sửa đổi bổ sung nhiều dự Luật, Nghị định.

5. Bảo vệ thành công nhiều nhiệm vụ khoa học: Do có nghiên cứu kỹ lưỡng và đề xuất các vấn đề thời sự, các nhà khoa học là thành viên của Tổng hội đã bảo vệ thành công nhiều nhiệm vụ khoa học năm 2022 cấp Liên hiệp Hội (3 nhiệm vụ), cấp Bộ Xây dựng (2 nhiệm vụ) và ở nhiều địa phương (3 nhiệm vụ).

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông: Hệ thống báo chí thuộc Tổng hội vẫn duy trì đều đặn các số báo phát hành. Tuân thủ nội dung hoạt động đã được cấp phép, khai thác tối đa tuyến bài ở từng lĩnh vực chuyên môn cho cộng đồng bạn đọc riêng của mỗi báo, đồng thời bám sát, phát hiện các vấn đề nóng, thời sự phục vụ và định hướng dư luận xã hội. Các đơn vị truyền thông hợp tác, sử dụng bài, tin của nhau để truyền thông kịp thời các sự kiện và hoạt động của Tổng hội Xây dựng Việt Nam.

7. Tổ chức thành công Giải thưởng Loa thành: Mặc dầu bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, không thể tập trung chấm giải, hạn chế tập trung khi trao giải, nhưng với uy tín của Giải thưởng, năm nay vẫn có rất nhiều trường, nhiều sinh viên tham gia dự thi. Kết quả, năm nay Ban tổ chức đã trao 64 giải thưởng, trong đó có 5 giải nhất.

8. Duy trì và thay đổi phương thức hợp tác quốc tế: Tổng hội và các Hội chuyên ngành tiếp tục duy trì hợp tác với các tổ chức quốc tế thông qua các hội thảo trực tuyến, trao đổi thông tin.

9. Hoạt động của nhiều Hội chuyên ngành, Hội địa phương, đơn vị trực thuộc Tổng hội sôi nổi: Hoạt động của các Hội chuyên ngành tập trung vào công tác tư vấn phản biện xã hội, tổ chức hội nghị hội thảo khoa học, triển khai các đề tài nghiên cứu về các vấn đề môi trường, hạ tầng, chất lượng công trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn..., tham gia viết bài cho các tạp chí chuyên ngành, các báo cáo chuyên đề, tham gia giảng dạy và làm cộng tác viên các đề tài NCKH. Hoạt động của các Hội địa phương tham gia tư vấn phản biện các văn bản quản lý, các quy hoạch phát triển và các dự án đầu tư của địa phương. Các đơn vị trực thuộc Tổng hội tích cực tham gia các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

10. Tạo ra số dư trong nguồn tài chính Tổng hội: Năm 2021, với nỗ lực thu hồi nợ và tiết kiệm chi tiêu, nguồn tài chính tài văn phòng Tổng hội đã có số dư, tạo ra một phần ổn định duy trì hoạt động của khối văn phòng Tổng hội.

PV: Tình hình dịch Covid-19 dự



Cuối năm 2021, Tổng hội Xây dựng Việt Nam kết nạp hội viên mới là Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia (Bộ Xây dựng).

báo sẽ còn rất phức tạp nhưng thế giới đang từng bước thích nghi. Năm 2022, Tổng hội Xây dựng Việt Nam sẽ có kế hoạch hoạt động như thế nào để thích nghi với tình hình?

TS. Đặng Việt Dũng: Năm 2022, được xác định là năm chúng ta vẫn còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ dịch bệnh. Mặc dầu virus không ngừng có chủng mới, tuy nhiên điều kiện và hoàn cảnh của chúng ta hôm nay đã khác. Chúng ta đã chuyển từ chiến lược “xử lý triệt để” sang “thích ứng linh hoạt” đối với dịch bệnh, người dân cũng đã được tiêm vaccine trong một kế hoạch thần tốc, chúng ta cũng đã có nhiều kinh nghiệm đối phó. Đối với Tổng hội Xây dựng Việt Nam, năm 2022 là năm có nhiều sự kiện đặc biệt, sự kiện Đại hội nhiệm kỳ IX (2022-2027), sự kiện Lễ kỷ niệm 40 năm ngày Thành lập Tổng hội Xây dựng Việt Nam (1982-2022) và hàng loạt các sự kiện bên lề khác. Tại Hội nghị Ban chấp hành lần thứ V khóa VIII vừa tổ chức theo hình thức trực tiếp và trực tuyến đã thống nhất thông qua Nghị quyết nhiệm vụ năm 2022 với 12 nhiệm vụ trọng tâm.

Trong điều kiện ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiệm vụ sắp tới là rất nặng nề, đòi hỏi chúng tôi phải thay đổi phương thức tổ chức thực hiện, vừa đảm bảo chất lượng vừa đảm bảo được tiến độ của công việc đã đề ra. Trước hết là mỗi người cần có ý thức và chủ động phòng ngừa, chấp hành nghiêm các quy định của Bộ Y tế. Đồng thời chủ động thay đổi

cách thức tổ chức công việc đảm bảo sự tham gia của các thành viên và tổ chức, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào hoạt động.

PV: Năm 2021 là năm khó khăn khi cả thế giới phải đối mặt với Đại dịch COVID-19, điều đó ảnh hưởng như thế nào đến ngành xây dựng nói chung cũng như hoạt động của Tổng hội Xây dựng Việt Nam nói riêng, thưa ông?

TS. Đặng Việt Dũng: Từ hơn 2 năm nay, đại dịch Covid-19 đã gây tổn hại nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế và mọi mặt của đời sống xã hội trên cả nước ta, trong đó có ngành Xây dựng. Nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ, sự điều hành kịp thời của lãnh đạo Bộ Xây dựng cùng sự nỗ lực của toàn ngành, năm 2021, ngành Xây dựng đã đạt được kết quả khá tích cực.

Kể từ khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, kinh tế Việt Nam đã có bước chuyển biến tích cực từ quý IV/2021, trong đó Ngành Xây dựng đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, tuy vậy vì khó khăn do dịch bệnh gây ra nên có một số chỉ tiêu không đạt.

Cụ thể, giá trị gia tăng Ngành Xây dựng quý IV/2021 tăng 33% so với quý III/2021, trong đó, hoạt động xây dựng chuyên dụng ước tăng 51%, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng ước tăng 39%, xây dựng

nhà ở các loại ước tăng 25%. Mặc dù có sự tăng trưởng khá trong quý IV/2021 nhưng các tháng đầu năm bị ảnh hưởng do dịch bệnh nên nhìn chung giá trị tăng thêm ngành Xây dựng năm 2021 ước thực hiện vẫn tương đương so với năm 2020.

Giá trị tăng thêm của ngành Xây dựng dự kiến tăng 0,2 - 0,5% so với cùng kỳ năm 2020. Chỉ số giá xây dựng tăng 4,34% so với cùng kỳ năm 2020. Chỉ số giá giao dịch một số loại bất động sản so với cùng năm trước tăng khoảng 3,1%. Diện tích nhà ở bình quân cả nước ước đạt 25m²/người.

Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc năm 2021 ước đạt 40,5%. Tỷ lệ dân cư khu vực thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung ước đạt 92% (tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020).

Năm 2022, ngành xây dựng sẽ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm: Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế, phát triển và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; Đẩy mạnh công tác các quản lý đầu tư xây dựng, giám sát

chất lượng công trình, quản lý quy hoạch, kiến trúc, quản lý phát triển đô thị, quản lý hạ tầng kỹ thuật, phát triển nhà ở và thị trường bất động sản, quản lý vật liệu xây dựng; Chú trọng công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, công tác tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước của Ngành Xây dựng.

Đối với Tổng hội Xây dựng Việt Nam, dịch bệnh đã làm đình trệ nhiều công việc. Nhiều chương trình công tác đã lên kế hoạch mà không thực hiện được. Một số Hội thành viên không tổ chức được Đại hội mặc dù nhiệm kỳ đã hết. Hoạt động phối hợp công tác giữa các Hội thành viên cũng gặp nhiều khó khăn.

PV: Thưa ông, Tổng hội Xây dựng Việt Nam với phạm vi hoạt động chuyên môn rộng rãi, thuận lợi cho công tác phát triển hội viên. Tổng hội có kế hoạch như thế nào trong việc phát triển hội viên và chia sẻ thông tin nhiều hơn với truyền thông, với công chúng?

TS. Đặng Việt Dũng: Quan điểm của chúng tôi là đảm bảo chất lượng. Vì thế cần phải củng cố và tăng cường hiệu quả, hiệu lực của những tổ chức, những đơn vị đã có, nhất là đối với các Hội xây dựng địa phương. Chỉ phát triển những đơn vị mới khi có đầy đủ điều kiện.

Công tác tư vấn, phản biện là hoạt động thường xuyên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam, tuy nhiên, có vẻ như công tác này chưa được chia sẻ thông tin ra với công chúng và báo chí. Sắp tới, chúng tôi dự định sẽ đầu tư phát triển hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền của Tổng hội.

Tổng hội hiện có Cổng thông tin điện tử, Tạp chí Người Xây dựng, cùng với nhiều Tạp chí thuộc các Hội, Viện thành viên... thời gian tới sẽ được quan tâm đầu tư để liên kết, tạo ra hệ thống tuyên truyền mạnh mẽ các thông tin ra công chúng.

PV: Xin cảm ơn ông đã tham gia buổi phỏng vấn. Chúc ông và gia đình một năm mới nhiều sức khỏe, hạnh phúc! Chúc Tổng hội Xây dựng Việt Nam ngày càng phát triển vững mạnh!

Thành Huyền

Chúa Sơn Lâm

(Tiếp theo trang 8)

học 2008. Đáng chú ý là Bộ Luật Hình sự năm 1999, lần đầu tiên có 1 điều quy định về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Điều 190); Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) cũng bổ sung thêm quy định về động vật hoang dã, theo đó, khung hình phạt cũng như mức hình phạt hình sự cũng được tăng lên.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Theo kết quả điều tra của Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật năm 2011, số lượng hổ hoang dã của Việt Nam ước tính còn khoảng từ 27-47 cá thể tại các khu vực: Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé, Vườn Quốc gia Pù Mát, Vũ Quang, Chư Mom Ray và Yok Đôn.

Tuy nhiên đến năm 2015, theo thông kê của IUCN, tại Việt Nam số lượng hổ ngoài tự nhiên chỉ còn dưới 5 cá thể.

Năm 2022 - Năm Dàn (Hổ), để bảo tồn loài hổ, chúng ta cần nỗ lực bảo vệ và khôi phục các sinh cảnh và hệ thú môi của hổ, chấm dứt việc nuôi nhốt hổ không vì mục đích bảo tồn và giảm nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của hổ; Quán triệt thực hiện tốt kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI (Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 3/6/2013) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường"; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về "Một số giải

pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã"; tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ; Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW, ngày 19/7/2021 về "Tăng cường công tác tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm".

Nếu chúng ta thực hiện tốt một số giải pháp cấp bách, thì trong tương lai không xa, loài "Chúa sơn lâm" sẽ xuất hiện trở lại như một thời và hổ sẽ "vàng bên bờ suối khi đêm về!".

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Nguyễn, *Cop Khánh Hòa*, theo cuốn hồi ký Toàn quyền Paul Doumer.
2. Trịnh Hòa Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập hạ, Nguyễn Tạo dịch, Nha Văn hóa, Sài Gòn, trang 21.
3. Phan Đình Dũng, *Tân mạn về chuyện cọp ở Biên Hòa-Đồng Nai*. Trong Văn hóa Đồng Nai (Sơ thảo), Nxb Đồng Nai, 2005, tr.128-132.
4. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, với đề tài "L. Cadière với tạp chí Đô Thành Hiếu Cổ".



TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

*Chúc mừng
Tạp chí*

NGƯỜI XÂY DỰNG

35 năm

XÂY DỰNG & TRƯỞNG THÀNH

1986 - 2021



MỘT CHẶNG ĐƯỜNG VINH QUANG 35 NĂM TẠP CHÍ NGƯỜI XÂY DỰNG (12/1986-12/2021)



PTBT Nguyễn Xuân Hải đọc bài diễn văn kỷ niệm 35 năm thành lập Tạp chí Người Xây dựng



Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam Đặng Việt Dũng trao quyết định bổ nhiệm chức vụ TBT Tạp chí Người Xây dựng cho ông Hoàng Chiến Thắng.

Tháng 12 năm nay, năm 2021, Tạp chí Người Xây dựng cơ quan ngôn luận của Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã vừa tròn 35 năm trong làng báo chí cách mạng Việt Nam, đã có vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba năm 2007 nhân dịp kỷ niệm 20 năm Tạp chí ra số đầu tiên. Tạp chí cũng đã nhận được nhiều bằng khen: bằng khen của Ban Tuyên giáo Trung ương, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Tổng hội XĐVN... nhiều cá nhân công tác tại tạp chí cũng đã nhận được nhiều bằng khen và các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước.

Tiền thân là tờ Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Xây dựng của Hội Khoa học Kỹ thuật Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng hội XĐVN) đã ra mắt bạn đọc số đầu vào tháng 12/1986 theo Giấy phép Xuất bản số 182 của Cục Xuất bản - Báo chí Bộ Văn Hóa - Thông tin với chức năng nhiệm vụ:

- Phổ biến đường lối cách mạng khoa học - kỹ thuật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng;
- Công bố kết quả những công trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong ngành;
- Trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu những thành tựu khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước.

Tạp chí được xuất bản 2 tháng 1 số. Đối tượng phục vụ là các hội viên của Hội, cán bộ khoa học kỹ thuật trong các cơ quan quản lý, nghiên cứu, thiết kế, thi công, cán bộ giảng dạy đại học, trung học và các lĩnh vực xây dựng trong cả nước.

Sau 5 năm hoạt động, Tạp chí được đổi tên mới là "Người Xây dựng" theo giấy phép số 1645 ngày

21/9/1991 của Bộ Văn hóa Thông tin. Để mở rộng diện phục vụ bạn đọc nhằm phổ cập kiến thức xây dựng phổ thông cho nhân dân, phổ biến thông tin khoa học - kỹ thuật, thông tin kinh tế xây dựng, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp, thực hiện chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Hội trong lĩnh vực xây dựng nhằm phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới.

Đến cuối năm 1999 ra chẵn 100 số. Trong giai đoạn đầu của Tạp chí từ năm 1986 đến 1999 đã trải qua 2 đời Tổng biên tập. TBT đầu tiên là KS. Đỗ Văn Bát, lúc đó ông là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước, Phó Chủ tịch Hội KHKT Xây dựng VN làm Tổng biên tập từ 1986-1993, xuất bản được 23 số Tạp chí. Kế đến là Tổng biên tập GS.TS Vũ Trọng Hồng, lúc đó ông là Thứ trưởng Bộ Thủy lợi, Phó chủ tịch Hội KHKT Xây dựng VN làm TBT từ 1993-1999 ra được 77 số. Những người thực chất làm việc để ra được 100 số Tạp chí này, giúp TBT không thể không kể đến Phó Tổng Biên tập TS. Huỳnh Công Miêng, Phó Tổng biên tập KS. Vũ Gia Quỳnh, Ủy viên thường trực Hội đồng biên tập KS. Nguyễn Huy Côn.

Có một điều đáng tiếc là sau khi ra được 100 số thì toàn bộ cán bộ toà soạn rút khỏi Tạp chí và chuyển sang Tạp chí Nhà thầu và Thị trường Xây dựng của Hiệp hội nhà thầu.

Đầu năm 2000, lãnh đạo Hội đã bổ nhiệm KTS.Vũ Quốc Chinh nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Xây dựng - Bộ Xây dựng, vừa nghỉ hưu làm Tổng Biên tập. Cơ quan Tạp chí lúc đó trống rỗng, không có cán bộ nhân viên, quỹ bản thảo không có, tiền trong quỹ không còn. Lãnh đạo Hội rất lo lắng và cho phép Tạp chí có thể tạm đình



Chủ tịch Đặng Việt Dũng và Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Phạm Thế Minh trao tặng bằng khen cho Tạp chí Người Xây dựng.



Tạp chí Người Xây dựng ký kết nhiều hợp tác với các đối tác chiến lược trong giai đoạn mới.

bản một vài số để kiện toàn tổ chức bộ máy. Nhưng với quyết tâm không để Tạp chí phải đình bản, lãnh đạo Tạp chí đã nhanh chóng kiện toàn Ban biên tập, văn phòng tòa soạn. Có thể nói, trong những tháng đầu tiên tái lập là những tháng ngày đầy khó khăn, lãnh đạo tạp chí cùng Ban biên tập đã đồng thuận tự nguyện không nhận lương, riêng các khoản chi phí như: tiền in ấn, đã làm việc với nhà in thực hiện gói đầu từng số, chi phí văn phòng và lương cho CBNV tạm vay để trang trải. Vượt qua những khó khăn chông chát ban đầu ấy, phải kể đến công lao của KTS. Vũ Quốc Chinh Tổng Biên tập, ông đã mất vào ngày 11 tháng 4 năm 2021 và kế đến là KTS. Nguyễn Thanh Nguyên đã mất, KTS. Nguyễn Kim Chi đã mất, TS. Nguyễn Đăng Sơn cũng đã mất, nay còn KS. Nguyễn Xuân Hải.

Sau khi TBT Vũ Quốc Chinh kiện toàn được tổ chức, tạp chí đã thu hút đông đảo các cộng tác viên rất nhiệt tình gồm các chuyên gia, giáo sư, tiến sĩ, kỹ sư, KTS và các nhà quản lý có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực của ngành xây dựng tham gia viết bài cập nhật phản ánh những vấn đề bức xúc có tính thời sự đang được xã hội quan tâm về xây dựng và lĩnh vực học thuật mang tính nghiên cứu, dự báo, ứng dụng, tổng kết lý luận và thực tiễn phù hợp với các đối tượng bạn đọc Người Xây dựng. Để sát thực hơn trong lĩnh vực xây dựng đặc biệt trong quá trình phát triển Tạp chí đã mở thêm nhiều chuyên mục như:

- Vấn đề quan tâm;
- Đổi mới quản lý;
- Hạ tầng kỹ thuật, năng lượng và môi trường;
- Quy hoạch, kiến trúc, đô thị và xã hội;
- Diễn đàn khoa học - công nghệ;
- Nhìn ra nước ngoài;
- Doanh nghiệp và Thị trường;
- Pháp luật và đời sống;
- Trang văn hóa xây dựng giới thiệu các mẫu truyện ngắn, các bài thơ vui, châm biếm liên quan đến ngành xây dựng;
- Trang Thông tin hoạt động của Tổng hội Xây dựng, của các hội chuyên ngành và các hoạt động của Hội xây dựng tỉnh, thành phố.

Ngoài những bài thuộc chuyên mục trên, Tạp chí

thường xuyên có những bài viết về các sự kiện chính trị xã hội của đất nước như kỷ niệm ngày thành lập Đảng, Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh, Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Quốc tế phụ nữ, Ngày Báo chí Cách mạng, Ngày Thương binh Liệt sỹ, Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam... Đặc biệt là các bài về học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh.

Tháng 4/2007, Lãnh đạo Tổng hội và Ban biên tập Tạp chí đã quyết định ra số tăng kỳ tại miền Trung và Tây Nguyên với tên gọi là Đô thị & Phát triển giao cho nhà báo Nguyễn Cửu Loan chủ trì. Đô thị và phát triển là đại diện tiếng nói chung của các Hội nghề nghiệp Quy hoạch - Kiến trúc - Xây dựng tại thành phố Đà Nẵng. Kể từ số đầu tiên đến nay Đô thị & Phát triển đã xuất bản được 152.000 bản và 32.000 bản tin Đô thị 24/7 được phát hành rộng rãi trên toàn quốc. Ngoài ra, Đô thị & Phát triển đã năng động, sáng tạo, chủ trì nhiều hoạt động xã hội và từ thiện ở địa phương và đã nhận được nhiều bằng khen từ Trung ương đến địa phương.

Từ mấy năm nay do tình hình kinh tế xã hội có nhiều khó khăn, nguồn thu của Tạp chí giảm mạnh, để cân đối thu chi, Tạp chí phải gộp 2 số thành 01 kỳ xuất bản nhưng nội dung bài vẫn không thay đổi. Lãnh đạo và ban biên tập tự nguyện nhận phụ cấp tối thiểu hàng tháng. Các bài viết của lãnh đạo Tổng hội trên Tạp chí tự nguyện không nhận nhuận bút... nhờ vậy Tạp chí vẫn duy trì xuất bản đều đặn.

Tính đến cuối năm 2021, đúng vào dịp kỷ niệm 35 năm ngày ra mắt bạn đọc, Tạp chí xuất bản được 362 số với khoảng trên 13 nghìn trang in và vài nghìn bài báo đề cập đến hầu hết các vấn đề thuộc lĩnh vực xây dựng, cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp trong nước cũng như nước ngoài và góp phần thực hiện vai trò tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Tổng hội Xây dựng Việt Nam về những vấn đề bức xúc và những vấn đề lớn của xã hội như: Chống thất thoát lãng phí trong xây dựng, quy hoạch mở rộng thủ đô Hà Nội, đường sắt cao tốc Bắc - Nam, thủy điện Sơn La, Nhà Quốc hội, sân bay Long Thành... được Quốc hội hoan nghênh và bạn đọc đồng tình; xứng đáng là diễn đàn tin cậy của những người làm công tác



Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập cũng là dịp quy tụ và gặp gỡ các thế hệ người làm báo ở Tạp chí Người Xây dựng

xây dựng. Vào năm 2017, Tạp chí Người Xây dựng thiết lập Trang thông tin điện tử tổng hợp cho chạy thử nghiệm một số năm. Trang này được thiết kế lại với công năng và giao diện hoàn chỉnh hơn đến ngày 8/7/2020 chính thức được Cục Phát thanh Truyền hình và Thông tin điện tử - Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép hoạt động.

Ngoài nhiệm vụ chính, Tạp chí còn giúp lãnh đạo Tổng hội tập hợp tư liệu, biên tập xuất bản sách, kỷ yếu của cuộc hội thảo. Trong đó có cuốn “Những công trình xây dựng chất lượng tiêu biểu thập kỷ 90”, các kỷ yếu kỷ niệm 20 năm, 25 năm, 30 năm ngày thành lập Tổng hội Xây dựng. Đặc biệt nhân kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng hội XĐVN và 50 năm ngày truyền thống ngành xây dựng, lãnh đạo Tổng hội đã giao cho Tạp chí triển khai thực hiện tập sách “Các nhà Khoa học và Kỹ thuật Xây dựng Việt Nam Thế kỷ XX” tôn vinh và ghi nhận đóng góp của hơn 500 nhà khoa học, kỹ thuật và quản lý xây dựng trong cả nước.

Trải qua 35 năm xây dựng và phát triển, Tạp chí đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức nhờ sự tin yêu, mến mộ của bạn đọc và lãnh đạo các cấp; Sự làm việc tận tụy, vô tư chấp nhận khó khăn, vất vả của cán bộ, phóng viên, biên tập viên và nhân viên chăm lo cho Tạp chí; Sự ủng hộ vô tư của các doanh nghiệp đã giúp Tạp chí đứng vững và phát triển; Đặc biệt là sự đóng góp nhiệt thành của nhiều tác giả và cộng tác viên đã chắp cánh tuổi cao vẫn thường xuyên viết bài mặc dù tiền nhuận bút không tương xứng với công sức bỏ ra. Tiêu biểu như GS.TSKH Nguyễn Thúc Tuyên, PGS.TS Nguyễn Bá Kế, PGS.TS. Phạm Văn Chuyên, TS Nguyễn Bảo Huân các kỹ sư Nguyễn Hiên, Nguyễn Lý Tĩnh, Nguyễn Xuân Hải, Nguyễn Huy Côn, Đỗ Thụy Đăng, các KTS Vũ Trường Hạo, Trần Công Thanh, và các vị đã khuất gồm: các cố KTS. Ngô Huy Giao, Nguyễn Thanh Nguyên, Trần Đình Hạ, Lê Vũ Phàm, các cố kỹ sư Nguyễn Đăng Sơn, Lê Anh Ba, TS. Nguyễn Đăng Sơn nổi bật là cố TS. Phạm Sỹ Liêm số nào cũng có bài.

Về mặt tài chính, để Tạp chí có được kinh phí hoạt động không thể không kể đến sự đóng góp của nhiều cán bộ chủ chốt, trong đó có bà Phùng Thị Mai Hoa, Trưởng Ban Bạn đọc; bà Nguyễn Thị Thanh Tâm, ông Ngô Văn Phước trợ lý TBT và của các Phó Tổng Biên tập Nguyễn Quốc Trị, Phó Tổng Biên tập Phạm Thị Vĩnh Hà, Phó Tổng Biên tập Trần Cường và sự đóng góp rất nhiệt tình của các bạn trẻ như: anh Thành Ngọc Dũng, chị Bùi Thị Thùy Liên... Ngoài ra, lãnh đạo Tổng hội cũng rất quan tâm, trực tiếp kêu gọi các đơn vị hỗ trợ tài chính cho Tạp chí hoạt động như cố TS. Phạm Sỹ Liêm, KS Phạm Thế Minh là những Phó Chủ tịch Tổng hội phụ trách báo chí. Và đặc biệt hiện nay được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Tổng hội

TS. Đặng Việt Dũng.

Con thuyền “Người Xây dựng” duy trì và phát triển được cho đến nay, không thể không nói tới vai trò chèo lái của KTS. Vũ Quốc Chinh, cố Tổng biên tập cùng sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên, của anh chị em trong Toà soạn và sự hỗ trợ đồng hành của các doanh nghiệp, các Viện Nghiên cứu, các trường đào tạo... đặc biệt là sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tổng Hội XĐVN.

Trải qua 35 năm hình thành và phát triển, dù có nhiều khó khăn song Tạp chí vẫn luôn kiên trì bám sát tôn chỉ mục đích, không đi chệch hướng. Tạp chí đã ra đều đặn không bị ngắt quãng số nào và đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước. Thực sự đây là niềm tự hào của toàn thể CBNV công tác tại Tạp chí.

Nay Tạp chí Người Xây dựng đã có tân TBT, đồng chí Hoàng Chiến Thắng, toàn thể CBNV Tạp chí tin tưởng tân TBT sẽ phát huy được truyền thống của Tạp chí, với tuổi trẻ năng động sáng tạo sẽ phát triển Tạp chí ở một tầm cao hơn, bắt kịp với nhịp sống của thời đại của cuộc cách mạng 4.0.

Trong tình hình cả thế giới xảy ra đại dịch Covid-19 đã 2 năm, khó khăn chồng chất khó khăn, Tạp chí Người Xây dựng cũng không nằm ngoài hoàn cảnh chung như vậy, nhưng lực lượng phóng viên, biên tập viên, CBNV của tạp chí vẫn quyết tâm vượt qua khó khăn dù biết con đường phía trước vẫn còn nhiều chông gai trắc trở. Sự thành công của Tạp chí gắn liền với sự chỉ đạo, quản lý, hỗ trợ trực tiếp của Đoàn Chủ tịch Tổng hội.

Nhân dịp này, Tạp chí Người Xây dựng xin bày tỏ lòng biết ơn về sự giúp đỡ vô tư, nhiệt tình của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân và cộng tác viên... suốt 35 năm qua. Tạp chí Người Xây dựng nguyện đem hết sức lực phấn đấu để luôn xứng đáng là người bạn đường tin cậy của những người làm xây dựng và bạn đọc xa gần yêu mến Tạp chí. □

Người Xây dựng



Nhà thơ Nguyễn Quang Huệ

Hội viên Hội Nhà văn Hà Nội - Chủ tịch Diễn đàn Văn thơ XD

Xuân đã vào nhà

(Thơ văn xuôi tự do)

Xuân đã về

*Xuân đã về nắng ấm cũng về theo
Rét phương Nam dịu dần từ cuối ngõ
Đào nở hoa khoe màu hồng rực rỡ
Chậu mai vàng lấp ló ngó trời xanh.*

*Đi du xuân cùng trai gái yến oanh
Cúc họa mi thu mình trong kẽ lá
Cành xoan tím tựa mầm ngoài ô cửa
Đón xuân về cho đôi lứa gặp nhau.*

*Đàn em thơ nô nức buổi xuân đầu
Đón giao thừa bằng pháo hoa tím đỏ
Làn gió xuân đang la cà trước ngõ
Cho bướm vàng bay lượn khắp làng quê.*

*Chim én bay chao liệng kéo xuân về
Cho thành thị, nông thôn thêm đổi mới
Năm mới tới giục toàn dân tiến tới
Đất nước mình với vợ bước vào xuân...*

Sáng nay xuân đã vào nhà mang theo lộc biếc
Cùng với xuân có Tổ Tiên trở về đón Tết
Mang những hạt mưa li ti làm ướt cánh hoa đào
Thúc hoa nở, cành tươi và mùa no ấm
Đôi chim câu đùa vui trong nắng mai vàng
Chim én liệng bay tìm mối trên cánh đồng lúa chiêm xanh non
Tất cả mọi người, cây cỏ và vạn vật cùng làn gió dịu dặt, ấm nồng trong sắc Xuân tươi.

Tổ Quốc gồng mình chống dịch suốt hai năm
Covid đã cướp đi bao nhiêu sinh mạng, làm đảo lộn cuộc sống của bao người
Các em không được đến trường, công xưởng nhà máy đóng cửa, các phương tiện vận tải nằm yên một chỗ
Những chiến sĩ áo trắng, áo xanh trên tuyến đầu chống dịch
Bền bỉ ngày đêm căng mình vào tâm dịch để cứu đồng bào mình, không sợ hy sinh, gian khổ
Xã hội tập trung cách ly chống dịch để giành lại sự bình an.
Con Covid-19 nhỏ bé lây từ Vũ Hán quê hương bản quán của loại vi rút này đã làm cả thế giới phải dừng lại.

Những công trình giao thông, những phiên giao dịch bị đứt quãng
Nền kinh tế của các quốc gia bị thiệt hại nặng nề... Tất cả đều do virus...

Mùa Xuân mới đã về, mong ước có một mùa vui trọn vẹn
Hai mặt trận kinh tế và chống dịch còn phải tiếp tục và phát huy
Mong sao Covid-19 bị đẩy lùi, kinh tế khôi phục và phát triển trở lại
Bao loài hoa khoe sắc, dâng mật ngọt cho đời
Người người chung vui, hy vọng mùa xuân thắng lợi...

Thơ chấm

Nguyễn Thanh Bình



Nói không pháo nổ

*Năm cùng tháng tận, Tết không xa
Mua bán, tự làm pháo diễn ra
Tàng trữ đó đây đang lén lút
Nhập về từ giáp giới tuần qua
Người mua tiền mất ôm nguy hiểm
Kẻ bán thu lời sừng vẩy ta
Pháo nổ đã từng gây hiểm họa
Đừng mua, cấm bán để an nhà!*

Cần giữ vệ sinh

*Ngày Tết phải cần giữ vệ sinh
Để cho sức khỏe được an bình
Tiết canh lòng lợn đừng ham hồ
Gỏi cá tái chanh chớ nhiệt tình
Bia rượu uống vừa không quá chén
Bánh chưng sử dụng tránh no sinh
Vui xuân, ẩm thực cần cân nhắc
Tránh bệnh qua mồm, thể mới tinh!*





Bói toán đầu xuân

Đầu xuân Con Hổ đến chưa lâu
Bói toán nhiều người đã đắm sâu
Thầy phán lảng nhãng, lòng trắc trở
Cô kêu nhảm nhí, dạ buồn rầu
Bài Tây thích chộp nên mờ mắt
Gieo quẻ mê xem đến mù đầu
Mê tín sinh ra nhiều hệ lụy
Tin vào cuộc sống biết về đâu?!



Năm Dần nói chuyện hổ

Chúa tể núi rừng hỏi có oai?
Lông vằn, mãnh lực một không hai
Miệng gầm tung vuốt sẵn mỗi giờ
Ẩn nấp lao nhanh chộp thú tài
Lúc nhốt cũi hãm thành chiến bại
Khi vào nồi lửa hóa oan sai
Thành cao hổ cốt bồi cơ thể
Lắm bạc nhiều đô mới dám xài!



Say xỉn ngày xuân

Xuân về sợ nhất những người say
Bia rượu thả ga mới thể này
Bước thấp bước cao, chân rệu rã
Mắt tròn mắt dẹt, khoắng khua tay
Khi thì hô hét cười loe miệng
Lúc lại nằm im nhắm nhỏ mày
Bạn với ma men quên tất cả
Đến hồi tỉnh lại mới rằng say!



Tháng Giêng

Tháng Giêng là tháng để ăn chơi
Đây đó vui xuân thú cảnh đời
Xóm dưới trồng rung thi võ vật
Làng trên kèn thổi chọi kê nòi
Thiếu niên tụ tập cù quay tít
Các cụ tổ tôm^(*) hát lả loi
Dẫu có vui gì đi phải nhớ
Năm K phòng dịch^(**) chớ xa người!



(*) Tổ tôm điểm - một trò chơi dân gian trong lễ hội truyền thống.

(**) Thông điệp 5K phòng dịch Covid-19 của Bộ Y tế.

Tết tiết kiệm

Gần Tết bảo nhau có mấy lời
Tiêu xài đúng mức mọi nhà ơi
Chả, giò, thịt, cá... mua vừa phải
Nước ngọt, bia thùng... lấy ít chơi
Ngũ quả không nhiều nhưng đủ đẹp
Mai, đào chậu nhỏ để chung nơi
Năm qua dịch giã, còn eo hẹp
Tiết kiệm Tết nay hợp thể thời!

Chùa vào tết ...

(Tiếp theo trang 11)

CHÙA PHỔ MINH Chùa ở xã Lộc Vượng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, cách thành phố Nam Định về phía bắc 5km. Xây dựng từ năm 1262, triều vua Trần Thánh Tông. Quy mô to lớn, kiến trúc theo kiểu nội công ngoại quốc các công trình



bố trí trên một trục cân xứng từ tam quan, nhà bia, tháp đến tòa tam bảo và nhà thủy tạ. Qua nhiều lần tu sửa, ngày nay quy mô chùa đã bị thu hẹp nhiều. Hiện vật di tích thời Trần chỉ còn lại một số thành bậc cửa bằng đá chạm rồng công phu ở chính giữa bái đường. Tháp Phổ Minh ở trong chùa là một công trình kiến trúc rất đẹp, có giá trị nghệ thuật cao.

CHÙA TÂY AN Chùa cổ nổi tiếng vào bậc nhất ở Nam Bộ, tại ngã ba Núi Sam, cách thị xã Châu Đốc 5km, xây dựng năm 1847. Kiến trúc hiện nay là của những đợt trùng tu 1861 và 1958. Mặt chính chùa Tây An mang phong cách nghệ thuật Ấn



Độ và Hồi giáo, kết hợp với kiến trúc cổ truyền. Trong chùa có hàng trăm bức tượng Phật và nhiều phù điêu bằng gỗ chạm khắc. Chùa còn gắn liền với các nhân vật nổi tiếng của An Giang như Thoại Ngọc Hầu, Hỳnh Mẫn Đạt, Phật Thầy Tây An,

Doãn Uẩn,...

CHÙA THIÊN MỤ Được xây dựng trên đồi Hà Khê, phía tả ngạn sông Hương (Huế), được hình thành từ năm 1601, đã qua nhiều lần trùng



tu, khuôn viên chùa hình chữ nhật (280m x 100m), tường bao quanh bằng đá, chia làm hai khu vực: phía trước có lầu chuông, nhà bia, tháp Phước Duyên, phía sau là ba nếp chùa thờ Phật cùng với công trình phụ, nhà trai, nhà khách, vườn hoa, vườn thông,... Chuông chùa Thiên Mụ có tên là "Đại Hồng chung", cao 2,5m, đường kính 1,4m, nặng 2052kg, là một tác phẩm điêu khắc đồng tiêu biểu cho nghệ thuật đúc đồng thế kỷ thứ XVIII ở Việt Nam. Tháp Phước Duyên (cao 21,24m) hình bát giác, 7 tầng, trong lòng tháp, xưa có đặt 7 tượng Phật được coi là biểu tượng của cố đô Huế.

CHÙA TRẦN QUỐC Nằm trên một hòn đảo nhỏ ở phía đông Hồ Tây, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội. Buổi đầu chùa được xây dựng ở sát bờ sông Hồng và có tên chùa Khai Quốc, đến đời Lê Thái



Tông (thế kỷ thứ XI) đổi tên là chùa An Quốc. Vào đời Lê Kính Tông (thế kỷ thứ XVII) do bãi sông bị lở nên chùa được chuyển vào hòn đảo ở

Hồ Tây. Chùa có bố cục kiểu nội công ngoại quốc, tiền đường nhìn về hướng tây (xứ Tây Trúc - quê hương đạo Phật). Gác chuông là một nhà ba gian, mái chồng diềm nằm trên trục chính, phía sau là tòa tam bảo. Kết thúc tổng thể chùa là vườn tháp có các mộ sư. Do nhiều lần trùng tu, sửa chữa, nên nhiều chi tiết kiến trúc đã bị lai tạp.

CHÙA VĨNH NGHIÊM Chùa nằm trên đường Nam Kỳ khởi nghĩa, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng từ năm 1964 đến 1971 do kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng, Lê Tấn Chuyên và Cổ Văn Hậu thực hiện, khu đất có diện tích 8000m². Chùa



có sân thượng (sàn bê tông) chiều rộng 10m, bên trái có tháp Quan Âm 7 tầng mái, bên phải có tháp chuông xây cao trên sân thượng. Quả chuông lớn do Giáo hội Phật giáo Nhật Bản hiến cúng. Bái điện là một tòa nhà nguy nga rộng 22m dài 35m, cao 15m.

CHÙA XÀ TÓN Chùa cổ nổi tiếng, tiêu biểu cho kiến trúc chùa tháp của người Khmer Nam Bộ, nằm ở trung tâm huyện Tri Tôn, An Giang, xây dựng từ thế kỷ thứ XVII. Chùa



theo bố cục thống nhất như các chùa Khmer khác, với chính điện có nóc nhọn và hai mái cong gợi hình ảnh uốn cong của rắn thần Naga. Chỉ có một tượng Phật cao gần sát mái. Mái được dựng cao dần theo tam cấp, lợp ngói đỏ, xanh, vàng rực rỡ. Xung quanh chính điện là các dải tháp. □

Kim Thi

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA

Đổi mới và phát triển để xứng tầm đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực nghiên cứu quy hoạch xây dựng



PGS.TS.KTS. Lưu Đức Cường

Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia

65 năm truyền thống vẻ vang

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt đối với Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia (VIUP), là năm ghi dấu mốc kỷ niệm 65 năm thành lập và phát triển (1956-2021). Tiền thân là Phòng Đô thị thuộc Nha Kiến trúc (1956), cho đến nay VIUP đã là Viện Nghiên cứu và Tư vấn Quy hoạch Xây dựng, Kiến trúc hàng đầu của Bộ Xây dựng và cả nước, với gần 500 cán bộ nhân viên, 20 đơn vị trực thuộc, trong đó bao gồm: 03 Viện nghiên cứu chuyên ngành về Thiết kế Đô thị và Quy hoạch môi trường, hạ tầng kỹ thuật, Phân viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn miền Trung, 17 trung tâm quy hoạch và các phòng ban, đơn vị chuyên môn. Chức năng, nhiệm vụ của VIUP phủ rộng trên lĩnh vực quy hoạch xây dựng và kiến trúc công trình từ tham gia công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu lập đồ án QHXD, tư vấn thiết kế kiến trúc, cảnh quan đến khảo sát lập bản đồ, kiểm định chất lượng xây dựng, đào tạo, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, trưng bày triển lãm, xuất bản tạp chí QHXD,...

Nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng luôn là thế mạnh hàng đầu của Viện. Trên khắp mọi miền tổ quốc, từ miền núi đến đồng bằng, hải đảo, các đồ án quy hoạch do VIUP thực hiện bao gồm các QHXD vùng, khu chức năng, đô thị cho đến QHXD nông thôn đã góp phần định hình nên diện mạo khang

trang, hiện đại của hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn nước ta và trở thành công cụ quản lý quan trọng giúp cho Chính phủ, chính quyền các địa phương hoạch định chính sách đầu tư xây dựng phát triển đô thị, nông thôn, biến các tiềm năng trở thành động lực phát triển phát triển kinh tế-xã hội địa phương.

Bên cạnh công tác chuyên môn lập QHXD, Viện còn tham gia tích cực vào các công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng với vai trò là đơn vị tham mưu về mặt chuyên môn cho Bộ Xây dựng trong công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng; nghiên cứu đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề cấp thiết trong công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị và nông thôn trên cấp độ quốc gia và địa phương thông qua các đề tài, dự án, đề án khoa học công nghệ, nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo Nghị định thư...

Các thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước của Viện đã được Nhà nước, Chính phủ và Bộ Xây dựng ghi nhận. Viện đã vinh dự được Chủ tịch Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trao tặng Huân chương Độc lập Hạng Ba năm 2001,

Huân chương Độc lập Hạng Nhì năm 2006, Huân chương Độc lập Hạng Nhất năm 2011. Viện cũng nhiều lần nhận được nhiều bằng khen của Chính phủ, Bộ Xây dựng, Chính quyền các tỉnh thành trên cả nước vì những thành tích đạt được.

Đổi mới và phát triển, xứng tầm đơn vị đơn vị hàng đầu về nghiên cứu QHXD

Năm 2017, đánh dấu thời điểm chuyển giao thế hệ lãnh đạo của Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia. Ban lãnh đạo Viện và đội ngũ lãnh đạo chủ chốt các đơn vị trực thuộc được trẻ hóa, phần lớn có tuổi đời dưới 50, có trình độ chuyên môn và khoa học cao với 05 tiến sĩ và 01 Phó giáo sư.

Đây cũng là thời điểm có nhiều thách thức đặt ra trong việc đổi mới các mặt hoạt động, cơ cấu lại bộ máy làm việc cũng như đề ra các định hướng chiến lược cho giai đoạn phát triển mới của Viện.

Đứng trước các thách thức đó, Đảng ủy, Ban lãnh đạo Viện, đứng đầu là đồng chí Bí thư, Viện trưởng Lưu Đức Cường đã chỉ đạo triển khai hàng loạt những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và đổi mới mọi mặt hoạt động của Viện, nhằm từng bước đưa Viện dần vào ổn định





và tạo đà đưa Viện phát triển ở tầm cao mới. Các trọng tâm đổi mới bao gồm:

1. Đổi mới và hoàn thiện công tác quản trị, trong đó tập trung vào công tác quản lý tài chính và quản lý phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo tinh gọn, năng động hướng tới mục tiêu chuyển đổi mô hình hoạt động của Viện sang mô hình đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ

Công tác quản lý tài chính, quản trị được tập trung giải quyết đầu tiên để tạo ra bước đột phá với hàng loạt các quy chế quan trọng được hoàn thiện và ban hành như: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế khoán, Quy chế đào tạo và tuyển dụng cán bộ... từ đó tạo ra cơ sở thống nhất, minh bạch cho công tác quản lý tài chính, quản trị các mặt hoạt động của viện.

Công tác quản lý chi tiêu nội bộ được thắt chặt, các hoạt động mang tính xã giao, hình thức được tiết giảm giúp tiết kiệm được nhiều khoản chi không cần thiết để tập trung nguồn lực cho phát triển sản xuất. Viện cũng đưa ra nhiều chính sách khuyến khích, động viên các đơn vị độc lập trực thuộc thực hiện đầy đủ quy chế tài chính vốn chưa được thực hiện đầy đủ trong nhiều năm trước đây. Công tác kiểm soát tài chính của các đơn vị trực thuộc được Viện tăng cường thông qua việc tổ chức các đoàn công tác kiểm tra giám sát nội bộ. Với những nỗ lực này, công tác quản lý tài chính của Viện đã đi vào nề nếp, tình trạng mất cân đối tài chính của Viện cơ bản được khắc phục, các vấn đề nợ đọng được giải quyết; thu nhập của cán bộ không ngừng tăng theo các năm từ mức bình quân 6 triệu đồng/tháng năm 2017 đã tăng lên 9.5 triệu đồng/tháng năm 2020, một số đơn vị có mức thu nhập bình quân cán bộ trên mức 15 triệu đồng/tháng.

Năm 2018, thực hiện chỉ đạo về tinh giản cơ cấu bộ máy của Bộ Xây dựng, Viện đã xây dựng Đề án sắp xếp lại bộ máy và vị trí việc làm, trong đó cắt giảm số lượng các đầu mối đơn vị trực thuộc từ 25 đầu mối xuống còn 20 đầu mối đơn vị. Các đơn vị trong khối hành chính, quản trị được thu gọn đáng kể, từ 7 đầu mối đơn vị xuống còn 04 đầu mối. Các đơn vị sản xuất hoạt động thiếu

hiệu quả cũng được sắp xếp, sáp nhập lại cho tinh gọn, hiệu quả hơn.

Để định hướng phát triển trong các năm tiếp theo, Viện đã xây dựng Định hướng chiến lược phát triển Viện đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý tài chính, từng bước thực hiện tự chủ về tài chính để đảm bảo mục tiêu tự đảm bảo chi thường xuyên giai đoạn 2025-2030, đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu quy hoạch xây dựng, giữ vững và không ngừng phát triển thương hiệu VIUP, xứng tầm là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực Quy hoạch xây dựng.

2. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch để đáp ứng với tình hình thực tiễn, tập trung triển khai các đồ án quy hoạch tỉnh

Để nâng cao chất lượng đồ án QHXD, Viện chú trọng công tác đào tạo nâng cao năng lực và xây dựng đội ngũ chủ nhiệm, chủ trì, chuyên gia bằng hình thức đào tạo tại chỗ, đặc biệt đối với cán bộ trẻ để có thể đảm nhận tốt các loại hình đồ án quy hoạch mới theo Luật Quy hoạch, có năng lực tích hợp đa ngành trong đồ án quy hoạch xây dựng để có thể chủ trì các đồ án dạng tích hợp do Bộ Xây dựng và các địa phương giao cũng như có khả năng phối hợp làm việc với các đơn vị tư vấn chuyên ngành khác.

Viện đã chỉ đạo xây dựng Đề án ứng dụng công nghệ BIM trong quy hoạch xây dựng trình Bộ Xây dựng phê duyệt triển khai từ năm 2022 để làm công cụ quản lý đồ án quy hoạch xây dựng và nền tảng cho quản lý đô thị thông minh. Việc lập đồ án quy hoạch trên nền tảng BIM, GIS sẽ đáp ứng yêu cầu tất yếu trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra hiện nay.

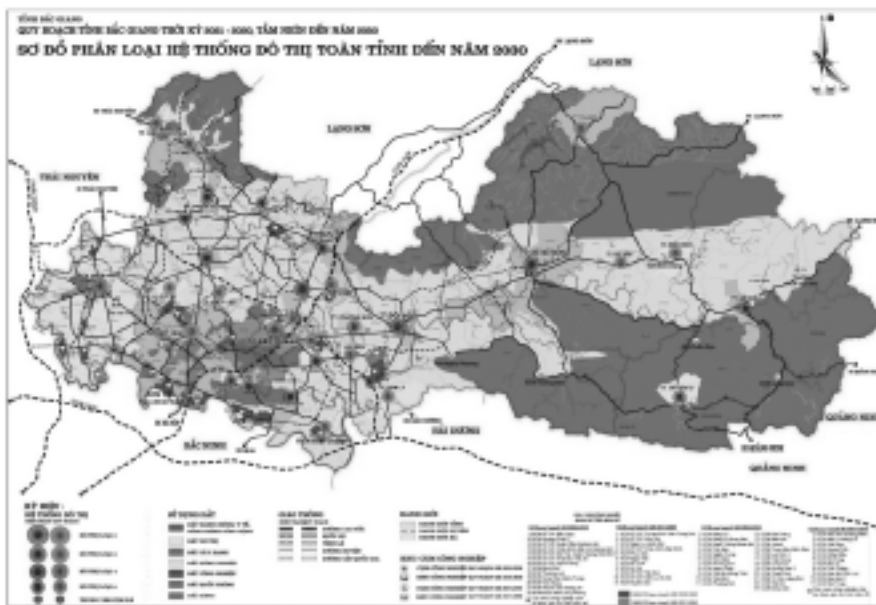
Tăng cường công tác nghiên cứu lý luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị. Viện đã xây dựng các chương trình nghiên cứu mới gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia và quản lý ngành trong đó nghiên cứu tích hợp quy hoạch xây dựng vào quy hoạch tổng thể quốc gia được ưu tiên, QHXD nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2030.

Từ năm 2020 đến nay, Viện đặt trọng tâm công tác chuyên môn vào việc tham gia triển khai nhiều đồ án Quy hoạch tỉnh (QHT) nhiệm vụ lập đồ án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch xây dựng (QHXD) khu kinh tế, Quy hoạch chung (QHC) đô thị quan trọng. Đây là những đồ án quy hoạch hết sức quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của đất nước.

Quy hoạch tỉnh Bắc Giang là đồ án Quy hoạch tỉnh đầu tiên được VIUP thực hiện cùng với 04 liên doanh tư vấn, ngoài ra còn có sự phối hợp với toàn bộ các bộ máy hành chính cấp sở ngành và các huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, định hướng phát triển và nguồn lực của các ngành và địa phương, bảo vệ các không gian quan trọng, VIUP đã xây dựng một hợp phần quy hoạch tổng thể có tính thực tiễn và mức độ tích hợp cao. Đây cũng là một đồ án đầu tiên được thực hiện theo Luật Quy hoạch, nên còn tồn tại nhiều vấn đề thiếu cụ thể, rõ ràng, gây khó khăn trong quá trình triển khai. Tuy nhiên, nhóm triển khai của Viện cũng đã khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt hợp phần nghiên cứu đúng tiến độ và yêu cầu chất lượng. Hiện nay, đồ án đang trong quá trình thẩm định phê duyệt.

Cùng với việc hoàn thành đồ án Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, Viện còn đang triển khai nhiều đồ án quy hoạch tỉnh gồm các tỉnh: Hà Giang, Long An, Hòa Bình, Bình Định, Khánh Hòa, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Yên Bái, Cao Bằng, Bà Rịa Vũng Tàu; Đắk Lắk; Tiền Giang...; tham gia hợp phần quy hoạch đô thị và nông thôn trong các đồ án QHTP Đà Nẵng, quy hoạch tổng thể quốc gia phối hợp với Viện Chiến lược Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Kinh nghiệm triển khai các đồ án QHT này đã được VIUP kịp thời đúc rút để hoàn thiện thành quy trình nghiên cứu, phương án phối hợp với các đối tác chuyên môn và chính quyền địa phương cho các đồ án QHT tiếp theo. VIUP cũng đang xây dựng kế hoạch chuẩn hóa ứng dụng phần mềm Mapinfo, Argis trong thể hiện hồ sơ đồ án QHT nhằm tạo



Hình 1. Định hướng Quy hoạch tỉnh Bắc Giang đến 2030. Nguồn VIUP 2021.

điều kiện kết nối thống nhất với các sản phẩm nghiên cứu của các đơn vị đối tác triển khai đồ án QHT.

Bên cạnh các đồ án quy hoạch tỉnh, Viện cũng đang tập trung triển khai nhiều đồ án quy hoạch quan trọng khác như: Điều chỉnh tổng thể QHC Khu kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Phú Quốc, Vân Phong; các khu kinh tế ven biển: Thái Bình, Chu Lai, Dung Quất, Nam Phú Yên, Bình Định; QHC Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, KDL quốc gia lòng hồ Hòa Bình; KDL Quốc gia Sapa; ĐC QHCXD Khu Kinh tế Vân Phong; Điều chỉnh QHC Khu Kinh tế cửa khẩu Móng Cái... Quy hoạch một số đô thị lớn như: Điều chỉnh QHC thành phố Hạ Long, TP. Hải Phòng, TP.Nam Định...

3. Thúc đẩy tiến độ, nâng cao chất lượng, mở rộng và đa dạng hoá các loại hình nghiên cứu khoa học và dịch vụ tư vấn quy hoạch kiến trúc

Công tác nghiên cứu khoa học trong vài năm gần đây đã được Viện đẩy mạnh và có nhiều thành tích đáng ghi nhận cả về mặt số lượng, chất lượng các đề tài, dự án cũng như hiệu quả đóng góp cho sản lượng chung của Viện.

Các công trình nghiên cứu của Viện đã gắn kết chặt chẽ với yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển đô thị, thiết kế công trình, góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm

vụ của ngành trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và chiến lược phát triển ngành Xây dựng nói riêng. Các nghiên cứu của Viện đã tạo ra cơ sở khoa học và cơ sở dữ liệu góp phần vào công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống Văn bản pháp luật quy định về quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch nông thôn mới, biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh, đô thị thông minh của Bộ Xây dựng.

Viện đã thúc đẩy hoàn thành dứt điểm và hoàn thành đúng tiến độ các dự án điều tra, khảo sát sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế; đề tài nghiên cứu khoa học đã được Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ còn tồn đọng và đăng ký các dự án mới để thực hiện cho năm 2021-2022, các đồ án quy hoạch lớn từ nguồn vốn địa phương và doanh nghiệp như: ĐC QHC thành phố Hải Phòng; ĐC QHC KKT Phú Quốc; QH chất thải rắn TP. HCM... Đặc biệt tăng cường tìm kiếm thị trường từ các chủ đầu tư là doanh nghiệp, các tập đoàn lớn. Nhờ việc tăng cường đa dạng hóa các loại hình hoạt động tư vấn, nghiên cứu, sản lượng hợp đồng ký mới hàng năm của Viện từ 2017 đến năm 2020 tăng trung bình khoảng 19%/ năm. Riêng năm 2021 dự kiến tăng trưởng đột biến khoảng 50% đến 70% so với năm 2020.

Đổi mới tư duy và nâng cao hiệu quả bộ máy lãnh đạo chủ chốt, khối

quản lý theo hướng chuyển từ phương thức Nhà nước hỗ trợ kinh phí thường xuyên sang thực hiện phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Tạo cơ chế tiền lương xứng đáng cho cán bộ trình độ chuyên môn cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật có kinh nghiệm, có kỹ năng làm việc độc lập trong môi trường hội nhập quốc tế.

4. Đào tạo và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghề nghiệp. Tiếp tục mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc

Công tác tự đào tạo và đào tạo lại cũng được Viện đặt ra trong Chiến lược phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ. Viện đã tổ chức nhiều khóa đào tạo cho cán bộ, KTS, Kỹ sư, chủ nhiệm đồ án trẻ của Viện thông qua các hoạt động của hai Chi hội nghề nghiệp: Chi hội Kiến Trúc sư và Chi hội Quy hoạch Phát triển Đô thị dưới hình thức tổ chức các hội thảo chuyên đề về các chủ đề chuyên môn thiết thực như: Thiết kế cảnh quan, Phương pháp thể hiện đồ án, Kỹ năng thuyết trình báo cáo, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phương pháp quy hoạch tích hợp...

Bên cạnh việc duy trì các hoạt động đào tạo cơ bản nêu trên, Viện đã đề ra các chiến lược phát triển mới cho công tác đào tạo theo hướng tăng cường liên danh, liên kết đào tạo với các tổ chức đào tạo quốc tế có uy tín để đẩy mạnh và đa dạng hóa thương hiệu, chất lượng các lĩnh vực đào tạo của Viện.

Trong bối cảnh triển khai Luật Quy hoạch, Viện cũng chủ động liên danh, liên kết với các viện chiến lược, viện chuyên ngành của các Bộ Kế Hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên Môi trường..., để phục vụ công tác lập quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch tỉnh.

Tiếp tục mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế cả trong lĩnh vực tư vấn và nghiên cứu khoa học. Tích cực phối hợp với các Viện nghiên cứu, các trường đại học trên thế giới

nhằm huy động chất xám của các chuyên gia giỏi trong việc giải quyết các vấn đề tồn tại ở Việt Nam, đồng thời tạo ra thu nhập cho cán bộ từ nguồn dự án tài trợ quốc tế. Tận dụng các nguồn lực và kinh nghiệm của các đối tác quốc tế để xây dựng chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ Viện và địa phương như: hội thảo thảo tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm; đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại nước ngoài, trao đổi cán bộ chuyên môn, thực tập sinh. Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ Viện.

5. Chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ

Trong những năm gần đây, đời sống vật chất tinh thần của cán bộ Viện được cải thiện rõ nét, có được kết quả đó là nhờ việc đẩy mạnh tiết kiệm trong chi tiêu chung, tăng cường hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường và đặc biệt là sự quan tâm sát sao hơn của Ban lãnh đạo, Công đoàn Viện.

Chế độ lương, thưởng cho cán bộ được thực hiện tốt nhằm động viên và tăng cường thêm thu nhập cho cán bộ. Các hình thức thưởng và khen thưởng như: Thưởng tết âm lịch, dương lịch, thưởng nhân các ngày lễ quan trọng của đất nước (2/9, 1/5), khen thưởng con em cán bộ nhân dịp tết Thiếu nhi và các em có thành tích tốt trong học tập; Giải thưởng hàng năm của Viện trưởng cho các cán bộ có thành tích công tác xuất sắc...

Hàng năm, Viện đều có các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần cho

cán bộ trong khuôn khổ hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên như:

Năm 2018, tổ chức cho toàn thể cán bộ và gia đình đi tham quan, nghỉ mát tại Sầm Sơn, Thanh Hóa.

Năm 2019, Tổ chức 02 đoàn tham quan học tập kết hợp du lịch cho cán bộ viên chức của Viện tại Thái Lan và Trung Quốc.

Năm 2020, cũng là năm Viện tổ chức được nhiều hoạt động đoàn thể, công đoàn có ý nghĩa, như: Tổ chức tham quan cho toàn bộ cán bộ, nhân viên tại đảo Cát Bà - Hải Phòng, tổ chức giải Bóng đá VIUP 2020... Những hoạt động trên càng làm tăng thêm tinh thần đoàn kết và phấn khởi trong toàn đơn vị.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và 10 tháng đầu năm 2021

Năm 2020, 2021 là hai năm đầy những khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế nước ta nói chung và hoạt động của các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành Xây dựng nói riêng.

Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia cũng không nằm ngoài bối cảnh khó khăn chung của cả nước. Ngay từ đầu năm, đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu sắc đến tất cả các mặt hoạt động của Viện. Với đặc thù công tác chuyên môn diễn ra trên thực địa và trong phạm vi rộng khắp cả nước, việc hạn chế đi lại giữa một số tỉnh thành để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh đã làm đình chệch và ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện

nhiều đồ án quy hoạch xây dựng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nhiệm vụ hợp tác quốc tế quan trọng mà Viện đang triển khai.

Đứng trước những khó khăn đó, Đảng ủy và tập thể lãnh đạo Viện đã chỉ đạo, động viên người làm việc bình tĩnh, kiên trì, nỗ lực sản xuất để vừa phòng chống dịch bệnh an toàn, vừa đảm bảo tiến độ chất lượng nhiệm vụ được giao, bên cạnh đó Viện vẫn duy trì chiến lược mở rộng thị trường, tìm kiếm hợp tác trong và ngoài nước, thực hiện tiết kiệm chi tiêu để đảm bảo thu nhập cho người làm việc.

Vượt qua mọi khó khăn, thách thức, năm 2020 đã trở thành năm thành công nhất trong những năm hoạt động vừa qua của Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia trên mọi mặt lĩnh vực hoạt động.

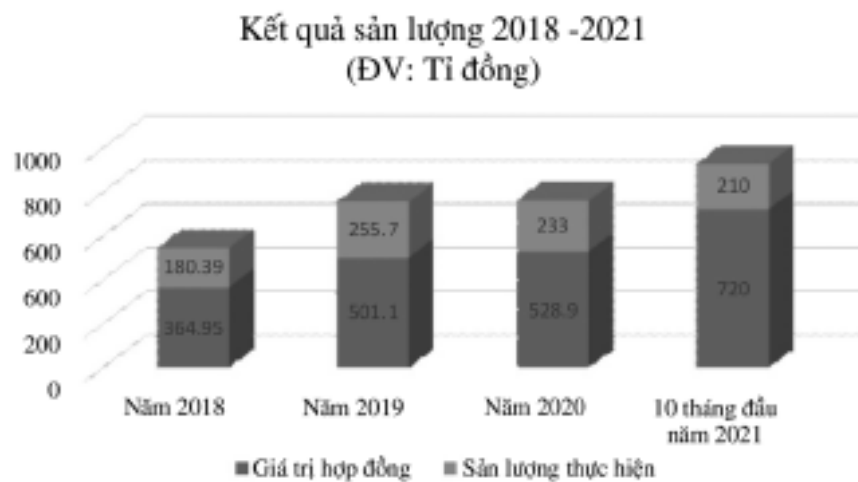
Kết quả sản lượng ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ tư vấn năm 2020 tăng 5,5% so với năm 2019, thu nhập bình quân của viên chức và người làm việc đạt 9,5 triệu đồng/người, vượt mức nghị quyết đại hội viên chức lao động đề ra năm 2020 là 5,5%. So với bối cảnh hiện nay thì đây là một kết quả khả quan, thể hiện sự nỗ lực của toàn thể viên chức và người làm việc dưới sự chỉ đạo thống nhất của ban lãnh đạo Viện.

Năm 2021, ghi nhận sẽ là năm có mức tăng đột phá trong sản lượng hợp đồng và sản lượng thực hiện của VIUP. Chỉ tính riêng đến thời điểm hết tháng 10/2021, giá trị hợp đồng Viện đã ký kết triển khai (bao gồm các hợp đồng đang thực hiện từ các năm trước 2021 và ký mới năm 2021) đã đạt khoảng 720 tỷ đồng, tăng 36% so với sản lượng tương ứng cuối năm 2020. Có được kết quả rất khả quan này trong bối cảnh nền kinh tế cả nước gặp nhiều khó khăn hiện nay, là nhờ Ban lãnh đạo Viện đã có bước đi chiến lược hợp lý đó là tập trung toàn lực cho triển khai các đồ án quy hoạch tỉnh, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm công tác chính trị và chuyên môn, qua đó vừa khẳng định thương hiệu của Viện vừa góp phần tăng mạnh sản lượng hợp đồng, tạo ra nhiều công ăn việc, cải thiện đáng kể thu nhập cho cán bộ nhân viên.

Năm 2020, 2021, cũng đánh dấu sự tham gia tích cực và hiệu quả của



Hình 2. Giải bóng đá VIUP 2020



Hình 3. Giá trị sản lượng thực hiện toàn Viện từ 2018 đến 2020 và 10 tháng đầu năm 2021.
Nguồn: Báo cáo tổng kết VIUP.

Viện vào công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Các hoạt động nổi bật bao gồm:

- Tham gia thường trực Ban tiêu chuẩn quy hoạch - hạ tầng kỹ thuật: xây dựng danh mục rà soát và định hướng xây dựng mới hệ thống tiêu chuẩn. Chủ trì đính chính, sửa đổi một số nội dung của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam 01:2019 về quy hoạch xây dựng; Tham gia Ban soạn thảo và Tổ Biên tập xây dựng Đề án “Đổi mới phương pháp quy hoạch đô thị và phát triển đô thị”; Tham gia Tổ chuyên gia liên ngành giúp việc Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản theo QĐ số 59/QĐ-BCĐTNQ&TTBĐS ngày 21/01/2020; Tham gia Tổ Biên tập xây dựng Đề án “Phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” để Bộ Xây dựng trình Bộ Chính trị; Góp ý về Quy chế quản lý Kiến trúc của Luật Kiến trúc; Tham gia góp ý Khung định hướng phát triển đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Tham gia góp ý, xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2021-2025...

Năm 2020, công tác nghiên cứu khoa học được Viện tiếp tục được đẩy mạnh theo chiều sâu. Viện đã triển khai 01 đề tài cấp nhà nước, 05 đề tài trọng điểm cấp Bộ và 18 đề tài cấp Bộ đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước ngành xây dựng và ở địa phương. Một số đề tài trọng điểm đã hoàn thành có thể kể đến như: “Đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô

thị”, “Nghiên cứu, đề xuất mô hình và giải pháp quản lý phát triển đô thị nén phát triển bền vững”, “Nghiên cứu quản lý phát triển quy hoạch xây dựng nông thôn mới khu vực ven đô thành phố lớn, giai đoạn 2015- 2035”, “Nghiên cứu mô hình quản lý phát triển đô thị vệ tinh”...

Đảng ủy Viện đã lãnh đạo, chỉ đạo

bầu ra BCH đảng ủy và đồng chí Bí thư Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025.

Năm 2021 ghi nhận dấu mốc quan trọng, kỷ niệm 65 năm thành lập và phát triển Viện. Tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của các thế hệ đi trước, Đảng ủy, tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ VIUP những năm qua đã không ngừng đổi mới toàn diện các mặt hoạt động, nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu và nhiệm vụ công tác đã đề ra qua các năm 2017-2020, tạo ra bước khởi đầu thuận lợi để hoàn thành tốt các định hướng phát triển mà Nghị quyết Đại hội đảng bộ Viện nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra. Tham gia tích cực và hiệu quả hơn nữa vào công tác quản lý nhà nước mà Bộ Xây dựng giao, hoàn thành tốt các đồ án quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng các khu kinh tế và quy hoạch đô thị quan trọng, tăng cường chiều sâu công tác nghiên cứu khoa học, không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác là những trọng



Hình 4. Đại hội Đảng bộ VIUP nhiệm kỳ 2020 - 2025

thực hiện tốt việc tổ chức Đại hội các chi bộ trực thuộc nhiệm kỳ 2020-2022 và Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 theo đúng tinh thần Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ chính trị, Kế hoạch số 07-KH/ĐU ngày 30/10/2019 về Đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Bộ Xây dựng và Hướng dẫn số 09-HD/ĐU ngày 29/11/2019 của Đảng ủy Bộ Xây dựng về công tác nhân sự. Trong tháng 6 năm 2020, Viện đã tổ chức thành công đại hội Đảng bộ Viện,

tâm nhiệm vụ mà Viện đặt ra trong năm 2021 và trong các năm tiếp theo nhằm mục tiêu giữ vững và không ngừng phát triển thương hiệu VIUP - Đơn vị nghiên cứu tư vấn Quy hoạch xây dựng đầu ngành cả nước, xứng đáng với niềm tin mà Lãnh đạo Bộ Xây dựng và Chính quyền các địa phương, các đối tác nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước đã tin tưởng giao phó cho Viện trong suốt những năm qua. □

Vì một không gian sinh tồn bền vững cho toàn nhân loại

Hải Anh

Sau hai tuần đàm phán sôi nổi và khá căng thẳng, ngày 13 tháng 11 năm 2021, 197 quốc gia đã nhất trí thông qua Hiệp ước Khí hậu Glasgow, (Glasgow, Scotland Vương quốc Anh), với việc tái khẳng định duy trì mục tiêu hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng 1,5°C theo Hiệp ước Paris, khẳng định lại mục tiêu khổng chế gia tăng nhiệt độ trung bình trên toàn cầu ở ngưỡng dưới 2°C so với mức thời kỳ tiền công nghiệp và quyết tâm theo đuổi các nỗ lực để đạt mục tiêu tăng ở mức 1,5°C nhằm tránh những tác động xấu nhất của biến đổi khí hậu và hoàn thiện các mục tiêu nổi bật của Hiệp ước Paris (COP21, năm 2015).

Mục tiêu này đòi hỏi phải cắt giảm lớn lượng khí thải CO₂ một cách nhanh chóng và bền vững, bao gồm giảm 45% lượng phát thải CO₂ vào năm 2030 so với mức năm 2010 và về Zero (0) vào năm 2050.

Một nội dung quan trọng trong Hiệp ước Glasgow là kêu gọi việc phải giảm dần điện than. Hiệp ước yêu cầu các quốc gia vào cuối năm 2022 phải “xem xét lại và củng cố” các mục tiêu cắt giảm khí thải năm 2030, “có tính đến các hoàn cảnh quốc gia khác nhau”, để thực hiện mục tiêu hạn chế gia tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức 1,5°C theo Hiệp ước Paris. Đây là một bước tiến bởi theo các thỏa thuận khí hậu trước đây của Liên hợp quốc, các quốc gia được yêu cầu đệ trình các kế hoạch này, còn gọi là đóng góp quốc gia tự quyết (NDC), 5 năm một lần.

Hiệp ước nhấn mạnh sự cần thiết phải huy động tài trợ từ mọi nguồn để đạt mức cần thiết nhằm hiện thực hóa các mục tiêu của Hiệp ước Paris, bao gồm việc tăng đáng kể hỗ trợ cho các nước đang phát



triển, vượt quá 100 tỷ USD mỗi năm; đồng thời thúc giục các nước phát triển khẩn trương hoàn thành mục tiêu 100 tỷ USD đã cam kết cũng như mục tiêu đến năm 2025, và nhấn mạnh tầm quan trọng của tính minh bạch trong việc thực hiện cam kết của các nước này.

Hiệp ước cũng thúc giục các nước phát triển đến năm 2025 tăng ít nhất gấp đôi tài trợ thích ứng với biến đổi khí hậu cho các nước đang phát triển so với mức năm 2019. Trong khi các nước phát triển chịu trách nhiệm đối với phần lớn khí thải nhà kính, thì các nước đang phát triển lại chịu những tác động tồi tệ nhất của biến đổi khí hậu.

Tổn thất và thiệt hại - một vấn đề quan trọng đối với các nước đang phát triển - đã được đưa vào Hiệp ước, với việc kêu gọi các nước phát triển và các tổ chức khác hỗ trợ nhiều hơn các quốc gia dễ bị tổn thương để ứng phó với những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và giải quyết những thiệt hại do các hiện tượng thời tiết cực đoan và nước biển dâng.

Sách Quy tắc Paris, hướng dẫn về cách thức thực hiện Hiệp ước Paris, cũng đã được hoàn thành và

công bố tại COP26 lần này sau 6 năm thảo luận.

Bên cạnh đó, COP26 đã đưa ra một cam kết rõ ràng trong việc bảo vệ các môi trường sống tự nhiên quý giá, với 130 quốc gia cam kết chấm dứt nạn phá rừng. Trong khi đó, quá trình chuyển đổi sang phương tiện giao thông không phát thải đang diễn ra nhanh chóng. Một số nhà sản xuất ô-tô lớn nhất đang làm việc cùng nhau để cam kết tắt cả các doanh số bán ô-tô mới sẽ không phát thải vào năm 2040 và vào năm 2035 tại các thị trường lớn. Các quốc gia và thành phố đang theo đuổi mục tiêu loại bỏ xe xăng và xe diesel.

Các quyết định của COP26 đã ghi nhận và giải quyết những mất mát và thiệt hại do các tác động hiện có của biến đổi khí hậu, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển

Tuy vậy đây mới chỉ là cam kết, là lời hứa, mục tiêu giảm 1,5°C chỉ trở thành hiện thực nếu những lời cam kết không phải là lời hứa suông.

Chủ tịch COP26, ông Alok Sharma cũng đã nói: “Bây giờ chúng ta có thể nói với độ tin cậy



Các đại biểu vỗ tay sau khi Chủ tịch COP26 Alok Sharma phát biểu bế mạc. (Ảnh: Reuters)

rằng chúng ta đã giữ được cam kết 1,5°C tồn tại. Tuy nhiên, nhịp đập của nó rất yếu và nó sẽ chỉ tồn tại nếu chúng ta giữ lời hứa của mình và chuyển các cam kết thành hành động nhanh chóng. Tôi biết ơn Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) đã hợp tác với chúng tôi để tổ chức COP26 thành công”.

Theo Chủ tịch COP26, từ đây, bây giờ chúng ta phải cùng nhau tiến lên và thực hiện những kỳ vọng được đề ra trong Hiệp ước Khí hậu Glasgow, đồng thời thu hẹp khoảng cách rộng lớn vẫn còn. “Bởi vì như Thủ tướng Barbados, bà Mia Mottley đã nói với chúng tôi khi bắt đầu hội nghị này, đối với Barbados và các quốc đảo nhỏ khác, “2°C là một bản án tử hình”, ông nói. Với bà Thủ tướng Barbados, nếu nhiệt độ tăng đến 2°C thì quốc gia của bà sẽ bị chìm trong nước biển.

“Tất cả chúng ta đều phải duy trì kim chỉ nam của mình là giữ 1,5°C trong tầm tay và tiếp tục nỗ lực để có được dòng chảy tài chính và thúc đẩy sự thích ứng. Sau nỗ lực của các quốc gia để đạt được Hiệp ước Khí hậu Glasgow, công việc của chúng ta ở đây không thể bị lãng phí”, Chủ tịch COP26 Alok Sharma khẳng định.

Phát biểu bế mạc COP26, Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres nói: “Các văn bản được thông qua là một sự thỏa hiệp. Chúng phản ánh lợi ích, điều kiện, mâu thuẫn và trạng thái ý chí chính trị trên thế giới ngày nay”.

“Như tôi đã nói lúc khai mạc COP26, chúng ta phải tăng tốc hành động để giữ cho mục tiêu 1,5°C tồn tại. Hành tinh mong manh của chúng ta đang bị treo trên một sợi chỉ. Chúng ta vẫn đang ở ngưỡng cửa thảm họa khí hậu. Đã đến lúc chuyển sang chế độ khẩn cấp, nếu không, cơ hội đạt tới phát thải ròng bằng 0 của chúng ta sẽ là số không”, Tổng Thư ký Liên hợp quốc khẳng định.

Theo ông Antonio Guterres, thế giới phải chấm dứt trợ cấp nhiên liệu hóa thạch, xây dựng khả năng phục hồi của các cộng đồng dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu và thực hiện tốt cam kết tài trợ khí hậu trị giá 100 tỷ USD để hỗ trợ các nước đang phát triển.

Liệt kê những gì đạt được tại COP26, ông Antonio Guterres cho rằng đó là những bước đáng hoan nghênh, nhưng chúng vẫn chưa đủ.

“Khoa học cho chúng ta biết rằng ưu tiên tuyệt đối phải là giảm phát

thải nhanh, sâu và bền vững trong thập kỷ này. Cụ thể là cắt giảm 45% phát thải vào năm 2030 so với mức năm 2010. Nhưng tập hợp các đóng góp quốc gia tự quyết (NDC) hiện tại - ngay cả khi được thực hiện đầy đủ - vẫn sẽ làm tăng lượng khí thải trong thập kỷ này theo một lộ trình rõ ràng sẽ đưa chúng ta lên trên 2°C vào cuối thế kỷ này so với mức tiền công nghiệp”, ông nói.

Theo ông Antonio Guterres, để giúp giảm lượng khí thải ở nhiều nền kinh tế mới nổi, chúng ta cần xây dựng các liên minh hỗ trợ bao gồm các nước phát triển, các tổ chức tài chính, những nước có bí quyết kỹ thuật. Điều này rất quan trọng để giúp mỗi quốc gia mới nổi đẩy nhanh quá trình chuyển đổi từ than đá và đẩy nhanh quá trình xanh hóa nền kinh tế.

Tổng Thư ký Liên hợp quốc cho biết sẽ triệu tập hội nghị ở cấp nguyên thủ quốc gia vào năm 2023 để đo lường tiến độ, cập nhật kế hoạch khí hậu hàng năm.



Chủ tịch COP26 Alok Sharma phát biểu bế mạc COP26. (Ảnh: Reuters)



Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres phát biểu tại COP26. (Ảnh: Reuters)

Kết thúc bài phát biểu, ông nói: “Cuối cùng, tôi muốn kết thúc bằng một thông điệp về hy vọng và quyết tâm tới những người trẻ tuổi, cộng đồng bản địa, các nhà lãnh đạo phụ nữ, tất cả những người dẫn đầu trong các hành động vì khí hậu. Tôi biết nhiều bạn thất vọng. Thành công hay thất bại không phải là một hành động của tự nhiên. Nó nằm trong tay chúng ta. Con đường tiến bộ không phải lúc nào cũng là một đường thẳng. Đôi khi có những đường vòng. Đôi khi có những ngăn cách.

Như nhà văn nổi tiếng Scotland Robert Louis Stevenson đã nói: “Đừng đánh giá mỗi ngày bằng mùa màng bạn gặt hái được, mà hãy đánh giá hạt giống bạn gieo trồng. Chúng ta có nhiều hạt giống để trồng dọc con đường. Chúng ta sẽ không đến đích trong một ngày hay trong một hội nghị. Nhưng tôi biết chúng ta có thể đến đó. Chúng ta đang trong cuộc chiến của cuộc đời mình”.

“Không bao giờ bỏ cuộc. Không bao giờ rút lui. Tiếp tục tiến về phía trước. Tôi sẽ ở bên các bạn trên mọi nẻo đường”, ông Antonio Guterres cho biết và khẳng định COP 27 đã bắt đầu ngay bây giờ.

Về mặt tài chính để đầu tư làm cho hành tinh xanh, trong Hội nghị, người ta đã tính đến con số 130.000 tỷ USD để đạt được mục tiêu cân bằng khí thải (net zero) vào năm 2050, cũng như một số mục tiêu ngắn hạn khác. Vấn đề là phải lựa

chọn các dự án đầu tư. Nguồn tài chính này vay từ đâu?

Tại COP26, có sự tham gia của các định chế tài chính đại diện cho khu vực tư, như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, quỹ quản lý tài sản, quỹ đầu tư... cho thấy các nguồn lực này đã sẵn sàng tham gia.

Với sự vận động của ông Mark Carney, cựu Thống đốc Ngân hàng Trung ương Anh, liên minh Tài chính Glasgow vì cân bằng khí thải (GFANZ), đã tập hợp được hơn 450 doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính toàn cầu, với lượng tài sản lên đến 130.000 tỷ USD.

Không những thế, nhiều tỷ phú hàng đầu thế giới cũng tham dự COP26, và với một phần nguồn tài sản cá nhân của những người này, nguồn tài chính cho BĐKH sẽ còn lớn hơn rất nhiều.

Với xu hướng nền kinh tế xanh, đầu tư gắn liền trách nhiệm xã hội, các quỹ quản lý tài sản hay các quỹ đầu tư ngày nay có thể thuyết phục khách hàng của mình dễ dàng hơn, khi phân bổ danh mục vào các dự án thân thiện với môi trường, giảm khí thải carbon. Các định chế tài chính tư cũng sẽ có người đồng hành là các Chính phủ, khi tại COP26, Bộ trưởng Tài chính các nước đã bày tỏ dùng ngân sách hàng tỷ USD để đối ứng. Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cũng dự kiến dành lượng vốn đáng kể cho các nước đang phát triển, nhất là các dự

án điện mặt trời và điện gió.

Việt Nam ta đã tham gia như thế nào?

Là quốc gia được thế giới để ý đến nhiều vì tác động của BĐKH, cũng như vị trí chiến lược trong khu vực, các dự án hướng đến cân bằng khí thải sẽ mang lại nhiều lợi ích cho các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Một điểm thuận lợi của Việt Nam là điều kiện để phát triển nguồn năng lượng tái tạo, như điện mặt trời và điện gió, nằm trong ưu tiên của các chương trình đầu tư lớn hướng đến các quốc gia đang phát triển.

Ngay từ bản thân nhu cầu nội tại cũng đã phát triển thị trường điện mặt trời và điện gió của Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên sau COP26, các dự án đầu tư cho 2 nguồn năng lượng này sẽ tăng đáng kể, đặc biệt là nguồn vốn quốc tế.

Do đó, Việt Nam có thể tận dụng để phát triển, nhằm không chỉ đáp ứng nhu cầu năng lượng trong nước, giảm tỷ lệ sử dụng năng lượng hóa thạch, còn có thể hướng đến thị trường xuất khẩu điện, phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo với hệ sinh thái khép kín. Quan trọng là các ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành năng lượng sạch.

Để được như vậy các dự án cần có chuẩn bị chu đáo từ trước, nhất là các báo cáo phải hướng đến chuẩn mực quốc tế, các đánh giá dựa vào các nghiên cứu để có thể thuyết phục được nhà đầu tư. Như gợi ý từ COP26, các báo cáo này cần có sự tham gia của các nhà khoa học đầu ngành uy tín, các cơ quan quản lý, nhất là các tổ chức dân sự.

Nỗ lực của chúng ta

Theo các nhà khoa học, BĐKH xuất phát từ sự thay đổi cân bằng năng lượng của trái đất do thay đổi nồng độ các khí nhà kính, nồng độ bụi trong khí quyển, thảm phủ và lượng bức xạ mặt trời. Ở Việt Nam, trong khoảng 50 năm qua, nhiệt độ đã tăng khoảng 0,7°C, mực nước biển đã dâng khoảng 20cm, càng ngày càng chịu sự tác động mạnh mẽ bởi hiện tượng El-Nino, La-Nina.

Với đường bờ biển dài trên 3.260km, các vùng chịu ảnh hưởng của BĐKH nhất là khu vực ven biển



tập trung đông dân cư và nhiều cơ sở hạ tầng kinh tế quan trọng nhất, đặc biệt là hai đồng bằng châu thổ lớn là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Các khu vực khác trong nội địa (như Tây Bắc, Việt Bắc, Tây Nguyên) là nơi có địa hình đồi núi cao dễ bị tác động của hạn hán, lũ quét, sạt lở đất, cháy rừng và bệnh tật... Cùng với đó, giao thông và các ngành như năng lượng, xây dựng, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp và quản lý chất thải đã và đang là các nguồn phát thải khí nhà kính, gây ảnh hưởng tới môi trường.

Thời gian qua, Việt Nam đã chủ động tham gia có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với BĐKH. Đồng thời từng bước xây dựng và ban hành các chính sách về giảm phát thải khí nhà kính nhằm huy động hệ thống chính trị tham gia vào nỗ lực ứng phó với BĐKH toàn cầu. Việt Nam đã tham gia Thỏa thuận Paris về BĐKH vào năm 2015. Năm 2020, Việt Nam gửi Ban Thư ký Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH NDC cập nhật. Việt Nam cam kết với quốc tế

bằng nguồn lực trong nước, đến năm 2030 sẽ giảm 9% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường và tăng đóng góp lên tới 27% khi có hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương, đa phương. Cùng với đó, tiếp tục giảm rất mạnh điện than, tăng nhanh tỷ lệ năng lượng tái tạo lên 30% trong tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp đến năm 2045, nội luật hoá các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính để tổ chức thực hiện. Đặc biệt, Việt Nam đang triển khai tích cực chương trình trồng một tỷ cây xanh đến năm 2025 và thực hiện các cơ chế mới theo Hiệp ước Paris.

Cuối tháng 4/2021, tại hội nghị thượng đỉnh khí hậu được tổ chức trực tuyến, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc cũng đã khẳng định, là một nước chịu tác động lớn bởi BĐKH, nhất là tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam cam kết hành động quyết liệt để ứng phó toàn diện với BĐKH. Đặc biệt mới đây, phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh COP26, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã đưa ra tuyên

bố mạnh mẽ về việc Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Thủ tướng đã đề nghị đưa ứng phó với BĐKH, phục hồi tự nhiên phải trở thành ưu tiên cao nhất trong mọi quyết sách phát triển, là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của mọi cấp, mọi ngành, mọi DN và người dân Việt Nam.

Bên cạnh đó, tại cuộc gặp với kiều bào ta tại Vương quốc Anh, ngay sau khi vừa đặt chân đến đây để tham dự COP26, Thủ tướng cũng đã nhấn mạnh, mặc dù nền kinh tế của Việt Nam còn nhiều khó khăn nhưng không vì thế mà chúng ta thiếu quyết tâm thực hiện cam kết quốc tế. Bởi Việt Nam là một đất nước có trách nhiệm và chủ động tham gia các cam kết tiến bộ cùng cộng đồng quốc tế. Tại các cuộc gặp, các tổ chức, tập đoàn, DN lớn trên thế giới tin tưởng vào sự phát triển của Việt Nam và đã có những ký kết quan trọng mở ra cơ hội cho chúng ta tiếp cận được với tri thức, công nghệ, tài chính xanh để thực hiện được chủ trương tái cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn. Tại Hội nghị, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã khẳng định: **Việt Nam sẽ xây dựng và triển khai các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ bằng nguồn lực của mình, cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.**

Đó là khẳng định của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam quyết tâm xây dựng một đất nước hùng cường, bền vững. □



VẤN ĐỀ NỐI KẾT HẠ TẦNG GIAO THÔNG LIÊN THÔNG KẾT NỐI XÃ HỘI 10 QUỐC GIA CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ĐÔNG NAM Á

(Tham luận tại Hội thảo khoa học trực tuyến tới 11 đầu cầu Liên đoàn các Tổ chức Kỹ sư Đông Nam Á lần thứ 38, do Việt Nam đăng cai tổ chức)



KTS. Trần Công Thanh

Trong tình hình hiện nay, tại Cộng đồng ASEAN đang mở rộng nối kết về mọi mặt. Tôi nghĩ rằng, trong Hội thảo lần này chúng ta vẫn phải nêu ra những vấn đề kết nối, dưới hình thức này hay hình thức khác vẫn còn nhiều vấn

đề rất cấp bách, như các vấn đề về “Tăng cường đối tác vì sự bền vững”, về “Năng lực chủ động và khả năng thích ứng của ASEAN”; về “Nỗ lực đề cao đối thoại, tăng cường hợp tác, xây dựng lòng tin”; về “Thúc đẩy tuân thủ luật pháp quốc tế, hình thành và chia sẻ các giá trị, chuẩn mực chung được thừa nhận” đã được đặt ra trong Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác (TAC), trong Hiến chương ASEAN, trong Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC).

Trong hội thảo lần này, Liên đoàn các Tổ chức Kỹ sư ASEAN (AFEO38) tổ chức 05 cuộc hội thảo, tập trung vào 05 chủ đề nối kết.

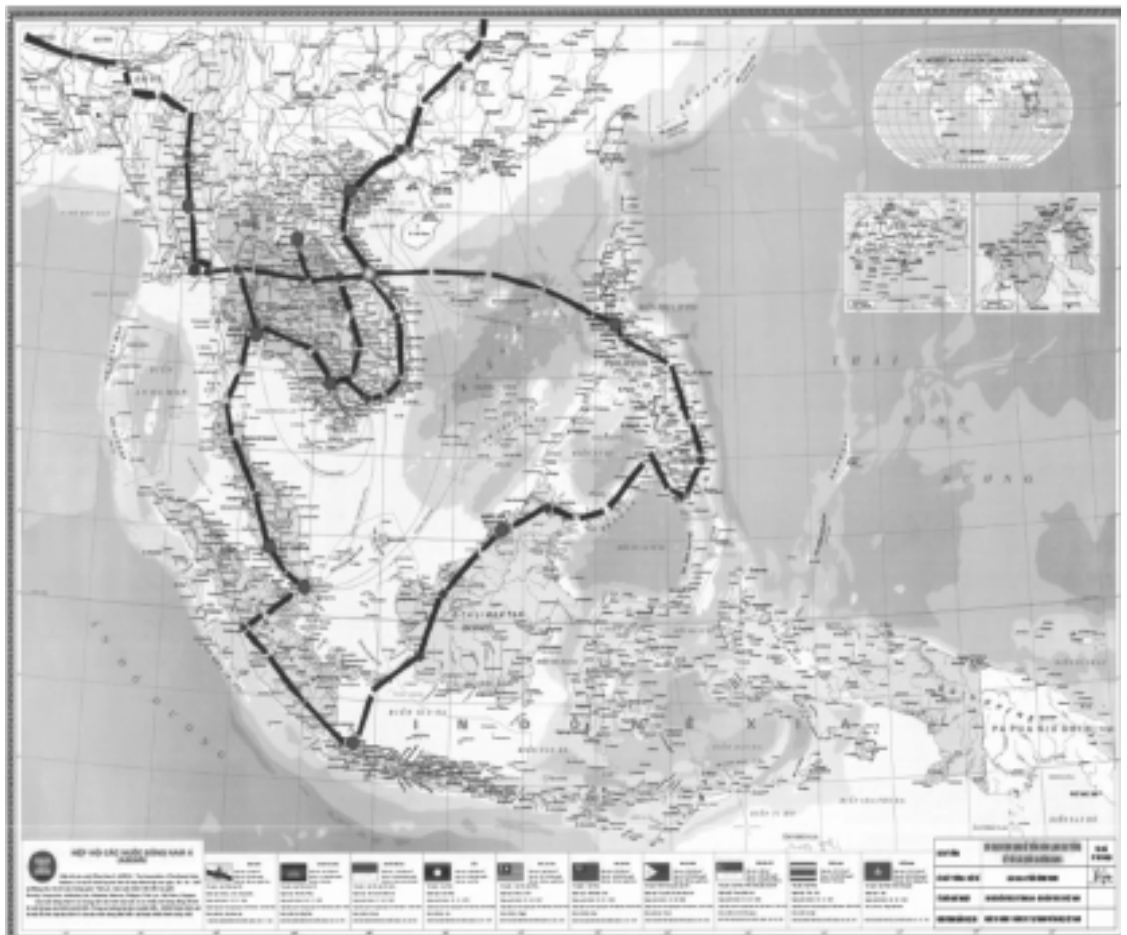
Tôi xin phép tham gia vào “Hội

thảo 1”, nối kết “Giao thông vận tải và Logistics”, với tiêu đề: “Thiết lập hệ thống hạ tầng giao thông liên thông kết nối xã hội 10 quốc gia Cộng đồng kinh tế ASEAN”.

Nói về góc độ phát triển ASEAN, chúng ta cần đi vào gia công cho sự nghiên cứu nối kết bằng một hành lang kinh tế có hạ tầng giao thông.

Về vấn đề hạ tầng giao thông hiện nay tôi thấy, ở từng nước đều có sự phát triển cần thiết theo nhu cầu & trình độ của mỗi nước. Nhưng, một sự chuẩn bị cho sự nối kết liên thông, đặc biệt cả phương diện giao thông & cả phương diện kinh tế thì chưa được đặt ra một cách đầy đủ, đúng mức, tương xứng với mục tiêu Hiến chương đặt ra.

Sơ đồ quy hoạch định dạng hệ thống hành lang giao thông liên thông kết nối xã hội Việt Nam với 10 quốc gia Đông Nam Á, do KTS. Trần Công Thanh nghiên cứu, đề xuất.





Hội nghị tại khách sạn Melia Hà Nội



PTTg Vũ Đức Dam đại diện Chính phủ Việt Nam đọc lời chào mừng tại phiên khai mạc Hội nghị AFEO38, sáng 25/11/2020

Do đó, chúng tôi thấy tại Cộng đồng ASEAN cần phải mở rộng quan niệm về hành lang giao thông cần thiết phải nối kết với kinh tế theo cả trục Đông - Tây & cả trục Nam - Bắc, tạo nên có sự liên thông giữa hai khối cấu trúc Cộng đồng ASEAN. Trong đó, khối cấu trúc biển đảo có lãnh thổ nằm hoàn toàn trên biển, gồm có: Phillipine, Indonesia, Brunei, đông Malaysia, Singapore. Khối cấu trúc lục địa có lãnh thổ đa phần nằm trên đất liền, gồm có Tây Malaysia, Thái Lan, Campuchia, Việt Nam, Myanmar. Khối cấu trúc nằm độc lập trên đất liền, có Lào. Vì vậy, vấn đề nối kết liên thông trong khu vực Cộng đồng ASEAN phải được thiết lập cả trên không, cả trên đất liền và cả trên biển.

Về phương diện liên thông trên biển, cần phải có quan niệm về sự cần thiết phải thiết lập tuyến lưu thông biển kết nối các quốc gia biển với các quốc gia đất liền. Chẳng hạn như, sự nối kết giao thông biển giữa Việt Nam với các quốc gia biển đảo Phillipine, Brunei, Indonesia, Tây Malaysia, Singapore thì trước tiên phải giải quyết nối kết với Phillipine. Vì vậy, việc quy hoạch liên thông các tuyến giao thông biển nối kết các quốc gia Cộng đồng ASEAN rất quan trọng, phải đặt ra sớm, phải tìm kiếm những cảng biển vừa tầm làm đầu mối với biển vừa làm đầu mối với đất liền. Muốn vậy, cần phải sớm có chủ trương nghiên cứu lập quy hoạch vùng về hạ tầng giao thông trong phạm vi khu vực, xác định rõ vị trí các tuyến giao thông biển hành lang kinh tế làm cơ sở pháp lý huy động các nguồn lực đầu

tư xây dựng các cảng biển đầu mối.

Về phía Phillipine nên để họ tự nghiên cứu giải quyết. Còn phía Việt Nam, tôi kiến nghị nên chọn vùng biển chung hai tỉnh Quảng Trị & tỉnh Thừa Thiên - Huế làm đầu mối hỗn hợp. Như vậy, hai địa điểm này hình thành một khối, nó không còn là địa phương tỉnh này hay địa phương tỉnh khác, nó là một vùng địa lý kinh tế cho nối kết này. Từ nay tại các địa phương này Chính phủ Việt Nam cần phải dứt khoát gia công tạo lập cơ sở vật chất đô thị & hạ tầng dịch vụ Logistics cần thiết để đáp ứng cho kết nối này.

Về phương diện liên thông trên đất liền, cần phải có hai trục liên thông Đông - Tây và Bắc - Nam trên lục địa Đông Nam Á. Trục liên thông Đông - Tây đã được 03 Chính phủ Việt Nam, Lào, Thái Lan quyết định thiết lập từ năm 1998, với độ dài 1.450km, đi từ tỉnh Quảng Trị (Việt Nam) qua tỉnh Savannakhet (Lào); qua 07 tỉnh Thái Lan: Mukdahan, Yasothorn, Khon Kaen, Phitsanulok, Kalasin, Sukhothai, Tak; tới cảng biển Mawlamyine bang Kayin của Myanmar.

Con đường chỉ có ý nghĩa khi có nền kinh tế đi qua, đi lại. Muốn như thế, vấn đề Quy hoạch kinh tế vùng khu vực Cộng đồng ASEAN cần phải được đặt ra. Quy hoạch kinh tế vùng nằm trên con đường nối kết Đông - Tây đi qua lãnh thổ 05 nước Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar, Campuchia vốn dĩ có vành đai núi lửa Thái Bình Dương tồn tại trước đây, chạy dài từ bán đảo Malay đi qua Lục địa Đông Nam Á, lên tận vùng lãnh thổ phía nam Trung Quốc.

Đây là vùng có tài nguyên trầm tích núi lửa rất phong phú, có giá trị kinh tế cao, có thể đặt ra chiến lược điều tra, khai thác phát triển kinh tế chung cho cả 05 quốc gia Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar, Campuchia. Tôi xin kiến nghị: Cần tập trung khai thác lợi thế đất đỏ Bazan màu mỡ, phân bổ đều trên lãnh thổ 05 nước, để phát triển kinh tế nông nghiệp. Bằng cách: *Một là*, cho mở các trang trại trồng và chế biến các sản phẩm cây công nghiệp đất đỏ Bazan, như Cà phê, Hồ tiêu, Bơ, Cao su, Trầm hương... cung cấp cho thị trường thế giới; *Hai là*, sử dụng các hang động núi lửa rất đa dạng, phong phú có thể đặt chiến lược phát triển kinh tế du lịch đường bộ, đi qua các vùng văn hóa khác nhau; *Ba là*, cần đặt chiến lược chung khảo sát, xác định trữ lượng các loại tài nguyên khoáng sản quý hiếm như vàng, bạc, kim cương, đá quý...; lập kế hoạch đầu tư khai thác, chế biến và mở thị trường buôn bán chung để thu hút các nguồn lực thương mại các nhà buôn bán có khát khao của châu Âu và Bắc Mỹ.

Để khai thác trục ngang có hiệu quả phải tính đến kiến tạo trực dọc. Trục dọc hợp lý nhất tạo ra sự nối kết, đi từ bán đảo Malay qua Thái Lan, Myanmar mở rộng theo hướng đi qua các quốc gia vùng Nam Á, Trung Đông, Trung Á đi đến Liên minh kinh tế châu Âu. *Một là*, phát triển tuyến mới, nếu có thể, nhưng cần phải được cân nhắc, nghiên cứu kỹ lưỡng. *Hai là*, mở rộng cái đã có dưới hình thức nâng cấp, mở rộng, tân trang hiện đại hóa con đường hiện có để nối kết thành hành lang



Các diễn giả dự Hội thảo tại đầu cầu Hà Nội

kinh tế Nam - Bắc, tạo ra tiền đề cho sự phát triển kinh tế làm giàu không chỉ cho ASEAN mà còn nối kết cho cả đối tác kinh tế lục địa châu Á, châu Âu với một tâm lành chứ không phải với tâm địa thực dân làm đảo lộn đạo đức, luân lý.

Nếu thấy đề xuất trên hợp lý rồi thì tất yếu các Chính phủ ASEAN phải có hành động chung để thực hiện.

Đối với Chính phủ Việt Nam, cần xúc tiến việc nghiên cứu, lập Dự án quy hoạch vùng cơ sở hạ tầng giao thông hành lang kinh tế (ngắn hạn và dài hạn) phù hợp chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam về đường sắt, đường bộ, đường hàng không, đường biển làm cơ sở nối kết giao thông với các nước thành viên trong khu vực ASEAN. Trong đó, cần tập trung trọng tâm là định vị rõ hướng tuyến; vị trí kết nối, cấu trúc công trình, ý tưởng thu hút nguồn lực đầu tư tạo lập đầu mối kết nối giao thông.

Đối với các quốc gia thành viên Cộng đồng ASEAN, cần khẳng định rõ tư tưởng hợp tác xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng giao



thông hành lang kinh tế ở từng nước trong khu vực, cùng chung sức tạo ra hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông hành lang kinh tế kết nối chung một cách chắc chắn, thuận lợi, bền vững, coi đó là phúc lợi chung toàn vùng, nhằm quán triệt đạo lý đoàn kết, hợp tác, bình đẳng Cộng đồng.

Về chính trị, đề nghị các tổ chức của Khối, trước hết là Ban thư ký ASEAN cần tham khảo, tổ chức mở rộng việc cùng nghiên cứu hoàn chỉnh ý tưởng này. Chính phủ từng

nước nếu thấy lợi ích vấn đề nối kết hành lang kinh tế này có ý nghĩa lớn đối với ASEAN, thì không né tránh tổ chức nghiên cứu, tạo ra điều kiện chính sách về kinh tế, về chính trị, về đối ngoại, về đầu tư... Trong đó, không chỉ có con đường mà cả những điểm nhấn kết nối tại mỗi quốc gia thành viên, như Xavanaket (Lào), đầu mối Quảng Tri, Thừa Thiên - Huế (Việt Nam) và còn vượt sông Mekong đi xa hơn về phía Tây (Thái Lan, Myanmar) thì các nước sẽ phải bàn thống nhất với nhau. □

35 năm Tạp chí **Người Xây dựng**



Đánh giá quá trình hình thành cụm công nghiệp



PGS. TS. Lưu Đức Hải
Ths. Lê Kim Hòa

I. CÁC KHÁI NIỆM

- **Cụm công nghiệp:** là nơi sản xuất, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được đầu tư xây dựng nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh. Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không vượt quá 75ha và không dưới 10ha. Riêng đối với cụm công nghiệp ở các huyện miền núi và cụm công nghiệp làng nghề có quy mô diện tích không vượt quá 75ha và không dưới 5ha (Nghị định số 68/2017/NĐ-CP)[1].

- **Khu công nghiệp:** là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục theo quy định. Khu công nghiệp gồm nhiều loại hình khác nhau, bao gồm: Khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp sinh thái (Nghị định số 82/2018/NĐ-CP)[5].

- **Khu công nghiệp địa phương:** là các khu công nghiệp không lớn lắm, nhưng vai trò vị trí của nó có ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của đô thị, đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân, đặc biệt là các loại công nghiệp chế biến địa phương, các xí nghiệp thủ công đặc sản, các cơ sở sản xuất dịch vụ, giao thông vận tải, cơ khí sửa chữa,... Các cơ sở sản xuất này có thể xây dựng tập trung vào một khu vực, nhưng cũng có thể phân tán ở nhiều nơi xen kẽ với khu ở hoặc các khu công cộng khác với điều kiện không làm ảnh hưởng đến môi trường sống và sự phát triển của thành phố (GS. TS. Nguyễn Thế Bá, 1999)[6].

- **Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp:** là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam; cá nhân, hộ gia đình đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp[7].

- **Công nghiệp hóa:** là quá trình nâng cao tỷ trọng của công nghiệp trong toàn bộ các ngành kinh tế của

một vùng kinh tế hay một nền kinh tế. Đây là quá trình chuyển biến kinh tế - xã hội ở một cộng đồng người từ nền kinh tế với mức độ tập trung tư bản nhỏ bé (xã hội tiền công nghiệp) sang nền kinh tế công nghiệp. Công nghiệp hóa là một phần của quá trình hiện đại hóa. Sự chuyển biến kinh tế - xã hội này đi đôi với tiến bộ công nghệ, đặc biệt là sự phát triển của sản xuất năng lượng và luyện kim quy mô lớn (Wikipedia, 9/2021).

- **Hiện đại hóa:** là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội (Wikipedia, 9/2021).

- **Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa:** Công nghiệp hóa hiện đại hóa là một quá trình chuyển đổi mang tính chất căn bản và toàn diện về những hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế, xã hội. Từ việc sử dụng sức lao động thủ công là chính sẽ được chuyển sang sử dụng sức lao động với công nghệ, phương tiện và các phương pháp hiện đại, tiên tiến để giúp tạo ra năng suất lao động hiệu quả nhất (Wikipedia, 9/2021).

II. TỔNG QUAN VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

1. Quá trình hình thành CCN

Cụm công nghiệp là một loại hình kinh doanh nhỏ lẻ của khu công nghiệp. Đây là một khu sản xuất kinh doanh nhỏ với chủ yếu là các nhà máy nhỏ lẻ với các nhà đầu tư góp vốn chung.

Ngược dòng lịch sử, chúng ta có thể hình dung ra phần nào sự phát triển nhanh chóng của mô hình CCN ở nước ta, cụ thể như sau:

Trong cuốn "Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị" của GS. TS. Nguyễn Thế Bá xuất bản năm 1999 có nêu: "Ngoài các khu công nghiệp tập trung ở các đô thị lớn, còn có rất nhiều khu công nghiệp địa phương ở các thành phố, thị xã, thị trấn. Các khu công nghiệp này không lớn lắm, nhưng vai trò vị trí của nó có ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của đô thị, đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân, đặc biệt là các loại công nghiệp chế biến địa phương, các xí nghiệp thủ công đặc sản, các cơ sở sản xuất dịch vụ, giao thông vận tải, cơ khí sửa chữa,... Các cơ sở sản xuất này có thể xây dựng tập trung vào một khu vực, nhưng cũng có thể phân tán ở nhiều nơi xen kẽ với khu ở hoặc các khu công cộng khác với điều kiện không làm

ảnh hưởng đến môi trường sống và sự phát triển của thành phố”[6].

Chúng ta có thể hiểu cụm từ “không lớn lắm” ở trên chính là nhắc đến mô hình cụm công nghiệp của ngày nay. Ngay từ khi xuất hiện, mô hình này đã nắm vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của đô thị. Như vậy về mặt cơ sở khoa học định nghĩa **khâu công nghiệp địa phương** là tiền thân của định nghĩa cụm công nghiệp.

Khái niệm CCN được thể hiện đầu tiên tại Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn. Đây là mô hình mới của nước ta, là một hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp theo lãnh thổ, nó ra đời và gắn liền với quá trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn và đặc trưng nhất là tại các làng có nghề truyền thống.

Đến năm 2009, CCN được định nghĩa một cách đầy đủ thể hiện tại Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý Cụm công nghiệp. Theo đó, “CCN là khu vực tập trung các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm di dời, sắp xếp, thu hút các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cá nhân, hộ gia đình ở địa phương vào đầu tư sản xuất, kinh doanh; do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập”[1].

2. Phân bố CCN cả nước

Tính đến năm 2020 các CCN ở nước ta được phân bố trên 6 vùng kinh tế của đất nước, tổng hợp các cụm công nghiệp cả nước được nêu trong bảng 1.

Bảng 1. Tổng hợp các cụm công nghiệp cả nước

Vùng	Tổng số tỉnh, thành phố	CCN theo quy hoạch (1)	CCN đã thành lập (2)
Trung du miền núi phía Bắc	14	191	104
ĐBSH và Bắc Trung bộ	14	718	396
Duyên hải miền Trung	10	349	150
Tây Nguyên	4	60	35
Đông Nam bộ	8	245	150
ĐBSCL	13	211	116
Tổng cộng:	63	1.774	951

(Nguồn: [9], Nhóm nghiên cứu, 2021).

Ghi chú:

(1) Cụm CN theo QH bao gồm các khu, cụm, điểm CN theo quy hoạch của địa phương giai đoạn đến năm 2010, 2015 hoặc 2020.

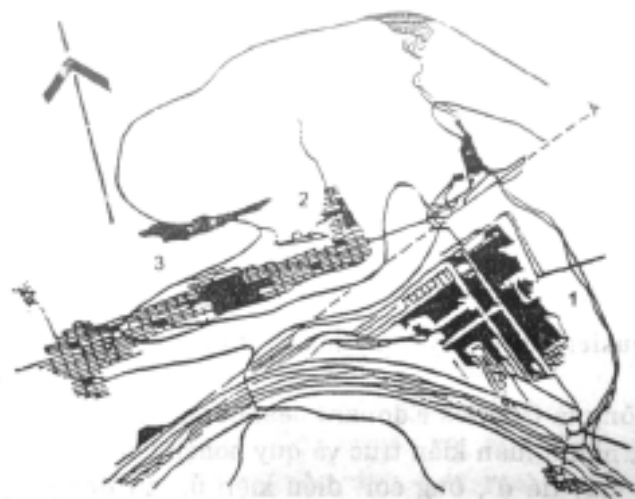
(2) Cụm CN đã thành lập bao gồm các khu, cụm, điểm CN của các địa phương đã có chủ trương thành lập/ đã và đang kêu gọi đầu tư/ đang xây dựng cơ sở hạ tầng/ hoặc đã có các DN đang hoạt động trong cụm.

Theo số liệu của Cục Công thương địa phương - Bộ Công thương, Quy hoạch CCN đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 cả nước có 1.704 CCN với tổng

diện tích 58.123ha. Các cụm công nghiệp sẽ được phân bố ở các vùng như sau: Trung du miền núi Bắc bộ (250 cụm, 8.274,6ha), Đồng bằng sông Hồng (515 cụm, 16.120,6ha), Duyên hải miền Trung (457 cụm, 12.663,8ha), Tây Nguyên (77 cụm, 3.200,3ha), Đông Nam bộ (146 cụm, 6.478ha), Tây Nam bộ (259 cụm, 11.385,7ha)[10].

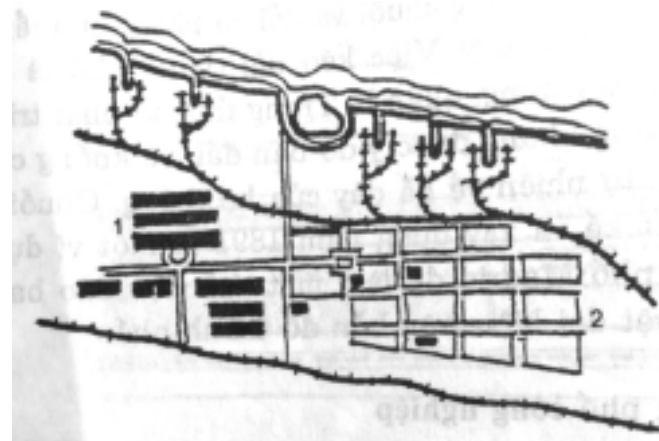
3. Mô hình thành phố công nghiệp

Năm 1901, Tony Garnie đã đề xuất phương án mới về quy hoạch thành phố công nghiệp. Lần đầu tiên cơ cấu tổ chức của một thành phố công nghiệp được xuất hiện, trong đó các khu nhà ở, khu công nghiệp, khu vực giải trí, giao thông vận tải và các hệ thống cây xanh được bố trí hợp lý, rõ ràng.



Hình 1. Sơ đồ quy hoạch thành phố công nghiệp của Tony Garnie 1904 [6].

Tony Garnie đã đề xuất một số khái niệm cụ thể về vấn đề tổ chức và phân loại giao thông; tổ chức khu ở theo các lô phố phù hợp với điều kiện khí hậu và tự nhiên. Cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề thành phố công nghiệp sau này là một trong những lý luận cơ sở của QHĐT hiện đại (hình 1)[6].



Hình 2. Thành phố công nghiệp của Pullman và Ilioa 1879 [6].

Năm 1879, Pullman đã thiết kế thành phố công nghiệp nhưng phương án đơn giản, chỉ tổ chức các cụm xí nghiệp và khu nhà ở công nhân bên cạnh mà không có những đề xuất đáng kể. Quy hoạch thành phố công nghiệp cũng đã được Le Corbusier mô hình hóa trên cơ



Hình 3. Sơ đồ lý thuyết thành phố công nghiệp của Le Corbusier 1942[6].

sở lý luận quy hoạch thành phố chuỗi và dải vào năm 1942 (hình 3)[6].

Trên thế giới mô hình đô thị công nghiệp đã được nghiên cứu từ rất sớm và đã được ứng dụng nhiều nước trên thế giới từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Ngày nay, các đô thị của chúng ta vẫn đang áp dụng mô hình này cho công tác quy hoạch đô thị. Vì thế Quy hoạch KCN và CCN ở Việt Nam cũng hướng đến mô hình điểm dân cư công nghiệp, thị tứ công nghiệp và đô thị công nghiệp đều có thể vận dụng mô hình quy hoạch nêu trên.

III. CÁC ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA CCN

1. Quan điểm trong nước

Với quan điểm trong nước CCN là khu vực tập trung sản xuất kinh doanh và dịch vụ phục vụ công nghiệp của các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, cũng có thể nhìn nhận một số đặc điểm cơ bản khác của CCN như sau[2]:

- Thứ nhất, tạo lập một khu sản xuất tập trung tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất quy mô vừa và nhỏ còn tồn tại trong khu dân cư mà khả năng ảnh hưởng đến cuộc sống dân cư và gây ô nhiễm môi trường.

- Thứ hai, CCN được hình thành là cơ sở giải quyết vấn đề căng thẳng của nhiều cơ sở sản xuất, doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thiếu mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- Thứ ba, CCN do UBND cấp tỉnh/thành phố quyết định thành lập. Về đầu tư phát triển CCN do các Doanh nghiệp trong nước có đủ năng lực và kinh nghiệm xây dựng và quản lý CCN làm chủ đầu tư.

+ Thứ tư, việc cho thuê đất CCN được ưu tiên cho tất cả các cơ sở, doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, đang cần mặt bằng sản xuất kinh doanh nhưng không đủ tiềm lực hoạt động trong các KCN tập trung.

+ Thứ năm, CCN tồn tại nhiều mô hình quản lý như: Sở Công thương các tỉnh/thành phố; UBND các huyện/thành phố; BQL CCN thực hiện quản lý CCN; Trung tâm phát triển CCN; công ty khai thác hạ tầng CCN...

2. Quan điểm nước ngoài

Nhìn chung các quan điểm đều có một số đặc điểm chính về CCN như sau[3, 4]:

- Tập trung về mặt địa lý;

- Có tính chuyên môn hóa;
- Các doanh nghiệp có mối liên kết chặt chẽ;
- Tạo cơ sở hạ tầng đồng bộ.

3. Phân biệt KCN và KCN

Căn cứ vào Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 15/07/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ Quy định về quản lý Khu công nghiệp, khu chế xuất, ta có thể phân biệt KCN và CCN như sau:

Bảng 2. Phân biệt KCN và CCN

	KCN	CCN
Về định nghĩa	Là khu tập trung các doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất các mặt hàng công nghiệp và các dịch vụ sản xuất công nghiệp	Là khu vực tập trung các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất
Về chức năng	Sản xuất công nghiệp và dịch vụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp. Không có các hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ phục vụ	Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, ...
Về điều kiện thành lập	Quy hoạch xây dựng đã được Chính phủ phê duyệt. Hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ; cơ chế - chính sách toàn diện.	Quy hoạch xây dựng phải được Nhà nước phê duyệt. Có khả năng lắp đầy doanh nghiệp hơn 30% sau 1 năm được thành lập
Về DN chế xuất	Được phép thành lập và hoạt động trong khu công nghiệp	Không được phép
Về nhà ở công nhân	Thành lập loại hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ.	Không có dân cư sinh sống. UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, ngành, đơn vị hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện. UBND huyện chỉ đạo UBND xã thực hiện

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu, 2021).

IV. PHÂN LOẠI CCN

1. Phân loại theo hình thức tổ chức

- CCN làng nghề: được thành lập theo quyết định của chính quyền địa phương (tỉnh hoặc huyện). CCN làng nghề ra đời góp phần làm tăng giá trị sản xuất công nghiệp, tăng thu ngân sách, làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập, đời sống cho dân cư...

- CCN hiện đại: là loại hình CCN được xây dựng mới hoàn toàn, chủ yếu do các công ty nước ngoài, doanh nghiệp lớn trong nước đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng nhanh và chất lượng khá cao, tạo điều kiện hấp dẫn các công ty nước ngoài có công nghệ kỹ thuật cao, khả năng tài chính lớn và có chiến lược kinh doanh lâu dài tại Việt Nam.

2. Phân loại theo cơ cấu ngành nghề

- CCN tổng hợp: CCN tổng hợp thường có quy mô lớn



hơn CCN làng nghề: diện tích ban đầu có thể từ 5-10ha, giai đoạn sau phát triển lên khoảng 30-50ha. Các CCN này, thường được hình thành trên cơ sở nhu cầu của một số các cơ sở sản xuất công nghiệp hiện có phải di dời hoặc cần phát triển mới, cũng có một số cơ sở sản xuất tự nguyện góp vốn xây dựng và tự thành lập ban quản lý riêng.

- CCN chuyên ngành: là các CCN được hình thành trên cơ sở hoạt động sản xuất công nghiệp gắn liền với nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản, khoáng sản... Doanh nghiệp trong các CCN chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực ngành dệt may, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế tạo, sản xuất nguyên phụ liệu...

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Các văn bản quy phạm pháp luật và các chương trình, định hướng ban hành trong thời gian qua đã làm rõ cơ chế ưu đãi trong việc thành lập CCN mới; Tăng cường khả năng tiếp cận việc làm cho người dân, chuyển dần từ lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, mang lại kinh tế ổn định cho xã hội và người dân; Quy định nội dung, trách nhiệm và sự phối hợp các đơn vị doanh nghiệp, chính quyền địa phương trong lập, thẩm định, xây dựng các CCN; Nâng cao chất lượng dịch vụ, đời sống của nhân dân và góp phần vào công cuộc CNH-HĐH của đất nước...

- Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg có thể xem như văn bản khởi đầu ở Việt Nam nói về việc hình thành các "khu, cụm tiểu thủ công nghiệp" mà ngày nay chúng ta gọi là CCN và đến nay đã trải qua hơn 20 năm thực hiện chính sách này cho chúng ta thấy những kết quả nhất định.

- CCN được định nghĩa đầy đủ từ khi có Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý Cụm công nghiệp.

- Các cụm công nghiệp tập trung phân bố chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng, Duyên hải miền Trung và Đông Nam bộ: (1) Đây là những vùng nằm trong các vùng kinh tế trọng điểm (phía Bắc, miền Trung và phía Nam); (2) Có nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tại chỗ phong phú; (3) Đây là những vùng có vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp vùng biển, có hệ thống cảng biển lớn nước sâu, gần các đường hàng hải hàng không quốc tế, tập trung các đầu mối giao thông vận tải lớn nhất cả nước (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh); (4) Dân cư đông đúc, nguồn lao động dồi dào; (5) Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công nghiệp khá tốt (Đông Nam bộ và đồng bằng sông Hồng); (6) Thị trường tiêu thụ rộng lớn

ở trong và ngoài nước; (7) Chính sách của nhà nước thuận lợi; (8) Thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt Đông Nam bộ thu hút hơn 50% vốn đầu tư nước ngoài của cả nước.

- Sự khác nhau về quan điểm phát triển CCN trong nước và nước ngoài là: (1) Quan điểm trong nước không đề cập đến tính liên kết của DN còn quan điểm nước ngoài thì đề cao tính liên kết chặt chẽ của các DN trong CCN; (2) Quan điểm trong nước không nhấn mạnh về tính đồng bộ về hệ thống cơ sở hạ tầng trong CCN còn quan điểm nước ngoài yếu tố cơ sở hạ tầng hiện đại và đồng bộ là yếu tố gắn liền với sự phát triển của CCN.

- KCN và CCN khác nhau căn bản ở chỗ KCN là khu tập trung các doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất các mặt hàng công nghiệp và các dịch vụ sản xuất công nghiệp còn CCN là khu vực tập trung các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất.

- Quy hoạch KCN và CCN đều do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Đối với KCN là Chính phủ còn đối với CCN là UBND cấp tỉnh.

- Đối với KCN nhà ở công nhân được thực hiện trong khu vực khu đô thị - dịch vụ bên cạnh KCN còn đối với CCN nhà ở công nhân được thực hiện bởi chính quyền địa phương.

- Phân loại CCN có 2 loại chính: Theo hình thức tổ chức (CCN làng nghề và CCN hiện đại) và theo cơ cấu ngành nghề (CCN tổng hợp và CCN chuyên ngành).

- Vai trò của CCN đối với nền kinh tế là: (1) Phát triển ngành công nghiệp trọng tâm; (2) Tạo thuận lợi trong việc tiếp thu công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến; (3) Đẩy mạnh phát triển nền công nghiệp hỗ trợ; (4) Tạo thêm việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động; (5) Góp phần phát triển đô thị, ổn định xã hội.

- Qua hơn 20 năm hình thành và phát triển mô hình CCN ở nước ta đã đạt được những bước tiến nhất định: (1) Có 968 CCN đã được thành lập và 730 CCN đã đi vào hoạt động; (2) Trung bình mỗi năm có 48,4 CCN được thành lập và 36,5 CCN đi vào hoạt động; (3) Đặc biệt, mô hình CCN trong giai đoạn từ 2010 - 2020 phát triển ngày càng mạnh mẽ với nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước; (4) Nhìn chung quá trình hình thành các CCN còn hoạt động độc lập đối với các đô thị lân cận, ít có tính liên kết.

- Về cơ bản, quy hoạch CCN hiện nay đang độc lập với QHĐT mặc dù các CCN nằm rất gần đô thị hoặc thậm chí nằm trong lòng đô thị.

- Từ thực tiễn hoạt động của các CCN hiện nay cho thấy các xu hướng phát triển CCN và phát triển đô thị sau đây: (1) Các CCN thường được xây dựng ở những vị trí thuận lợi hoặc tương đối thuận lợi về giao thông, trong hành lang phát triển kinh tế địa phương hoặc đô thị, gần các nguồn lực cần thiết cho phát triển sản xuất; (2) CCN phát triển gắn chặt với quá trình đô thị hóa một cách tất yếu nên đang có xu thế được bố trí trong khu kinh tế hoặc (khu) đô thị tổng hợp hoặc gần sát đô thị nhằm đảm bảo được điều kiện sống của người lao động; (3) Một số đô thị loại V trong giai đoạn gần đây đã bao gồm cả các CCN khi quy hoạch mở rộng được duyệt; (4)

Một số CCN khác đang nằm trong ranh giới mở rộng của quy hoạch đô thị lân cận.

2. Kiến nghị

- Về mặt thuật ngữ, nhóm nghiên cứu chọn khái niệm **Cụm công nghiệp** được nêu trong Nghị định số 68/2017/NĐ-CP sử dụng cho nghiên cứu này.

- Trên thế giới mô hình đô thị công nghiệp đã được nghiên cứu từ rất sớm và đã được ứng dụng nhiều nước trên thế giới từ thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Ngày nay, các đô thị của chúng ta vẫn đang áp dụng mô hình này cho công tác quy hoạch đô thị. Vì thế Quy hoạch KCN và CCN ở Việt Nam cùng hướng đến mô hình điểm dân cư công nghiệp, thị tứ công nghiệp và đô thị công nghiệp đều có thể vận dụng mô hình quy hoạch nêu trên.

- Đối với KCN nhà ở công nhân được thực hiện trong khu vực khu đô thị - dịch vụ bên cạnh KCN còn đối với CCN nhà ở công nhân được thực hiện bởi chính quyền địa phương. Vì vậy cần phải có những chính sách bổ sung cho vấn đề nhà ở công nhân tại các CCN.

- Về cơ bản, quy hoạch CCN hiện nay đang độc lập với QHĐT mặc dù các CCN nằm rất gần đô thị hoặc thậm chí nằm trong lòng đô thị. Vì vậy cần phải kiểm tra, đánh giá kỹ càng hơn về phương án phát triển CCN, hiện nay đã được lồng ghép trong quy hoạch tỉnh. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý Cụm công nghiệp.
2. Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 15/07/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.
3. Porter Michael E - "Clusters and the New Economics of Competition" - Harvard Business Review, 1998.
4. Kuchiki Akifumi - "Clusters and Innovation: Beijing's Hi-technology Industry Cluster and Guangzhou's Automobile Industry Cluster" - The Institute of Developing Economics (IDE), Jetro, 2007.
5. Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ Quy định về quản lý Khu công nghiệp, khu chế xuất.
6. GS. TS. Nguyễn Thế Bá - "Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị" - NXB Xây dựng, 1999.
7. Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về Một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn.
8. Harvard Business Week - "trang 78" - 1998.
9. "Số liệu thống kê về cụm công nghiệp cả nước năm 2020" - 12/2020.
10. Cục Công thương Địa phương, Bộ Công thương - "Số liệu thống kê về cụm công nghiệp cả nước" - 8/2021.
11. Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định 68/2017/NĐ-CP.
12. Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ Công thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 68 và Nghị định 66.

Mỹ sắp lắp đặt 7 trang trại điện gió lớn ngoài khơi



Trang trại điện gió đầu tiên của Mỹ ở ngoài khơi đảo Rhode. Ảnh: Endiprev

Chính phủ Mỹ công bố dự án năng lượng đầy tham vọng trong nỗ lực cung cấp điện gió cho hơn 10 triệu hộ gia đình vào năm 2030.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Deb Haaland đưa ra thông báo trên trong bài phát biểu tại hội nghị năng lượng gió ở thành phố Boston, bang Massachusetts vào tuần này.

"Chúng tôi muốn thúc đẩy các kế hoạch của chính phủ để đối phó với biến đổi khí hậu, tạo ra việc làm thu nhập cao và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi của quốc

gia sang một tương lai năng lượng sạch và bền vững hơn", Haaland nhấn mạnh.

Chính phủ Mỹ đặt mục tiêu sản xuất 30 gigawatt điện gió vào năm 2030, giúp cắt giảm 78 triệu tấn khí thải carbon dioxide và tạo ra hàng chục nghìn việc làm mới.

Hiện nay mới chỉ có một trang trại gió ngoài khơi được đưa vào hoạt động đầy đủ ở Mỹ là trang trại Block Island, công suất 30 megawatt, hoàn thành vào cuối năm 2016 ở ngoài khơi đảo Rhode.

Ngoài ra, dự án thử nghiệm Coastal Virginia (CVOW), với công suất 12 megawatt, mới vượt qua giai đoạn đầu tiên. Trang trại dự kiến hoạt động đầy đủ vào năm 2026, cung cấp năng lượng tái tạo cho 600.000 hộ gia đình.

Địa điểm lắp đặt 7 trang trại mới chưa được tiết lộ nhưng chúng có thể nằm ở cả Bờ Đông và Bờ Tây của đất nước. Hai dự án điện gió ngoài khơi đầu tiên của Mỹ đều nằm ở Bờ Đông. Việc mở rộng sang Bờ Tây sẽ đi kèm với thách thức kỹ thuật vì các vùng nước ven bờ ở khu vực này sâu hơn nhiều, gây khó khăn cho việc lắp đặt turbine.

Bộ Nội vụ cho biết thêm, họ có kế hoạch cho các nhà phát triển năng lượng gió thuê vùng nước liên bang ở vịnh Mexico, vịnh Maine, North Carolina và South Carolina, California và Oregon vào năm 2025.

Sự ủng hộ của chính quyền Biden đối với điện gió hoàn toàn trái ngược với cựu tổng thống Donald Trump, người đã nhiều lần hạ thấp các nguồn năng lượng tái tạo trong nhiệm kỳ của mình vì cho rằng chúng tốn kém và không hiệu quả.

VCD st (Theo AFP/NY Times)

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ GIAO TIẾP THÔNG TIN DỰ ÁN XÂY DỰNG

Lê Mỹ Loan - Email: lemyloan24@gmail.com

PGS.TS. Lương Đức Long - Bộ môn Thi Công và Quản Lý Xây Dựng,
Khoa Kỹ thuật Xây dựng, Trường Đại Học Bách Khoa, TP. HCM
Email: luongducclong@hcmut.edu.vn

Tóm tắt: Hiện nay các vấn đề về quản lý giao tiếp thông tin trong Dự án xây dựng chưa được sự quan tâm đúng mức trong quá trình thi công cũng như hoàn thiện công trình xây dựng tại Việt Nam từ đó dẫn đến Dự án không thành công gây ra chậm tiến độ, tăng chi phí, ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề này nhưng có rất ít tác giả nghiên cứu trong nước.

Trong nghiên cứu này tác giả tập trung thu thập và tổng hợp dữ liệu các nhân tố ảnh hưởng quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng. Để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng, tác giả đã tiến hành khảo sát, Thang đo 5 điểm của Likert được sử dụng để đánh giá các yếu tố dần dần dựa trên ý nghĩa của chúng. Phân tích mô tả được sử dụng để phân tích dữ liệu được thu thập từ cuộc khảo sát. Chỉ số trung bình (AI) và độ lệch chuẩn được sử dụng để xếp hạng mức độ quan trọng của các yếu tố theo thứ tự giảm dần, sau đó sử dụng một số phân tích thống kê: kiểm tra độ tin cậy của thang đo, phân tích nhân tố khám phá EFA để xác định mức độ tin cậy cũng như mức độ tác động của các nhân tố đến việc quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng.

Kết quả cho nhóm nhân tố do quy mô, tính chất công trình gồm: Công trình có quy mô phức tạp, thông tin chồng chéo, số lượng các bên tham gia quá nhiều, trong khi cơ cấu tổ chức cho mục đích giao tiếp kém dẫn đến xung đột, căng thẳng nơi làm việc được đánh giá là ảnh hưởng nhiều tới quản lý giao tiếp thông tin cho dự án và gián tiếp làm ảnh hưởng đến hiệu quả dự án.

Từ khóa: Quản lý giao tiếp thông tin, giao tiếp thông tin, mức độ ảnh hưởng, giải pháp.

Abstract: Currently, the issues of information communication management in construction projects have not been given due attention during the construction process as well as construction completion in Vietnam, which leads to the project's failure, causing serious problems. slow progress, increase costs, affect the quality of works. Although there have been many studies on this issue, there are very few research authors in the country. In this study, the author focuses on collecting and synthesizing data on factors affecting information communication management in construction projects. To find out the influencing factors, the author conducted a survey, Likert's 5-point scale was used to evaluate the factors gradually based on their significance. Descriptive analysis is used to analyze the data collected from the survey. The mean (AI) and standard deviation are used to rank the importance of the factors in descending order, and then some statistical analysis is used: check the reliability of the scale. , exploratory factor analysis EFA to determine the reliability as well as the level of impact of factors on the management of information communication in construction projects. The results for the group of factors due to the size and nature of the project include: The project is complex in scale, overlapping information, the number of parties involved is too much, while the organizational structure for communication purposes is poor. leading to conflicts, workplace stress is considered to greatly affect the information communication management for the project and indirectly affect the project efficiency.

Keywords- Information communication management, information communication, level of influence, solutions..

1. Đặt vấn đề

Trong ngành xây dựng, lượng thông tin được tạo ra từ các bên liên quan là rất lớn, chính điều này đã tạo ra một thách thức cho việc trao đổi các thông tin đó. Quản lý dự án xây dựng luôn luôn cần sự phối hợp thực hiện hiệu quả của nhiều bên (Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn giám sát, Tư vấn thiết kế, Nhà thầu,...) qua nhiều giai đoạn của dự án để thành công.

Một trong những yếu tố chính tạo nên sự thành công của các dự án là quản lý thông tin liên lạc, truyền đạt đúng cách và kịp thời cung cấp thông tin giữa tất cả các

bên liên quan trong và ngoài dự án. Mặc dù đã nhấn mạnh vào tầm quan trọng của truyền thông dự án nhưng có rất ít nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến truyền thông dự án nhưng có rất ít nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến truyền thông dự án. Kinh nghiệm của các nhà quản lý dự án trong việc quản lý thay đổi thông tin cũng như khả năng truyền đạt thông tin rất quan trọng trong sự thành công của bất kỳ dự án nào.

Để cải thiện các vấn đề nêu trên, việc nhận dạng và ứng phó cần được thiết lập trước tùy vào điều kiện thực

tế công trình sẽ được áp dụng phù hợp dựa vào các thống kê, ngân hàng dữ liệu đã được mã hóa, lưu trữ sẵn từ các chuyên gia đầu ngành đã tổng hợp và tối ưu bằng hệ thống các bảng câu hỏi, khảo sát trước đó và phân tích trị trung bình mức độ ảnh hưởng của nhân tố và đưa ra giải pháp ứng phó tối ưu nhất.

Nghiên cứu tập trung đào sâu vào mục tiêu như sau:

- Các nhân tố nào gây tác động đến quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng dẫn đến ảnh hưởng hiệu quả của dự án.
- Các nhân tố này tác động như thế nào đến quản lý giao tiếp thông tin dự án.
- Nhóm nhân tố nào tác động nhiều nhất.
- Giải pháp, chiến lược ứng phó nào với những nhân tố để kiểm soát, cải thiện và tăng hiệu quả quản lý thông tin cho dự án.

2. Một số cơ sở lý thuyết

Bảng 1. Tổng hợp các nghiên cứu liên quan

Tác giả	Nghiên cứu
Hedieh Shakeri, Mohammad Khalilzadeh	Analysis of factors affecting project communications with a hybrid DEMATEL-ISM approach (A case study in Iran) (2020) (Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến truyền thông dự án bằng phương pháp DEMATEL-ISM (Một nghiên cứu điển hình ở Iran))
Ismail Abdul Rahman, Yaser Gamil	Assessment of Cause and Effect Factors of Poor Communication in Construction Industry (2019) (Đánh giá các yếu tố nguyên nhân và hậu quả của việc giao tiếp kém trong ngành xây dựng)
Karolina Muszyńska	A Concept for Measuring Effectiveness of Communication in Project Teams (2018) (Đo lường hiệu quả của giao tiếp trong các nhóm dự án)
Hala Taleb, Syuhaida Ismail, Mohammad Hussaini Wahab, Wan Nurul Mardiah	An Overview of Project Communication Management in Construction Industry Projects (2017) (Tổng quan về quản lý truyền thông dự án trong các dự án xây dựng)
Yaser Gamil, Ismail Abdul Rahman	Identification of Causes and Effects of Poor Communication in Construction Industry: A Theoretical Review (2017) (Xác định nguyên nhân và ảnh hưởng của việc giao tiếp kém trong ngành xây dựng: Đánh giá lý thuyết)
John Freema	Effective construction project communications (2015) (Truyền thông dự án xây dựng hiệu quả)
E.O. Aiyewalehinmi	Factor Analysis of Communication in the Construction Industry (2013) (Phân tích các nhân tố truyền thông trong ngành xây dựng)
Maame Abo Wusuah Affare, Bsc. Hons	An assessment of project communication management on construction projects in Ghana (2012) (Đánh giá về quản lý truyền thông dự án đối với các dự án xây dựng ở Ghana)

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu của nghiên cứu, dữ liệu được thu thập dựa trên phương pháp khảo sát các đối tượng: quản lý công ty xây dựng, quản lý các cấp và các cán bộ kỹ sư đã và đang làm việc trong các dự án xây dựng.

Quy trình nghiên cứu cụ thể bao gồm:

Bước 1: Xác định các nhân tố ảnh hưởng tới quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng. Dựa vào sự tìm hiểu từ tạp chí, bài báo có liên quan, kinh nghiệm của bản thân và tham khảo ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực, đã thu thập được 32 nhân tố và được chia làm 5 nhóm. Sử dụng bảng câu hỏi với thang đo Linkert 5 mức độ từ: “ảnh hưởng rất nhiều” đến “ảnh hưởng rất ít” để xếp hạng mức độ ảnh hưởng của 32 nhân tố tới quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng.

Bước 2: Thu thập dữ liệu

Bảng khảo sát được chuyển đến các đối tượng là những người làm việc tại các dự án xây dựng như: giám đốc, kỹ sư công trường, chỉ huy trưởng, trưởng bộ phận QS, QA, QC... làm việc với những vai trò khác nhau như: Chủ đầu tư, TVGS, Thiết kế, Thi công, cung ứng..., với hình thức khảo sát trực tiếp và online. Tổng cộng 270 phiếu được chuyển đi và thu được 226 phiếu trả lời hợp lệ.

Bước 3: Phân tích dữ liệu

Tác giả sử dụng excel kết hợp với phần mềm SPSS tính toán các giá trị trung bình của các yếu tố, kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha. Sau đó, phân tích nhân tố khám phá EFA (dựa vào hệ số tải nhân tố, chỉ số KMO và kiểm định Bartlett) để xác định thứ bậc tác động của từng nhân tố và của các nhóm.

Từ kết quả khảo sát và phân tích nhân tố tác giả xác định được những nhân tố tác động là phù hợp với giả thiết ban đầu và phù hợp thực tế khảo sát.

Cuối cùng, tác giả thực hiện một số cuộc phỏng vấn với các chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng với hơn 15 năm kinh nghiệm để đánh giá lại các kết quả có phù hợp với thực tế hay không và thảo luận đề xuất các phương pháp giúp cải thiện, khắc phục nhằm tăng hiệu quả quản lý giao tiếp thông tin cũng như tăng hiệu quả dự án.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định giả thuyết thống kê

a. Thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả bằng phần mềm SPSS được thể hiện ở với đa số người tham gia khảo sát có kinh nghiệm từ 5-10 năm, đã làm qua những công trình nhà cao tầng tại Việt Nam và đa số đều làm ở những tập đoàn lớn.

Người tham gia khảo sát thấy rằng số người tham gia khảo sát là đa số là CBKT, An Toàn ở công trình và cán bộ quản lý tại công trình, văn phòng cơ quan/Công ty. Họ làm việc chủ yếu ở những công trình nhà cao tầng, tại những đơn vị chủ yếu là đơn vị thi công, CĐT, đơn vị tư vấn quản lý dự án.

Những đối tượng này chịu sự chi phối và tương tác trực tiếp đến công việc, đến hiệu quả dự án thông qua giao tiếp thông tin nên phù hợp để thực hiện khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng.

Bảng 2. Thống kê mô tả chung

Đặc điểm		N	%
Kinh nghiệm làm việc	Dưới 5 năm	75	33
	Từ 5-10 năm	66	29
	Từ 10-15 năm	50	22
	Lớn hơn 15 năm	36	16
Vị trí làm việc	CBKT, An Toàn ở công trình	140	62
	Quản lý tại công trình (GST, CHT, QS, QA, QC....)	50	22
	Quản lý ở văn phòng cơ quan/Công ty	23	10
	Giám đốc dự án	7	3
	Quản lý công ty	7	3
Quy mô cơ quan, công ty	Nhỏ	23	10
	Vừa	57	25
	Lớn	50	22
	Tập đoàn	97	43
Đơn vị làm việc	Đơn vị thi công	115	51
	Tư vấn thiết kế	5	2
	Tư vấn giám sát	29	13
	Tư vấn quản lý dự án	36	16
	Chủ Đầu Tư	41	18

b. Trị trung bình

Theo Bảng 3,7 thứ hạng đầu gồm các nhân tố được những người khảo sát đánh giá có tác động lớn tới quá trình quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng gồm: xung đột, căng thẳng cao nơi làm việc, trình độ kỹ năng và học vấn của các bên không tương thích, Công trình phức tạp, Công tác và thông tin chồng chéo, Cơ cấu tổ chức cho mục đích giao tiếp kém, Số lượng các

Bảng 3. Bảng trị trung bình xếp hạng các rủi ro

STT	Các nhân tố ảnh hưởng	Mean	Rating
1	Xung đột, căng thẳng cao nơi làm việc	4.25	1
2	Trình độ kỹ năng và học vấn của các bên không tương thích	4.13	2
3	Công trình phức tạp, công tác và thông tin chồng chéo	4.13	2
4	Cơ cấu tổ chức cho mục đích giao tiếp kém	4.09	3
5	Số lượng các bên liên quan quá nhiều	4.09	3
6	Lòng tin, quốc tịch, dân tộc	4.06	4
7	Rào cản ngôn ngữ (đa quốc gia, đa ngôn ngữ)	4.04	5

bên liên quan quá nhiều, lòng tin, quốc tịch, dân tộc, rào cản ngôn ngữ (đa quốc gia, đa ngôn ngữ).

c. Kiểm định thang đo Cronbach's Alpha

Kết quả bảng 4 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của tất cả các khái niệm đo lường đều đạt từ **0.739** trở lên, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều

Bảng 4. Bảng hệ số Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item deleted	Biến quan sát	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item deleted
TC: Cronbach's Alpha = 0.934, N = 12			TC10	0.713	0.929
TC1	0.51	0.822	TC11	0.631	0.828
TC2	0.78	0.926	TC12	0.658	0.823
TC3	0.79	0.926	CT: Cronbach's Alpha = 0.949, N = 5		
TC4	0.83	0.924	CT1	0.953	0.920
TC5	0.76	0.927	CT2	0.939	0.923
TC6	0.79	0.926	CT3	0.951	0.921
TC7	0.67	0.931	CT4	0.954	0.919
TC8	0.69	0.929	CT5	0.543	0.991
TC9	0.7	0.929	UD: Cronbach's Alpha = 0.825, N = 6		
UD: Cronbach's Alpha = 0.825, N = 6			MT3	0.716	0.806
UD1	0.548	0.808	MT4	0.607	0.836
UD2	0.621	0.791	MT5	0.700	0.811
UD3	0.608	0.794	CN: Cronbach's Alpha = 0.739, N = 4		
UD4	0.594	0.797	CN1	0.533	0.680
UD5	0.652	0.784	CN2	0.506	0.695
UD6	0.541	0.807	CN3	0.520	0.689
MT: Cronbach's Alpha = 0.852, N = 5			CN4	0.576	0.654
MT1	0.628	0.830			
MT2	0.670	0.820			

> 0.3. Vì vậy, tiếp tục phân tích EFA cho các biến quan sát này.

4.2. Phân tích khám phá EFA

Phân tích nhân tố EFA được thực hiện với phương pháp PCA loại bỏ các biến có hệ số tải < 0.5 và các biến được phân loại thành 2 hoặc 3 nhóm khác nhau có hệ số tải < 0.3. Sau khi chạy EFA 2 lần và loại 02 nhân tố có hệ số tải không đạt yêu cầu, còn lại 30 nhân tố được phân thành 5 nhóm yếu tố mới. Với hệ số **KMO = 0.892** > **0.5**, và kết quả kiểm định Bartlett có Sig = 0.00 nhỏ hơn mức ý nghĩa là 0.5, với tổng phương sai trích là 66,730% vì vậy cho thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Bảng 5. Kết quả phân tích EFA

	Component				
		2	3	4	5
TC1	.865				
TC2	.837				
TC3	.805				
TC4	.782				
TC5	.770				
TC6	.730				
TC7	.716				
TC8	.700				
TC9	.642				
TC10	.598				
CT1		.950			
CT2		.943			

CT3	.940		
CT4	.936		
CT5	.593		
UD1		.783	
UD2		.743	
UD4		.678	
UD3		.631	
UD5		.604	
UD6		.539	
MT1			.734
MT2			.730
MT3			.723
MT5			.679
MT4			.664
CN1			.777
CN2			.701
CN3			.604
CN4			.589

Bảng 6. Kết quả nhóm nhân tố mới

Stt	Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý giao tiếp thông tin trong xây dựng	Hệ số tải
A	Nhóm nhân tố do Tổ chức	
1	Không có sự phối hợp giao tiếp giữa các bên liên quan	.865
2	Tổ chức những cuộc họp định kỳ không tốt	.837
3	Thiếu kỹ năng giao tiếp tốt	.805
4	Không có sự hợp tác và đại diện giữa các bên liên quan	.782
5	Không có sự tin tưởng giữa các bên liên quan	.770
6	Khả năng làm việc nhóm kém	.730
7	Quản lý giao tiếp kém	.716
8	Thiếu quy trình giao tiếp và đào tạo	.700
9	Không có sự quan tâm đúng mức các vấn đề đưa ra	.642
10	Thực hiện kế hoạch, mục tiêu truyền thông kém	.598
B	Nhóm nhân tố do quy mô, tính chất công trình	
11	Số lượng các bên liên quan quá nhiều	.950
12	Cơ cấu tổ chức cho mục đích giao tiếp kém	.943
13	Trình độ kỹ năng và học vấn của các bên không tương thích	.940
14	Công trình phức tạp, công tác và thông tin chồng chéo	.936
15	Xung đột, căng thẳng cao nơi làm việc	.593
C	Nhóm nhân tố do công nghệ, ứng dụng	
16	Thiếu hỗ trợ cho công nghệ truyền thông tiên tiến	.783
17	Không có kênh giao tiếp phù hợp	.743
18	Sự cố công nghệ thường xuyên	.631
19	Sự đa dạng thông tin liên lạc không được kiểm soát	.678
20	Kỹ năng, kiến thức vận hành công nghệ kém	.604
21	Sử dụng thuật ngữ và phương pháp khác nhau	.539
D	Nhóm nhân tố do ảnh hưởng môi trường bên ngoài	
22	Môi trường giao tiếp không thân thiện, thoải mái	.734
23	Lòng tin, quốc tịch, dân tộc	.730
24	Khoảng cách địa lý, cũng như sự khác biệt về văn hóa	.723
25	Rào cản ngôn ngữ (đa quốc gia, đa ngôn ngữ)	.664
26	Sự cố môi trường tự nhiên (Tiếng ồn, mưa, gió...)	.679

E	Nhóm nhân tố do cá nhân	
27	Thiếu kinh nghiệm, thiếu tự tin giao tiếp	.777
28	Thiếu đào tạo, hướng dẫn giao tiếp thông tin	.701
29	Rào cản cá nhân (Thói quen, đặc trưng vùng miền)	.604
30	Cấu thái và thiếu nghiêm túc trong giao tiếp	.589

tổng hợp thành 5 nhóm, tác giả tiến hành đặt tên lại theo đúng tính chất của các biến như bảng 6.

5. Thảo luận

Từ kết quả phân tích, tác giả đã nhận dạng được nhân tố, mỗi nhân tố có mức độ tác động khác nhau đến quản lý giao tiếp thông tin trong dự án, nên chúng ta cần phải có những giải pháp ứng phó phù hợp cho từng giá trị này.

Nhóm các nhân tố do tổ chức: có sự tác động rất lớn đến việc quản lý thông tin giao tiếp, việc giao tiếp của các bên tham gia với chức năng và vai trò là khác nhau, cũng có nghĩa là khác nhau về lợi ích. Cho nên việc giao tiếp thông tin cần phải được quản lý tốt và có định hướng, phân định theo từng vai trò, vị trí được quy định cụ thể trong tổ chức tham gia thực hiện. Việc truyền đạt thông tin không đúng, không đủ, không chính xác, sai nội dung, thẩm quyền dễ gây rối, nhiễu thông tin và làm hoang mang trong việc điều hành, vận hành dự án đồng thời làm mất niềm tin vào nhau trong công việc giữa nội bộ với nội bộ, giữa nội bộ với bên ngoài. Tuy nhiên, việc quản lý thông tin cần phải có kế hoạch, quy trình cởi mở, chia sẻ đúng cấp, đúng người chứ không phải hạn chế, bưng bít sẽ gây ra sự “đói” thông tin dễ dẫn đến sự thiếu hợp tác, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Thực tế qua việc khảo sát ta nhận thấy nhân tố “Không có sự phối hợp giao tiếp giữa các bên liên quan” có trọng số lớn nhất, điều đó cho thấy trong tổ chức đơn thể và giữa các tổ chức với nhau nếu không có sự hợp tác, chia sẻ sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến sự hiệu quả, thành công của công trình. Tiếp theo đó các nhân tố “Tổ chức những cuộc họp định kỳ không tốt”, “Thiếu kỹ năng giao tiếp tốt”, “Không có sự hợp tác và đại diện giữa các bên liên quan”... cũng thể hiện rõ các kỹ năng, tự tin tưởng, sự quan tâm của bậc cấp trong tổ chức bên trong và bên ngoài tổ chức là rất quan trọng, có sự ảnh hưởng lớn đến hiệu quả dự án.

Nhóm nhân tố do quy mô, tính chất công trình : Đối với một dự án xây dựng, các nhân tố quy mô, tính chất dự án là rất quan trọng, có ảnh hưởng đến nhiều mặt, nhiều góc độ của việc quản lý dự án góp phần quyết định sự thành công của dự án. Trong đó, việc quản lý thông tin truyền thông là một phần quan trọng có sự ảnh hưởng lớn đến hiệu quả. Dự án càng lớn, càng nhiều bên tham gia, với những yêu cầu kỹ thuật cao, với những quy định khắt khe về biện pháp, quy trình và tập hợp nhiều đơn vị của các bên liên quan như: thi công, thiết kế, giám sát, quản lý dự án... thì độ phức tạp là càng lớn, càng chồng chéo càng dễ dẫn đến xung đột, tranh chấp nhau do công việc. Do đó quản lý thông tin giao tiếp của dự án phụ thuộc rất nhiều vào nhóm nhân tố này. Qua phân tích ta nhận thấy nhân tố “Số lượng các bên liên quan quá nhiều” là nhân tố có trọng số lớn, vì khi số lượng các bên tham gia lớn nghĩa là tập hợp nhiều con người, nhiều cấp bậc, nhiều công việc sẽ



dẫn đến nhiều khác biệt và dễ dàng xảy ra tranh chấp, xung đột, tranh cãi trên công trình. Kiểm chứng thực tế qua khảo sát ta nhận thấy nhân tố “Xung đột, căng thẳng cao nơi làm việc” là điều mà các đáp viên quan tâm hàng đầu và có sự ảnh hưởng lớn nhất đến việc quản lý giao tiếp thông tin hiệu quả cho công trình.

Ngoài ra, nhà quản lý còn cần quan tâm tới việc xây dựng cơ cấu tổ chức cho mục đích giao tiếp tùy theo cấp độ, quy mô, tính chất dự án để đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác, nhanh chóng, xuyên suốt và đáp ứng. Đặc biệt với những công trình có quy mô lớn, phức tạp.

Nhóm nhân tố do công nghệ ứng dụng: Trong thời đại công nghệ số hiện nay đã tác động và làm thay đổi mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề, trong đó ngành xây dựng hiện đại ngày nay từng bước được ứng dụng các công nghệ, phần mềm, thiết bị, máy móc hiện đại không những hỗ trợ về mặt kỹ thuật mà còn hỗ trợ về mặt truyền thông nhanh chóng, chính xác, hữu hiệu, mang tính quyết định đến hiệu quả của dự án. Do đó nhân tố “Thiếu ứng dụng hỗ trợ công nghệ truyền thông tiên tiến” cho dự án là một nhân tố có trọng số rất cao trong nhóm và phù hợp với thực tế khảo sát qua quan tâm của các đáp viên. Ngoài ra việc lựa chọn “kênh giao tiếp phù hợp”, “ít sự cố”, tránh “đa dạng thiếu kiểm soát” để đáp ứng cho dự án cũng đóng góp phần lớn cho quản lý giao tiếp thông tin trên công trình hiệu quả.

Nhóm nhân tố do môi trường bên ngoài: Ngành xây dựng là một ngành đặc trưng với những công tác chính thực hiện bên ngoài hiện trường, bên ngoài thực tế dự án với sự đa dạng về khoảng cách địa lý cũng như văn hóa, do đó chịu sự ảnh hưởng nhiều từ yếu tố môi trường bên ngoài. Việc thời tiết khắc nghiệt, không thuận lợi cũng như sự khác biệt về văn hóa dân tộc, vùng miền sẽ cần nhiều thời gian để vượt qua sự dè dặt, cẩn trọng, lòng tin... dễ dẫn đến sự giao tiếp thông tin kém thân thiện, không thoải mái làm ảnh hưởng đến việc quản lý thông tin và ảnh hưởng đến hiệu quả dự án.

Ngoài ra với một số dự án mang tính chất đa quốc gia thì rào cản ngôn ngữ cũng như các phương thức, thuật ngữ giao tiếp khác nhau cũng góp phần hạn chế việc quản lý giao tiếp thông tin.

Nhóm nhân tố do cá nhân: Dự án xây dựng là một tập hợp đa dạng bởi nhiều công việc, nhiều tổ chức với những vai trò khác nhau, do đó dự án có thể xem là một quần thể của tập hợp lực lượng lớn nhân sự khác nhau đến từ các vùng miền, các thói quen, tập tính, trình độ, sự hiểu biết, cách hành xử cũng như văn hóa, ngôn ngữ... Do đó để việc giao tiếp thông tin thông suốt, dễ dàng ở từng cá nhân phải luôn luôn học hỏi, hoàn thiện, hòa nhập, tự tin, cởi mở và thân thiện trong giao tiếp. Song song đó cần hạn chế những rào cản cá nhân về tính cách, đứng đắn và nghiêm túc trong giao tiếp thông tin.

6. Kết luận

Với việc khảo sát, thu thập dữ liệu sau đó phân tích trị trung bình, kết quả thu được 32 nhân tố được chia làm 5 nhóm ảnh hưởng tới quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng. Những mục tiêu nghiên cứu đã được giải quyết gồm: Xác định được các nhân tố ảnh hưởng, đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, phân tích sự tương tác của các nhóm nhân tố ảnh hưởng thông

qua trọng số.

Thông qua kiểm định Cronbach's alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA, kết quả sau khi phân tích các nhân tố được 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến đến hiệu quả quản lý giao tiếp thông tin dự án xây dựng và được đặt tên như sau:

- Nhóm 1: “Nhân tố do tổ chức”.
- Nhóm 2: “Nhân tố do Quy mô - Tính chất công trình”.
- Nhóm 3: “Nhân tố do Công nghệ - ứng dụng”.
- Nhóm 4: “Nhân tố do ảnh hưởng Môi trường bên ngoài”.
- Nhóm 5: “Nhân tố do Cá nhân”.

Nhận thấy rằng từ 32 nhân tố ban đầu, sau khi phân tích còn lại 30 nhân tố thuộc 5 nhóm. Từ đó giúp các bên liên quan (CDT, tư vấn, nhà thầu...) chú trọng đến những yếu tố này trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản lý giao tiếp thông tin, để từ đó có các giải pháp chủ động, giảm thiểu các tác hại cũng như hạn chế tổn thất về chi phí và sự chậm trễ tiến độ mang lại sự thành công cho dự án.

Vì thời gian và nguồn nhân lực có hạn nên tác giả chỉ thực hiện nghiên cứu một số tỉnh Miền Nam và tập trung vào một vài công trình nhà cao tầng, bệnh viện dã chiến do đó chắc chắn chưa đại diện hết các ý kiến từ nhiều kỹ sư trong cả nước để đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quản lý giao tiếp thông tin trong dự án xây dựng ở quy mô lớn.

Bên cạnh đó, quá trình lấy mẫu vào lúc diễn ra dịch bệnh covid 19 nên số lượng mẫu còn hạn chế (226 mẫu), vì vậy có thể kết quả chưa đủ khách quan. Khuyến khích những nghiên cứu tiếp theo mở rộng phạm vi và quy mô nghiên cứu để có kết quả khách quan hơn. □

Tài liệu tham khảo:

- [01] Hedieh Shakeri, Mohammad Khalilzadeh (2020). *Analysis of factors affecting project communications with a hybrid DEMATEL-ISM approach (A case study in Iran)*.
- [02] Ismail Abdul Rahman and Yaser Gamil (2019). *Assessment of Cause and Effect Factors of Poor Communication in Construction Industry*;
- [03] Karolina Muszynska (2018). *A Concept for Measuring Effectiveness of Communication in Project Teams*;
- [04] Syuhaida Ismail, Mohammad Hussaini Wahab, Wan Nurul Mardiah Wan Mohd Rani, Rohayah Che Amat. *Universiti Teknologi Malaysia (2017). An Overview of Project Communication Management in Construction Industry Projects*.
- [05] Yaser Gamil, Ismail Abdul Rahman (2017). *Identification of Causes and Effects of Poor Communication in Construction Industry: A Theoretical Review*.
- [06] John Freeman (2015). *Effective construction project communications*;
- [07] E.O. Aiyewalehinmi (2013). *Factor Analysis of Communication in the Construction Industry*. The International Journal Of Engineering And Science (IJES).
- [08] Maame Abo Wusuah Affare, Bsc. Hons (2012). *An assessment of project communication management on construction projects in Ghana*;
- [09] Peter Brandon and Martin Betts (1995). *Integrated Construction Information*, London: E & FN Spon.
- [10] D Beautiful, AM (2006). *Communication in Construction: Theory and*
(Xem tiếp trang 48)

XÂY DỰNG CÂY THƯ MỤC QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ DỮ LIỆU DỰ ÁN XÂY DỰNG, LÀM VIỆC TỪ XA QUA GIAO THỨC VPN Ở CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG VỪA VÀ NHỎ

Building project management directory tree and data management model of construction project.

Telecommuting through VPN protocol in construction SME's.

KS. Nguyễn Bảo Linh – Học viên cao học, Chuyên ngành Quản lý Xây dựng, Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia TP. HCM
Email:nguyenbaolinh.hcmut@hcmut.edu.vn

PGS.TS Phạm Hồng Luân - Giảng viên Bộ môn Thi công và Quản lý Xây dựng, Khoa Kỹ thuật Xây dựng, trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia TP. HCM
Email: phluan@yahoo.com

Tóm tắt: Trong quá trình thành lập và vận hành một doanh nghiệp xây dựng, việc quản lý và kiểm soát dữ liệu xây dựng cũng như dữ liệu của công ty là vô cùng quan trọng. Nếu dữ liệu được sắp xếp và quản lý một cách có hệ thống và bảo mật theo phân cấp sẽ giúp cho mọi hoạt động của doanh nghiệp xây dựng trở nên hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong tình hình thực tế hiện nay, các chủ doanh nghiệp xây dựng thường không chú trọng quá nhiều vào việc quản lý dữ liệu, làm cho việc mất mát, hoặc khó kiểm soát và khó tìm kiếm diễn ra thường xuyên. Bên cạnh đó cả thế giới đang đối mặt với một thách thức vô cùng lớn đó chính là chống chọi với dịch bệnh (Covid - 19), rất nhiều doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng phải ngừng hoạt động. Nghiên cứu này tiến hành xây dựng một hệ thống lưu trữ dữ liệu một cách có khoa học và hợp lý, kèm phân quyền truy cập dữ liệu cho các công ty xây dựng, đặc biệt là những doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ, những doanh nghiệp có nguồn doanh thu còn hạn chế. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đề xuất một phương pháp làm việc từ xa qua giao thức VPN - Virtual Private Network cho các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ.

Abstract: In the process of establishing and operating a construction business, it is extremely important to manage and control construction data as well as company data. The systematic-and-secure placement and management of data helps to make the activities of all construction companies more efficient. However, in today's real situation, construction business owners often do not pay much attention to data management, leading to the loss of control and discoverability. In addition, the whole world is facing a huge challenge, the fight against epidemics (Covid - 19), many businesses in general, and construction businesses in particular have to stop operating. The purpose of this study is to create a scientific and sensible structure for data storage systems, along with decentralizing data access for construction companies, especially small and medium-sized construction enterprises with limited income. The study also proposes a remote working method via VPN - Virtual Private Network protocol for construction SME's.

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Dữ liệu của dự án xây dựng nói riêng và dữ liệu chung của công ty xây dựng có rất nhiều loại như: các văn bản, bản vẽ, hợp đồng, biểu mẫu,... Nhưng hiện nay, đa số các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ, họ không mấy quan tâm đến bộ phận IT hoặc bộ phận quản lý dữ liệu dự án như một cách tiết kiệm chi phí, các công ty này thường quản lý dự án theo các kiểu khác nhau và thường các dự án không liên quan gì đến nhau, từ biểu mẫu, hợp đồng cho đến các form, các cấu trúc triển khai dự án hay triển khai theo lối tự phát và tùy tiện. Các cây thư mục thường không có quy định cụ thể, mỗi dự án có một kiểu khác nhau gây khó khăn khi cần truy cập. Mặt khác, nhân sự trong công ty luôn thay đổi, người mới vào sẽ khó nắm bắt được nhịp độ làm việc của công ty, mất nhiều thời gian để làm quen và tra cứu lại các dữ liệu dự án cũ được sắp xếp lộn xộn. Thêm vào đó, dữ liệu trong công ty xây dựng thường được truy cập qua

mạng nội bộ (mạng LAN), nếu ra ngoài khỏi mạng LAN đó sẽ không còn truy cập được, phải gửi qua lại bằng các phần mềm liên lạc như Viber, Facebook và đa số là Zalo, khiến cho việc kiểm soát và quản lý dữ liệu càng gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

Tại sao đối tượng nghiên cứu không phải là các doanh nghiệp lớn: Do các doanh nghiệp lớn thường có cơ sở dữ liệu rất lớn, cộng với nguồn lực dồi dào, họ sẵn sàng tạo ra một hệ thống hoặc một phần mềm quản lý ở cấp độ cao, yêu cầu chi phí đầu tư và vận hành rất lớn.

Hiện nay, cả thế giới đang đối mặt với một thách thức vô cùng lớn, đó chính là chống chọi với dịch bệnh (Covid-19). Căn bệnh này vô cùng nguy hiểm, với mức độ lây lan nhanh và hiện tại chưa có thuốc chữa cũng như vắc xin đặc trị hữu hiệu, nền kinh tế thế giới nói chung và tình hình hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng đang gặp vô vàn khó khăn. Việt Nam là một trong số ít những đất nước có biện pháp kiểm soát dịch tốt



nhất thế giới, tuy nhiên mỗi khi dịch bệnh trở lên căng thẳng, người lao động không thể đến công ty để làm việc được, gây ra tổn thất về mặt kinh tế vô cùng lớn lao. Sử dụng giao thức VPN - Virtual Private Network (biện pháp truy cập dữ liệu vào mạng nội bộ khi đang ở xa) sẽ làm cho việc truy cập dữ liệu trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn khi ở xa công trình, công ty.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Hình thành cây thư mục lưu trữ dữ liệu cho công ty xây dựng vừa và nhỏ

Tìm hiểu sơ đồ tổ chức, bộ máy vận hành của các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ hiện tại. Phân tích các vị trí của từng phòng ban để xác định đúng nhu cầu truy cập dữ liệu. Mỗi phòng ban, vị trí trong công ty xây dựng có những chức năng và đặc điểm riêng, vì thế nhu cầu về dữ liệu cũng khác nhau. Nghiên cứu đã đi sâu vào phân tích và xác định cụ thể công việc, vai trò của từng vị trí nhân sự trong các công ty xây dựng, từ đó xây dựng hệ thống cây thư mục lưu trữ dữ liệu hợp lý.

Sử dụng Windows Server để tạo tài khoản người dùng và nhóm người dùng, qua đó phân quyền theo chức năng tương ứng như đã phân tích.

Đối với các công ty xây dựng vừa và nhỏ, nhu cầu truy cập dữ liệu của nhân viên có các đặc điểm sau đây:

- Dữ liệu được sử dụng tùy theo vị trí mà khác nhau.
- Dữ liệu có nhiều định dạng đa dạng và phong phú, được tạo từ nhiều phần mềm chuyên dụng khác nhau.
- Có nhiều dữ liệu mật mà chỉ có vị trí hoặc nhóm nhất định có quyền truy cập, ngoài ra thì không.
- Tùy theo bộ phận, nhóm người... mà quyền truy cập dữ liệu giống nhau.
- Dữ liệu thường xuyên thay đổi theo thời gian, theo giai đoạn của dự án.
- Nhóm dữ liệu khác nhau rõ rệt ở nhóm văn phòng và nhóm công trường.
- Có nhiều nhóm dữ liệu mẫu, được sử dụng lại nhiều lần để tạo dữ liệu mới.

Có thể chia nhóm người sử dụng kèm phân quyền theo các nhóm như sau: “Nhóm (phân quyền)”.

1. Nhóm nhân viên công ty. (1)
2. Nhóm ban giám đốc. (2)
3. Nhóm ADMIN dữ liệu. (3)
4. Nhóm đầu thầu. (4)
5. Nhóm hành chính nhân sự. (5)
6. Nhóm dự toán. (6)
7. Nhóm công trình. (7)
8. Nhóm ban an toàn lao động. (8)
9. Nhóm hồ sơ thanh toán. (9)
10. Nhóm quản lý dự án. (10)
11. Nhóm thiết kế kiến trúc. (11)
12. Nhóm thiết kế kết cấu. (12)
13. Nhóm thiết kế MEP. (13)
14. Nhóm hạ tầng. (14)

Tùy vào tình hình thực tế của từng công ty xây dựng, một số vị trí có thể được kiêm nhiệm và bị lược giản. Vì thế công ty có thể tùy biến cho phù hợp với hiện trạng.

2.2. Sử dụng giao thức kết nối VPN để kết nối làm việc từ xa cho công ty xây dựng

Đối với giao thức kết nối VPN: mạng riêng ảo - Virtual Private Network, là một công nghệ cho phép chúng ta

Bảng 1. Bảng liệt kê các thư mục chính của hệ thống lưu trữ dữ liệu cho công ty xây dựng

DU AN (2), (3), (11), (7), (8), (14), (12), (13), (10)	01. DU AN MAU	
	02. PERSONAL	
	03. PROJECTS COMPLETED	
	04. SAFETY	
	05. LIBRARY	
	06. ONGOING PROJECTS	01. AAAA 02. BBBB
THONG TIN CHUNG (1)	01. PROFILE CTY	
	02. CONG THONG TIN	
	03. THONG BAO - QUY DINH	
	04. HINH ANH - VIDEO	
	05. LIBRARY	
TENDER (2), (4)	01. TENDER LIBRARY	
	02. ONGOING FOR TENDER	
	03. SUBMITTED PROJECTS	
	04. SUCCESS FOR TENDER	
	05. FAILED FROM TENDER	
REVIT (11), (12), (13)	01. AAAA	
	02. BBBB	
	03. CCCC	
PHAN MEM (1)	01. PHAN MEM VAN PHONG	
	02. PHAN MEM CHUYEN NGANH	
	03. DRIVER MAY IN	
HO SO THANH TOAN (9)	01. FORM	
	02. PLAN	
	03. PAYMENT TRACKING	
	04. PROJECTS	
	05. OTHERS	

Bảng 2. Bảng liệt kê các thư mục trong một dự án điển hình của hệ thống lưu trữ dữ liệu cho công ty xây dựng

01. AAAA	01. OFFICE	01. CONCEPT	01. ARC		
			02. STR		
			03. MEP		
			04. TECH		
			05. INFRA		
			06. BOQ		
		02. BASIC DESIGN	01. ARC		
			02. STR		
			03. MEP		
			04. TECH		
			05. INFRA		
			06. BOQ		
		03. TECHNICAL DESIGN	01. ARC		
			02. STR		
			03. MEP		
			04. TECH		
			05. INFRA		
			06. BOQ		
		04. CONS-DESIGN	01. ARC		
			02. STR		

		05. FIRE PROTECTION APPROVAL DESIGN	03. MEP		
			04. TECH		
			05. INFRA		
			06. BOQ		
			01. ARC		
			02. STR		
		03. MEP			
		04. TECH			
	05. INFRA				
	06. BOQ				
	06. HO SO				
	07. SPEC				
08. BOQ-OFFICE					
02. SITE	01. CONS-PROGRESS AND REPORT	01. PROGRESS	01. S-CURVE		
			02. MASTER SCHEDULE		
		02. REPORT	01. INTERNAL	01. WEEKLY REPORT	
			02. OWNER	01. DAILY REPORT	
				02. WEEKLY REPORT	
				03. MONTHLY REPORT	
			03. QUALITY REPORT		
			02. DESIGN	01. CONS-DESIGN - PUBLISHED	
	02. SHOP DRAWINGS				
	03. AS-BUILT DRAWINGS				
	04. CONS-METHODS				
	05. GROUND FILLING				
	06. DRAINAGE SYSTEM				
	07. TRANSPORT IN SITE				
	03. YEU CAU NGHIEM THU - QS - QC	01. FORM			
		02. MINUTES ON INSPECTION			
		03. SAMPLE MATERIAL			
	04. BOQ-SITE				
	05. DOCUMENTS	01. OUT-DOCUMENTS			
		02. IN-DOCUMENTS			
03. MEETING REPORT					
06. DEFECT LIST					
03. INPUT					

tạo ra kết nối mạng từ xa vào mạng nội bộ của cơ quan, trường học..., cùng với các tiện ích đi kèm, VPN mang lại một giải pháp kết nối mạng an toàn và đáng tin cậy với tốc độ ở mức chấp nhận được. VPN là một giải pháp tuyệt vời để giải quyết bài toán truy cập dữ liệu nội bộ từ xa cho các tổ chức, các công ty nói riêng và công ty xây dựng nói chung.

2.2.1. Chuẩn bị phần cứng

Hiện nay, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng cần một hệ thống lưu trữ và triển khai sử dụng thông tin.

Để vận hành và quản lý hệ thống CNTT đó thì doanh nghiệp xây dựng cần phải có Server.

Máy chủ lưu trữ dữ liệu và phân quyền truy cập cho công ty (cấu hình tùy chọn phù hợp với nhu cầu và quy mô của công ty). Ở đây, tác giả chọn cấu hình như sau:

- CPU Xeon E3-1231 v3: CPU đa nhân, xung không cần quá cao.

- Mainboard Server Gigabyte GA-6LASL - BIOS R01: Cần chọn mainboard server để máy có thể hoạt động ổn định 24/7.

- RAM EEC 16GB/1600: Ram server có tính ổn định cao và có tính năng tự động vá lỗi trong quá trình hoạt động.

- Card xử lý đồ họa: Nvidia Geforce GT 730 2GB/DDR5: Máy chủ Server chỉ cần card màn hình để xuất hình, vì thế, tác giả chọn card màn hình giá rẻ nhất để tiết kiệm chi phí.

- Ổ cứng chứa hệ điều hành: SSD GIGABYTE 128GB chứa hệ điều hành Windows Server 2016 Standard.

- Ổ cứng chứa dữ liệu: Seagate IronWolf 4TB x 2 theo chuẩn Raid 1.

Raid 1 có các ưu điểm như tốc độ đọc rất nhanh, giải pháp lưu các dữ liệu quan trọng do dữ liệu được lưu song song vào 2 luồng ổ cứng, đảm bảo hiệu suất khi đang ghi dữ liệu, đảm bảo tính vẹn toàn dữ liệu khi có một trong hai ổ đĩa bị hỏng.

- Nguồn công suất thực trên 500W.

- Modem Router Vigor 2925 với sức chịu tải cao và có hỗ trợ tính năng kết nối VPN. Hệ thống mạng cơ bản.

2.2.2. Chuẩn bị phần mềm

Phần mềm Smart VPN Client. Phần mềm duyệt Web. Phần mềm hệ điều hành Microsoft Windows Server và Microsoft Windows 7/10/11.

2.2.3. Tiến hành cài đặt

Bước 1: Chuẩn bị đủ các điều kiện phần cứng và phần mềm.

Về mạng Internet: Để hệ thống hoạt động ổn định, cần đăng ký đường truyền với tốc độ càng nhanh càng tốt, với công ty xây dựng khoảng 100 thành viên, cần đăng ký gói cước mạng với tốc độ 200 - 300Mbps và đăng ký gói IP tĩnh cho đường truyền (hoặc có thể sử dụng giải pháp gán DDNS nhưng sẽ có nhiều rủi ro và phức tạp hơn).

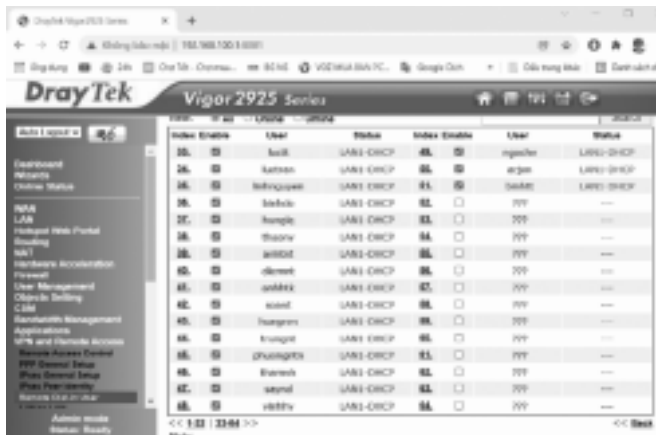
Bước 2: Mở cổng VPN trên modem Draytek:

Truy cập vào địa chỉ Modem: tiến hành đăng nhập vào modem



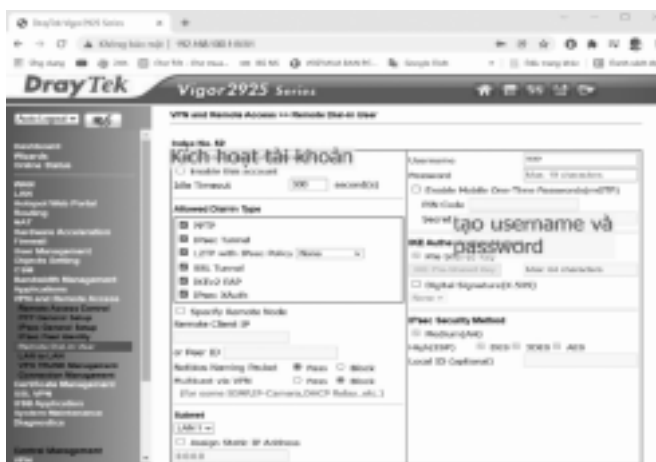
Hình 1. Giao diện đăng nhập vào Modem Draytek Vigor

Sau khi đăng nhập: vào menu VPN and Remote Access, chọn mục Remote Dial-in User: Click vào các số bên phải để thêm User, ở hình bên dưới do đã có nhiều User từ các số trước, nên ta click vào số 52 hoặc bất kỳ số nào trống cũng được.



Hình 2. Giao diện tài khoản vào cổng VPN

Ấn “Enable this account”, tạo username và password. VD: testvpn/pass: ab@c123, ấn 2 lần ok để lưu lại cài đặt:



Hình 3. Giao diện tạo mới tài khoản vào cổng VPN

Bước 3: Cài đặt phần mềm Smart VPN Client trên máy cá nhân (sử dụng mạng ngoài).

Từ máy tính cá nhân, tải phần mềm từ đường dẫn: <https://bitly.com.vn/757slw>.

Sau khi cài đặt phần mềm, ta mở phần mềm lên, vào Menu Profiles, chọn Add:

Xuất hiện bảng sau:

Profile Name: Đặt tên tùy ý, thường là tên SERVER công ty, VD: MD.

Tại mục Server Information:

Type: PPTP.

IP or Hostname: Địa chỉ IP tĩnh nơi đặt Server.

Tại mục VPN Information:

Authentication Type: Username and Password.

User Name và Password: Là tài khoản được tạo bên trên.

IP property: Nên để chế độ Automatically.

Sau khi thiết lập, ấn OK để lưu cài đặt.

Sau khi kết nối VPN thành công:



Hình 4. Giao diện điền thông tin tài khoản VPN và máy chủ



Hình 5. Giao diện kết nối thành công vào cổng VPN

2.2.4 Thử nghiệm với BIM: thao tác với revit khi dùng VPN

Lưu ý: Đường truyền mạng khi dùng VPN từ xa lý tưởng nhất là từ 1000 Mbps (bằng tốc độ mạng LAN nội bộ) trở lên, tuy nhiên, do điều kiện hạ tầng mạng Internet ở nước ta vẫn còn hạn chế, ở tốc độ 100 Mbps, ta vẫn có thể thao tác một cách tương đối.



Hình 6. Thao tác với phần mềm Revit qua giao thức VPN

Sau khi thử thao tác và lưu file, tác giả đo được thời gian lưu file khi sử dụng VPN là 30 giây, so với thời gian 15 giây khi thao tác trực tiếp trong mạng nội bộ, đó là kết quả chấp nhận được đối với việc thiết kế từ xa. Do đó, tốc độ của hệ thống phụ thuộc rất nhiều vào đường truyền mạng.

Tác giả cũng kết hợp với phòng Bimlab trường Đại học Bách khoa - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh để thực hiện mô hình và được Ths. Đào Duy Phước công nhận tính hiệu quả trong quá trình làm việc.

3. Kết luận và kiến nghị

Toàn bộ nghiên cứu chính là một bước trong quá trình số hóa dữ liệu xây dựng, cụ thể là ở các doanh nghiệp xây dựng.

Hệ thống thư mục quản lý dữ liệu công ty xây dựng cũng là nền tảng để phát triển các phần mềm quản lý dự án xây dựng trong tương lai, vì phần mềm nào cũng sẽ cần cơ sở dữ liệu. Việc sắp xếp dữ liệu một cách hợp lý và khoa học sẽ giúp ích rất nhiều trong quá trình xây dựng và phát triển các phần mềm hỗ trợ quản lý dự án, quản lý công ty xây dựng.

Các ưu điểm:

- **Giá thành hợp lý:** Trong thời buổi rất nhiều ngành nghề đang hướng đến các hệ thống số hóa dữ liệu doanh nghiệp và quản lý dữ liệu, việc bỏ ra một khoản chi phí lớn vào hệ thống lưu trữ dữ liệu là một vấn đề khá quan ngại, nhất là đối với các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ, khi doanh thu hằng năm của họ còn hạn chế. Hệ thống của tác giả đã giải quyết được bài toán này.

- **Dễ dàng cài đặt và sử dụng:** Với các phần mềm cơ bản và giao diện thân thiện để sử dụng, không phụ thuộc quá nhiều vào việc tự lập trình hay viết Code phức

tạp, hệ thống dễ dàng tiếp cận bởi tất cả mọi người.

- **Cây thư mục lưu trữ dự án xây dựng và dữ liệu công ty có cấu trúc đơn giản và không quá phức tạp, dễ nhớ và dễ sử dụng.**

- **Cách phân quyền và quản lý phân quyền đơn giản, dễ nắm bắt và sử dụng.**

- **Hệ thống phần cứng không cần quá mạnh (tất nhiên càng mạnh sẽ càng tốt).**

- **Người quản lý dự án, quản lý dữ liệu dễ dàng truy cập và quản lý, từ đó nắm bắt dễ dàng tiến độ cũng như các vấn đề liên quan đến dự án.**

- **Các ban chỉ huy - kỹ sư công trường dễ dàng phân biệt được các bản vẽ và các hồ sơ chính thức, tránh được các vấn đề nhầm lẫn dữ liệu mới và cũ, từ đó hạn chế sai sót trong quá trình triển khai dự án.**

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả hy vọng các doanh nghiệp xây dựng có thể áp dụng vận hành để việc quản lý dữ liệu công ty và dữ liệu dự án được chuyên nghiệp hơn, từ đó chuẩn bị nền tảng tốt cho việc số hóa dữ liệu doanh nghiệp xây dựng.

Trong thời buổi dịch bệnh như hiện tại, tác giả hy vọng nghiên cứu có thể giải quyết được bài toán làm việc từ xa cho các doanh nghiệp xây dựng, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. □

LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Draytek Corp. 2018. "Vigor2952 Series User's Guide". Draytek Corp, 2018.
- [2] Mẫn, Hoàng Thanh. 2010. "Nghiên cứu quản lý dữ liệu dự án qua Internet". Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Bách Khoa TP. HCM
- [3] Hưng, Lê Anh. 2011. "Mạng riêng ảo VPN". Luận văn tốt nghiệp. Trường Đại học Công Nghệ.
- [4] KenjiKimoto, KazuyoshiEndo, SatorulwashitaaMitsuhiro Fujiwara. 2005. "The application of PDA as mobile computing system on construction management". Automation in Construction.
- [5] Taylor Ames. 2019. "Why Does Data Management Matter ?".
- [6] Rex J. Crookshanks. 2006. "Building Construction Bid And Contract Management System, Internet-Based Method and Computer Program Therefor".
- [7] Z. M. Deng, H. Lib, C. M. Tama, Q. P. Shenb and P. E. D. Lovec. 2000. "An application of the Internet-based project management system".
- [8] www.princelund.com. "Project Manager Documentation Simple and Effective".
- [9] www.gordian.com. "The Problem of Inconsistent Data in Construction".

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN...

(Tiếp theo trang 43)

practice. London: Taylor and Francis;

[11] Ksenija Culo and Vladimir Skendrovic' (2010). *Communication management is critical for project success*. Informatologia.

[12] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế, 2008;

[13] Saaty (1994). *Fundamentals of Decision making and Priority Theory with the Analytic Hierarchy Process*, RWS Publications.

[14] H. Trọng, C. N. M. Ngọc, "Thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội TP Hồ Chí Minh", Nhà xuất bản lao động, xã hội, 2011'

[15] J. F. Hair et al, 'Exploratory Factor Analysis', *Multivariate Data Analysis*, 7th ed., USA, Persion Education Limited, 2013.

[16] T. L. SAATY. "Decision making - the analytic hierarchy and network processe (AHP/ANP)," *Journal Of Systems Science And Systems Engineering*, vol. 13, no. 1, pp.1-35, Mar. 2004.

[17] Y. Wind and Thomas L. Saaty, "Marketing Applications of the Analytic Hierarchy Process," *Management Science*, vol. 26, no. 7, Jul. 1980.

XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ VỀ TRẬT TỰ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÂY DỰNG TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP

Building an assessment model of urban construction order in construction management in DT province

KS. Nguyễn Hải Vũ – Học viên cao học, Ngành Quản lý Xây dựng Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

PGS.TS. Phạm Hồng Luân – Giảng viên Bộ môn Thi công và Quản lý Xây dựng - Khoa Kỹ thuật Xây dựng - trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Tóm tắt: Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị được tỉnh hết sức quan tâm chú trọng nhằm xây dựng diện mạo đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ngày càng khang trang, hiện đại, đời sống người dân từng bước được cải thiện góp phần trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại, hạn chế, tình trạng vi phạm trật tự xây dựng còn xảy ra khá phổ biến chưa được phát hiện, xử lý kịp thời, triệt để.

Chính từ yêu cầu thực tế đó, nội dung của nghiên cứu này với mong muốn phần nào xây dựng một mô hình đánh giá rủi ro về trật tự xây dựng đô thị trong công tác quản lý xây dựng tại tỉnh Đồng Tháp dựa trên phương pháp định lượng từ đó có cơ sở xây dựng một mô hình quản lý rủi ro phù hợp. Xác định các nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến công tác trật tự xây dựng đô thị của các cơ quan quản lý. Để từ đó đưa ra các biện pháp ứng phó và giảm thiểu rủi ro cho phù hợp và hiệu quả.

Từ khóa: Trật tự xây dựng, đô thị, FAHP

Abstract: The authority of Đồng Tháp province has paid the management of urban construction order great attention to building an increasingly spacious and modern urban appearance in the region. The socio-economic development of the area, besides the achieved results, still exists, is limited, the status of violation of construction order is quite common. As the result, It has not been detected and handled promptly, thoroughly and may cause unfortunate results.

From that actual requirement, the content of this study with the desire to partially build a risk assessment model of urban construction order in construction management in Đồng Tháp province based on the quantitative method to make an appropriate risk management model. Identify the factors that have the most significant influence on the urban construction order of the management agencies. Base on the result of the study, the authority is able to take reasonable and effective risk mitigation and response measures.

Keywords: Construction order, Urban, Fuzzy Analytic Hierarchy Process.

1. Giới thiệu chung

Những năm qua qua mạng lưới đô thị của tỉnh Đồng Tháp đã phát triển cả về lượng và chất. Thực tế, một số đô thị đã đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị loại II như thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc; đô thị loại III là thành phố Hồng Ngự; đô thị loại IV là thị trấn Mỹ An, thị trấn Lấp Vò, thị trấn Mỹ Thới... Từ những định hướng và sự phát triển đô thị của tỉnh hiện nay có những bước phát triển rất nhanh, tuy nhiên việc nhận dạng, đánh giá, phân tích, ứng phó các rủi ro trong việc thực hiện quản lý đô thị nói chung và trật tự đô thị nói riêng hiện nay của các cơ quan quản lý nhà nước chưa được chú trọng, việc xử lý đôi lúc còn bị động, chính các tác động rủi ro này dẫn đến việc ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý của các cơ quan chức năng. Do đó, việc chủ động nhận dạng và có biện pháp ứng phó với các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình quản lý trật tự xây dựng đô thị là vô cùng cần thiết trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Một số nghiên cứu liên quan đến công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị:

- Nghiên cứu của Trần Ngọc Hồ (2008) “Hệ thống giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đô thị của chính quyền cấp quận, thành phố Hồ Chí Minh” (từ thực tiễn quận 12, thành phố Hồ Chí Minh). Luận văn đã đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về đô thị của chính quyền cấp quận, hệ thống lại, đưa ra đề xuất đối với nhóm các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý của cơ quan quản lý nhà nước cấp quận tại đô thị.

- Nghiên cứu của Trần Thanh Hải (2012) “Quản lý nhà nước đối với chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội”. Luận văn đã cung cấp một khối lượng lớn về khung lý thuyết quản lý chất lượng xây dựng công trình đô thị, phân tích làm rõ thực trạng về chất lượng xây dựng công trình đô thị, những hạn chế yếu kém và sơ hở trong quản lý chất lượng xây dựng hiện nay ở thủ đô Hà Nội. Các giải pháp có tính khả thi,

nhưng mang nặng về chất lượng xây dựng công trình đô thị, các quản lý khác về đô thị chưa được tác giả quan tâm làm rõ.

- Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Thế (2017) “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Phước”, Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 4 nhóm yếu tố ảnh hưởng chính bao gồm: (1) Chủ trương, Chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước; (2) Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý; (3) Năng lực của chủ đầu tư; (4) Năng lực nhà thầu tư vấn thiết kế, giám sát, thi công; (5) Yếu tố khách quan.

- Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Long (2017) “Quản lý nhà nước về trật tự đô thị tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh”, đã nêu ra những vấn đề quan trọng trong quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Qua đó đã nêu ra được thực trạng và giải pháp quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp FAHP được thực hiện dựa trên phương pháp AHP (Saaty, 1988) trong một tập mờ để giải quyết các đánh giá không chắc chắn, không chính xác của các chuyên gia thông qua các biến ngôn ngữ hoặc số mờ. Việc sử dụng thang đo mờ trong phương pháp FAHP đã phản ánh được sự đánh giá mang tính ước lượng chưa rõ của các chuyên gia trong quá trình so sánh từng cặp tiêu chí (Buckley, 1985; Chang, 1996; Mikhailov, 2004). Công trình đầu tiên về FAHP là của Van Laarhoven và Pedrycz (1983), so sánh các tỷ lệ mờ được mô tả bằng các số tam giác mờ. Trong phương pháp này, trọng số mờ được suy ra từ ma trận so sánh mờ thông qua phương pháp bình phương nhỏ nhất lôgarit mờ. Buckley (1985) xác định trọng số mờ của tỷ lệ so sánh với số mờ hình thang bằng phương pháp trung bình hình học. Chang (1996) đã đề xuất một phương pháp phân tích mức độ cho FAHP, sử dụng các số tam giác mờ cho các ma trận so sánh theo cặp để tính ra các trọng số rõ nét. Sau đó, Mikhailov (2004) đề xuất một phương pháp ưu tiên mờ để thu được trọng số rõ nét từ ma trận so sánh mờ thông qua tối ưu hóa phi tuyến. Trọng số của các tiêu chí đề xuất trong nghiên cứu này được xác định bằng kỹ thuật AHP mờ. Nghiên cứu này được áp dụng cho các phương pháp FAHP do Chang (1996) đề xuất.

Nghiên cứu được thực hiện thông qua việc tham khảo những bài báo khoa học, những nghiên cứu trước, sách báo, nguồn Internet... và tham khảo các chuyên gia, những người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu. Sau cùng, tác giả nhận dạng được 30 nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị, các rủi ro được phân thành 06 nhóm như sau:

Bảng 2. Các nhân tố rủi ro

Stt	Ký hiệu	Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến trật tự xây dựng đô thị trong công tác quản lý xây dựng
I	NA	Nhóm yếu tố về thể chế và chính sách pháp luật
1	NA1	Việc ban hành chưa kịp thời và thường xuyên thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật (Luật, Nghị định, Thông tư).

2	NA2	Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về xây dựng còn nhiều bất cập, chưa mang lại hiệu quả
3	NA3	Công tác cải cách hành chính chưa hiệu quả (quy trình thủ tục phức tạp, rườm rà mất nhiều thời gian).
4	NA4	Việc phủ kín các quy hoạch chi tiết, không có quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch tại các khu vực đô thị
5	NA5	Công tác phối hợp trong quản lý trật tự xây dựng đô thị còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành
6	NA6	Sự quyết liệt, kiên quyết trong công tác xử lý các vi phạm tại địa phương
7	NA7	Quy định về chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự xây dựng còn nhẹ, chưa đủ tính răn đe
II	NB	Nhóm yếu tố về việc thực hiện nhiệm vụ của Cán bộ, công chức, viên chức
1	NB1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.
2	NB2	Tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức trong việc thực hiện công vụ, tham nhũng vặt, với vịnh của người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.
3	NB3	Sự quan tâm lãnh chỉ đạo của người có thẩm quyền, cá nể, ngại va chạm trong việc xử lý vi phạm.
4	NB4	Quy định trong việc xử lý trách nhiệm cán bộ trong việc thiếu trách nhiệm, buông lỏng trong quản lý trật tự xây dựng chưa chặt chẽ.
III	NC	Nhóm yếu tố về chủ đầu tư/người dân
1	NC1	Việc am hiểu và ý thức chấp hành của chủ đầu tư/ người dân về pháp luật xây dựng.
2	NC2	Cố tình xây dựng khi chưa đủ điều kiện xây dựng theo quy định, cố tình xây dựng sai phép, không phép...
3	NC3	Cố tình chống đối lực lượng chức năng khi bị xử lý vi phạm, không chấp hành Quyết định xử phạt của cơ quan có thẩm quyền.
4	NC4	Có nhu cầu cấp bách về nhà ở nên phải cơ nới lấn chiếm đo quỹ đất đã hiến làm đường hoặc bị giải phóng mặt bằng...
5	NC5	Lợi dụng vào mối quan hệ hoặc chức vụ để cố tình vi phạm.
IV	ND	Nhóm yếu tố về đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát, thi công
1	ND1	Khả năng đáp ứng của các nhà thầu tư vấn, thi công về năng lực của tổ chức, cá nhân (số lượng, trình độ, kinh nghiệm)
2	ND2	Việc quản lý về sự thay đổi những thiết kế bất hợp lý của chủ đầu tư.
3	ND3	Công tác giám sát tại công trình không bảo đảm quy định ảnh hưởng đến chất lượng công trình.
4	ND4	Thi công không có biện pháp an toàn lao động hoặc gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.
5	ND5	Thi công công trình có nguy cơ xảy ra sự cố công trình ảnh hưởng đến tính mạng, công trình lân cận và cộng đồng.
V	NE	Nhóm yếu tố đặc thù của địa phương
1	NE1	Địa bàn có nhiều sông rạch, người dân thường xây nhà lấn chiếm đất bờ sông, kênh, rạch.
2	NE2	Thu nhập của người dân còn thấp, nên người dân thường lấn chiếm đất hoặc không chuyển mục đích sử dụng đất khi xây nhà ở.
3	NE3	Tốc độ đô thị hóa của tỉnh nhanh; nhu cầu nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp của người dân chưa được đáp ứng.

4	NE4	Việc sâu sát bám địa bàn của các cơ quan quản lý và cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng tại địa phương.
5	NE5	Phương pháp quản lý trật tự xây dựng của địa phương
IV	NF	Nhóm yếu tố khách quan
1	NF1	Biên chế dành cho lực lượng quản lý công tác trật tự xây dựng tại địa phương còn ít.
2	NF2	An ninh và tình trạng xã hội ở khu vực.
3	NF3	Yếu tố tập quán sinh sống của người dân tại địa phương.
4	NF4	Yếu tố về thời gian, lịch sử để lại.

3.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Nghiên cứu gửi 30 bảng câu hỏi để tiến hành khảo sát thử (Pilot test) và kiểm tra hệ số Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy của thang đo trước khi khảo sát đại trà (tránh trường hợp số liệu khảo sát đại trà không đạt yêu cầu). Kết quả như sau:

Bảng 3. Nhóm khả năng xảy ra

Mã nhóm nhân tố	Tên nhóm nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha
NA	Nhóm yếu tố về thể chế và chính sách pháp luật	0,854
NB	Nhóm yếu tố về việc thực hiện nhiệm vụ của Cán bộ, công chức, viên chức	0,9
NC	Nhóm yếu tố về chủ đầu tư/người dân	0,847
ND	Nhóm yếu tố về đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát, thi công	0,861
NE	Nhóm yếu tố đặc thù của địa phương	0,806
NF	Nhóm yếu tố khách quan	0,876

Bảng 4. Nhóm mức độ ảnh hưởng

Mã nhóm nhân tố	Tên nhóm nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha
NA	Nhóm yếu tố về thể chế và chính sách pháp luật	0,944
NB	Nhóm yếu tố về việc thực hiện nhiệm vụ của Cán bộ, công chức, viên chức	0,948
NC	Nhóm yếu tố về chủ đầu tư/người dân	0,926
ND	Nhóm yếu tố về đơn vị tư vấn thiết kế, giám sát, thi công	0,939
NE	Nhóm yếu tố đặc thù của địa phương	0,903
NF	Nhóm yếu tố khách quan	0,908

Kết quả thu thập được từ khảo sát thử nghiệm được xử lý phân tích thống kê bằng SPSS cho ra kết quả tất cả 30 nhân tố được khảo sát tại 02 nhóm nhân tố khả năng xảy ra và mức độ ảnh hưởng có trung bình số điểm mean cả 02 nhóm >0,25 và hệ số Cronbach alpha điều >0,8 nên bảng câu hỏi được thiết kế phù hợp. Do đó, tác giả không loại nhân tố nào và sử dụng tiếp tục bảng khảo sát này để thực hiện khảo sát đại trà.

3.2. Khảo sát và thu thập số liệu đại trà

Có 207 bảng câu hỏi gửi đến những chuyên gia và những người có quan tâm, hiểu biết về công tác trật tự

xây dựng đô thị tại tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Kiểm định One Sample T-test

3.3.1 Phương pháp đánh giá rủi ro ở đây được sử dụng là xác suất xảy ra và tác động

$$RL = P + I - P \times I$$

Trong đó:

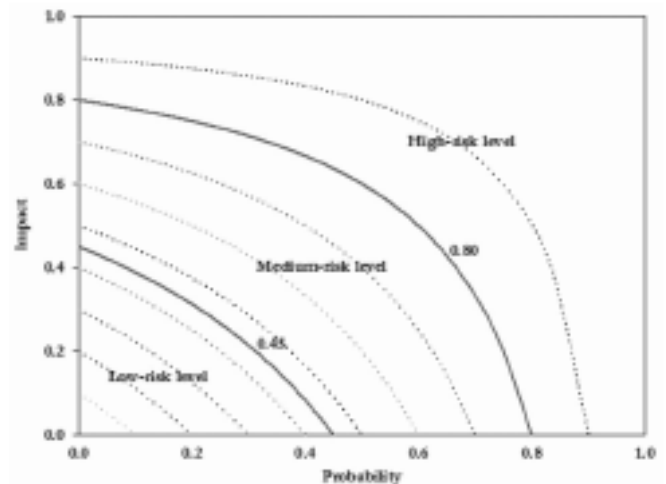
RL (Risk Level): Mức độ rủi ro kết hợp (có giá trị từ 0 đến 1).

P (Probability of Risk): Xác suất xảy ra của rủi ro (có giá trị từ 0 đến 1).

I (Risk Impact): Mức độ tác động của rủi ro (có giá trị từ 0 đến 1).

Tất cả các rủi ro sau đó được phân loại thành ba cấp độ: cao, trung bình và thấp. Theo kết quả từ phỏng vấn, ranh giới giữa mức độ rủi ro cao và mức độ trung bình, giữa mức độ rủi ro trung bình và mức độ rủi ro thấp được xác định lần lượt là $RL = 0,80$ và $RL = 0,45$ [1], như trong Hình 4. Để kiểm tra thống kê sự giống và khác nhau về nhận thức giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu. Tất cả các rủi ro sau đó được phân loại thành ba cấp độ: cao, trung bình và thấp.

Việc sử dụng công thức trên giúp giảm độ lệch chuẩn và phương sai của hai nhân tố xác suất xảy ra rủi ro và mức độ tác động của rủi ro khi quy 2 nhân tố này về thang đo RL và phân tích trong phần mềm SPSS.



Hình 4. Biểu đồ phân cấp rủi ro thấp, trung bình và cao [1]

3.3.2. Phương pháp kiểm định One-Sample T-Test để đánh giá rủi ro

Mục đích: phương pháp kiểm định One-Sample T-Test đã được sử dụng cho các nhóm có bằng hoặc hơn 30 mẫu (nghiên cứu có 156 mẫu) nhằm so sánh trung bình điểm đánh giá mức độ đồng ý các tiêu chí rủi ro với giá trị ranh giới mức độ rủi ro cao, trung bình và thấp. Các ranh giới mức độ rủi ro được xác định lần lượt là:

$$RL = 0,80 \text{ và } RL = 0,45 [1].$$

Thang đo Likert được sử dụng để đo lường thái độ hay quan điểm bằng cách đề nghị người trả lời đưa ra các đánh giá hay mức độ đồng tình về một vấn đề. Thang đo bao gồm năm mức độ diễn đạt từ thấp nhất đến cao nhất, với mức 1 thể hiện việc hoàn toàn không đồng ý với tiêu chí đưa ra, mức 2 thể hiện sự không đồng ý, mức 3 thể hiện quan điểm trung lập với tiêu chí và mức 4, 5 thể hiện thái độ ngược lại đối với tiêu chí so với mức

Bảng 5. Xếp hạng các nhân tố có giá trị rủi ro cao nhất

Trong nghiên cứu này tác giả chọn 5 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp để tiến hành áp dụng mô hình thực tế, trong đó: Thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự, huyện Tháp Mười, huyện Tam Nông và huyện Lấp Vò.

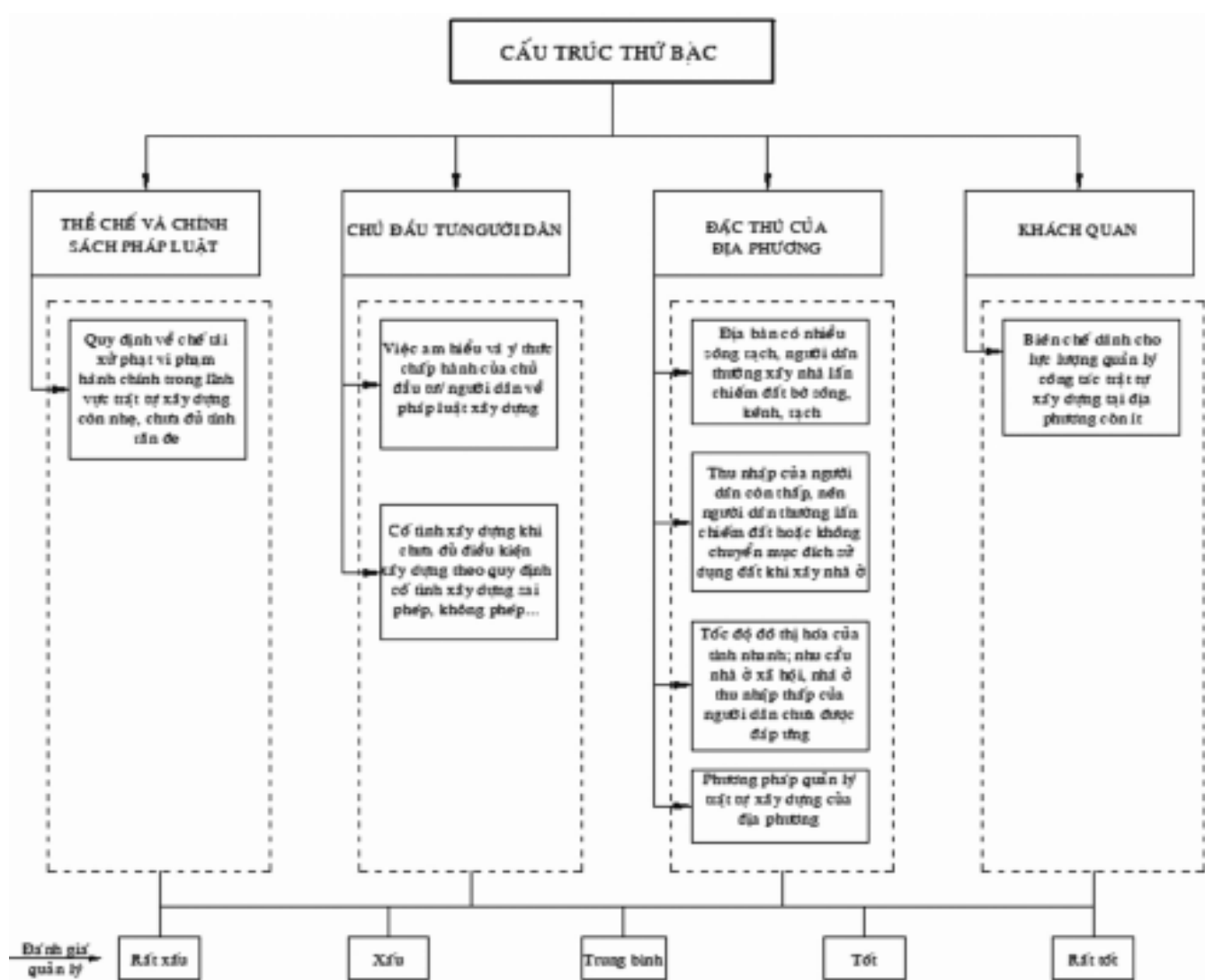
STT	Nội dung vi phạm	Số công trình vi phạm				
		Huyện Tam Nông	Huyện Lập Võ	Huyện Tháp Mười	TP. Hồng Ngự	TP. Sa Đéc
01	Xây dựng sai nội dung giấy phép được cấp	5	0	2	20	11
02	Xây dựng không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng	26	0	2	10	31
03	Xây dựng không phù hợp với quy hoạch xây dựng; Vi phạm chỉ giới xây dựng; sai cốt xây dựng	59	0	1	4	1
04	Xây dựng chiếm dụng đất của đường bộ hoặc đất hành lang an toàn đường bộ	1062	66	258	21	0
05	Xây dựng cơi nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian của người khác hoặc của khu vực công cộng và sông, kênh rạch ở nông thôn	1505	3	68	12	2

Bảng 7. Bảng thống kê tần suất vi phạm trên từng khu vực

4. Xây dựng mô hình FAHP



Bước 2: Xây dựng ma trận so sánh cặp về mức độ



Hình 6. Cấu trúc thứ bậc trong đánh giá quản lý

Bảng 8. Tổng hợp vector trọng số cho các tiêu chí theo AHP

Người đánh giá	Ký hiệu véc tơ	Véc tơ trọng số								λ max	CI	CR
		NE1	NC1	NC2	NE2	NE3	NF1	NA7	NE5			
1	w1	0,240	0,187	0,196	0,127	0,096	0,084	0,049	0,023	9	0,14	0,09
2	w2	0,274	0,188	0,191	0,111	0,097	0,069	0,043	0,028	8,9	0,13	0,09
3	w3	0,268	0,192	0,178	0,118	0,095	0,081	0,045	0,023	8,9	0,13	0,09
4	w4	0,282	0,177	0,158	0,125	0,111	0,082	0,047	0,019	8,8	0,11	0,08
5	w5	0,243	0,179	0,212	0,116	0,102	0,080	0,044	0,023	8,9	0,13	0,10

quan trọng và xác định véc tơ độ ưu tiên (trọng số cho các nhân tố, các nhóm nhân tố). Trong bảng ma trận so sánh cặp ta chỉ thể hiện thang đo truyền thống, thang đo mờ sẽ được hiểu tương ứng như bảng 1:

Có 5 chuyên gia đánh giá nên ta sẽ có 5 ma trận so sánh cặp tương ứng với kết quả như sau:

4.2. Tính toán theo mô hình thực tế

Thực hiện khảo sát 5 chuyên gia am hiểu thực tế tại các khu vực được lựa chọn để đưa ra kết quả đánh giá

mô hình, kết quả như sau:

5. Kết luận và phân tích kết quả

Từ kết quả đánh giá nêu trên, các véc tơ trọng số tập trung vào những nhân tố của nhóm đặc thù của địa phương và nhóm nhân tố về chủ đầu tư/người dân ảnh hưởng rất lớn đến việc quản lý hiệu quả của công tác trật tự xây dựng đô thị. Trong đó ý thức chấp hành pháp luật của người dân tại từng khu vực cũng khác nhau, tại khu vực đô thị lớn như thành phố Sa Đéc và thành phố

Bảng 9. Tổng hợp vector trọng số cho các tiêu chí theo FAHP

Người đánh giá	Ký hiệu véc tơ	Véc tơ trọng số								$\lambda_{\max}$	CI	CR
		NE1	NC1	NC2	NE2	NE3	NF1	NA7	NE5			
1	w11	0.192	0.179	0.200	0.135	0.104	0.114	0.057	0.019	8.97	0.138	0.098
2	w12	0.224	0.194	0.207	0.131	0.108	0.075	0.042	0.020	8.91	0.13	0.092
3	w13	0.241	0.194	0.190	0.123	0.090	0.101	0.042	0.020	8.89	0.13	0.090
4	w14	0.224	0.172	0.168	0.122	0.132	0.109	0.055	0.018	8.76	0.11	0.077
5	w15	0.188	0.176	0.221	0.125	0.102	0.112	0.056	0.019	8.94	0.13	0.095

Bảng 10. Kết quả đánh giá mô hình FAHP so với thực tế từng khu vực

Tiêu chí		NE1	NC1	NC2	NE2	NE3	NF1	NA7	NE5	GTTB	Thứ bậc
Giá trị trọng số (W)		0.21	0.18	0.20	0.13	0.11	0.10	0.05	0.02		
TP. Sa Đéc	Ý kiến chuyên gia	8	7	9	8	9	8	7	7	13.47	1
	Trọng số (W1)	1.71	1.50	1.92	1.71	1.92	1.71	1.50	1.50		
TP. Hồng Ngự	Ý kiến chuyên gia	6	6	7	6	7	7	6	5	10.69	2
	Trọng số (W2)	1.28	1.28	1.50	1.28	1.50	1.50	1.28	1.07		
Huyện Lấp Vò	Ý kiến chuyên gia	5	4	5	5	8	5	5	4	8.77	3
	Trọng số (W3)	1.07	0.86	1.07	1.07	1.71	1.07	1.07	0.86		
Huyện Tháp Mười	Ý kiến chuyên gia	3	3	2	4	3	2	3	2	4.70	4
	Trọng số (W4)	0.64	0.64	0.43	0.86	0.64	0.43	0.64	0.43		
Huyện Tam Nông	Ý kiến chuyên gia	1	2	1	3	1	1	2	2	2.78	5
	Trọng số (W5)	0.21	0.43	0.21	0.64	0.21	0.21	0.43	0.43		

Hồng Ngự thì ý thức chấp hành pháp luật của người dân cao, phương pháp quản lý của chính quyền địa phương hiệu quả (như có đội quản lý trật tự xây dựng, địa bàn nhỏ) nên tỉ lệ vi phạm trật tự xây dựng là khá thấp, tại các khu vực có địa bàn rộng lớn, dân số đông, địa hình có nhiều sông ngòi, nhiều tuyến đường đi qua và số lượng hộ nghèo đông, thu nhập đầu người thấp như huyện Tháp Mười và huyện Tam Nông thì tỉ lệ vi phạm trật tự xây dựng lại rất cao. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1]. L. Veerasak et al., "A comparative study on the risk perceptions of the Public and Private sectors in Public-private Partnership (PPP) transportation projects in Vietnam" Engineering Journal, vol. 21, iss. 7, 2017.
- [2]. Buckley, J. J. (1985). Fuzzy hierarchical analysis. *Fuzzy sets and Systems*, 17(3), 233-247.
- [3]. Chang, D.-Y. (1996). Applications of the extent analysis method on fuzzy AHP. *European journal of operational research*, 95(3), 649-655.
- [4]. Harker, P. T., & Vargas, L. G. (1990). Reply to "Remarks on the analytic hierarchy process" by JS Dyer. *Management Science*, 36(3), 269-273.
- [5]. Mikhailov, L., & Tsvetnikov, P. (2004). Evaluation of services using a fuzzy analytic hierarchy process. *Applied Soft Computing*, 5(1), 23-33.

[6]. Saaty, T. L. (1988). *What is the analytic hierarchy process? In Mathematical models for decision support* (pp. 109-121): Springer.

[7]. Van Laarhoven, P. J., & Pedrycz, W. (1983). A fuzzy extension of Saaty's priority theory. *Fuzzy sets and Systems*, 11(1-3), 229-241.

[8]. Zadeh, L. A. (1975). The concept of a linguistic variable and its application to approximate reasoning-III. *Information sciences*, 9(1), 43-80.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN VÀ THIẾT KẾ SAU CƠ SỞ CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

Relationship between factors affecting the appraisal process of project and designs created after the fundamental design made by the specialized construction agency

PGS. TS Phạm Hồng Luân - Giảng viên, Khoa Kỹ thuật Xây Dựng - Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM. Email: phluan@yahoo.com

KS. Phạm Văn Linh - Trưởng phòng Quản lý Dự án, Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Dự án Xây dựng Quốc tế ICP.

Email: linhpv@icpproject.com.vn / mailto:ntqui270388@gmail.com

Điện thoại: 0977.945.622

Tóm tắt: Với mục tiêu xác định mối liên hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng, qua khảo sát với bảng câu hỏi khảo sát được gửi đến các chuyên gia nhiều kinh nghiệm trên nhiều lĩnh vực liên quan đến ngành xây dựng và áp dụng các phương pháp phân tích thống kê bao gồm: phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA), mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) nghiên cứu đã đưa ra được 06 nhóm nhân tố được đánh giá là có ảnh hưởng đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Thông qua kết luận rút ra từ nghiên cứu này, các chủ thể tham gia dự án có thể lưu ý các rủi ro, đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi thực hiện thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Từ khóa: SEM, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Abstract: To determine the relationship between factors affecting the process of appraisal and approval of construction projects and construction designs following the basic designs made by the specialized construction agencies, through a questionnaire survey from experienced experts and statistical analysis including: Exploratory Factor Analysis (EFA), Confirmatory Factor Analysis (CFA), Structural Equation Modeling (SEM). Research has identified 6 groups of factors affecting the process of appraisal and approval of construction projects. Through the conclusions drawn from this study, project participants can take note of risks, take risk prevention measures when performing the appraisal and approval of construction projects and construction designs following the basic designs made by the specialized construction agencies.

Key words: SEM, Project appraisal, design appraisal, The specialized construction agency.

1. Giới thiệu

Trong quá trình triển khai dự án thuộc bất cứ nguồn vốn nào thì việc tuân thủ các quy định về pháp luật trong quản lý đầu tư xây dựng là một trong những vấn đề tiên quyết, do vậy đòi hỏi chủ đầu tư, tổng thầu và các đơn vị tư vấn liên quan phải tìm hiểu, cũng như có những nhìn nhận thấu đáo và chính xác về các quy định pháp luật có liên quan để dự án được triển khai xuyên suốt, đáp ứng tiến độ đề ra và thủ tục thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng là một trong những thủ tục quan trọng không thể bỏ qua. Nghiên cứu này sẽ góp phần đưa ra một số kết quả phân tích, khuyến nghị giúp Chủ đầu tư và các bộ phận liên quan có những căn cứ để nâng cao hiệu quả quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

2. Tổng quan

Dựa vào kết quả nghiên cứu của D. Afila MSc and N. J. Smith (2007), Savvakis Savvides (2013), Mai Chiếm

Hoàng (2021), và các tài liệu pháp luật liên quan từ các cơ quan thực thi pháp luật của các nước tiên tiến trên thế giới trên thế giới như Ireland's National Roads Authority (2011), Ghana's Minister of Finance and Economic Planning (2020) đã xác định được sơ bộ các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm:

STT	Nhóm nhân tố	Các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình thẩm định thiết kế
1	Năng lực	Năng lực của Chủ đầu tư không đáp ứng (Tài chính, chuyên môn...)
2	hoạt động	Năng lực Đơn vị Quản lý dự án không đáp ứng
3	xây dựng	Năng lực Đơn vị Tư vấn thiết kế không đáp ứng
4	của các	Năng lực Đơn vị thẩm tra thiết kế không đáp ứng
5	chủ thể	Năng lực đơn vị khảo sát thiết kế không đáp ứng
6	tham gia	Năng lực Cơ quan thẩm định không đáp ứng
7		Thông tin dự án không đầy đủ



8	Sai sót	Sai sót trong quá trình triển khai thẩm định
9	trong quá	Thay đổi thiết kế trong quá trình triển khai
10	trình thiết	Điều kiện địa chất phức tạp
11	kế	Chậm trễ tạm ứng thanh toán
12	Sai sót của Các hồ sơ liên quan đến quá trình thẩm định	Pháp lý đất đai chưa phù hợp
13		Hồ sơ môi trường không đảm bảo
14		Hồ sơ thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy chưa phù hợp
15		Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc không đáp ứng
16		Hồ sơ đầu nổi hạ tầng giao thông chưa phù hợp
17		Sai sót Hồ sơ thuyết minh và Bản vẽ thiết kế
18		Sai sót trong lập tổng Dự toán xây dựng
19		Hồ sơ khảo sát xây dựng chưa chính xác
20		Hồ sơ thiết kế không phù hợp với chủ trương đầu tư hoặc các bước thiết kế trước
21		Thiếu liên lạc giữa các bên trong quá trình thẩm định
22	Quá trình phối hợp, thực hiện	Né tránh trách nhiệm của các bên tham gia.
23		Không tuân thủ các công việc, kế hoạch đã thống nhất.
24		Sự cấu kết gian lận giữa các bên liên quan.
25		Quá trình tổng hợp ý kiến của cơ quan ban ngành kéo dài
26		Lập tiến độ, kế hoạch thiết kế không hợp lý.
27		Tranh chấp và đình công
28		Những nhiễu, hối lộ.
29		Thay đổi chính sách
30	Cơ chế và Quy định pháp luật liên quan	Thủ tục hành chính phức tạp
31		Quan liêu, thiếu trách nhiệm của cán bộ thẩm định
32		Chưa nắm rõ quy định về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề xây dựng
33		Chưa nắm rõ quy định của pháp luật liên quan ngoài pháp luật xây dựng
34	Tài chính, thị trường, bất khả kháng	Lạm phát
35		Thay đổi lãi suất, thuế
36		Giá vật tư thay đổi
37		Dịch bệnh

3. Phương pháp nghiên cứu

Bước 1: Từ thực tiễn công việc và nghiên cứu các quy định hiện hành xác định vấn đề nghiên cứu cũng như đưa ra các mục tiêu và đóng góp dự kiến của đề tài.

Bước 2: Sau khi tìm hiểu các nghiên cứu liên quan, các bài báo khoa học cũng như quy định của pháp luật trong và ngoài nước nghiên cứu đã sơ bộ xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thiết kế, lập dự án.

Bước 3: Để đảm bảo tính chính xác và phù hợp của các nhân tố, nhóm nhân tố, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn, ghi nhận ý kiến góp ý của các chuyên gia để hiệu chỉnh các nhân tố và bổ sung các nhân tố khác được các chuyên gia xem là quan trọng tuy nhiên chưa được đề cập trong các nghiên cứu trước đây.

Bước 4: Sau khi điều chỉnh bổ sung các nhân tố tiến

hành xây dựng bảng câu hỏi và tiến hành khảo sát thử với các chuyên gia để đánh giá mức độ đạt yêu cầu của bảng câu hỏi, khi đã hoàn thiện thì thực hiện khảo sát đại trà

Bước 5: Sau khi hoàn thành công tác khảo sát và tổng hợp số liệu thu thập được, tiến hành phân tích số liệu áp dụng các phân tích bao gồm: Phân tích Hệ số Cronbach's alpha, Phân tích nhân tố khám phá (EFA), Phân tích nhân tố khẳng định (CFA), Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM từ đó đưa ra mối quan hệ giữa các nhân tố đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

4. Kết quả nghiên cứu

Bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên lược khảo tài liệu và thực hiện pilot test với các chuyên gia xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Thang đo Likert 5 mức độ được thiết kế từ 1 đến 5 (1= hoàn toàn không đồng ý, 5= hoàn toàn đồng ý). Qua quá trình khảo sát các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm thuộc các chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình thẩm định dự án, thẩm định thiết kế bao gồm: Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn khảo sát, Quản lý dự án, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về xây dựng và các bên liên quan đã thu được 200 bảng trả lời hợp lệ trên tổng 236 bảng lời khảo sát thu về đạt 84,7%.

Thông qua kiểm tra độ tin cậy với hệ số Cronbach's Alpha loại biến "lập tiến độ, kế hoạch thiết kế không hợp lý" vì hệ số tương quan biến tổng thể của nhân tố này (Corrected Item-Total Correlation) nhỏ hơn 0,3, các biến còn lại Hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng thể lớn hơn 0,3 (Hoàng và Chu, 2008) nên tất cả thang đo của các nhân tố còn lại đều đạt độ tin cậy, được sử dụng để phân tích EFA.

Phân tích nhân tố khám phá EFA được thực hiện với phương pháp trích xuất Principal Components và phép quay Promax và hệ số tải 0.5 thì loại biến "thay đổi lãi suất, thuế" do biến này có hệ số tải nhỏ hơn 0,5, hệ số tải các biến quan sát còn lại đều có ý nghĩa đóng góp cho mô hình (Hair et al, 2009).

Thông qua phân tích nhân tố khẳng định CFA khẳng định tất cả các biến còn lại đều có ý nghĩa trong mô hình nghiên cứu vì Giá trị CR đều lớn hơn 0.7 và AVE đều lớn hơn 0.5 các thang đo đều đảm bảo tính hội tụ (Hair et al (2009)), giá trị MSV nhỏ hơn AVE, do vậy tính phân biệt được đảm bảo (Fornell & Larcker (1981)).

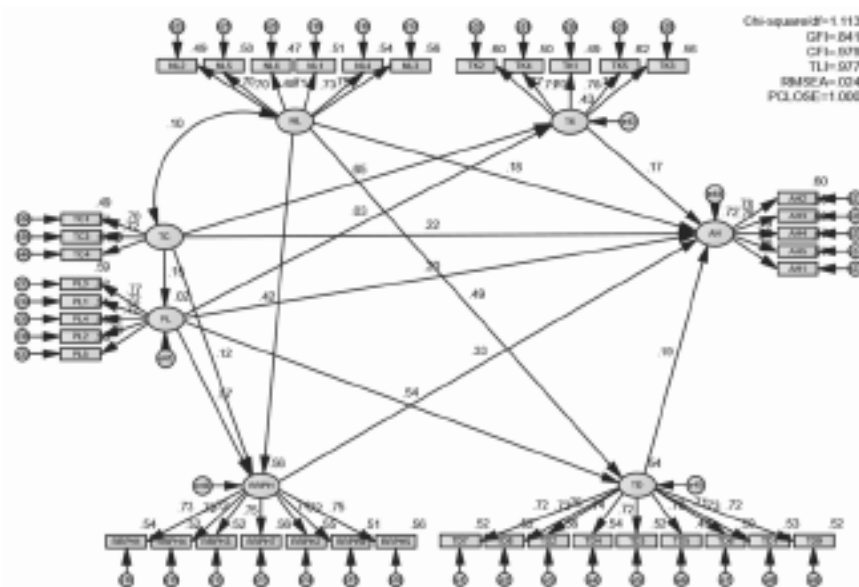
Qua kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, nghiên cứu đã đánh giá được mức độ tác động của các yếu tố chính với nhau thể hiện ở một sơ đồ rất trực quan về các mối quan hệ này như hình dưới đây:

Qua kết quả phân tích nêu trên các mối quan hệ tác động có ý nghĩa trong mô hình là:

Nhóm nhân tố NL - "Năng lực hoạt động xây dựng của các chủ thể tham gia" tác động đến RRPH - "Quá trình phối hợp, thực hiện".

Nhóm nhân tố NL - "Năng lực hoạt động xây dựng của các chủ thể tham gia" tác động đến TD - "Sai sót của các hồ sơ liên quan đến quá trình thẩm định".

Nhóm nhân tố PL - "Cơ chế và quy định pháp luật liên quan" tác động đến RRPH - "Quá trình phối hợp, thực



hiện”.

Nhóm nhân tố TC - “Tài chính, thị trường, bất khả kháng” tác động đến TK - “Sai sót trong quá trình thiết kế”.

Nhóm nhân tố PL - “Cơ chế và quy định pháp luật liên quan” tác động đến TD “Sai sót của các hồ sơ liên quan đến quá trình thẩm định”.

Nhóm nhân tố TC - “Tài chính, thị trường, bất khả kháng” tác động đến AH “các nhân tố ảnh hưởng đến thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng”.

Nhóm nhân tố PL “Cơ chế và quy định pháp luật liên quan” tác động đến AH “Các nhân tố ảnh hưởng đến thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng”.

Nhóm nhân tố NL “Năng lực hoạt động xây dựng của các chủ thể tham gia” tác động đến AH “Các nhân tố ảnh hưởng đến thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng”.

Nhóm nhân tố RRPH - “Quá trình phối hợp, thực hiện” tác động đến AH - “Các nhân tố ảnh hưởng đến thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng”.

Nhóm nhân tố TK - “Sai sót trong quá trình thiết kế” tác động đến AH - “Các nhân tố ảnh hưởng đến thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng”.

Nhóm nhân tố TD - “Sai sót của các hồ sơ liên quan đến quá trình thẩm định” tác động đến AH - “Các nhân tố ảnh hưởng đến thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng”.

Từ kết quả phân tích mô hình như trên nghiên cứu thấy được quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng là một trong những bước quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và hiệu quả dự án do vậy để nâng cao hiệu quả quá trình trên các chủ thể tham gia cần đặc biệt lưu ý đến việc phối hợp, tương tác, phân công nhiệm vụ giữa các thành phần tham gia, luôn đảm bảo việc cập nhật thông tin với cơ quan thẩm định và hiệu chỉnh hồ sơ kịp thời, nắm bắt và tuân thủ các quy định của pháp luật liên

quan để hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh trong quá trình thẩm định.

Để nâng cao hiệu quả quá trình thẩm định, nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị về biện pháp ngăn chặn và khắc phục các rủi ro đối với từng chủ thể tham gia trong quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng như sau:

a. Đối với chủ đầu tư/quản lý dự án:

Lựa chọn các đơn vị tư vấn (thiết kế, thẩm tra, khảo sát...) có năng lực tốt, đáp ứng các quy định về năng lực kinh nghiệm và chứng chỉ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nắm rõ các quy định của pháp luật liên quan đến quá trình thẩm

định dự án, thiết kế, và các quy định của pháp luật liên quan khác. Đặc biệt cần có bộ phận nắm tổng thể quy định về thành phần hồ sơ cũng như các nội dung cơ bản của từng hồ sơ kiểm tra chi tiết từng hồ sơ để loại trừ sai sót và giải trình kịp thời với cơ quan thẩm định khi có yêu cầu.

Luôn luôn có quy trình phối hợp giữa các đơn vị tham gia quá trình thẩm định, phân công nhiệm vụ trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, đảm bảo thông tin liên tục tránh các xung đột, tranh chấp trong quá trình thẩm định.

Có tiến độ thực hiện dự án cụ thể, phù hợp với thực tế, chuẩn bị nguồn lực tài chính đảm bảo và dự phòng cho các yếu tố rủi ro bất khả kháng: dịch bệnh, lạm phát, trượt giá.

Thanh toán kịp thời các chi phí tư vấn theo đúng thỏa thuận hợp đồng với các đơn vị.

b. Đối với các đơn vị tư vấn (thiết kế, thẩm tra, khảo sát):

Nắm bắt, cập nhật các tiêu chuẩn quy chuẩn đảm bảo hồ sơ tuân thủ đúng nhiệm vụ đề ra và các quy định áp dụng, hạn chế tối đa các sai sót trong các sản phẩm tư vấn đưa ra.

Luôn luôn đề cao việc nâng cao năng lực hành nghề, áp dụng công nghệ mới trong công tác tư vấn, rút ngắn thời gian thiết kế, giải trình và cập nhật hồ sơ điều chỉnh theo các góp ý của cơ quan thẩm định.

Nắm rõ các quy định về chứng chỉ hành nghề tổ chức, cá nhân để bố trí nhân sự phù hợp với quy mô và tính chất dự án.

c. Đối với cơ quan thẩm định:

Đưa ra quy trình làm việc rõ ràng, có những hướng dẫn chi tiết, phù hợp với từng dự án với quy mô khác nhau.

Tối giản các thủ tục hành chính, đảm bảo công tác thẩm định diễn ra khách quan, nhanh chóng và hiệu quả về kinh tế. ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xử lý thủ tục hành chính.

Có nhưng biện pháp ngăn chặn tham nhũng, quan

(Xem tiếp trang 65)

NGHIÊN CỨU NHỮNG TIÊU CHÍ CHÍNH TRONG VIỆC CHUẨN BỊ ĐẦU THẦU CỦA CÁC NHÀ THẦU VIỆT NAM KHI TIẾP CẬN DỰ ÁN VỐN FDI

Research on main criteria in bidding preparation of vietnam contractors when approaching fdi projects

Trần Quốc Thành - Học viên Cao học Ngành Quản lý Xây dựng, Khoa Kỹ thuật Xây dựng, Trường Đại học Bách Khoa, TP.HCM.

Email: thanh.tranquoc@hotmail.com

Nguyễn Hồng Văn - Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC).

Email: annguyendpi@gmail.com

PGS.TS. Lương Đức Long, TS. Đỗ Tiến Sỹ - Bộ môn Thi công và Quản lý Xây dựng, Khoa Kỹ thuật Xây dựng, Trường Đại học Bách Khoa, TP. HCM.

Email: luongduclong@hcmut.edu.vn / sy.dotien@hcmut.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này được tiến hành nhằm mục đích xem xét các tiêu chí ảnh hưởng đến quyết định đầu thầu của các nhà thầu cho các dự án xây dựng có vốn đầu tư FDI. Một bảng câu hỏi khảo sát, bao gồm 30 tiêu chí được phân phối cho 120 đại diện của các tổng thầu tại Việt Nam. Bằng những kết quả thu được từ các phiếu trả lời, các kỹ thuật FAHP đã được vận dụng để phân loại, sắp xếp các tiêu chí theo mức độ từ quan trọng nhất đến ít quan trọng nhất. Dựa trên các câu trả lời nhận được, nghiên cứu xác định được 30 tiêu chí thuộc 6 nhóm nhân tố gồm: Tiếp cận NĐT FDI, nguồn vốn; Độ chính xác của ước tính; Mức độ cạnh tranh; Mức độ và sự thay đổi của mark-up; Mức độ cạnh tranh; Hiệu quả và quy mô của công ty; Các điều kiện thị trường ảnh hưởng đến sự thành công trong đấu thầu xây dựng. Kết quả của bài nghiên cứu này cung cấp cho các nhà thầu một cái nhìn cụ thể thông qua các thang đo và trọng số, giúp nâng cao hiệu quả và hiệu lực của quá trình ra quyết định khi tham gia đấu thầu các dự án vốn FDI.

Từ khóa: Sự thành công trong đấu thầu xây dựng, chuẩn bị đấu thầu, dự án FDI, Fuzzy AHP.

Abstract: The study was conducted with the goal of investigating the criteria influencing contractors' bidding decisions for FDI capital construction projects. A survey questionnaire with 30 criteria was delivered to 120 representatives of some general contractors in Vietnam. Based on the outcomes of the answer sheets, fuzzy AHP has been used to classify and organize the criteria into levels ranging from most to least significant. The paper identifies 30 criteria belonging to the following six groups of factors based on the responses received, including: Approaching FDI investors, capital sources; The accuracy of the estimate; The level of competition; The level and variability of the mark-up and The level of competition; The efficiency and size of the company; Market conditions; and The level of competition affected to Bid construction successes. The findings of this study offer researchers a specific perspective on the scales and weights and help improve the efficiency of the decision-making process when participating in bids for FDI projects.

Keywords: Success in construction bidding, tender preparation, FDI projects, Fuzzy AHP

1. Giới thiệu

Số liệu tổng hợp từ Cục ĐTNĐ đã có 130 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, nhóm những NĐT đứng đầu là Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Anh, Đài Loan... những năm gần đây NĐT Trung Quốc, Hồng Kông có xu hướng tăng so do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Xét 6 tháng đầu năm 2021 theo số lượng dự án mới thì Hàn Quốc đứng vị trí thứ nhất (617 dự án); Trung Quốc đứng vị trí thứ hai (360 dự án); Nhật Bản đứng thứ ba (283 dự án); Singapore đứng thứ tư (256 dự án). Làn sóng đầu tư mạnh mẽ từ các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam là rất lớn nên nhu cầu về xây dựng tăng cao, vấn đề đặt ra ở đây là hướng tiếp cận, năng lực đáp ứng và sự chuẩn bị của các nhà thầu Việt Nam để nâng cao năng lực cạnh tranh với các tổng thầu nước ngoài. Trước sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp nước ngoài

cũng là cơ hội và thách thức lớn cho các nhà thầu Việt Nam trong cách tiếp cận, giới thiệu năng lực với các CĐT, tư vấn quản lý dự án.

Tại Việt Nam, các nhà thầu nước ngoài chiếm tỷ trọng khá lớn trong các dự án xây dựng vốn FDI không chỉ về năng lực cạnh tranh, mức độ tin cậy hay văn hóa quốc gia mà còn là sự chưa hoàn chỉnh về pháp lý. Các nhà ĐTNĐ cũng phải tự chịu trách nhiệm phê duyệt về tổng mức đầu tư mà mình đầu tư tại nước ngoài. Nhật Bản quan tâm về chất lượng công trình bền vững, lâu dài và ít nảy sinh vấn đề tiêu cực. Một số quốc gia khác như Hàn Quốc, Trung Quốc thường có sự kết nối với nhau để make-up giá trị gói thầu và giao thầu lại cho các nhà thầu Việt Nam, thương thảo với các nhà thầu Việt Nam xử lý các chi phí về tiền mặt thì mới giao thầu. Các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức dẫn đến hạn chế năng lực cạnh tranh

trong việc tiếp cận các dự án vốn FDI. Nghiên cứu này mục đích nhận diện các nhân tố ảnh hưởng và đánh giá tầm quan trọng của các nhân tố đến khả năng thắng thầu, tiếp cận tốt hơn các dự án vốn FDI với thông qua việc sử dụng phương pháp AHP được phát triển bởi Thomas L. Saaty (1970). AHP cung cấp một khung sườn chính xác cho cấu trúc một vấn đề cần giải quyết, AHP kết hợp chặt chẽ với chuẩn quyết định và người làm quyết định và xác định việc đánh đổi qua lại giữa các mục tiêu.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Dòng nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến các quyết định đầu thầu xuất hiện khá sớm, từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Ahmad và Minkarah (1988) nghiên cứu chiến lược đầu thầu của các nhà thầu xây dựng ở Mỹ với 10 tiêu chí lựa chọn quan trọng (quy mô dự án, kinh nghiệm, chi phí, lợi nhuận, khả năng quản lý...); Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến việc đầu thầu thành công của các công ty xây dựng của Anh tham gia đấu thầu tại thị trường Vương quốc Anh của Harris &

McCaffer (1989) và Abdel- Razek (1987) đã chỉ ra 05 trụ cột quyết định sự thành công trong đấu thầu xây dựng: Độ chính xác của ước tính; Mức độ và sự thay đổi của mark-up; Các điều kiện thị trường; Mức độ cạnh tranh; Hiệu quả và quy mô của công ty. Đây là những trụ cột quan trọng để phát triển các nghiên cứu về chiến lược đầu thầu xây dựng dành cho các nhà thầu. Nhiều nghiên cứu đã phát hiện ra rằng có sự khác biệt trong xếp hạng các tiêu chí đánh giá thành công trong đấu thầu mà nhà thầu cân nhắc khi đưa ra quyết định đầu thầu. Nghiên cứu xem xét kỹ lưỡng các công trình nghiên cứu trước về các tiêu chí đánh giá về khả năng thắng thầu trong đấu thầu xây dựng để có cơ sở tư vấn cho CĐT sử dụng để lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn đánh giá hồ sơ dự thầu của các dự án xây dựng. Các nghiên cứu trước về sự thành công trong đấu thầu là rất đa dạng, tập trung đánh giá các tiêu chí chung và các tiêu chí quốc tế đo lường sự thành công trong đấu thầu xây dựng. Các nghiên cứu về các tiêu chí chung (Bảng 1) nổi bật như: Ahmad và Minkarah(1988);Odusoteva

Bảng 1. Các yếu tố chung quyết định đến sự thành công trong đấu thầu

No / STT	Factor name / Tên nhân tố	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W
F01	Vị trí dự án / Location of project	X				X						X		X	X									
F02	Sự sẵn có của nguyên vật liệu / Material availability															X								
F03	Chi phí nhân công, ca máy / Cost of manpower, machine shift					X																		
F04	Độ chính xác và mức độ tin cậy báo giá từ các nhà thầu phụ và nhà cung cấp / Accuracy and reliability of quotes from subcontractors and suppliers										X													
F05	Chi phí gián tiếp / In-direct cost (included on - site cost)																						X	
F06	Degree of difficulty / Mức độ khó khăn	X			X	X		X	X	X			X											
F07	Firm's technological ability / Trình độ công nghệ của công ty					X			X				X		X		X							
F08	Owner's special requirements / Yêu cầu đặc biệt của CĐT					X									X			X						
F09	Quy mô dự án / Project size	X			X	X		X	X	X			X		X		X	X	X	X	X			
F10	Chi phí chung / General overhead cost																						X	
F11	Mức lợi nhuận / Profit	X				X		X	X	X			X		X		X	X	X	X	X		X	
F12	Chi phí rủi ro & Bảo hành / Risk & warranty issues																							
F13	Nhận diện CĐT / Khách hàng / Investor identified	X			X	X		X	X	X			X		X		X	X	X	X				
F14	Tính hấp dẫn của hồ sơ dự thầu / Attractiveness of bids																					X		
F15	Tài chính & dòng tiền của dự án / Project finance & cash flow										X													
F16	Type of contract / Loại hợp đồng					X				X			X		X		X	X	X		X			
F17	Proportions of advanced payment / Phần trăm tạm ứng														X		X	X	X					
F18	Expected number of competitors / Số lượng đối thủ cạnh tranh dự kiến				X	X		X	X	X			X		X		X	X						
F19	Competence of the expected competitors / Năng lực của các đối thủ dự kiến							X	X	X			X				X							
F20	Current workload / Khối lượng công việc hiện tại	X			X	X		X	X						X		X	X		X				
F21	Need for work / Độ cần thiết cho công việc	X			X					X							X	X	X					
F22	Experience in similar projects / Kinh nghiệm ở các dự án tương tự								X	X			X		X		X	X	X					

F23	Firm's financial ability / Khả năng tài chính của doanh nghiệp				X			X			X			X	X	X		
F24	Thiết bị có sẵn / Availability of equipment		X															
F25	Khả năng nhân sự của công ty và nguồn lao động sẵn có / The company's staffing capacity and available labor resources									X								
F26	Tổng số gói thầu xây dựng / Total of bidding packages																	X
F27	Chính sách của chính phủ. / Government policy.		X	X														

Fellows(1992); Shash(1993);Hassanein(1996);Wanous et al. (1998);Fayek et al.(1999);Egemen & Mohamed (2007); Bageis và Fortune(2009); El-mashaleh(2010); Jarkas et al.(2014); Lesniak và Radziejowska (2017); Shokri-Ghasabeh & Chilese(2016). Trong khi đó, Messner (1994), Han và Diekmann(2001), Gunhan và Arditi (2005),Musso và Francioni (2012), Dikmen et al. (2007), Eybpoosh et al. (2011) xây dựng các tiêu chí quốc tế đo lường sự thành công trong đấu thầu xây dựng của doanh nghiệp (Bảng 2).

Bảng 2. Các yếu tố quốc tế quyết định đến sự thành công trong đấu thầu

STT	Tên nhân tố	A1	B1	C1	D1	E1	F1	G1	H1
F28	Foreign exchange rate fluctuation / Biến động tỷ giá ngoại tệ	X	X	X	X			X	
F29	Tính quan liêu / tham nhũng / hối lộ / Bureaucratic efficiency/corruption/bribery		X				X		X
F30	Lạm phát và sự biến động giá về thị trường / Inflation and price volatility on the market		X	X		X	X		

Notes: A, Ahmad & Minkarah (1988); B, Demacopoulos (1989); C Ali Shash & Abdul-Hadi (1990); D, Odusote & Fellows (1992); E, Shash (1993); F Zhi (1995); G, Hassanein(1996); H, Wanous et al.(1998); I, Fayek et al. (1999); J, Han & Diekmann (2001); K, Yng Ling & Lie (2005);L, AA, Han, Kim & Kim (2007); M, Egemen & Mohamed (2007); O, Liu et al. (2007); P, Bageis & Fortune(2009); Q, Eybpoosh et al. (2011); R, El-mashaleh (2013); S, Jarkas et al. (2013); T, Lesniak & Plebankiewicz (2015); U, Shokri-Ghasabeh & Chilese (2016); V, Hanák et al. (2021); W, Bid International Preparation. “X” thể hiện những tiêu chí có trong các nghiên cứu.

A1, Demacopoulos (1989); B1 Zhi (1995); C1, Fayek et al. (1999); D1, Han & Diekmann (2001); E1, Wang et al. (2004); F1, Gunhan & Arditi (2005);G1, Han, Kim & Kim (2007); H1, Eybpoosh et al. (2011) “X” thể hiện những tiêu chí có trong các nghiên cứu

3. Phương pháp nghiên cứu

Đấu thầu hay không đấu thầu các dự án xây dựng là một quyết định chiến lược quan trọng đối với sự bền vững của các nhà thầu trong ngành. Sự phức tạp và không chắc chắn cao liên quan đến quá trình ra quyết định như vậy, bao gồm nhiều cấu phần và phản ánh

những tiêu chí quyết định bên trong và bên ngoài, đòi hỏi phải khám phá thêm các yếu tố nổi bật làm cơ sở cho quyết định của nhà thầu. Phần lớn các tổng thầu nước ngoài chỉ cơ cấu bộ máy thượng tầng điều hành quản lý các nhà thầu xây dựng, lắp máy, công nghệ... và giao lại công tác vận hành cho các nhà thầu Việt Nam. Chi phí cung, lợi nhuận và rủi ro sẽ được tổng thầu nước ngoài Mark-up trên đơn giá trực tiếp tùy theo từng loại dự án. Từ những đặc điểm và phân tích trên cho thấy sự phù hợp trong việc vận dụng lý thuyết của McCaffer (1989) và Abdel- Razek (1987) với gộp 23 tiêu chí chung và quốc tế đo lường sự thành công trong đấu thầu xây dựng các dự án FDI trong 05 trụ cột cơ bản như: (1) Độ chính xác của ước tính; (2) Mức độ và sự thay đổi của mark-up; (3) Các điều kiện thị trường; (4) Mức độ cạnh tranh; (5) Hiệu quả và quy mô của công ty và bổ sung thêm 12 tiêu chí gộp thành nhân tố tiếp cận đầu tư FDI, nguồn vốn. Nhận định của hội đồng chuyên gia về bản chất của nhân tố tiếp cận đầu tư FDI, nguồn vốn bao gồm những phương thức giúp nhà thầu tiếp cận thông tin tới từng đối tượng khách hàng là NGT có ý định đầu tư vào quốc gia sở tại được cho là gần với thực tiễn, tác giả đã thuyết phục được chuyên gia qua kinh nghiệm thực tiễn và một số ý kiến khách quan từ phía nhà thầu các dự án FDI tại Việt Nam.

Bảng 3. Các tiêu chí đo lường để đo lường sự thành công trong đấu thầu xây dựng trong quá trình đấu thầu

Nhân tố	Mã	Biến số / Criterion / Factors	Nguồn
Tiếp cận nguồn vốn FDI	A1	Thông qua sự giới thiệu tin cậy từ các nhóm hiệp hội doanh nghiệp nước sở tại	[Mới]
	A2	Mức độ hỗ trợ và kết nối từ cục xúc tiến đầu tư - Bộ KH-ĐT nước sở tại	[Mới]
	A3	Sự kết nối thông tin thường xuyên, mới nhất với BQLDA KCN, khu kinh tế.	[Mới]
	A4	Sự kết nối thông tin thường xuyên, mới nhất với phòng phát triển dự án và khách hàng khu công nghiệp, khu kinh tế.	[Mới]
	A5	Thường xuyên chăm sóc khách hàng là NGT hiện hữu, kế hoạch mở rộng dự án tương lai.	[Mới]
	A6	Bộ phận chuyên biệt tiếp cận với nhóm NGT FDI phù hợp văn hóa vùng miền.	[Mới]

	A7	Chiến lược của công ty phù hợp với định hướng chính sách của chính phủ.	[Mới]
Độ chính xác ước tính	B1	Vị trí dự án	Ahmad & Minkarah (1988); Akintoye (2000)
	B2	Sự sẵn có của nguyên vật liệu	Liu et al. (2007)
	B3	Chi phí nhân công, ca máy	Shash (1993)
	B4	Độ chính xác và mức độ tin cậy báo giá từ các nhà thầu phụ và nhà cung cấp	Han & Diekmann (2001)
	B5	Chi phí gián tiếp	International Bid Preparation
	B6	Mức độ khó khăn phức tạp của dự án	Egemen & Mohamed (2007)
Mức độ và sự thay đổi của mark-up	C1	Chi phí chung General overhead cost	International Bid Preparation
	C2	Mức lợi nhuận	International Bid Preparation
	C3	Chi phí rủi ro & Bảo hành	International Bid Preparation
Các điều kiện thị trường	D1	Tính hấp dẫn của hồ sơ dự thầu	Hanák et al. (2021)
	D2	Tài chính & dòng tiền của dự án	Han & Diekmann (2001)
	D3	Loại hợp đồng	Drew & Kitmore (1999)
	D4	Tỷ lệ tạm ứng thanh toán	Shokri-Ghasabeh & Chilese (2016)
	D5	Số lượng đối thủ cạnh tranh dự kiến	El-mashaleh (2013); Jarkas et al. (2013)
	D6	Năng lực của các đối thủ dự kiến	El-mashaleh (2013)
Mức độ cạnh tranh	E1	Kinh nghiệm quá khứ, dự án tương tự	Guanghua Li (2020)
	E2	Khả năng tài chính của doanh nghiệp	Shash (1993)
	E3	Thiết bị có sẵn	Ali Shash & Abdul-Hadi (1990)
	E4	Khả năng nhân sự của công ty và nguồn lao động sẵn có	Egemen & Mohamed (2007)
Hiệu quả và quy mô của công ty	F1	Biến động tỷ giá ngoại tệ	Han et al. (2004), Han, Ki
	F2	Lạm phát và sự biến động giá về thị trường	Wang et al. (2004), Gunhan & Arditi (2005)
	F3	Tổng số gói thầu xây dựng	International Bid Preparation
	F4	Chính sách của chính phủ.	Shen et al. (2004)

Nghiên cứu khảo sát bằng bảng hỏi có cấu trúc phương pháp AHP Fuzzy đối với 12 chuyên gia từ phía CĐT, các nhà thầu thực hiện dự án nguồn vốn FDI tại Việt Nam từ tháng 08 đến tháng 10 năm 2021. Thang đo 1-9 được sử dụng để đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố trong việc chuẩn bị đấu thầu dự án nguồn

vốn FDI trên kết quả của một cuộc khảo sát thu thập tất cả số liệu cần thiết. Các tiêu chí chính lần lượt được so sánh với các tiêu chí khác ở cùng cấp độ. Các tiêu chí phụ cũng được so sánh lần lượt với các tiêu chí phụ khác thuộc cùng một tiêu chí chính. Sự so sánh này sẽ tạo thành các ma trận so sánh cặp fuzzy. Sau khi xác định được cấu trúc thứ bậc, việc thiết lập các ma trận theo cấp bậc khác nhau được thực hiện. Đầu tiên là ma trận đánh giá mờ tổng thể, ma trận này đối xứng mỗi cạnh bao gồm các nhân tố từ A đến F (ma trận Z) và các tiêu chí trong nhóm nhân tố. Việc thiết lập ma trận này hoàn toàn giống như phương pháp AHP truyền thống. Điểm khác biệt duy nhất nằm ở chỗ các so sánh cặp là các số fuzzy tam giác thay vì các số thực. Để chuyển đổi đánh giá của 12 chuyên gia thành một bảng đánh giá đại diện cho toàn nhóm, tác giả sử dụng phương pháp trung bình nhân.

Bảng 4. Thang đo fuzzy trong so sánh cặp

Thang đo AHP	Thang đo FAHP	Diễn giải
1	(1, 1, 1)	Mức độ quan trọng của hai tiêu chí là như nhau
3	(3-Δ, 3, 3+Δ)	Tiêu chí đang xét quan trọng vừa phải so với tiêu chí còn lại
5	(5-Δ, 5, 5+Δ)	Tiêu chí đang xét khá quan trọng so với tiêu chí còn lại
7	(7-Δ, 7, 7+Δ)	Tiêu chí đang xét rất quan trọng so với tiêu chí còn lại
9	(9-Δ, 9, 9+Δ)	Tiêu chí đang xét vô cùng quan trọng so với tiêu chí còn lại
2, 4, 6, 8	(x-Δ, x, x+Δ)	Trung bình của hai mức độ gần nhau

Ghi chú: Giá trị này dựa vào thang đo của Saaty (1980) = 1 là hệ số fuzzy; **Nguồn:** Dựa theo Tesfamariam & Sadiq (2006)

4. Kết quả nghiên cứu

Các kết quả trọng số được tính bằng phương pháp AHP đóng vai trò then chốt khi xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc trúng thầu trong giai đoạn chuẩn bị đấu thầu. Cụ thể, các trọng số được vận dụng trong thang đánh giá tổng hợp thành phần ảnh hưởng của các yếu tố đến sự thành công trong đấu thầu xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị đấu thầu của các nhà thầu trong nước, từ đó cho phép nghiên cứu xây dựng thang phân hạng đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự thành công trong đấu thầu xây dựng trong giai đoạn

Bảng 5. Trọng số trung bình của các tiêu chí đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong đấu thầu xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị đấu thầu của các nhà thầu trong nước

STT	Nhân tố	Trọng số	Mã	Tiêu chí	Trọng số theo nhóm	Trọng số tổng hợp
1		0.3936	A1	Thông qua sự giới thiệu tin cậy từ các nhóm hiệp hội doanh nghiệp nước sở tại	0.040	0.016

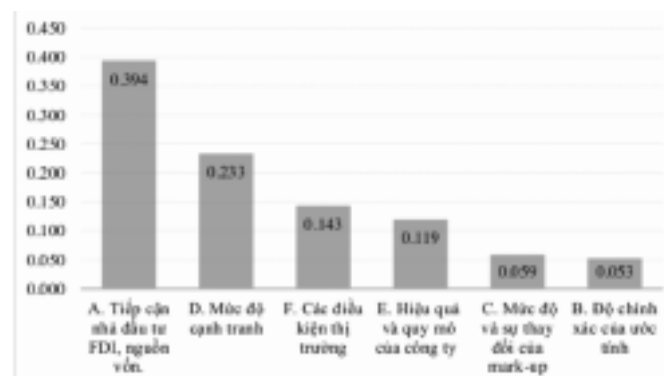
2	A. Tiếp cận NĐT FDI, nguồn vốn.	0.0526	A2	Mức độ hỗ trợ và kết nối từ cục xúc tiến đầu tư - Bộ KH-ĐT nước sở tại	0.072	0.029
3			A3	Sự kết nối thông tin thường xuyên, mới nhất với BQLDA KCN, khu kinh tế.	0.065	0.033
4			A4	Sự kết nối thông tin thường xuyên, mới nhất với phòng phát triển dự án và khách hàng khu công nghiệp, khu kinh tế.	0.084	0.033
5			A5	Thường xuyên chăm sóc khách hàng là NĐT hiện hữu, kế hoạch mở rộng dự án tương lai.	0.453	0.178
6			A6	Bộ phận chuyên biệt tiếp cận với nhóm NĐT FDI phù hợp văn hóa vùng miền.	0.147	0.058
7			A7	Chiến lược của công ty phù hợp với định hướng chính sách của chính phủ.	0.119	0.047
8	B. Độ chính xác của ước tính	0.0526	B1	Vị trí dự án	0.049	0.003
9			B2	Sự sẵn có của nguyên vật liệu	0.142	0.007
10			B3	Chi phí nhân công, ca máy	0.180	0.009
11			B4	Độ chính xác và mức độ tin cậy báo giá từ các nhà thầu phụ và nhà cung cấp	0.166	0.009
12			B5	Chi phí gián tiếp	0.315	0.017
13			B6	Mức độ khó khăn phức tạp của dự án	0.149	0.008
14	C. Mức độ và sự thay đổi của mark-up	0.0585	C1	Chi phí chung	0.348	0.020
15			C2	Mức lợi nhuận	0.366	0.021
16			C3	Chi phí rủi ro & Bảo hành	0.266	0.017
17	D. Mức độ cạnh tranh	0.2327	D1	Tính hấp dẫn của hồ sơ dự thầu	0.271	0.063
18			D2	Tài chính & dòng tiền của dự án	0.269	0.063
19			D3	Loại hợp đồng	0.080	0.019
20			D4	Tỷ lệ tạm ứng thanh toán	0.115	0.027
21			D5	Số lượng đối thủ cạnh tranh dự kiến	0.159	0.037
22			D6	Năng lực của các đối thủ dự kiến	0.106	0.025
23	E. Hiệu quả và quy mô	0.1192	E1	Kinh nghiệm quá khứ, dự án tương tự	0.681	0.081
24			E2	Khả năng tài chính của doanh nghiệp	0.174	0.021

25	của công ty	0.1433	E3	Thiết bị có sẵn	0.074	0.009
26			E4	Khả năng nhân sự của công ty và nguồn lao động sẵn có	0.072	0.009
27	F. Các điều kiện thị trường	0.1433	F1	Biến động tỷ giá ngoại tệ	0.227	0.032
28			F2	Lạm phát và sự biến động giá về thị trường	0.245	0.035
29			F3	Tổng số gói thầu xây dựng	0.070	0.010
30			F4	Chính sách của chính phủ.	0.459	0.066

Nguồn: Khảo sát ý kiến chuyên gia, 2021

chuẩn bị đầu thầu.

Trên đây là mức độ quan trọng của hệ thống các tiêu chí đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong đấu thầu xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị đầu thầu của các nhà thầu trong nước. Các chỉ tiêu sắp xếp theo mức độ ưu tiên từ cao đến thấp như sau:



Hình 1. Biểu đồ trọng số của các nhân tố

A- Nhân tố tiếp cận vốn đầu tư: Kết quả nghiên cứu cho thấy 07 tiêu chí đo lường nhân tố tiếp cận đầu tư được đánh giá là có độ tin cậy, nhất quán và phù hợp với thực tiễn triển khai đấu thầu các dự án FDI của các nhà thầu. Tiếp cận NĐT FDI ($w_1 = 0.3936$) là quan trọng nhất, các đơn vị tổng thầu xây dựng trong nước cần phải xây dựng chiến lược cạnh tranh đấu thầu thích ứng, linh hoạt với văn hóa của chủ đầu tư, sự thay đổi của thị trường, thể chế chính sách. Trong đó tập trung vào việc phân tích giá dự thầu, các đối thủ cạnh tranh trong quá khứ mà đưa ra quyết định về lợi nhuận gộp cho mỗi dự án khác nhau. Chiến lược tiếp cận tới từng khách hàng mang tính chất marketing truyền thống, cục bộ xuất phát từ nội tại và chiến lược của từng nhà thầu mà chưa thể hoạch định ra một chiến lược chung, cụ thể phù hợp với tình hình nước sở tại. Sự đồng điệu về văn hóa, khả năng của công ty tổng thầu có đủ các chuyên gia có kinh nghiệm cho từng nhóm dự án cụ thể hay không, phải xác định thể mạnh về thị trường khách hàng của mình là ai, tiêu chí là gì; khách hàng đến từ châu Âu, Mỹ, Hồng Kông sẽ khác với khách hàng đến từ Nhật và Trung Quốc. Ngoài sự hài lòng về chất lượng dự án, một tiêu chí nữa cần phải chú trọng đó là việc thường xuyên kết nối trao đổi hỗ trợ với những CĐT hiện hữu, đưa ra những chính sách dịch vụ sau giai đoạn vận hành đi vào

sử dụng, qua đó sẽ mở rộng được chuỗi khách hàng tin cậy, sử dụng các công cụ số như phần mềm CRM... để quản lý quan hệ khách hàng hiệu quả hơn.

D-Mức độ cạnh tranh: Kết quả nghiên cứu cho thấy 04 tiêu chí đo lường nhân tố mức độ cạnh tranh (Ali Shash và Abdul-Hadi, 1990; Shash (1993; Egemen và Mohamed, 2007; Guanghua Li, 2020) được đánh giá là có độ tin cậy, nhất quán và phù hợp với ($w_4=0.233$). Một số lý do khách quan như sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vừa qua đã và đang tác động tới các ngành nghề nói chung và ngành xây dựng nói riêng ở cả Việt Nam và trên thế giới. Bằng các quan sát thông thường dễ nhận thấy rằng thị trường xây dựng trong nước giảm một cách rõ rệt, các dự án Xây dựng đang triển khai buộc phải dừng lại do chỉ thị của Chính phủ yêu cầu tạm ngưng để đảm bảo an toàn chống dịch cho toàn dân. Tuy nhiên chưa có một chính sách nào rõ ràng cụ thể để đảm bảo sức khỏe cho người lao động khi dịch bệnh bùng phát, người lao động bắt buộc phải tìm cách di chuyển về địa phương để đảm bảo sinh tồn trước đại dịch. Một tác động không hề nhỏ là: Công trình xây dựng phải buộc tạm dừng không tạo ra sản lượng trong quá trình xảy ra dịch, trong khi đó bộ máy điều hành và các chi phí chung vẫn phải chi trả; công ty xây dựng lớn thì bị ảnh hưởng lớn, nhỏ thì bị ảnh hưởng ít hơn.

Theo số liệu thống kê từ các dự án ĐTNN vẫn tiếp tục tăng trong những năm đại dịch, một phần thị phần sẽ được chia sẻ sang một số tổng thầu truyền thống nên trong giai đoạn này, sự cạnh tranh giữa các nhà thầu lại càng khắc nghiệt hơn chưa kể tới các nguy cơ rủi ro về nguồn vốn, cấu trúc tài chính bị ảnh hưởng hoặc phá vỡ do một số nhà thầu giảm lợi nhuận dự án tới mức tối thiểu để trúng thầu, mục đích để có nguồn vốn ngắn hạn để cấu trúc lại nguồn vốn, đồng thời tiềm ẩn về sự chậm trễ tiến độ do việc khó khăn huy động nhân lực trong và sau đại dịch dẫn đến sự phạt hợp đồng từ phía chủ đầu tư; sự không chắc chắn về các điều khoản hợp đồng trong tình hình mới.

F-Các điều kiện thị trường: Kết quả nghiên cứu cho thấy 06 tiêu chí đo lường các điều kiện thị trường đều đạt độ tin cậy, nhất quán và phù hợp và rất quan trọng đến sự thành công trong ĐTXD với trọng số ($w_6=0.143$). Theo dòng nghiên cứu trước của Drew và Kitmore (1999), Han, Diekmann (2001), El-mashaleh (2013); Jarkas et al. (2013); Shokri-Ghasabeh & Chilese (2016), Hanák et al. (2021) để thành công trong đấu thầu xây dựng, các nhà thầu cần phải thích tốt ở cấp độ vĩ mô (ngành) và ở cấp độ vi mô (công ty). Thông thường các dự án vốn ĐTNN sẽ được CĐT sử dụng gói thầu trọn gói EPC, Turnkey nên đơn giá và giá trị gói thầu được các bên liên quan chốt ngay từ lúc giao thầu, trừ khi có thỏa thuận khác. Do đó đơn vị trúng thầu phải hoạch định chiến lược để liên hệ, thỏa thuận và hợp tác với các đơn vị cung cấp. Biến động về tỷ giá ngoại tệ thông thường với các gói thầu thiết bị ảnh hưởng rất lớn tới lợi nhuận tổng thể của dự án, một số gói thầu trung và dài hạn vì vậy nhà thầu phải luôn để tâm đến vấn đề về lạm phát và biến động giá trên thị trường. Cần cập nhật thường xuyên các chính sách của chính phủ để nắm bắt được cơ chế chính sách.

E-Hiệu quả và quy mô của công ty: Kết quả nghiên cứu cho thấy 06 tiêu chí đo lường các điều kiện thị trường đều đạt độ tin cậy, nhất quán và phù hợp và rất quan trọng đến sự thành công trong ĐTXD với trọng số ($w_5=0.119$). Kết quả này đồng quan điểm với Han et al. (2004), Shen et al. (2004), Wang et al. (2004), Gunhan & Arditi (2005), Han, Kim và Kim (2007), International Bid Preparation cho rằng các đặc điểm của công ty, quản trị doanh nghiệp và hiệu quả theo quy mô là yếu tố quyết định đến khả năng thắng thầu trong xây dựng công trình. Việc một doanh nghiệp xây dựng yếu kém trúng một gói thầu lớn là bất khả thi trong thời đại mới. Do đó, việc xây dựng một doanh nghiệp ổn định, mạnh về chuyên môn, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều đặn từ đó tạo ra của cải vật chất, mua sắm tài sản thiết bị để phục vụ cho các dự án của doanh nghiệp. Các hoạt động cộng đồng cần được quan tâm qua đó quảng bá được thương hiệu của công ty một cách rộng rãi. Trong quá trình tham gia đấu thầu, để đáp ứng được một số tiêu chí quốc tế thì điểm chấm thầu dựa trên đánh giá về kinh nghiệm các dự án tương tự đã thực hiện thành công trong quá khứ, sức khỏe tài chính, nhân sự, máy móc, thiết bị, sự đóng góp của doanh nghiệp với xã hội... Vì vậy xây dựng một mô hình công ty tổng thầu hiệu quả có quy mô là một lợi thế lớn trong quá trình tham gia đấu thầu cũng như là hội nhập quốc tế.

C-Mức độ và sự biến đổi của mark-up: Kết quả nghiên cứu cho thấy 03 tiêu chí đo lường nhân tố này đều đạt độ tin cậy, nhất quán và phù hợp với trọng số ($w_3=0.0585$). Theo International Bid Preparation, Mark-up là một hành vi phân tích đấu thầu dựa trên sự so sánh năng lực nội tại của các nhà thầu cạnh tranh, mark-up tăng thì lợi nhuận cao đồng nghĩa với việc giảm xác suất trúng thầu, mark-up thấp thì tăng khả năng thắng thầu. Do đó, để làm sao xác định được mark-up tối ưu để cơ hội trúng thầu là cao nhất và có lợi nhuận là một thách thức lớn. Người quản lý dự án trong giai đoạn đấu thầu để quản lý rủi ro và phối hợp các bên liên quan góp phần không nhỏ trong sự thành công của gói thầu; đề xuất các biện pháp tối ưu tăng lợi nhuận cho nhà thầu và giảm thiểu chi phí rủi ro. Tùy theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và nhận diện được yêu cầu từ phía CĐT, các công ty đối thủ tham gia đấu thầu theo đó người quản lý dự án trong giai đoạn đấu thầu tổng hợp báo cáo một cách cụ thể tới ban lãnh đạo quyết định giá trị mark-up. Điển hình là tiêu chí dự án của CDT Trung Quốc sẽ chú trọng vào giá rẻ và thời gian hoàn vốn bỏ qua các tiêu chí bền vững và bảo vệ môi trường. Các dự án đến từ Nhật và châu Âu... chú trọng vào chất lượng, bền vững và áp dụng các tiêu chuẩn xanh thân thiện với môi trường vào dự án. Thực trạng tại một số công ty xây dựng tổng thầu vừa và nhỏ tại Việt Nam chưa đưa ra được cơ cấu giá nội bộ của họ dẫn đến trường hợp sau khi dự án trúng thầu nhà thầu rơi vào trạng thái thi công tự do, mặc dù có sự kiểm soát về chi phí nhưng chưa chuẩn mực. Phần lớn các nhà quản lý đang tính toán dựa trên lợi nhuận gộp mà chưa phân tích hết các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động và vận hành dự án, định tính là dự án có lãi nhưng khi tổng kết dự án lại dự án báo lỗ.

B-Độ chính xác của ước tính: Kết quả nghiên cứu cho thấy 06 tiêu chí đo lường nhân tố này đều đạt độ tin cậy, nhất quán và phù hợp với quan điểm của Ahmad và Minkarah (1988); Akintoye (2000), Shash (1993), Han và Diekmann (2001), International Bid Preparation, Egemen & Mohamed (2007), Liu et al. (2007). Trong số các nhân tố đo lường sự thành công trong đấu thầu xây dựng, nhân tố này có trọng số thấp nhất với ($w_2=0.053$). Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng người được lựa chọn giao nhiệm quản lý dự án trong giai đoạn đấu thầu yêu cầu phải là người có cả kinh nghiệm thực tiễn và chuyên môn rộng, bao quát được tất cả các quy trình và công việc trong giai đoạn đấu thầu. Đây là công việc cơ bản của phòng quản lý đấu thầu cần cung cấp số liệu chính xác nhất cho BLĐ công ty đưa ra phương thức chào giá tốt nhất. Công ty tổng thầu chuyên nghiệp có nguyên tắc hoạt động riêng sẽ đưa ra cơ cấu tính giá cụ thể cho từng dự án, bao gồm chi phí trực tiếp, mark-up và khác. Tùy từng thời điểm và tính rủi ro của thị trường mà ban giám đốc sẽ ra quyết định mức độ lợi nhuận, chi phí chung và rủi ro của gói thầu.

Nhìn chung, kết quả Fuzzy AHP cho thấy vai trò cũng như mức độ ưu tiên khác nhau của hệ thống tiêu chí đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong đấu thầu xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị đấu thầu của các nhà thầu trong nước. Tất cả các chỉ số nhất quán đều không vượt quá 10%. Qua đó có thể khẳng định các chuyên gia đã không thực hiện so sánh một cách ngẫu nhiên, cảm tính mà có sự nhất quán nhất định.

Bảng 6. Tổng hợp chỉ số nhất quán

	Bảng so sánh cặp						
	Nhân tố	A	B	C	D	E	F
Chỉ số nhất quán	6.2%	5.9%	4.9%	2.4%	6.7%	7.5%	7.6%

Nguồn: Tổng hợp từ khảo sát chuyên gia

5. Kết luận

Trong nhiều lĩnh vực, AHP đã cho thấy sự hiệu quả giúp người nghiên cứu đưa ra những quyết định khó khăn trong việc hoạch định chính sách. Tuy nhiên, ở ngành xây dựng lại ít được quan tâm. Nghiên cứu này cho thấy ứng dụng của phương pháp AHP trong việc đánh giá và ra chiến lược đấu thầu trước các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Có sự chênh lệch về mức độ quan trọng cũng như sự ưu tiên của các yếu tố giúp ban quản lý dự án cân nhắc trong quá trình quyết định đấu thầu. Các chỉ tiêu được phân hóa theo độ ưu tiên từ cao đến thấp, đây là những kết quả có ý nghĩa thực tiễn đáp ứng kỳ vọng của các chuyên gia và nhà quản trị doanh nghiệp. Phương pháp AHP còn cho phép người nghiên cứu kiểm tra sự nhất quán của người làm khảo sát và nhóm khảo sát đại diện. Kết quả phân tích AHP Fuzzy cho thấy sự phân hóa về mức độ quan trọng của hệ thống các tiêu chí đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong đấu thầu xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị đấu thầu của các nhà thầu trong nước. Các chỉ tiêu sắp xếp theo mức độ ưu tiên từ cao đến thấp như sau: 1- tiếp cận đầu tư FDI, nguồn vốn có 07 tiêu chí; 2- Mức độ cạnh tranh 06 tiêu chí; 3- các

điều kiện thị trường 04 tiêu chí; 4- hiệu quả và quy mô của công ty 04 tiêu chí; 5- mức độ và sự thay đổi của mark-up 03 tiêu chí và 6- độ chính xác của ước tính với 06 tiêu chí.

Case study: Đứng trước một quyết định sẽ tham gia đấu thầu dự án A - B - C... nguồn vốn FDI, xác định dự án nào tốt nhất để tham gia. Đây là một thước đo định lượng hữu ích cho các nhà quản lý dự án lập kế hoạch khi thực hiện đấu thầu. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdul-Hadi, N. (1990) *Factors Affecting Bidding and Markup Decisions in Saudi Arabia*, Masters degree, Construction Engineering and Management Department, King Fahd University of Petroleum and Minerals.
2. Ahmad, I. (1990), "Decision-support system for modeling", Journal of Construction Engineering and Management, Vol. 116 No. 4, pp. 595-608
3. Bageis, A.S. and Fortune, C. (2009), "Factors affecting the bid/no bid decision in the Saudi Arabian construction contractors", Construction Management and Economics, Vol. 27 No. 1, pp. 53-71.
4. Baldwin, A. N., McCaffer, R., Oteifa, S., & International Labour Office. (1995). *International bid preparation*. Geneva: International Labour Office.
5. Demacopoulos, A.C. (1989), *Foreign Exchange Exposure in International Construction*, Massachusetts Institute of Technology, Cambridge.
6. Egemen, M. and Mohamed, A. (2007), "A framework for contractors to reach strategically correct bid/ no bid and mark-up size decisions", Building and Environment, Vol. 42, pp. 1373-1385.
7. El-mashaleh, M.S. (2013), "Empirical framework for making the bid/no-bid decision", Journal of Management in Engineering, Vol. 29 No. 3, pp. 200-205
8. Eybpoosh, M., Dikmen, I. and Birgonul, M.T. (2011), "Identification of risk paths in international construction projects using structural equation modeling", Journal of Construction Engineering and Management, Vol. 137 No. 12, pp. 1164-1175.
9. Fayek, A., Ghoshal, I. and AbouRizk, S. (1999), "A survey of the bidding practices of Canadian civil engineering construction contractors", Canadian Journal of Civil Engineering, Vol. 26 No. 1, pp. 13-25.
10. Han, S.H. and Diekmann, J.E. (2001), "Approaches for making risk-based go/no go decision for international projects", Journal of Construction Engineering & Management, Vol. 127 No. 4, pp. 300-308
11. Han, S.H., Kim, D.Y. and Kim, H. (2007), "Predicting profit performance for selecting candidate international construction projects", Journal of Construction Engineering and Management, Vol. 133 No. 6, pp. 425-436
12. Hańk, T.; Drozdóv, A.; Marović, I (2021). *Bidding Strategy in Construction Public Procurement: A Contractor's Perspective*. Buildings, Vol.11, No 47. <https://doi.org/10.3390/buildings11020047>
13. Hassanein, A.A.G. (1996), "Factors affecting the bidding behaviour of contractors in Egypt", Building Research and Information, Vol. 24 No. 4, pp. 228-236.
14. Jarkas, A.M., Mubarak, S.a and Kadri, C.Y. (2013), "Critical factors determining bid/no bid decisions of contractors in Qatar", Journal of Management in Engineering, Vol. 30 No. 4, pp. 05014007-1-05014007-11, available at: [https://doi.org/10.1061/\(ASCE\)ME.1943-5479.0000223](https://doi.org/10.1061/(ASCE)ME.1943-5479.0000223)
15. Leśniak, A. and Plebankiewicz, E. (2015), "Modeling the decision-making process concerning participation in construction bidding",

Journal of Management in Engineering, Vol. 31 No. 2, pp. 04014032-1-04014032-9

16. Li, G., Chen, C., Zhang, G., & Martek, I. (2020). *Bid/no-bid decision factors for Chinese international contractors in international construction projects*. Engineering, Construction and Architectural Management, 27(7), 1619–1643. doi:10.1108/ecam-11-2018-0526

17. Liu, Lingzhi & Davis, Ronald & Roman, Gregg. (2007). *Exploratory Activity in Drosophila Requires the kurtz Nonvisual Arrestin*. Genetics. 175. 1197-212. 10.1534/genetics.106.068411.

18. Odusote, O.O. and Fellows, R.F. (1992), "An examination of the importance of resource considerations when contractors make project selection decisions", Construction Management and Economics, Vol. 10 No. 2, pp. 137-151

19. Shash, A.A. (1993), "Factors considered in tendering decisions

by top UK contractors", Construction Management and Economics, Vol. 11 No. 2, pp. 111-118

20. Shokri-Ghasabeh, Morteza & Chileshe, Nicholas. (2016). Critical factors influencing the bid/no bid decision in the Australian construction industry. Construction Innovation. 16. 10.1108/CI-04-2015-0021.

21. Wanous, M., Boussabaine, A.H. and Lewis, J. (1998), "Tendering factors considered by Syrian contractors", ARCOM, 14th Oxford. Annual Conference Proceedings, Vol. 2, September, pp. 535-543.

22. Yng Ling, F. Y. & Liu, M. (2005) *Factors considered by successful and profitable contractors in mark-upsize decision in Singapore*. "Building and Environment", 40: 1557-1565.

23. Zhi, H. (1995), "Risk management for overseas construction projects", International Journal of Project Management, Vol. 13 No. 4, pp. 231-237

MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN...

(Tiếp theo trang 57)

liên trong quá trình thẩm định.

Tăng cường công tác phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác thẩm định đến các Chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn, thông tin các sai sót thường bắt gặp trong quá trình thẩm định để rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án khác.

Không ngừng tăng cường năng lực của cán bộ thực hiện công tác thẩm định vì đội ngũ cán bộ thẩm định là nhân tố quyết định chất lượng thẩm định góp phần giúp cơ quan quản lý nhà nước có những quyết định đúng đắn đảm bảo

5. Kết luận

Để nâng cao hiệu quả công tác thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng các chủ đầu tư, quản lý dự án, các đơn vị tư vấn cũng như cơ quan thẩm định cần có những biện pháp phòng ngừa, lường trước các rủi ro và lưu ý các khuyến nghị nêu trên, luôn luôn phân tích các rủi ro tiềm ẩn để đảm bảo hiệu quả quá trình thẩm định.

Trong quá trình thẩm định có sự tham gia của nhiều đơn vị tư vấn nên cần đặc biệt lưu ý nhân tố các rủi ro trong quá trình phối hợp thực hiện và có sự thống

nhất về quy trình phối hợp và cam kết thực hiện từ các đơn vị tham gia vì đây là nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Từ kết quả nghiên cứu này sẽ giúp nhà quản lý dự án cụ thể hơn khi dự báo chuỗi các rủi ro hay mối tương quan giữa các rủi ro với nhau ảnh hưởng đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở từ đó đề xuất kế hoạch và phương án phòng tránh, giảm thiểu ảnh hưởng các nhân tố gây rủi ro đến quá trình thẩm định. □

Tài liệu tham khảo:

[1] D. Afilal MSc and N. J. Smith (2007) *Risk management and value management in project appraisal*.

[2] Savvakis Savvides (2013) *Risk analysis in investment appraisal*.

[3] Mai Chiêm Hoàng (2021), "Phân tích đánh giá các rủi ro trong quá trình lập và quyết định đầu tư dự án xây dựng", Luận văn thạc sĩ, Trường ĐH Bách khoa, ĐHQG TP.HCM

[4] Ireland's National Roads Authority (2011) *Project Appraisal Guidelines*.

[5] Mateu Turró (rapporteur) (2000) *Railway project appraisal guidelines*.

[6] Chính Phủ, Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 *Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng*.

[7] Pham, V.L., *Phân tích mối liên hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thẩm định dự án và thiết kế sau cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng, in thi công và quản lý xây dựng*. 2021, Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh.

35 năm Tạp chí Người Xây dựng



CÁC PHƯƠNG PHÁP BỐ TRÍ ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG Ở NGOÀI THỰC ĐỊA

PGS. TS. Phạm Văn Chuyên

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

1. Đặt vấn đề

1. Toàn bộ công tác đo đạc nhằm xây dựng được công trình ở ngoài thực địa đúng như trong bản thiết kế được gọi là công tác bố trí công trình.

2. Việc bố trí công trình thường được tiến hành theo *trình tự nội dung* sau đây:

2a. Đầu tiên thành lập lưới khống chế bố trí công trình (lưới khống chế thi công) để làm cơ sở cho việc bố trí công trình.

2b. Tiếp theo, từ lưới khống chế bố trí công trình tiến hành bố trí các trục cơ bản của công trình.

2c. Từ trục cơ bản thực hiện bố trí các trục dọc, trục ngang, các điểm chi tiết đặc trưng của công trình.

2d. Bố trí các thiết bị (nếu có).

3. Lưới khống chế bố trí công trình có 3 dạng chính là:

3a. Lưới tam giác công trình.

3b. Lưới đường chuyền công trình.

3c. Lưới ô vuông xây dựng.

4. Ở giai đoạn thi công, sau khi đã thành lập xong lưới khống chế bố trí công trình rồi thì việc tiếp theo là phải xác định được vị trí mặt bằng và cốt không của công trình ở ngoài thực địa, việc này được gọi là định vị công trình. Có những phương pháp bố trí định vị công trình nào? Phương pháp bố trí này phụ thuộc vào những điều kiện gì? Dưới đây sẽ xem xét kỹ một số vấn đề của công tác bố trí định vị công trình xây dựng ở ngoài thực địa.

2. Bố trí định vị công trình xây dựng

2.1. Độ chính xác cần thiết bố trí công trình

Cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) đề nghị đưa ra những công thức chuẩn sau đây để tính độ chính xác của công tác trắc địa trong xây dựng.

1. Độ chính xác *bố trí khoảng cách* giữa hai điểm thuộc công trình xây dựng tính theo công thức:

$$m_1 = \pm \frac{k}{2,5} \sqrt{L} \text{ (mm)} \quad (1)$$

Trong đó:

L- khoảng cách, tính bằng mét;

k- hệ số, phụ thuộc phương pháp thi công; (k = 2: thi công đúc đổ tại chỗ, k = 1: thi công lắp ghép);

2. Đối với những *khoảng cách ngắn hơn 5m* thì độ chính xác bố trí theo công thức:

$$m_2 = 0,8k \text{ (mm)} \quad (2)$$

Trong đó:

k- hệ số, như ở công thức (1). Khi thi công đúc đổ tại chỗ k = 2. Khi thi công lắp ghép k = 1.

3. Độ chính xác bố trí góc được tính theo công thức:

$$W^\infty = \pm \frac{0,03.k}{\sqrt{L}} \quad (3)$$

Trong đó:

k- hệ số phụ thuộc phương pháp thi công; k = 2 với thi công đúc đổ tại chỗ; k = 1 với thi công lắp ghép.

L - chiều dài cạnh ngắn nhất kẹp góc, tính bằng mét;

W^∞ - độ chính xác bố trí góc cần thiết, đơn vị tính là grad, phải tính và lấy đến bốn chữ số đằng sau dấu phẩy.

Độ chính xác bố trí góc cần thiết tính theo đơn vị giây là:

$$m_p = \pm \frac{0,03.k}{\sqrt{L}} 3240'' \quad (4)$$

Trong đó:

k = 2 với thi công đổ tại chỗ (k = 1 với thi công lắp ghép);

L - chiều dài cạnh kẹp góc ngắn nhất, tính bằng mét;

m - độ chính xác bố trí góc cần thiết, tính bằng giây.

4. Độ chính xác *truyền trực theo phương thẳng đứng* tính theo công thức:

$$m_3 = \pm 0,8\sqrt{L} \text{ (mm)} \quad (5)$$

Trong đó: L- chiều cao truyền trực, tính bằng mét.

5. Vị trí tương đối của các điểm thuộc *mạng lưới khống chế độ cao* phải được xác định với độ chính xác là:

$$m_H = 1,2 \text{ (mm)} \quad (6)$$

6. Độ chính xác *bố trí cao độ* của các điểm công trình so với điểm khống chế cao độ là:

$$m'_H = 2 \text{ mm (với công trình đổ toàn khối)} \quad (7)$$

$$m'_H = 0,8 \text{ mm (với công trình lắp ghép)} \quad (8)$$

Từ những độ chính xác cần thiết sẽ xác định được dung sai trắc địa trong xây dựng theo công thức:

$$\Delta = 2.2,5m_i = 5m_i \quad (9)$$

Có thể tham khảo CHP 111 -2-75 của Liên bang Nga được ghi trong bảng (1)

2.2. Bố trí góc bằng thiết kế (β_0)

Khi đo góc $\beta = BAC$ ở ngoài thực địa đã có 3 điểm B, A, C (một điểm A và hai cạnh kẹp góc AB, AC).

Khi bố trí góc ở ngoài thực địa mới chỉ có hai điểm A, B (một đỉnh A và một cạnh kẹp của góc AB). Biết giá trị thiết kế của góc là β_0 . Tìm ở ngoài thực địa một điểm C (cạnh kẹp AC) sao cho $BAC = \beta_0$.

Có hai cách bố trí góc:

* *Cách bố trí góc thứ nhất (hình 1):*

1. Đặt máy kinh vĩ tại A, định hướng vành độ ngang theo cạnh AB. Đặt một góc β_0 về phía cần thiết, theo hướng ngắm này cố định điểm C' ở ngoài thực địa.

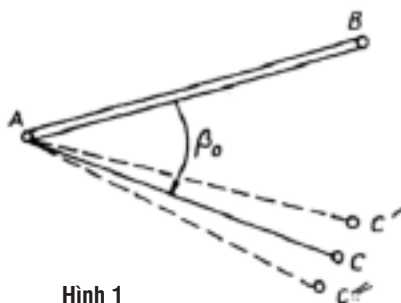
2. Đảo ống kính.

3. Làm tương tự bước 1 sẽ được điểm C'' ở ngoài thực địa.

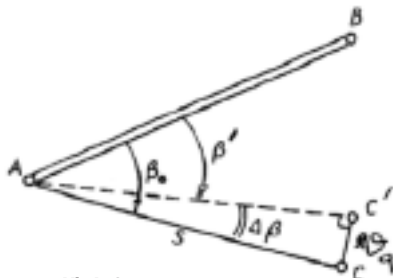
4. Cố định điểm C cách đều cả C' lẫn C''. Góc BAC là

Bảng 1

Cấp chính xác	Đặc điểm của công trình và kết cấu	Đo góc	Đo dài và chiều đứng	Đo cao (mm)
1	- Kết cấu thép có các bề mặt tiếp xúc đã được phay; - Kết cấu bê tông cốt thép đúc sẵn được lắp ghép tự định vị ở các nút.	10"	1/15 000	1
2	- Nhà cao hơn 16 tầng; - Khẩu độ rộng hơn 36m; - Công trình cao hơn 60m;	10"	1/10 000	2
3	- Nhà cao từ 5 đến 16 tầng; - Khẩu độ nhà rộng từ 6 đến 36m; - Công trình cao từ 15 đến 60 m; - Các kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép; - Kết cấu thép có liên kết đỉnh ốc và hàn; - Các kết cấu bê tông cốt thép liên khối thanh mỏng và không gian;	20"	1/5 000	2
4	- Nhà cao dưới 5 tầng; - Khẩu độ nhà dưới 6m; - Công trình cao dưới 15m; - Các kết cấu bê tông cốt thép liên khối trong ván khuôn luân lưu và cố định; - Kết cấu bê tông khối, kết cấu gạch; - Kết cấu gỗ.	30"	1/3 000	5
5	Các công trình bằng đất	45"	1/1 000	10



Hình 1



Hình 2

3. Tính số điều chỉnh về góc $v_{\beta''}$ (đơn vị là giây)

$$v_{\beta''} = \Delta\beta'' = \beta_0 - \beta' \quad (10)$$

Tính đoạn vuông góc cần dịch chuyển v_q :

$$v_q \approx CC' = \frac{s \cdot \Delta\beta''}{\rho''} \quad (11)$$

Trong đó: $S = AC'$ - khoảng cách từ A đến C';

$$\rho'' = 206\,265'' \quad (12)$$

4. Từ C' theo hướng vuông góc với AC' đặt một đoạn $x = C'C$ về phía cần thiết. Cố định điểm C ở ngoài thực địa. Góc BAC là góc cần bố trí.

2.3. Bố trí đoạn thẳng thiết kế (S_0)

Khi đo chiều dài đoạn thẳng AB ở ngoài thực địa đã có hai điểm mút A và B, còn khi bố trí đoạn thẳng AB có chiều dài nằm ngang thiết kế $S_0 = 100,000m$ thì ở ngoài thực địa mới chỉ có một điểm A và hướng Ax, cần xác định được điểm B?

1. Kể từ A, theo hướng Ax, đo sơ bộ một đoạn AB', có chiều dài gần bằng S_0 (hình 3). Cố định sơ bộ B'.

2. Đo đoạn thẳng AB' với độ chính xác cần thiết. Tính



Hình 3

các số điều chỉnh (về độ dốc mặt đất...) vào kết quả đo, được $S' = AB' = 99,000m$.

3. Tính đoạn cần dịch chuyển v_s :

$$v_s = S_0 - S' = 100,000m - 99,000m = +1,000m \quad (13)$$

4. Từ B' đặt đoạn $v_s = +1m$ về phía phải tương ứng sẽ được đầu mút B cần tìm. Cố định B lại.

2.4. Bố trí độ cao thiết kế (H_0)

Khi đo độ cao điểm B (xem hình 4): ở ngoài thực địa đã có điểm B. Dựa vào độ cao đã biết H_A của điểm A đã có ở ngoài thực địa, dùng máy đo độ chênh cao $h_{AB} = a - b$ sẽ tính được độ cao của B là:

$$H_B = H_A + h_{AB} \quad (14)$$

Khi bố trí độ cao (xem hình 5): ở ngoài thực địa mới chỉ có điểm A và độ cao của nó là $H_A = 65000mm$. Biết độ cao thiết kế của điểm B là $H_B = H_0 = 7000mm$, tìm điểm B ở ngoài thực địa?. Đây là việc xác định cốt không của công trình ở ngoài thực địa.

1. Đặt máy nivo cách đều A, B. Dựng mìa ở A. Ngắm mìa ở A, đọc được $a = 1.500mm$.

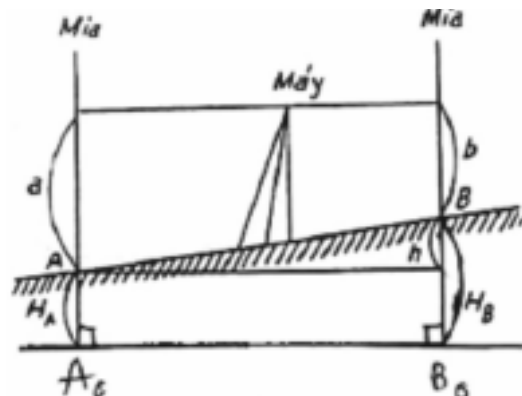
2. Tính độ cao trực ngắm của máy $H_{mây}$:

$$H_{mây} = H_A + a = 6500mm + 1500mm = 8000mm \quad (15)$$

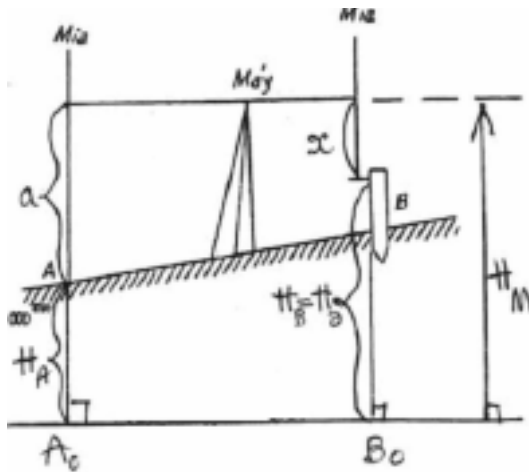
3. Tính số đọc cần thiết x của mìa đặt tại B:

$$x = H_{mây} - H_0 = 8000mm - 7000mm = 1000mm \quad (16)$$

4. Nâng hay hạ mìa ở B cho đến khi nào người đứng máy đọc được số trên mìa này đúng bằng $x = 1000mm$ vừa tính trên kia, lúc đó dùng bút chì đánh dấu đế mìa lại, đó chính là điểm B cần bố trí.



Hình 4. Mặt thủy chuẩn



Hình 5. Mặt thủy chuẩn

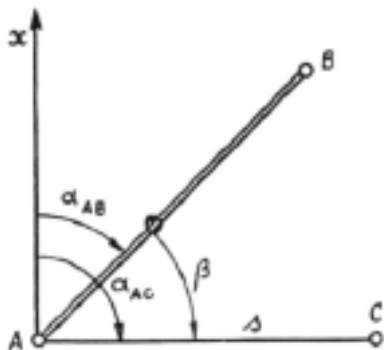
2.5. Phương pháp tọa độ một cực

1. Phạm vi áp dụng

- + Phương pháp tọa độ một cực được *áp dụng* rất nhiều trong thực tế.
- + Trên thực địa tồn tại hai điểm khống chế trắc địa mặt bằng A(x_A, y_A), B(x_B, y_B) ở gần công trình cần bố trí.
- + Dụng cụ trắc địa có: máy kinh vĩ và thước thép.
- + Địa hình quang đẳng, bằng phẳng, cho phép trực tiếp bố trí C(x_C, y_C) từ A, B

2. Tính toán số liệu cần thiết để bố trí

Khi đã biết tọa độ khống chế trắc địa A(x_A, y_A), B(x_B, y_B) và tọa độ thiết kế điểm C(x_C, y_C) (hình 6), để bố trí điểm C theo phương pháp tọa độ độc cực thì phải tính được những số liệu cần thiết là góc cực β và bán kính cực s.



Hình 6

2a. Chọn A làm gốc tọa độ, còn AB làm hướng gốc của hệ tọa độ độc cực trong trắc địa.

2b. Theo bài toán ngược tính

được bán kính cực S=AC:

$$S = \sqrt{(x_C - x_A)^2 + (y_C - y_A)^2} \quad (17)$$

2c. Theo bài toán ngược tính được góc cực β_A = góc bằng CAB

$$\tan \alpha_{AB} = \frac{y_B - y_A}{x_B - x_A} \quad (18)$$

$$\tan \alpha_{AC} = \frac{y_C - y_A}{x_C - x_A} \quad (19)$$

$$\beta_A = \alpha_{AC} - \alpha_{AB} \quad (20)$$

3. Cách bố trí:

3a. Bố trí góc cực β_A:

Đặt máy kinh vĩ tại A, định hướng vành độ ngang về B. Đặt một góc β.

3b. Bố trí bán kính cực s:

Trên hướng cạnh kẹp góc đặt một đoạn thẳng s. Cố định được điểm C.

4. Độ chính xác

Độ chính xác bố trí điểm C theo phương pháp tọa độ một cực có thể được tính theo công thức:

$$m_C = \pm \sqrt{m_s^2 + \left(\frac{m_\beta}{\rho''} \right) s^2} \quad (21)$$

Trong đó:

m_s- sai số trung phương bố trí bán kính cực, s;

m_β'- sai số trung phương bố trí góc cực β, (giây);

ρ = 206 265";

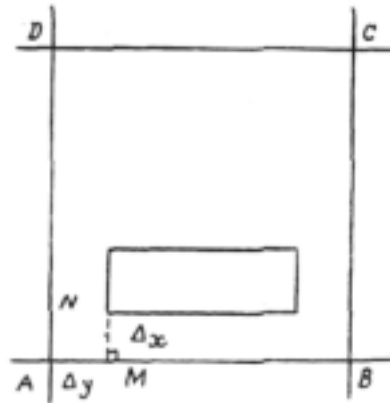
s- chiều dài bán kính cực; (s = AC);

m_C- độ chính xác bố trí điểm C.

2.6. Phương pháp tọa độ vuông góc

1. Phạm vi áp dụng

+ Phương pháp tọa độ vuông góc được *áp dụng* nhiều hơn cả trong khi bố trí các công trình công nghiệp và dân dụng từ các điểm khống chế của lưới ô vuông xây dựng hay từ đường đỏ trên phố.



Hình 7

+ Trên thực địa tồn tại hai điểm khống chế mặt bằng của lưới ô vuông xây dựng A(x_A, y_A), B(x_B, y_B), ở gần công trình cần bố trí.

+ Dụng cụ trắc địa có máy kinh vĩ và thước thép.

+ Địa hình cho phép thi

công trực tiếp từ các cạnh lưới ô vuông AB.

2. Tính toán số liệu cần thiết để bố trí

Muốn vậy phải *tính* số gia tọa độ giữa các điểm đặc trưng của công trình với các đỉnh của lưới ô vuông Δx, Δy (hình 7).

$$\Delta x = x_N - x_A \quad (22)$$

$$\Delta y = y_N - y_A \quad (23)$$

3. Cách bố trí

Phải luôn nhớ là đặt đoạn thẳng có số gia tọa độ lớn hơn dọc theo cạnh trục tọa độ của lưới ô vuông, còn số gia tọa độ nhỏ hơn được đặt theo hướng vuông góc với nó.

3a. Bố trí đoạn Δy

Giả sử Δy > Δx. Đặt máy kinh vĩ tại A, định hướng về B, trên hướng này đặt một đoạn AM = Δy.

3b. Bố trí góc vuông

Dời máy kinh vĩ đến M, định hướng về B, đặt một góc 90°.

3c. Bố trí đoạn Δx:

Trên hướng vuông góc này đặt một đoạn thẳng MN = Δx. Cố định điểm N lại.

4. Độ chính xác

4a. Độ chính xác bố trí điểm N theo phương pháp tọa độ vuông góc như trên có thể được tính theo công thức

(khi bố trí theo trục y trước).

$$m_N^2 = m_{\Delta y}^2 + m_{\Delta x}^2 + \left(\frac{m_{\beta}^*}{\rho^*} \right)^2 \Delta x^2 \quad (24)$$

4b. Nếu bố trí theo trục x trước thì:

$$m_N^2 = m_{\Delta y}^2 + m_{\Delta x}^2 + \left(\frac{m_{\beta}^*}{\rho^*} \right)^2 \Delta y^2 \quad (25)$$

Trong đó:

$m_{\Delta x}$ - sai số trung phương bố trí đoạn Δx ;

$m_{\Delta y}$ - sai số trung phương bố trí đoạn Δy ;

m_{β}^* - sai số trung phương bố trí góc vuông (giây);

$\rho = 206\,265''$;

Δx - số gia tọa độ theo trục x;

Δy - số gia tọa độ theo trục y;

m_N - độ chính xác bố trí điểm N.

2.7. Phương pháp giao hội góc

1. Phạm vi áp dụng

+ Phương pháp giao hội góc thường được áp dụng để bố trí trụ cầu, công trình thủy lợi... khi mà điểm cần bố trí ở xa điểm khống chế trắc địa và việc đo dài gặp khó khăn.

+ Trên thực địa tồn tại hai điểm khống chế trắc địa mặt bằng $A(x_A, y_A)$, $B(x_B, y_B)$, ở gần công trình cần bố trí.

+ Dụng cụ trắc địa có máy kinh vĩ.

+ Địa hình cho phép bố trí công trình C trực tiếp từ A, B.

2. Tính toán số liệu cần thiết để bố trí

Khi đã biết tọa độ khống chế trắc địa $A(x_A, y_A)$, $B(x_B, y_B)$ và tọa độ điểm thiết kế $C(x_C, y_C)$ (hình 8), để bố trí điểm C theo phương pháp giao hội góc thuận thì phải tính được những số liệu cần thiết cho bố trí là các góc bằng giao hội β_A, β_B ,

2a. Chọn A làm gốc, còn AB làm hướng gốc của hệ tọa độ độc cực trong trắc địa thứ nhất.

2b. Chọn B làm gốc, còn BA làm hướng gốc của hệ tọa độ độc cực trong trắc địa thứ hai.

2c. Theo bài toán ngược, tính được các góc định hướng:

$$\text{tg}\alpha_{AB} = \frac{y_B - y_A}{x_B - x_A} \quad (26)$$

$$\alpha_{BA} = \alpha_{AB} + 180^\circ \quad (27)$$

$$\text{tg}\alpha_{AC} = \frac{y_C - y_A}{x_C - x_A} \quad (28)$$

$$\text{tg}\alpha_{BC} = \frac{y_C - y_B}{x_C - x_B} \quad (29)$$

2d. Tính các góc bằng:

$$\beta_A = \alpha_{AC} - \alpha_{AB} \quad (30)$$

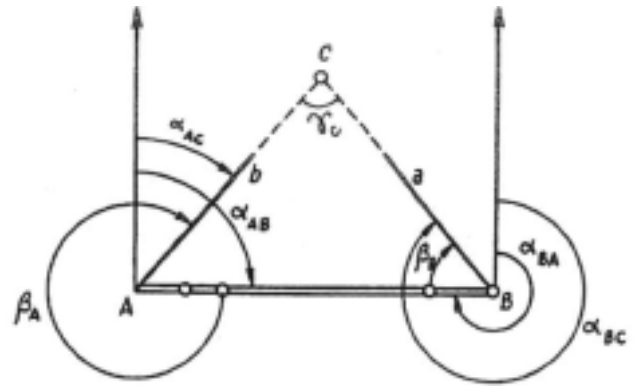
$$\beta_B = \alpha_{BC} - \alpha_{BA} \quad (31)$$

3. Cách bố trí

3a. Đặt máy kinh vĩ thứ nhất ở A, định hướng vành độ ngang theo cạnh khống chế AB, bố trí góc cực β_A .

3b/ Đặt máy kinh vĩ thứ hai ở B, định hướng vành độ ngang theo cạnh khống chế BA, bố trí góc cực β_B .

Giao điểm của hai tia kẹp các góc trên là điểm C cần



Hình 8

bố trí sẽ được cố định ở ngoài thực địa.

4. Độ chính xác

Độ chính xác bố trí điểm C theo phương pháp giao hội góc thuận có thể được tính theo công thức:

$$m_C = \pm \frac{m_{\beta}^*}{\rho^* \cdot \sin \bar{C}} \cdot \sqrt{a^2 + b^2} \quad (32)$$

Trong đó:

m_{β}^* - sai số trung phương bố trí các góc β_A và β_B (giây); (coi $m_{\beta_A}^* = m_{\beta_B}^* = m_{\beta}^*$);

$\rho^* = 206\,265''$;

$\bar{C}$ - góc bằng ở điểm được bố trí [$\bar{C} = \angle ACB = 180^\circ - (\beta_A + \beta_B)$]

$a = BC$ - chiều dài cạnh đối diện điểm A;

$b = AC$ - chiều dài cạnh đối diện điểm B;

m_C - độ chính xác bố trí điểm C.

5. Nhận xét

5a. Điểm cần bố trí sẽ đạt độ chính xác tốt nhất khi góc tại điểm cần bố trí $\gamma_C = \angle ACB = 90^\circ 00'$.

5b. Trong thực tế, người ta thường tiến hành giao hội góc từ hai điểm khống chế nữa, (chẳng hạn là B, E) rồi lấy kết quả trung bình.

2.8. Phương pháp giao hội cạnh

1. Phạm vi áp dụng

+ Trên thực địa tồn tại hai điểm khống chế trắc địa mặt bằng $A(x_A, y_A)$, $B(x_B, y_B)$,

+ Điểm cần bố trí $C(x_C, y_C)$ nằm gần A, B.

+ Dụng cụ trắc địa có hai thước thép.

2. Tính toán số liệu cần bố trí

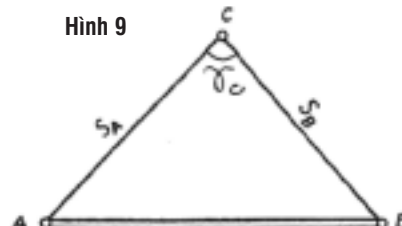
Khi đã biết tọa độ khống chế trắc địa $A(x_A, y_A)$, $B(x_B, y_B)$ và tọa độ điểm thiết kế $C(x_C, y_C)$ (hình 9), để bố trí điểm C theo phương pháp giao hội cạnh thì phải tính được những số liệu cần thiết là các bán kính giao hội s_A, s_B .

Theo bài toán ngược có:

$$s_A = \sqrt{(x_C - x_A)^2 + (y_C - y_A)^2} \quad (33)$$

$$s_B = \sqrt{(x_C - x_B)^2 + (y_C - y_B)^2} \quad (34)$$

Hình 9



3. Cách bố trí

3a. Lấy A làm tâm, theo thước thép quay một cung thứ nhất có bán kính

tương ứng là s_A .

3b. Lấy B làm tâm, theo thước thép quay một cung thứ hai có bán kính tương ứng là s_B .

Hai cung tròn trên giao nhau tại C, đó là điểm cần bố trí sẽ được cố định lại ở ngoài thực địa.

4. Độ chính xác

Độ chính xác bố trí điểm C theo phương pháp giao hội cạnh có thể được tính theo công thức:

$$m_C = \pm \frac{m_s}{\sin C} \cdot \sqrt{2} \quad (35)$$

Trong đó:

m_s - sai số trung phương bố trí cạnh s_A, s_B (coi $m_{sA} = m_{sB} = m_s$);

C - góc bằng ở điểm được bố trí: $C = \angle ACB$;

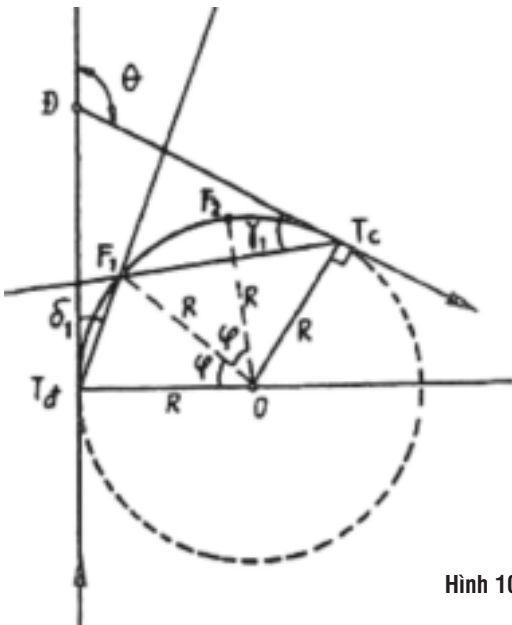
5. Nhận xét

Điểm cần bố trí sẽ đạt được độ chính xác tốt nhất khi góc tại điểm cần bố trí $\gamma_C = \angle ACB = 90^\circ 00' 00''$.

2.9. Phương pháp giao hội góc mở rộng

1. Phạm vi áp dụng

Phương pháp giao hội góc mở rộng được áp dụng để bố trí công trình dạng đường cong ở nơi địa hình không bằng phẳng.



Hình 10

2. Tính toán số liệu cần thiết để bố trí (hình 10)

Chọn hướng góc mở rộng là đường gấp khúc $T_d \cdot D \cdot T_c$.

2a. Tính các góc δ_i từ phía T_d

Góc γ_i là góc hợp bởi tiếp tuyến đầu ($T_d \cdot D$) với dây cung ($T_d F_i$), chúng sẽ bằng một nửa góc ở tâm tương ứng:

$$\left. \begin{aligned} \delta_1 &= \angle D.T_d.F_1 = \frac{\varphi}{2} \\ \delta_2 &= \angle D.T_d.F_2 = \varphi \\ \delta_3 &= \angle D.T_d.F_3 = \frac{3\varphi}{2} \\ &\dots\dots\dots \\ \delta_i &= \angle D.T_d.F_i = \frac{i\varphi}{2} \end{aligned} \right\} \quad (36)$$

2b. Tính các góc γ_i từ phía T_c

Góc γ_i là góc hợp bởi tiếp tuyến cuối ($T_c \cdot D$) với dây cung ($T_c F_i$), chúng sẽ bằng một nửa góc ở tâm tương ứng:

$$\left. \begin{aligned} \gamma_1 &= \angle D.T_c.F_1 = \frac{\theta - \varphi}{2} \\ \gamma_2 &= \angle D.T_c.F_2 = \frac{\theta - 2\varphi}{2} \\ \gamma_3 &= \angle D.T_c.F_3 = \frac{\theta - 3\varphi}{2} \\ &\dots\dots\dots \\ \gamma_i &= \angle D.T_c.F_i = \frac{\theta - i\varphi}{2} \end{aligned} \right\} \quad (37)$$

Trong đó: i - điểm phụ thứ i tính từ điểm tiếp đầu ($i = 1, 2, 3, \dots$);

3. Cách bố trí

Đặt hai máy kinh vĩ tại điểm tiếp đầu (T_d) và điểm tiếp cuối (T_c). Cả hai máy kinh vĩ đều được định hướng vành độ ngang về đỉnh ngoặt (Đ). Tương ứng bố trí các góc δ_i và γ_i phù hợp. Giao nhau giữa hai tia cạnh của hai góc trên sẽ là điểm phụ F_i cần được bố trí.

1. Độ chính xác

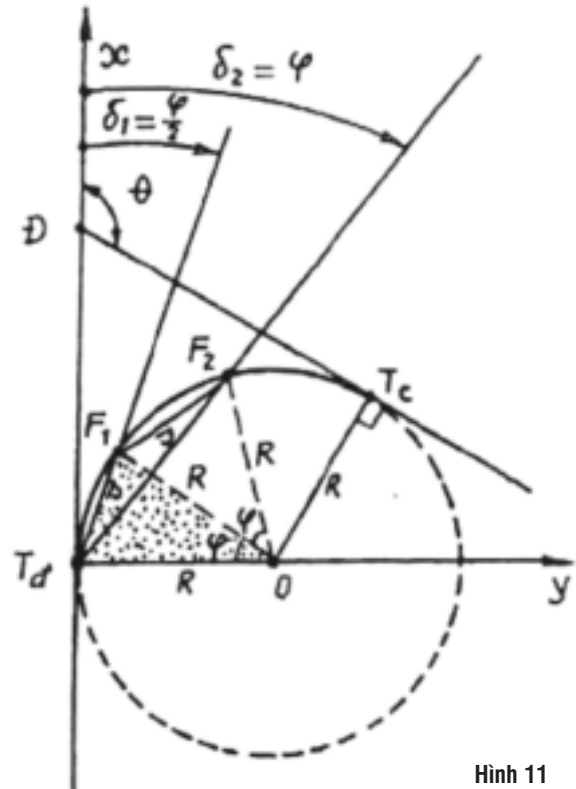
Sai số của các điểm được bố trí độc lập với nhau.

2.10. Phương pháp tọa độ một cực mở rộng (phương pháp mở góc bội số)

1. Phạm vi áp dụng

Phương pháp tọa độ một cực mở rộng (phương pháp mở góc bội số) thường được áp dụng để bố trí công trình dạng đường cong ở nơi quang đãng.

2. Tính toán số liệu cần thiết để bố trí (hình 11)



Hình 11

2a. Tính các góc cực δ_i

Các góc cực δ_i đều là góc hợp bởi tiếp tuyến đầu ($T_d \cdot D$) với dây cung ($T_d F_i$), chúng sẽ bằng một nửa góc

ở tâm tương ứng:

$$\left. \begin{aligned} \delta_1 &= \widehat{D.T_d.F_1} = \frac{\varphi}{2} \\ \delta_2 &= \widehat{D.T_d.F_2} = \varphi \\ \delta_3 &= \widehat{D.T_d.F_3} = \frac{3\varphi}{2} \\ &\dots\dots\dots \\ \delta_i &= \widehat{D.T_d.F_i} = \frac{i\varphi}{2} \end{aligned} \right\} \quad (38)$$

2b. Tính các bán kính cực di động s

Các dây con s chắn các góc nhỏ ở tâm đều dài như nhau:

$$T_d.F = F_1F_2 = F_2F_3 = \dots = s \quad (39)$$

3. Cách bố trí

Đặt máy kinh vĩ tại tiếp điểm đầu (T_d). Định hướng vành độ ngang về đỉnh ngoặt ($\widehat{D}$). Bố trí các góc tương ứng $\delta_1, \delta_2, \delta_3, \dots$;

Lấy tiếp điểm đầu (T_d) làm tâm quay một cung bán kính là s, cung này cắt tia cạnh góc thứ nhất (δ_1) tại F_1 .

Lấy F_1 làm tâm quay một cung bán kính s, cung này cắt tia cạnh góc thứ hai (δ_2) tại F_2 .

Lấy F_2 làm tâm quay một cung bán kính s, cung này cắt tia cạnh góc thứ ba (δ_3) tại F_3 .

Và tương tự như trên,...

2. Độ chính xác

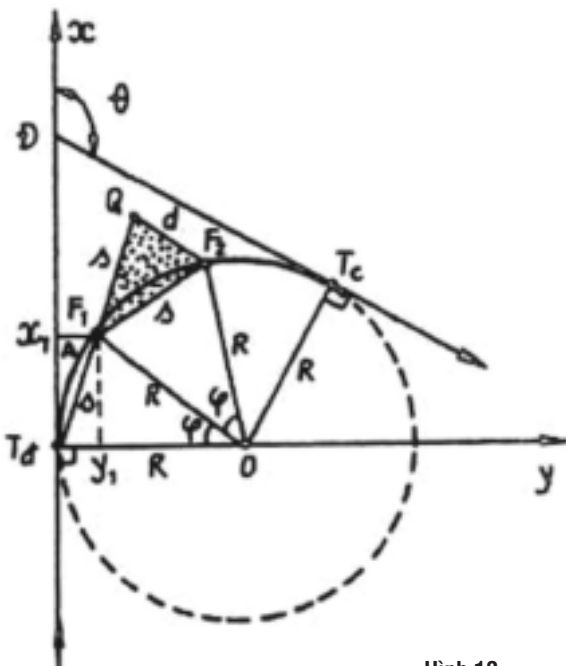
Sai số của các điểm được bố trí trước lan truyền đến các điểm được bố trí sau.

2.11. Phương pháp giao hội cạnh mở rộng (phương pháp dây cung kéo dài)

1. Phạm vi áp dụng

Phương pháp giao hội cạnh mở rộng (phương pháp dây cung kéo dài) thường được áp dụng để bố trí công trình đường hầm dạng cong.

2. Tính toán số liệu cần thiết để bố trí (hình 12):



Hình 12

2a. Tọa độ vuông góc của điểm phụ đầu tiên F_1 là:

$$F_1 = \begin{cases} x_1 = R \sin \varphi \\ y_1 = 2R \cdot \sin^2 \left(\frac{\varphi}{2} \right) \end{cases} \quad (40)$$

2b. Các dây cung giữa các điểm phụ như nhau:

$$T_d.F = F_1F_2 = F_2F_3 = \dots = s$$

2c. Đoạn thẳng $d = F_2Q$ được tính từ hai tam giác đồng dạng sau:

+ Tam giác thứ nhất F_1QF_2 là tam giác cân, có hai cạnh bên $F_1Q = F_1F_2 = s$, còn góc ở đỉnh là $\varphi = \angle F_1F_2Q$.

+ Tam giác thứ hai OF_1F_2 cũng là tam giác cân, có hai cạnh bên là: $OF_1 = OF_2 = R$, còn góc ở đỉnh là $\varphi = \angle F_1QF_2$.

Từ hai tam giác đồng dạng trên rút ra được:

$$\frac{d}{s} = \frac{s}{R} \quad (41)$$

Suy ra:

$$d = \frac{s^2}{R} \quad (42)$$

3. Cách bố trí

3a. Riêng điểm phụ đầu tiên F_1 được bố trí theo phương pháp tọa độ vuông góc, giả sử, $x_1 > y_1$. Đặt máy kinh vĩ tại điểm tiếp đầu (T_d). Ngắm đúng hướng đường thẳng về đỉnh ngoặt ($\widehat{D}$), trên hướng này bố trí một đoạn $T_dA = x_1$. Dời máy kinh vĩ đến A, lại ngắm về đỉnh $\widehat{D}$. Bố trí một góc vuông. Trên hướng vuông góc bố trí một đoạn $AF_1 = y_1$, như vậy được điểm phụ đầu tiên F_1 .

3b. Từ điểm F_2 trở đi sẽ được bố trí theo phương pháp giao hội cạnh mở rộng (phương pháp dây cung kéo dài):

Điểm phụ F_2 được bố trí như sau: kéo dài T_dF_1 thêm một đoạn $F_1Q = s$. Lấy Q làm tâm quay một cung thứ nhất với bán kính là d. Lấy F_1 làm tâm quay một cung thứ hai với bán kính là s. Hai cung này cắt nhau tại F_2 . Đó chính là điểm phụ cần được bố trí.

Tương tự như trên để bố trí các điểm phụ còn lại $F_3, F_4, \dots$

4. Độ chính xác

Sai số của các điểm được bố trí trước lan truyền đến các điểm được bố trí sau.

2.12. Phương pháp bố trí gián tiếp gần đúng dần bằng máy định vị toàn cầu GPS.

1. Phạm vi áp dụng

Khi địa hình bị che khuất, công trình có đặc thù riêng như nhà siêu cao tầng, có máy định vị toàn cầu GPS, ... người ta áp dụng phương pháp bố trí điểm gián tiếp gần đúng dần để truyền trực lên tầng cao, phục vụ việc xây lắp ở các tầng.

2. Cách bố trí

Giả sử điểm trực cần phải truyền lên các tầng cao với tọa độ vuông góc phẳng đã biết là $C(x_C, y_C)$.

2a. Trên sàn tầng cần truyền chọn hai điểm gần đúng A và B tùy ý thích hợp. Dùng máy GPS đo đạc xác định được tọa độ vuông góc phẳng chính xác là $A(x_A, y_A)$ và $B(x_B, y_B)$.

2b. Từ các tọa độ $A(x_A, y_A)$, $B(x_B, y_B)$ và $C(x_C, y_C)$ đã biết, giải bài toán ngược sẽ tìm ra được các yếu tố là góc cực và bán kính cực từ gốc cực A và trực cực AB là:



$$\text{Tg } \alpha_{AB} = (y_B - y_A) : (x_B - x_A). \quad (43)$$

$$\text{Tg } \alpha_{AC} = (y_C - y_A) : (x_C - x_A) \quad (44)$$

$$\text{Góc cực } \beta_A = \text{Góc bằng BAC} = \alpha_{AC} - \alpha_{AB} \quad (45)$$

$$\text{Bán kính cực } S_{AC} = AC = \sqrt{(x_C^2 - x_A^2) + (y_C^2 - y_A^2)} \quad (46)$$

2c. Từ góc cực A bố trí các yếu tố β_A và S_{AC} sẽ đánh dấu được điểm C' chính xác cần tìm ở trên mặt sàn tầng nhà.

2d. Làm tương tự từ góc cực B và trục cực BA sẽ được điểm C".

2e. Lấy điểm giữa C'C" làm điểm C cần tìm.

3. Độ chính xác

Sai số của điểm được bố trí gián tiếp gần đúng dần bằng máy định vị toàn cầu GPS như trên phụ thuộc vào hai nguồn chính. Nguồn thứ nhất là sai số của điểm được bố trí gần đúng bằng máy GPS. Nguồn thứ hai là sai số của việc đo đạc bố trí các yếu tố hiệu chỉnh về góc cực và bán kính cực (β_A và S_{AC}).

3. Kết luận

1. Định vị công trình là xác định vị trí mặt bằng và cốt không của công trình ở ngoài thực địa.

2. Việc định vị công trình phải được tiến hành từ các điểm của lưới khống chế bố trí công trình.

3. Lưới khống chế bố trí công trình khác với lưới khống chế đo vẽ bản đồ

3a. Lưới khống chế bố trí công trình tồn tại trong không gian thực.

3b. Lưới khống chế trắc địa bản đồ tồn tại trong không gian ảo UTM.

Kỹ sư xây dựng cần đặc biệt ghi nhớ điều khác biệt này. Trong các lưới khống chế bản đồ nhà nước người ta đã tính vào chiều dài đo được những số điều chỉnh thứ nhất do chiếu chúng lên mặt quy chiếu VN2000 và số điều chỉnh thứ hai do chiếu lên mặt phẳng của phép chiếu bản đồ UTM. Những số điều chỉnh này đã làm thay đổi tỷ lệ của lưới khống chế ở trên thực địa và gây ra sai số khép kín về chiều dài khi chuyển bản thiết kế công trình ra thực địa. Bởi vậy, trong các lưới khống chế công trình (lưới khống chế thi công) sẽ không tính các số điều chỉnh do hai phép chiếu nói trên. Do đó khi sử dụng lưới khống chế bản đồ nhà nước thì phải tính các số điều chỉnh nói trên với dấu ngược lại, để chuyển lưới khống chế bản đồ nhà nước về trạng thái không đổi ban đầu của nó.

3. Việc lựa chọn phương pháp bố trí định vị công trình phụ thuộc vào các tiêu chí:

4a. Độ chính xác yêu cầu phải đạt được.

4b. Cán bộ kỹ thuật.

4c. Đặc điểm của địa hình.

4d. Đặc điểm của bản thân công trình.

4e. Đặc điểm của máy móc đo đạc trắc địa.

5. Bình thường áp dụng các phương pháp bố trí trực tiếp cơ bản sau:

5a. Phương pháp bố trí góc.

5b. Phương pháp bố trí độ dài.

5c. Phương pháp bố trí độ cao.

5d. Phương pháp tọa độ độc cực.

5e. Phương pháp tọa độ vuông góc.

5f. Phương pháp giao hội góc.

5g. Phương pháp giao hội cạnh.

6. Các phương pháp bố trí trực tiếp mở rộng thường được

áp dụng để bố trí những công trình có dạng cung tròn:

6a. Phương pháp tọa độ độc cực mở rộng (phương pháp mở góc bội số).

6b. Phương pháp giao hội góc mở rộng.

6c. Phương pháp giao hội cạnh mở rộng (phương pháp dây cung kéo dài).

7. Phương pháp bố trí gián tiếp gần đúng dần bằng máy định vị toàn cầu GPS thường được áp dụng khi truyền điểm trực lên tầng cao trong xây dựng nhà siêu cao tầng.

8. Dù chọn áp dụng phương pháp bố trí nào cũng phải đảm bảo đạt được độ chính xác cần thiết của cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc tế đã quy định nêu ở trên.

9. Công tác đo đạc xác định tọa độ điểm khác hoàn toàn với công tác bố trí công trình xây dựng.

9a. Khi đo đạc (suveying) để xác định tọa độ của điểm P: thì ở ngoài thực địa đã đánh dấu được điểm P rồi, phải đo đạc để xác định tọa độ của điểm P(x_P, y_P, H_P) này là bao nhiêu?

9b. Khi bố trí (stake out) điểm công trình xây dựng Q: thì tọa độ của điểm này là Q(x_Q, y_Q, H_Q) đã biết rồi, phải bố trí đánh dấu được điểm Q này ở đâu trên thực địa?

Như vậy nếu coi đo đạc xác định tọa độ điểm là "bài toán trắc địa thuận" thì bố trí công trình xây dựng sẽ là "bài toán trắc địa nghịch". Đó là hai vấn đề hoàn toàn trái ngược nhau. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. G.P.Leptruc. *Giáo trình Trắc địa công trình*. NXB "Nhedra". Matscova, 1970.
2. N.N.Lebedev: *Giáo trình Trắc địa công trình*. NXB "Nhedra". Matscova, 1970
3. Chủ biên V.Đ.Bôn-sa-côp, G.P. Lep-trúc: *Sổ tay của người kỹ sư trắc địa* NXB "Nhedra". Matscova, 1966.
4. Chủ biên V.Đ.Bôn-sa-côp, G.P. Lep-trúc: *Sổ tay trắc địa công trình*. NXB "Nhedra". Matscova, 1980.
5. Lê Văn Hưng (dịch). *"Sổ tay định vị toàn cầu GPS"*. NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội, 1990.
6. *Báo cáo khoa học xây dựng hệ quy chiếu và hệ thống điểm tọa độ quốc gia*. Tổng cục Địa chính Hà Nội, 2000.
7. PGS.TS. Phạm Văn Chuyên. *Đo đạc xây dựng công trình*. Nhà Xuất bản Xây dựng Hà Nội 2014.
8. *Quyết định của thủ tướng chính phủ sử dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia Việt Nam*, ngày 12 tháng 7 năm 2000. Quyết định số 83/2000/QĐ/TTg
9. *Thông tư hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 của Tổng cục Địa chính*, ngày 20 tháng 6 năm 2001, số 973/2001/TTg-TCĐ.

Chiến trường của ... Từ điển

Nguyễn Huy Côn

Cuộc “chiến tranh” về từ điển hiện hình rõ rệt khi xuất hiện một hình thức từ điển mới vào những năm đầu của thế kỷ XXI. Đó là các đĩa CD, VCD hay DVD (và trước đó ít lâu là băng cassette), gọi chung là *từ điển nén* - tuyên chiến thẳng với từ điển giấy truyền thống. Không kinh ngạc sao được khi một chiếc đĩa có đường kính vài centimet có thể thay thế dễ dàng cả một bộ từ điển giấy khoảng 20 quyển. Và giá của chúng cũng rẻ bất ngờ: chỉ khoảng 200 đôla khi mà bộ từ điển giấy tương đương hơn một ngàn đôla. Nếu kể tới thông tin nén được nổi với Internet thì chất lượng cao và đổi mới hơn hẳn với những hình ảnh sinh động, chuyển ngữ nhiều và nhất là không giới hạn về nội dung từ điển. Có nhiều ví dụ: Collection Encarta 2002 của Microsoft đã được chuyển ngữ rất nhiều và cập nhật dễ dàng trên mạng mà chỉ có 160 đôla, hay Encyclopedia Universallis thu gọn 28 quyển trong 2 đĩa, vô số hình minh hoạ giá chỉ có 210 đôla, rồi Encyclopédie Universelle Larousse chuyên nói về Afghanistan. Đó là chưa kể La Grande Encyclopédie 2002 Micro Application chỉ với 30 đôla phân tích đầy đủ về sự nghiệp của J.F.Kennedy, chiến tranh thế giới thứ hai, Afghanistan, Irak. Thế mạnh của từ điển nén trên “chiến trường” là ở chỗ nó có bản đồ của toàn thế giới, của từng quốc gia, (muốn phóng lên để xem cỡ nào tùy thích), có thể xem vài vạn bức tranh, trên nền những bản nhạc nổi tiếng như Dòng sông xanh, Hành khúc Thổ Nhĩ Kỳ hay Gửi Elisa,...

Từ điển nén khác với từ điển truyền thống trên giấy ở chỗ đề tài đa dạng, hình thức thể hiện phong phú. Nó có thể trích đoạn vài trăm kiệt tác văn chương mà cũng có thể

trình bày hấp dẫn tình hình chiến sự Trung Đông hay chuyện toàn cầu hoá. Người sử dụng có thể tham khảo một sản phẩm rõ ràng qua hình ảnh ba chiều chứ không bị hạn chế như từ điển giấy. Từ điển nén có nhiều ưu điểm: dễ sử dụng, đầy đủ và có tính giáo dục cao. Tất cả được sắp xếp theo chủ đề chứ không theo thứ tự chữ cái như từ điển giấy. Ví dụ, từ điển bách khoa tương tác Oxford là một từ điển tiêu biểu thuộc loại này. Thế mạnh của từ điển nén còn ở chỗ tạo điều kiện cho người “đọc” tra cứu ngôn ngữ trên mạng, không chỉ một ngôn ngữ mà hàng trăm thứ tiếng, từ ngôn ngữ chung đến thuật ngữ chuyên ngành. Chính vì những ưu điểm nổi trội đó mà các loại từ điển trên giấy, dù đã tồn tại hàng trăm năm cũng vẫn “xin thua”, nhường thị trường cho từ điển nén. Chẳng hạn, sau 244 năm phục vụ toàn cầu, Encyclopedia Britannica đã phải ngừng xuất bản để nhường bước cho Bách khoa toàn thư trực tuyến!

Có bạn hỏi: thế ở thời “Từ điển cổ điển” không có sự cạnh tranh hay sao. Có chứ, nhưng âm ỷ, kín đáo; ganh nhau trong từng câu chữ. Đó là trường hợp giữa Từ điển Larousse của Pháp với Từ điển Robert Benjamin. Nếu trong bộ Mon Premier Larousse giải thích cho các em thiếu nhi rằng “một con vật có thể sống nhưng một hòn đá không thể hít thở” thì Từ điển Robert Benjamin giải thích thêm là “những hòn đá không sống, thì cũng không

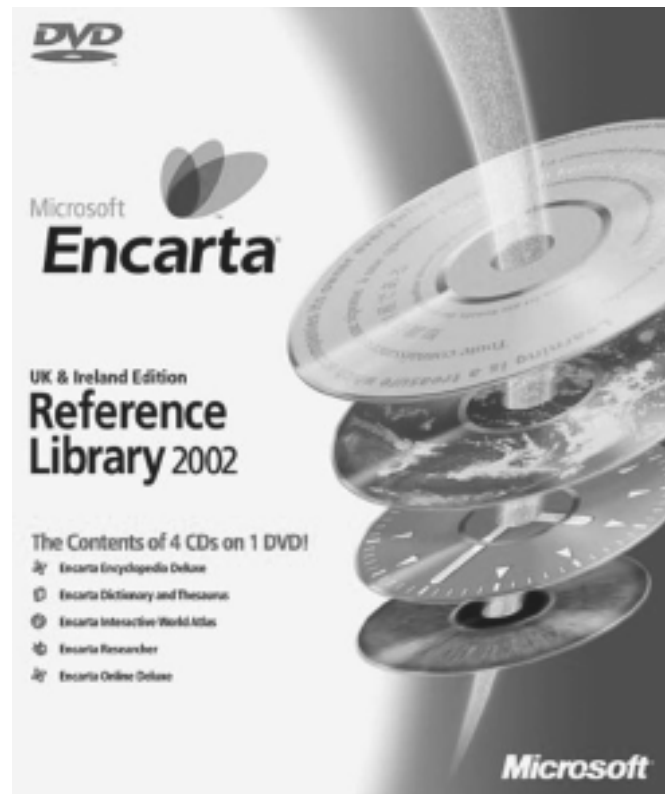
chết” (cho lứa tuổi 6-8) và “hòn đá không thể hưởng lạc thú của con người” (cho lứa tuổi 8-12). Chưa hết, nhà xuất bản Robert còn trình bày từ đến 6 nghĩa trở lên của một động từ cho trẻ lứa tuổi 9-12. Lại nữa, qua bộ Super Major Larousse, người ta lại luyện cả những tình huống ngoại lệ của văn phạm Pháp ngữ cho các trẻ em và mở rộng đối tượng phục vụ của từ điển cho những ai từ 7 đến 77 tuổi(!).

Tuy nhiên, sự “bội thực” từ điển tại Pháp cũng xảy ra trong hai thập niên 1970-1980 khiến công chúng Pháp quay lưng lại với từ điển làm thị trường này tụt dốc.

Cũng may là đến đầu thế kỷ XXI, từ điển tại đây “hồi phục” được, và khi đó qua Giáng sinh ở Paris là Từ điển chiếm đến hơn 60% (từ điển dạng sách và đĩa) và các phụ huynh lại có thói quen cứ hai năm lại mua một bộ từ điển mới cho con em mình.

Điều đáng mừng là từ điển chuyên sâu vẫn phát triển và có đất sử dụng: nào từ điển về rượu vang, về hoa, về bánh kẹo. Cũng may là thị trường từ điển cho người lớn vẫn xuất bản bình thường. Đó là các từ điển ngôn ngữ về từ đồng nghĩa, phản nghĩa, từ nguyên, ngôn ngữ,... Bên cạnh đó còn có cả các từ điển chuyên sâu về chăm sóc con cái, về

(Xem tiếp trang 75)



Kỹ thuật môi trường xây dựng và chất lượng công trình



Chất lượng công trình xây dựng được đánh giá một cách toàn diện bởi độ bền vững, trình độ kỹ thuật, mỹ thuật, hiệu quả khai thác sử dụng công trình trong một điều kiện kinh tế nhất định. Bởi vậy công trình phải đảm bảo chống lại được những tác động của khí hậu - thiên nhiên, tuổi thọ, duy trì ở mức không làm nhanh chóng suy giảm chất lượng mỹ quan, thoả mãn yêu cầu chất lượng cuộc sống của người sử dụng. Công trình cũng cần được đầu tư về kỹ thuật và trang bị hiện đại, vật tư thích hợp.

Thiên nhiên và người sử dụng là những trọng tài nghiêm khắc và công bằng trong việc đánh giá chất lượng công trình xây dựng.

Cũng cần nói thêm rằng chất lượng công trình không đơn thuần là vấn đề kinh tế - kỹ thuật mà nó phải là kết quả tổng hợp của nhiều khâu từ giai đoạn trước đầu tư, chọn địa điểm, khảo sát, thiết kế đến cung ứng vật tư kỹ thuật, thi công, nghiệm thu và khai thác sử dụng.

Với khái niệm chung về chất lượng như vậy vai trò của kỹ thuật môi trường xây dựng có đủ điều kiện và có trách nhiệm trong việc góp phần đảm bảo chất lượng công trình ở mọi khâu quy hoạch, thiết kế, thi công, sản xuất vật liệu xây dựng đến sử dụng và quản lý công trình.

Trong điều kiện khí hậu nóng ẩm của nước ta, việc thực hiện kỹ thuật môi trường xây dựng sẽ góp phần đảm bảo:

- Độ bền vững cho công trình: trước tiên là việc nghiên cứu, đánh giá đúng và cung cấp các dữ liệu đáng tin cậy để thiết kế kết cấu về mặt tác động của tải trọng gió, của động đất, chống xâm thực, phòng hoả, chống ẩm, chống dột, chống rêu mốc, đọng sương và nhất là tình trạng xuống cấp của kết cấu ngăn che bên ngoài công trình.

- Mức độ tiện nghi vi khí hậu trong công trình nhà ở, tạo điều kiện hạn chế năng lượng mặt trời vào trong nhà về mùa hè, tận dụng năng lượng mặt trời về mùa đông, tạo điều kiện thông gió tự nhiên trong và ngoài công trình tại khu ở và giải trí - nghỉ ngơi.

- Góp phần chống ô nhiễm môi trường đô thị: tạo điều kiện chọn vị trí các khu ở, khu sản xuất trong đô thị một cách hợp lý trên cơ sở xác định ảnh hưởng của việc thải bụi khói và các chất độc hại của các nhà máy theo chế độ gió thịnh hành các mùa trong năm ở từng địa phương.

- Đảm bảo công năng cho công trình công cộng, nhất là công trình nghe nhìn. Ứng dụng các kết quả và tiến bộ kỹ thuật ánh sáng, kỹ thuật âm thanh, sử dụng các vật liệu xuyên sáng và cách âm thích hợp trong các công trình đó. Nâng cao chất lượng nghe nhìn và chất lượng vệ sinh của Phòng khán giả, nơi có đông người tập trung trên cơ sở các giải pháp thông gió tự nhiên hoặc nhân tạo hợp lý (điều tiết không khí).

- Đảm bảo chất lượng môi trường làm việc trong các công trình sản xuất thông thoáng, đủ ánh sáng,

hạn chế tiếng ồn trong các xí nghiệp có độ ồn cao (nhà máy dệt, dệt đập...), kết hợp với bố trí công nghệ giải quyết việc giảm và đưa chất độc hại ra ngoài nơi sản xuất. Tính kể đến việc khử nấm mốc trong quá trình sản xuất, đóng gói và vận chuyển một số hàng hoá dễ mốc.

- Tạo điều kiện duy trì chất lượng hàng hoá trong các kho sản phẩm hàng hoá, nhất là sản phẩm hạt có thuỷ phân cao dễ sinh nhiệt trong quá trình bảo quản. Bằng điều tiết khí hậu nhân tạo, duy trì độ chính xác của các thiết bị tinh vi, chính xác cao trong các kho máy chuyên dụng.

- Góp phần tăng mỹ quan công trình xây dựng, cảnh quan và bộ mặt đô thị trên cơ sở nghiên cứu tận dụng địa hình tự nhiên của khu đất xây dựng. Đưa các hình thức kiến trúc che nắng, che mưa đa dạng, các hình thức kiến trúc thoáng hờ khai thác được từ kiến trúc dân gian, truyền thống vào công trình.

- Tạo điều kiện hiện đại hoá công trình xây dựng, nhất là nội thất công trình trên cơ sở của trang bị kỹ thuật chiếu sáng, điều hoà không khí, cách âm, cách nhiệt... cho một số công trình có yêu cầu chất lượng đặc biệt cao.

Có tiềm năng lớn như vậy trong việc áp dụng kỹ thuật môi trường xây dựng, song thời gian qua, môn khoa học này chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng công trình xây dựng trong những điều kiện kinh tế nhất định. Mặc dù trong vài thập kỷ qua đã có nhiều kết quả

nghiên cứu ở trong nước về khí hậu xây dựng, về chiếu sáng xây dựng, về âm thanh xây dựng, về thông gió cách nhiệt, chống thấm chống đột cho nhà và công trình... nhưng chưa đưa ra áp dụng rộng rãi và chưa đưa vào trong tiêu chuẩn quy phạm nhằm áp dụng trong sản xuất, thiết kế. Nhiều loại vật liệu chuyên dụng đã được nghiên cứu để trang âm, cách nhiệt nhưng công nghệ chưa hoàn chỉnh đến mức sản xuất đại trà, hạn chế được nhập ngoại. Việc phổ biến tác dụng của kỹ thuật môi trường nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng chưa được đề cập đến một cách thích đáng. Chất lượng các công trình kiến trúc còn thấp, một phần do chưa có sự tham gia của kỹ thuật này ngay từ đầu. Kỹ thuật môi trường phải giải quyết về những nhược điểm sau đây của các công trình xây dựng trong những năm qua:

Chọn địa điểm xây dựng công trình không hợp lý;

- Thấm đột mái bằng, mối nối nhà lắp ghép;

- Chống thấm khu vệ sinh kém;

- Chất lượng âm thanh của nhiều phòng khán giả chưa tốt;

- Hình thức phô trương của mặt nhà trong việc sử dụng các kiến trúc che nắng không hợp lý;

- Thiếu cây xanh làm trợ trụ quần thể công trình;

- Thiếu các vật liệu chuyên dụng về cách âm, cách nhiệt hoặc sử dụng không đúng chỗ các loại vật liệu này;

- Không tận dụng địa hình, san lấp

bừa bãi gây tốn kém;

- Chưa có những biện pháp có hiệu quả cho các kho chứa sản phẩm hàng hoá để chống hư hỏng thóc và ngũ cốc, chống mốc cho các hàng hoá khác.

Có thể kể ra nhiều ví dụ cụ thể về những công trình chưa đảm bảo chất lượng về các mặt nói trên do không được áp dụng kỹ thuật môi trường xây dựng.

Thời gian tới, ngành môi trường xây dựng cần tiến hành những công việc sau đây nhằm góp phần nâng cao chất lượng công trình xây dựng:

- Đánh giá, tổng kết chất lượng các công trình đã xây dựng ở góc độ môi trường xây dựng;

- Tuyển lựa các kết quả nghiên cứu đã được đánh giá hoặc chín muồi để đưa ra áp dụng trong thực tiễn xây dựng, đưa vào tiêu chuẩn xây dựng;

- Hoàn thiện các công nghệ về vật liệu và trang bị để có thể sản xuất hàng loạt, phục vụ nâng cao nội thất công trình xây dựng, đảm bảo vi khí hậu công trình,

- Kiến nghị đưa nội dung kỹ thuật môi trường trong khâu thẩm tra thiết kế - quy hoạch cũng như nghiệm thu công trình như một tiêu chí chủ yếu.

Tất nhiên, để ngành kỹ thuật môi trường xây dựng góp phần trong kết quả nâng cao chất lượng chung của công trình xây dựng không thể thiếu sự phối hợp ngay từ đầu của các ngành khác như vật liệu, kết cấu, quy hoạch, kiến trúc. □

Kim Thi

(Theo: *Climatic Change*)

Chiến trường của ...

(Tiếp theo trang 73)

bệnh truyền nhiễm và cả quốc kỳ nữa!

Cũng ở đầu thế kỷ XXI, các từ điển “ăn theo sự kiện” cũng có đất dụng võ. Chẳng hạn, người ta đã cho ra đời từ điển bóng đá khi Pháp đoạt danh hiệu vô địch bóng đá thế giới, rồi từ điển về World Cup cũng tràn ngập kèm theo những phụ lục giới thiệu về du lịch và văn hoá của

những nước đang cai Nhật, Hàn (từ giữa năm 2001). Ngay cả sự kiện 11/9/2001 ở Mỹ mà cũng là đề tài của nhiều thứ từ điển ra đời: nào là từ điển lịch sử ngoại giao, từ điển lịch sử chiến tranh, thi nhau xuất bản tại Mỹ, Anh, Đức... Ngay cả chiến tranh ở Afghanistan cũng cuốn theo một cuộc chiến tranh về chữ nghĩa: con đường tơ lụa, vũ khí

sinh học, các đời Tổng thống Mỹ, rồi cả thuốc phiện và... khủng bố nữa.

Quả là chiến trường từ điển có một thời khắc nghiệt!

Tài liệu tham khảo:

1. *Guerre dans le dictionnaire* - Challenges, 2-2002.

2. Nguyễn Huy Côn - *Từ điển Bách khoa tương tác Oxford*, Tạp chí Từ Điển học & Bách khoa thư tháng 5/2010.

3. Nguyễn Huy Côn - *Từ điển đa ngôn ngữ trên mạng*, Tạp chí Từ Điển học & Bách khoa thư tháng 9/2012.

4. Nguyễn Huy Côn - *Bách khoa toàn thư và Encyclopedia Britannica*, Tạp chí Từ Điển học & Bách khoa thư tháng 5/2013.

HỘI ĐỒNG GIẢI THƯỞNG LOA THÀNH BÁO CÁO TỔNG KẾT LẦN THỨ 33 - NĂM 2021

GS.TSKH. Nguyễn Tài



Giải thưởng Loa thành lần thứ 33 năm 2021 được tổ chức bởi 4 cơ quan: Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng và TƯ Đoàn TNCS Việt Nam. Năm 2021, Hội KTS Việt Nam đảm nhiệm trách nhiệm Chủ tịch Hội đồng giải thưởng luân phiên, Tổng hội Xây dựng Việt Nam vẫn là cơ quan thường trực giải thưởng.

Để giúp cho Hội đồng giải thưởng (HĐGT) đánh giá chính xác chất lượng đồ án dự thi, có 06 Hội đồng chuyên ngành (HĐCN) đã được thành lập với 42 thành viên.

Các HĐCN đã làm việc trong tháng 10/2021. Căn cứ vào Quy chế và tiêu chí cuộc thi, các HĐCN đã trình HĐGT danh sách các đồ án được đề nghị tặng giải thưởng Loa Thành năm 2021.

Ngày 18/11/2021, TS.KTS. Phan Đăng Sơn - Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Chủ tịch HĐGT Loa Thành năm 2021 đã chủ trì cuộc họp HĐGT với sự tham gia của các Chủ tịch HĐCN để nghe kết quả chấm và đề nghị xếp giải của các HĐCN. Căn cứ vào thể lệ và tiêu chí cuộc thi, sau khi thảo luận nghiêm túc và sôi nổi, HĐGT đã quyết định cơ cấu giải thưởng Loa Thành năm 2021 như sau:

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG ĐỒ ÁN ĐOẠT GIẢI THƯỞNG LOA THÀNH LẦN THỨ 33 - NĂM 2021

TT	TÊN TRƯỞNG	KHỐI KỸ THUẬT CNXD	KHỐI KIẾN TRÚC- QH	TỔNG SỐ ĐỒ ÁN	GIẢI NHẤT	GIẢI NHÌ	GIẢI BA	GIẢI KHUYẾN KHÍCH	TỔNG SỐ GIẢI
1	ĐH Xây dựng	24	10	34	2	5	3	3	13
2	ĐH Kiến trúc TPHCM	8	17	25	2	1	2	4	9
3	ĐH Kiến trúc Hà Nội	12	25	37	1	5	5	6	17
4	ĐH Văn Lang	0	10	10	-	1	2	2	5
5	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	2	10	12	-	1	-	-	1
6	ĐH Bách Khoa TPHCM	1	9	10	-	-	4	-	4
7	ĐH Xây dựng Miền trung	0	3	3	-	-	2	1	3
8	ĐH Công nghệ TPHCM	2	10	12	-	-	1	2	3
9	ĐH Khoa học - ĐH Huế	0	4	4	-	-	1	1	2
10	ĐH Tôn Đức Thắng	0	4	4	-	-	1	1	2
11	ĐH Thủy lợi	6	0	6	-	-	1	1	2
12	ĐH Thủ Dầu Một	0	7	7	-	-	1	-	1
13	ĐH Hoa Sen	0	3	3	-	-	-	1	1
14	ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM	10	0	10	-	-	-	1	1
15	ĐH Quốc tế Hồng Bàng	0	2	2	-	-	-	-	0
16	ĐH Duy Tân	0	3	3	-	-	-	-	0
17	ĐH Bách khoa Đà Nẵng	0	3	3	-	-	-	-	0
18	ĐHDL Phương Đông	0	1	1	-	-	-	-	0
19	ĐH Mỏ Địa chất	1	0	1	-	-	-	-	0
20	ĐH Mỏ TPHCM	1	0	1	-	-	-	-	0
Tổng cộng		67	121	188	5	13	23	23	64

- Không có giải đặc biệt;
- 05 giải nhất;
- 13 giải nhì;
- 23 giải ba;
- 23 giải khuyến khích.

Một số ý kiến tổng hợp từ các HĐCN và HĐGT

1. Năm 2021, mặc dù trong bối cảnh đại dịch Covid-19, các nhà trường gặp quá nhiều trở ngại trong đào tạo, thầy và trò ít gặp nhau, nhưng vẫn có 20 trường chọn được 188 đồ án gửi dự thi. Các trường mạnh, có truyền thống đoạt giải cao vẫn là những trường có nhiều đồ án dự thi, như trường ĐH Kiến trúc Hà Nội (37 đồ án), ĐH Xây dựng Hà Nội (34 đồ án), ĐH Kiến trúc TP. HCM (25 đồ án). Tổng số đồ án của các trường này đã đoạt được (gồm giải nhất, nhì, ba và khuyến khích) cũng khá cao, lần lượt là 17, 13 và 9. Các trường ĐH mà những năm trước đây đã từng đoạt các giải cao như ĐH Thủy lợi, ĐH Duy Tân, ĐH Tồn Đức Thắng, ĐHBK Đà Nẵng, ĐH Phương Đông năm nay số giải đoạt được thấp, thậm chí là không có giải, điều này có thể nói lên một phần những khó khăn của các trường do đại dịch, về tuyển sinh, về đổi mới đào tạo, về bám sát thực tiễn sản xuất, đời sống nên không có hoặc quá ít đồ án nổi trội, đạt các tiêu chí của cuộc thi. Đặc biệt, trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM có số lượng đồ án dự thi xếp thứ tư trong số các trường dự thi năm nay, nhưng kết quả giải thưởng lại rất khiêm tốn. Phải chăng cũng như một số trường, trong khi chọn đồ án dự thi các trường đã không bám sát các tiêu chí của giải thưởng, đã thiên về một vài ý tưởng gì đó mà trong tiêu chí cuộc thi không đề cập.

2. Các đồ án dự thi khối Kỹ thuật & Công nghệ xây dựng, nhìn chung đa số đạt yêu cầu về tính tổng hợp, tính hệ thống kiến thức theo chương trình đào tạo đại học hiện nay của Bộ GD&ĐT. Nhiều đồ án được thực hiện công phu, nhiều đề tài sát thực tế về giải pháp, mang tính khả thi, sử dụng các tiến bộ về KHKT và tin học hiện đại, cập nhật các phần mềm tính toán, quản lý mới.

3. Về các đồ án khối Kiến trúc & Quy hoạch, theo đánh giá của HĐCN là chất lượng phần nào được

tăng lên so với các năm trước ở các mặt: chọn đề tài, nghiên cứu tạo lập ý tưởng, nội dung và hình thức thể hiện. Sự tiến bộ này ngoài kỹ năng cập nhật theo khoa học công nghệ, đặc biệt là chuyển đổi số của môi trường hội nhập, còn thể hiện một điều rõ ràng là tâm huyết và trí tuệ của người thực hiện. Với dạng đồ án Công trình công cộng, đó là việc “mở” và “gói” vấn đề của mỗi sinh viên. Ở các đồ án đoạt giải cao, việc này đã được làm rất tốt. Đồ án thể loại Nhà ở, chất lượng còn yếu hơn so với loại hình Công trình công cộng. Quy hoạch và thiết kế cảnh quan là một lĩnh vực ở Việt Nam không dễ làm vì tính bất ổn định của dữ liệu đầu vào. Nhưng năm nay cũng đã có những đồ án chọn cách làm rất khéo, để hoàn thành một ý tưởng lãng mạn không lờ trong giới hạn đồ án ngắn ngủi.

4. Vẫn như mọi năm, điều hạn chế rõ rệt nhất là các chủ đề mới như ứng phó thiên tai, phòng chống dịch bệnh hoặc những vấn đề bức xúc cho vùng sâu xa của đất nước vẫn còn bị né tránh. Thiếu sót này bắt nguồn từ khâu đào tạo, thể hiện sự đổi mới còn rụt rè của các trường, các Thầy và trò. Trong các năm tới mong rằng các đồ án dự giải Loa Thành sẽ có ý nghĩa hơn, gần hơn thở cuộc sống hơn, đồng hành cùng đất nước đổi mới, phát triển, hội nhập bền vững.

5. Các trường vẫn chưa bám sát các Tiêu chí cuộc thi nên đã gửi nhiều đồ án phạm quy, nhiều công trình nghiên cứu, thiếu hẳn tiêu chuẩn tổng hợp kiến thức, tiêu chuẩn ứng dụng thực tế. Một số đồ án nặng về hình thức, khối lượng đồ án lớn và quá lớn, thiết kế các công trình đã thi công xong, dẫn đến sự hoài nghi về mức độ sử dụng đồ án của các đơn vị tư vấn và bản khoản về khối lượng thực sự do sinh viên tạo ra.

❖ Giới thiệu một số đồ án tiêu biểu

1. Đồ án *Thiết kế cầu Sông Bò* của sinh viên **Đoàn Xuân Hưng** (ngành Công trình giao thông, trường ĐH Xây dựng Hà Nội - **giải Nhất**, GVHD **TS. Lê Bá Danh**). Đồ án được đánh giá cao trong HĐCN, cũng là đồ án xuất sắc của ngành mà trong nhiều năm mới có. Đồ án đạt được điểm cao về tính tổng hợp, ứng dụng tiến

bộ KHKT. Các giải pháp về kết cấu nhịp, móng, trụ, mố, mối nối liên tục nhiệt, biện pháp thi công trên sông đều hợp lý. Đồ án thể hiện sinh viên nắm vững hệ thống kiến thức theo mục tiêu đào tạo.

2. Đồ án *Tổ hợp TMDV chung cư cao tầng PANORAMA* Hà Nội của sinh viên **Dương Văn Vinh** (ngành XDDD&CN, trường ĐH Kiến trúc Hà Nội - **giải Nhất**, GVHD **Ths. Lê Thế Anh**). Đồ án đã thể hiện sinh viên nắm vững khá toàn diện các kiến thức của kỹ sư. Phần tính toán cấu kiện bê tông được thực hiện theo tiêu chuẩn EC2, tải trọng - EC1, động đất - EC8. Phần thi công: có đầy đủ các biện pháp về thi công nền móng và thân công trình, kết hợp với tiến độ và tổ chức thi công.

3. Đồ án *Thập Tam trại - Không gian trải nghiệm, bảo tồn và phát triển làng nghề Hà Nội* của sinh viên **Vi Thị Minh Nguyệt** (ngành Kiến trúc & Quy hoạch, trường ĐH Xây dựng Hà Nội - **giải Nhất**, GVHD **TS.KTS. Trần Minh Tùng**). Đồ án là góc nhìn đương đại về lịch sử của một vùng đất văn hiến, cảm hứng từ những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể từ nhiều làng nghề truyền thống văn đô Thăng Long xưa. Tác giả không tập trung phục dựng lại những hình thức hoạt động trong quá khứ mà muốn truyền tải một tinh thần xưa qua một không gian đương đại. Nhìn từ tổng thể đến chi tiết, đồ án có được sự sáng tạo và đạt hiệu quả từ việc lựa chọn đề tài, đến việc đề xuất ý tưởng và sử dụng kiến trúc trong vai trò một nghệ thuật sắp đặt không gian.

4. Đồ án *Trung tâm Thiền định Thiền Cẩm Sơn* của sinh viên **Vũ Hoàng Vinh** (ngành Kiến trúc & Quy hoạch, trường ĐH Kiến trúc TP HCM - **giải Nhất**, GVHD **Ths. KTS. Phạm Quang Diệu**). Đồ án có khối lượng lớn và thể hiện công phu, cho thấy rõ khả năng nghiên cứu sâu và năng lực triển khai của sinh viên. Tác giả đã biết khai thác những dữ liệu và thông tin từ Phật giáo khá sâu sắc qua phân tích, đánh giá, để rồi chọn lọc chuyển hóa thành nội dung, ý tưởng chủ đạo cùng các chi tiết với ngôn ngữ sáng tạo hiện đại. Các ý tưởng thiết kế là kết quả của sự kết hợp nhuần nhuyễn về mặt tinh thần và tâm linh với bối cảnh

hiện trạng khu vực thiết kế (An Giang). Đồ án biết tận dụng địa hình và thế đất, tôn trọng tối đa cảnh quan thiên nhiên để khéo léo sắp xếp bố cục các khối công trình. Việc sử dụng các ngôn ngữ kiến trúc cô đọng, tương phản mà hài hoà với thiên nhiên là một giải pháp tinh tế, thể hiện tài năng của sinh viên.

5. Đồ án *Thiết kế kiến trúc cảnh quan một phần tuyến đường sắt Răng cưa Đà Lạt - Phan Rang* của sinh viên **Lê Tấn Chung** (ngành Kiến trúc & Quy hoạch, trường ĐH Kiến trúc TP. HCM - **giải Nhất, GVHD Ths. KTS. Hồ Viết Vinh**). Phục hồi, tái tạo không gian cảnh quan một phần tuyến đường sắt răng cưa Đà Lạt - Phan Rang là một đề tài hấp dẫn, mang tính cấp thiết trong bối cảnh phát triển kinh tế, với mũi nhọn là phát triển du lịch dựa trên các tiềm năng về lịch sử, văn hóa, cảnh quan tự nhiên. Đồ án tạo nên những dấu ấn nơi chốn, kí ức,

cảm xúc đem lại sức hấp dẫn cho môi trường phát triển dịch vụ du lịch, mang tính khả thi. Các giải pháp đề xuất được dựa trên nền tảng phân tích thấu đáo lịch sử phát triển đường sắt Răng cưa Đà Lạt - Phan Rang và tôn trọng những giá trị của môi trường văn hóa, lịch sử, cảnh quan tự nhiên, nơi tuyến đường sắt răng cưa được hình thành. Đồ án đã chuyển tải những thông điệp hết sức nhân văn từ ý tưởng đến cách biểu đạt của hệ thống các bản vẽ, sơ đồ minh họa.

Cuộc thi đồ án tốt nghiệp đại học xuất sắc ngành Kiến trúc - Xây dựng năm 2021 đã kết thúc, cảm ơn tất cả các bạn sinh viên đã ý thức được ý nghĩa của cuộc thi và đã tích cực chuẩn bị cho cuộc thi ngay từ những ngày đầu làm đồ án tốt nghiệp. Tuy cuộc thi nào cũng có người đoạt giải, người không đoạt giải, nhưng với ai cũng đều là một cuộc thử sức, một cuộc kiểm tra "hành trang" vào

đời sau khi ra trường. Chúc các bạn vững tin trong hoạt động khoa học công nghệ sau này.

Hội đồng Giải thưởng, Ban Tổ chức bày tỏ lòng cảm ơn đến các cơ quan đồng tổ chức cuộc thi, đến cơ quan bảo trợ - Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam, đến các cơ quan tài trợ, đến Lãnh đạo 20 trường có đồ án dự thi, đến các Thầy Cô hướng dẫn, đến các bạn sinh viên - tác giả của 188 đồ án dự thi năm 2021. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến 42 chuyên gia đã tham gia chấm trong các Hội đồng chuyên ngành, đã vì thế hệ trẻ và vì sự nghiệp xây dựng đất nước mà đã dành thời gian quý giá để đưa ra những nhận xét xác đáng, giúp cho Hội đồng Giải thưởng tìm được những đồ án tiêu biểu.

Kính chúc các vị khách quý, các Thầy Cô, anh chị em sinh viên vượt qua đại dịch, nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. □

DANH SÁCH XẾP LOẠI GIẢI THƯỞNG LOA THÀNH NĂM 2021 - LẦN THỨ 33

(Kèm theo Quyết định số: 25/2021 - QĐ/HĐGTLT ngày 20/11/2021)

TT	HỌ VÀ TÊN	TÊN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP	GV HƯỚNG DẪN CHÍNH
A. GIẢI NHẤT - 5 ĐỒ ÁN			
1	Vi Thị Nguyệt <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Thập Tam Trại - Không gian trải nghiệm, bảo tồn và phát triển làng nghề Hà Nội	TS. KTS. Trần Minh Tùng THS. KTS. Phan Duy Tú
2	Đoàn Xuân Hưng <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Thiết kế cầu Sông Bò	TS. Lê Bá Danh
3	Võ Hoàng Vinh <i>ĐH Kiến trúc TP.HCM</i>	Trung tâm thiên định Thiên Cẩm Sơn	ThS. KTS. Phạm Quang Diệu
4	Lê Tấn Chung <i>ĐH Kiến trúc TP.HCM</i>	Thiết kế kiến trúc cảnh quan một phần tuyến đường sắt răng cưa Đà Lạt - Phan Rang, đoạn từ trạm Đa Thọ đến Trầm Hành	ThS. KTS. Hồ Viết Vinh
5	Dương Văn Vinh <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Tổ hợp TMDV chung cư cao tầng PANDORAMA - Hà Nội	ThS. Lê Thế Anh
B. GIẢI NHÌ - 13 ĐỒ ÁN			
1	Trần Trung Nhân <i>ĐH Kiến trúc Đà Nẵng</i>	Trung tâm chế tác và trưng bày đèn lồng Hội An	Ths. KTS. Trần Xuân Tuấn
2	Bùi Thị Quỳnh Anh <i>ĐH Văn Lang</i>	Nhà hàng ái Cơ	Ths. Nguyễn Hữu Đạt Sanh
3	Phạm Nguyễn Nguyên Nhi <i>ĐH Kiến trúc TP.HCM</i>	Trung tâm cứu hộ động vật và nghiên cứu môi trường hoang dã rừng Nam Cát Tiên	Ths. KTS. Phạm Quang Diệu
4	Trần Công Hoan <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Trung tâm đại học Carcassonne - Bastide Point	TS. KTS. Nguyễn Việt Huy
5	Lê Đức Mạnh <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Thiết kế hệ thống cấp nước cho Đô thị Ninh Bình và ứng dụng BIM thiết kế một phần hệ thống thoát nước cho khu đô thị.	PGS.TS. Đặng Thị Thanh Huyền Ths.NCS. Trần Hoài Sơn
6	Hoàng Đức Minh <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Thiết kế bến container 18.000TEU cảng Gemalink tại Bà Rịa - Vũng Tàu	TS. Bùi Việt Đông
7	Đặng Văn Hiếu <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Tòa nhà văn phòng CEO & VINACONEX 8	ThS. Nguyễn Quốc Cường PGS.TS. Hồ Ngọc Khoa
8	Trần Ngọc Vinh <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Tích hợp kỹ thuật quản lý giá trị thu được (EVM) và mô hình thông tin công trình (BIM) trong quản lý chi phí và tiến độ thi công xây dựng	TS. Nguyễn Quốc Toàn
9	Nguyễn Lê Huy <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Không gian tổ hợp Tổng Duy Tân - Bridge City	March Eytan Fichman

10	Võ Sỹ Hùng <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Khu ở Quang Trung	KTS. Lâm Khánh Duy
11	Trần Anh Tuấn <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Trung tâm khám phá Mỏ đá trắng Móng Sơn kết hợp du lịch Hồ Thác Bà, Yên Bái	Ths. KTS. Nguyễn Trung Dũng
12	Hồ Bá Tuấn Anh <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Ga Nhà Hát và Tuyến Metro Ga Bason – Ga Nhà Hát	TS. Nguyễn Trường Huy
13	Nguyễn Đăng Chính <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Trụ sở làm việc công ty Vinfast	ThS. Ngô Quang Tuấn
C. GIẢI BA - 23 ĐỒ ÁN			
1	Phạm Đăng Khoa <i>ĐH Văn Lang</i>	Thư viện tổng hợp Nam Sài Gòn	Ths. KTS. Châu Mỹ Anh
2	Nguyễn Hoàng Phú <i>ĐH Văn Lang</i>	Trung tâm cao niên TP. Hồ Chí Minh	ThS.KTS. Nguyễn Bích Hoàn
3	Đinh Sỹ Tuấn <i>ĐH Thủ Đức Một</i>	Trung tâm trưng bày và thực nghiệm hang động núi lửa Krông Nô	TS. KTS. Trần Đình Hiếu
4	Nguyễn Văn Nam <i>ĐH Khoa học - ĐH Huế</i>	Không gian hồi ức Chín Hầm	KTS. Trương Hồng Trường KTS. Trương Hoàng Phương
5	Bùi Thị Thùy Ngân <i>ĐH Kiến Trúc TP HCM</i>	Bảo tàng lịch sử Công giáo	Ths. KTS. Đỗ Quốc Hiệp
6	La Thanh An <i>ĐH Kiến Trúc TP HCM</i>	Bảo tàng nghệ thuật Khmer Tây Nam Bộ	TS. KTS. Phạm Phú Cường
7	Trần Thị Hoài Phương <i>ĐH Thủy Lợi</i>	Thiết kế đập dâng Trà Khúc	TS. Nguyễn Phương Dung PGS.TS Hồ Sỹ Tâm
8	Nguyễn Thị Mỹ Duyên <i>ĐH Bách Khoa TP HCM</i>	Không gian văn hóa sông nước đồng bằng sông Cửu Long	Ths. KTS. Trần Công Danh
9	Hồ Thanh Nhà <i>ĐH Bách khoa TP HCM</i>	Nhà máy sản xuất sản phẩm từ rác thải Tp. Hồ Chí Minh	TS. KTS. Lê Thị Bảo Thư TS. KTS. Lê Thị Hồng Na
10	Nguyễn Ngọc Hà <i>ĐH Bách Khoa TP HCM</i>	Làng sinh viên thích nghi "thời Covid"	Ths. KTS. Trần Công Danh
11	Dương Hồng Phong <i>ĐH Bách khoa TP HCM</i>	Thiết kế công trình cao ốc Phú Điền	PGS. TS. Hồ Đức Duy TS. Đỗ Tiến Sỹ
12	Nguyễn Phương Linh <i>ĐH Tôn Đức Thắng</i>	Nông trại thực nghiệm kết hợp du lịch sinh thái Pleiku	Ths. KTS. Phạm Quốc Phong
13	Lê Tuấn Mỹ <i>ĐH Công nghệ TP HCM</i>	Bảo tàng lịch sử Đô thị Tp. Hồ Chí Minh	TS. KTS. Võ Hoàng Khánh
14	Trịnh Đăng Huy <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Trung tâm văn hóa nghệ thuật dân gian Tây Hồ	Ths. KTS. Trần Hùng Sơn
15	Nguyễn Thị Thủy <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Khu du lịch - nghiên cứu phát triển hệ sinh thái rạn san, Hòn Lưỡi Liềm, vịnh Hạ Long	Ths. KTS. Nguyễn Xuân Khởi
16	Nguyễn Minh Tuấn Lê Văn Hải <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Nghiên cứu giải pháp Chuẩn bị kỹ thuật phòng chống ngập lụt cho Thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Th.S Vũ Hoàng Diệp
17	Nguyễn Minh Hiếu <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Tổ hợp TTTM và chung cư cao cấp SDU	ThS. Dân Quốc Cường
18	Lê Thành Linh <i>ĐH Kiến trúc Hà Nội</i>	Tòa nhà tổ hợp Itasco Building	TS. Phùng Thị Hoài Hương
19	Nguyễn Đức Tuyền <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Thiết kế Hệ thống thoát nước cho Khu đô thị mới khu vực Cầu Tuần Quán thuộc Phường Yên Ninh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.	GS. TS Trần Đức Hạ
20	Nguyễn Hà Trung Hiếu <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	Giảng Võ Đường - Trung tâm văn hóa Võ thuật Giảng Võ	TS. KTS. Nguyễn Cao Lành
21	Trần Ngọc Diệp <i>ĐH Xây dựng Hà Nội</i>	"Research on Factors Affecting Adoption of Building Information Modelling in Vietnam Construction Projects: A Quantitative Approach" (Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Mô hình thông tin xây dựng trong các dự án xây dựng tại Việt Nam: Phương pháp phân tích định lượng).	ThS. Nguyễn Văn Tâm
22	Nguyễn Văn Mạnh <i>ĐH Xây dựng Miền Trung</i>	Bảo tàng khảo cổ Thành Hồ	PGS. TS. KTS Nguyễn Vũ Phương KTS. Võ Hoàng Vũ
23	Lê Gia Đạt <i>ĐH Xây dựng Miền Trung</i>	Tổ chức không gian làng ngư dân Trí Nguyên	TS. KTS. Trần Văn Hiến Ths. KTS. Trương Anh Bích Châu

“Thành phố 10 phút” trong lòng Seoul



Dự án bao gồm 8 tòa chung cư cùng nhiều khu thương mại và giải trí.
Ảnh: WAX & Virgin Lemon

Tại Hàn Quốc các kiến trúc sư sẽ xây dựng thành phố thu nhỏ sử dụng công nghệ hiện đại và năng lượng sạch, cho phép người dân đi tới mọi nơi trong vòng 10 phút.

Ý tưởng “thành phố 15 phút”, trong đó cư dân có thể đi tới chỗ làm và cơ sở vui chơi giải trí trong vòng 15 phút đi bộ hoặc đi xe từ nhà, thu hút nhiều sự chú ý của các nhà quy hoạch đô thị trong thời Covid-19. Giờ đây, một nhóm kiến trúc sư đang lên kế hoạch xây dựng một dự án tham vọng hơn ở thủ đô Seoul của Hàn Quốc: thành phố 10 phút.

Mang tên “Dự án H1”, quá trình phát triển sẽ biến đổi

khu công nghiệp cũ thành thành phố thông minh nối liền nhau. Kết hợp 8 tòa chung cư với văn phòng và nơi học tập, dự án rộng 50,5 hecta cũng bao gồm công viên giải trí, trung tâm thể thao, bể bơi và trang trại thủy canh trong đô thị.

Được thiết kế bởi công ty kiến trúc UNStudio của Hà Lan với vốn đầu tư từ Công ty Phát triển Hyundai, đây sẽ là thành phố thu nhỏ không xe hơi. Tất cả tiện nghi của thành phố chỉ cách nhà ở của cư dân khoảng 10 phút đi bộ.

Ben van Berkel, nhà đồng sáng lập UNStudio, chia sẻ trải nghiệm đời sống hàng ngày của cư dân là ưu tiên hàng đầu của dự án. “Chúng tôi thực hiện mục tiêu này thông qua cung cấp lựa chọn tại chỗ đa dạng để người dân sinh sống, làm việc và giải trí, qua đó giúp họ tiết kiệm thời gian di chuyển tới nơi khác trong thành phố”, Berkel cho biết.

Một phát ngôn viên của UNStudio xác nhận dự án đã nhận được giấy phép xây dựng. Một loạt bản phối cảnh hé lộ hình dáng của khu phố với những khu vườn, tầng mái phủ đầy cây xanh và nhiều khu vực tự nhiên nối với lối đi bộ. Các kiến trúc sư cho biết năng lượng sạch sẽ được sản xuất tại chỗ, đồng thời hệ thống thu thập và lưu trữ nước mưa được thiết kế để giảm lượng nước sử dụng.

Ý tưởng xây “thành phố 15 phút” được đề xuất lần đầu tiên bởi học giả người Pháp - Colombia Carlos Moreno vào năm 2016 và trở nên thịnh hành gần đây nhờ thị trường Paris Anne Hidalgo trong chiến dịch tái tranh cử. Do đại dịch Covid-19, người dân trên khắp thế giới làm việc ở nhà ngày càng nhiều và hạn chế giao thông công cộng, các nhà quy hoạch đô thị bắt đầu chú trọng thiết kế đường phố cho người đi bộ và thay đổi cách thành phố quản lý dân cư đồng đúc. □

VCD st (Theo CNN)

Đan Mạch xây turbine gió cao nhất thế giới



Vestas đang phát triển turbine gió khổng lồ cao 280m. Ảnh: Vestas

Turbine gió cao và mạnh nhất thế giới sẽ được xây dựng ở trung tâm thử nghiệm năng lượng xanh tại Osterild, quận Thy nằm ở tây bắc bán đảo Jutland.

Nguyên mẫu turbine gió của công ty kỹ thuật Vestas có chiều cao 280m, chỉ kém một chút so với tháp Eiffel (324m). Chỉ riêng chiều cao của turbine đã đủ lập kỷ lục thế giới, theo Peter Hjulser Jensen ở Khoa Gió và Năng lượng tại Đại học Kỹ thuật Đan Mạch. Vestas mô tả công trình tương lai sẽ trở thành turbine gió cao và mạnh nhất thế giới sau khi lắp đặt.

Turbine mới với tên gọi V236-15.0MW gồm 3 cánh, mỗi cánh dài 115,5m và đường kính rotor là 236m, tương đương hai sân bóng đá. Công suất điện từ turbine của Vestas là 80 gigawatt giờ điện mỗi năm, đủ để cung cấp cho 20.000 hộ gia đình. Turbine này sẽ được xây dựng vào năm 2022 và dự kiến đi vào sản xuất năm 2024.

Theo Vestas, nguyên mẫu sẽ được lắp đặt trên bờ để dễ dàng tiến hành thử nghiệm. Phần lớn bộ phận chính của nguyên mẫu sẽ trải qua quá trình kiểm duyệt kỹ lưỡng tại cơ sở thử nghiệm của Vestas và đối tác.

Đan Mạch được xem là một trong những nước đi đầu thế giới về sử dụng năng lượng gió. Năm 2020, tổng nguồn điện gió và điện mặt trời chiếm hơn một nửa nguồn cung cấp điện của Đan Mạch. Quốc gia này đang đặt mục tiêu tăng tỷ lệ lên 84% vào năm 2035. □

VCD st (Theo Sputnik News)



TIN HOẠT ĐỘNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2022 CỦA TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

Năm 2021, Việt Nam diễn ra nhiều sự kiện lớn. Đại hội XIII của Đảng thành công rực rỡ. Quốc hội khóa XV bầu ra các vị trí cao nhất của Nhà nước và Chính phủ mới năng động sáng tạo. Năm 2021 cũng là năm chúng ta chứng kiến đại dịch Covid-19 diễn biến hết sức khó lường trong khi phải thực hiện mục tiêu kép vừa ổn định phát triển kinh tế - xã hội vừa chống dịch hiệu quả. Đối với Tổng hội Xây dựng Việt Nam (Tổng hội), năm 2021 là năm cuối thực hiện Nghị quyết của Đại hội nhiệm kỳ 2017-2022 của BCH khóa VIII Tổng hội Xây dựng Việt Nam. Được sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (LHH), các Bộ ngành Trung ương, Bộ Xây dựng, với sự nhiệt tình, tâm huyết của đội ngũ trí thức, mặc dầu còn gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID kéo dài, Tổng hội cơ bản hoàn thành chương trình công tác năm 2021 theo kế hoạch đã đề ra. Các hoạt động của Tổng hội vẫn diễn ra sôi nổi, thiết thực với nhiều cách làm mới vừa huy động được đội ngũ trí thức tham gia tích cực trong công tác tư vấn phản biện các dự án Xây dựng pháp luật và các dự án đầu tư phát triển đất nước, tham gia công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo và phổ biến kiến thức, vừa giúp cho hội viên Tổng hội có cơ hội tiếp cận trao đổi thông tin KHKT, tình hình thời sự đất nước, tiếp tục nâng cao và tích lũy thêm tri thức, đồng thời giúp cho các đơn vị trong Tổng hội thường xuyên gặp gỡ, trao đổi về phương thức hoạt động, cùng phát triển.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2021

1. Công tác tập hợp trí thức, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng

Năm 2021, Cán bộ, đảng viên thuộc Tổng hội đã tham gia tích cực các hội nghị học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến do Ban Tuyên giáo TW và do Đảng ủy các địa phương tổ chức. Gương mẫu thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Nghiên cứu triển khai thực hiện Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 về giám sát, kỷ luật trong Đảng, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 về thi hành Điều lệ Đảng và chỉ thị, nghị quyết khác.

2. Công tác xây dựng và phát triển tổ chức

Năm 2021 là năm có nhiều biến động, các hoạt động đều khó khăn do dịch bệnh, Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã triển khai khá nhiều việc về xây dựng và phát triển tổ chức.

2.1. Tiến hành rà soát, cập nhật lại quy mô hoạt động, cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của các hội chuyên ngành, hội tập thể và hội địa phương, các tổ

chức trực thuộc. Hiện đã cập nhật được thông tin của 13/13 hội chuyên ngành, 50 /57 hội viên tập thể và 41/45 hội địa phương và 3/12 tổ chức trực thuộc. Một số hội viên tập thể và hội địa phương không xác định được địa chỉ liên lạc. Việc vận động hội viên còn làm chậm do cả năm qua tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp.

2.2. Công tác tổ chức Đại hội nhiệm kỳ. Trong năm có một số hội tổ chức Đại hội nhiệm kỳ theo hình thức vừa trực tiếp vừa trực tuyến. Hội Kết cấu và Công nghệ Xây dựng Việt Nam đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2020-2025, tháng 01/2021 bầu Chủ tịch và các phó chủ tịch, GS.TSKH Nguyễn Văn Liên tiếp tục giữ chức Chủ tịch Hội. Hội Môi trường Xây dựng đã tổ chức Đại hội lần thứ VII nhiệm kỳ 2021-2025, Đại hội đã bầu được Chủ tịch, 5 Phó chủ tịch và 73 Ủy viên BCH, GS Nguyễn Hữu Dũng tiếp tục giữ chức Chủ tịch Hội. Hội Khoa học và công nghệ Hàng không Việt Nam tổ chức đại hội nhiệm kỳ lần thứ V và đã kiện toàn công tác tổ chức, ông Trần Quang Châu tiếp tục được bầu giữ chức Chủ tịch. Hội Xây dựng Hà Nội đã cử ông Đỗ Xuân Anh làm Chủ tịch Hội thay ông Nguyễn Văn Khôi, kết nạp thêm 4 Chi hội xây dựng trực thuộc và đề cử ông Võ Nguyên Phong giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội tham gia Ủy viên BCH Tổng hội XDVN thay ông Nguyễn Đức Dục.

2.3. Về công tác phát triển hội viên mới, Đoàn Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã kết nạp thêm Hội viên mới là Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng.

2.4. Về công tác nhân sự: trong năm, Đoàn Chủ tịch Tổng hội bổ nhiệm 02 đồng chí phụ trách các ban KHCN và ban Kinh tế của Tổng hội, đồng thời bổ nhiệm Tổng biên tập Tạp chí Người Xây dựng, bầu bổ sung 03 đồng chí vào Đoàn Chủ tịch Khóa VIII (2017-2022).

2.5. Về công tác kiểm tra, thực hiện chương trình công tác, Ban Kiểm tra của Tổng Hội thực hiện công tác kiểm tra theo 2 đơn khiếu nại, tố cáo và đã có xác minh trình Đoàn Chủ tịch Tổng hội.

3. Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các Ban, Bộ, ngành, địa phương và Hội bạn

Trong năm 2021, Tổng hội tăng cường mối quan hệ với Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam, với Bộ Xây dựng và các Bộ có liên quan, với một số Ủy ban của Quốc Hội nhằm thực hiện tốt hơn chức năng của Tổng hội. Tăng cường phối hợp với các Hội KTS, Hiệp hội BĐS, Hiệp hội Nhà thầu, Hội QHPT Đô thị Việt Nam và một số tổ chức có liên quan đến xây dựng. Tổng hội đã tổ chức Lễ ký kết bản ghi nhớ với Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Quy hoạch và Phát triển Đô thị Việt Nam, Hiệp hội Bất Động sản Việt Nam, Hiệp hội Nhà thầu Việt Nam nhằm tranh thủ đội ngũ chuyên gia, tạo tiếng nói chung trong công tác tư vấn phản biện và phối hợp chuyên môn giữa các Hội và Hiệp hội. Thông qua chương trình hợp tác, Tổng hội và Hiệp hội nhà thầu đã có ý kiến với các cơ quan nhà nước về biến động giá thép nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với nhà thầu xây dựng.

Lãnh đạo Tổng hội đã tổ chức các buổi làm việc với các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng về công tác phối hợp hoạt động về nghiên cứu khoa học, tư vấn phản biện các văn bản pháp luật của Bộ Xây dựng, phát triển đô thị, kiến trúc quy hoạch,... đồng thời đề xuất các nội

dung hợp tác mới bổ sung vào nội dung chuẩn bị cho cuộc làm việc với Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công tác phối hợp giữa Bộ Xây dựng và Tổng hội Xây dựng Việt Nam.

Lãnh đạo Tổng hội đã tổ chức nhiều buổi làm việc với hầu hết các Hội chuyên ngành của Tổng hội như Hội Vật liệu Xây dựng, Hội Bê tông Việt Nam, Hội Chiếu sáng Việt Nam, Hội Kết cấu Xây dựng, Hội Đập lớn và Phát triển Nguồn nước, Hội Cảng Đường thủy và Thềm lục địa, Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam, Tin học Việt Nam, Hội Kỹ sư trẻ Việt Nam... và một số hội địa phương để nắm bắt tình hình hoạt động của các đơn vị và đưa ra các định hướng hoạt động trong thời gian tới. Tổ chức giao ban các Hội Xây dựng khu vực Miền Trung- Tây Nguyên tại Đà Nẵng nhân hội thảo tổ chức tại Quảng Nam vào tháng 01.2021. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch cũng đã thường xuyên làm việc với các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Tổng hội để kiểm tra đôn đốc nhiệm vụ trong năm. Duy trì chế độ giao ban định kỳ hàng tuần, hàng tháng, 6 tháng theo đúng quy chế đã ban hành. Các cuộc giao ban đều có thông báo kết luận giao nhiệm vụ làm cơ sở cho các đơn vị triển khai.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn

4.1. Công tác tư vấn phản biện và giám định xã hội

Nhằm làm tốt công tác tư vấn phản biện, Tổng hội đã hoàn thành xây dựng quỹ chuyên gia gồm hơn 100 các chuyên gia, các nhà khoa học hàng đầu đến từ các hội chuyên ngành, các Viện, trường Đại học. Các chuyên gia đều được quản lý thông qua các hoạt động khoa học và là các hạt nhân nòng cốt tham gia thực hiện các nhiệm vụ KHKT, tư vấn phản biện của Tổng hội.

Công tác tư vấn phản biện là nhiệm vụ trọng tâm của Tổng hội Xây dựng Việt Nam. Trong thời gian qua, Tổng hội XDVN đã có nhiều ý kiến tham gia với Bộ Xây dựng, VUSTA cho một số dự án Luật quan trọng điển hình là Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Kiến trúc, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư,... phản biện cho các Nghị định, Thông tư của Bộ Xây dựng như: Nghị định 59 về quản lý đầu tư xây dựng, Nghị định 42 quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định 32 về chi phí quản lý xây dựng và Nghị định 37 về hợp đồng xây dựng, Thông tư hướng dẫn Nghị định 15 về cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng, Nghị định 49 sửa đổi nghị định 100... một số nhiệm vụ như góp ý cho hệ thống tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, quy hoạch hệ thống giao thông Quốc gia, Quy chuẩn Q2: 2009 của Bộ Xây dựng, Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050, phản biện 3 dự thảo Quy hoạch lớn của ngành giao thông vận tải theo đề nghị của Bộ Giao thông Vận tải, đó là: “Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”; “Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”; “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Cùng với Hiệp Hội Nhà thầu Xây dựng Việt Nam có kiến nghị với Bộ Xây dựng và Thủ tướng Chính phủ về “Giải pháp bình ổn giá thép xây dựng”, tham gia một số Hội đồng Quy hoạch - kiến trúc của các Bộ, ngành. Đặc biệt, Tổng hội đã có cuộc tọa đàm về cầu “Trần Hưng Đạo” đã có những đóng

góp, kiến nghị cho Hà Nội khi xây dựng công trình tại Thủ đô và đã nhận được phản hồi tích cực từ chính quyền thành phố và dư luận. Tham gia Đề án “Tổ chức bộ máy, hoạt động của Liên hiệp Hội Việt Nam”.

Tổng hội đã phối hợp với UBND Tỉnh Quảng Nam tổ chức rất thành công Hội thảo “*thiên tai lũ lụt, sạt lở đất tại khu vực Miền Trung - nguyên nhân và giải pháp giảm thiểu*” tại Hội An với hơn 250 khách mời bao gồm lãnh đạo các tỉnh khu vực Miền Trung Tây nguyên, đại diện lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ NN và PTNT, Bộ Công thương và đồng đạo các nhà khoa học tham gia. Hội thảo đã nêu bật được những vấn đề có tính thời sự và đề xuất hàng loạt biện pháp giải quyết trong ngắn hạn và dài hạn, tầm vi mô và vĩ mô nhằm phòng, tránh và đẩy lùi hậu quả thiên tai. Hội thảo đã được truyền hình VTV 1 phổ biến 2 phiên, được hơn 50 tờ báo đưa tin, được dư luận đánh giá rất cao.

Tổng hội cũng đã phối hợp với Bộ Xây dựng, Liên Hiệp hội đồng chủ trì hội thảo với chủ đề “ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP VỚI NHÀ Ở CÔNG NHÂN” tại Thủ đô Hà Nội vào ngày 31.12.2021 nhân dịp họp BCH Tổng hội. Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm rất lớn của dư luận xã hội và được trực tiếp chủ trì bởi Bộ Xây dựng, LHH KHKT VN và Chủ tịch Tổng hội Xây dựng. Để tổ chức hội thảo, Viện Nghiên cứu Đô thị và Phát triển Hạ tầng được giao chủ trì đã tổ chức thành công 05 cuộc tọa đàm, kéo dài từ tháng 6 đến tháng 11.2021 quy tụ nhiều chuyên gia trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, công nghiệp, chính sách xã hội cho nhà ở công nhân.

4.2. Công tác khoa học công nghệ và phổ biến kiến thức

Tổng hội và các hội thành viên đã tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm chuyên ngành phục vụ phổ biến kiến thức và thực hiện các đề tài khoa học, như đã tổ chức giới thiệu cơ bản về chuyển đổi số và những việc cần làm để chuyển đổi số trong Ngành Xây dựng có 40 các nhà khoa học do chuyên gia đến từ Hội Tin học VN trình bày. Tổ chức buổi Tọa đàm “Thực trạng công tác quản lý và phát triển không gian công cộng tại các khu đô thị mới theo quy hoạch đã được duyệt” và hội thảo đổi mới “Tổ chức giải thưởng Loa Thành” trong khuôn khổ đề tài thực hiện với Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam. Hội thảo “Nghiên cứu hướng dẫn sử dụng công nghệ viễn thám đánh giá thực trạng hệ thống không gian xanh đô thị để lồng ghép mục tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh” trong khuôn khổ đề tài do Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ. Các đề tài khoa học do Tổng hội chủ trì đề được nghiệm thu đạt kết quả tốt.

Tiếp tục thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề loại II, loại III cho hội viên của Tổng Hội XDVN, trong năm qua triển khai cấp chứng chỉ cho nhiều Hội viên của Tổng hội. Tham gia Hội đồng xét cấp chứng chỉ của Bộ Xây dựng. Tổng hội đã làm việc với các hội chuyên ngành để nắm bắt năng lực đào tạo của các Hội thành viên, phối hợp tổ chức hội thảo về công tác đào tạo nguồn nhân lực với Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp. Tham gia BTC cùng với Hiệp hội Nhà thầu Việt Nam và các tổng công ty tổ chức hội thi thợ giỏi Ngành Xây dựng. Tham gia góp ý chương trình đào tạo Ngành Xây dựng và Kiến trúc các trường theo mô hình mới của Luật Giáo dục sửa đổi do

Bộ GD&ĐT tổ chức. Phối hợp với trường ĐHXD và Hội Kết cấu và Công nghệ Việt Nam tổ chức tọa đàm về Mô hình đào tạo mới. Phối hợp với Hội Cấp Thoát nước tổ chức khóa đào tạo “Tập huấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17/6/2020” cho khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.

4.3. Công tác thông tin và truyền thông

Trong bối cảnh dịch bệnh, các đơn vị truyền thông thuộc Tổng hội Xây dựng Việt Nam, đặc biệt là báo in, online (không tính các trang Web) bị ảnh hưởng nặng nề do phải tiếp tục duy trì chi phí sản xuất nhưng thiếu hụt doanh thu. Các đơn vị Tạp chí Người Xây dựng, Vật liệu Xây dựng, Ánh sáng & Cuộc sống, Người Đô thị, các trang Web Tổng hội XĐVN, Hội Đập lớn & Phát triển Nguồn nước Việt Nam, Hội Tin học Xây dựng... đều tuân thủ nội dung hoạt động đã được cấp phép, khai thác tối đa tuyến bài ở từng lĩnh vực chuyên môn cho cộng đồng bạn đọc riêng của mỗi báo, đồng thời bám sát, phát hiện các vấn đề nóng, thời sự phục vụ và định hướng dư luận xã hội. Các đơn vị truyền thông hợp tác, sử dụng bài, tin của nhau để truyền thông kịp thời các sự kiện và hoạt động của Tổng hội Xây dựng Việt Nam. Các tạp chí trong đó có Tạp chí Người Xây dựng, Tạp chí Người Đô thị đã truyền thông kịp thời các sự kiện và hoạt động của Tổng hội XĐVN về Hội thảo “Thiên tai lũ quét, sạt lở đất ở khu vực miền Trung - nguyên nhân và giải pháp giảm thiểu”; Tọa đàm về “Đô thị công nghiệp và nhà ở công nhân”. Tọa đàm trực tuyến “Góp ý về kết quả tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc cầu Trần Hưng Đạo”; Giá thép biến động bất thường: Tổng hội đề xuất giải pháp “kìm cương”; Bộ Xây dựng phản hồi Tổng hội Xây dựng Việt Nam: Về một số kiến nghị kiểm soát phát triển đô thị biển.

4.5. Về hoạt động đối ngoại và Hợp tác Quốc tế

Tổng hội đã có nhiều hoạt động tích cực trong lĩnh vực này, đặc biệt là các Hội chuyên ngành đã có những năng động, hoạt động rất sôi động trong đó phải kể đến: *Hội Cơ học Đất và Địa Kỹ thuật Công trình Việt Nam, Hội Kinh tế Xây dựng Việt Nam, Hội Vật liệu Xây dựng, Hội Chiếu sáng Việt Nam.*

4.6. Giải thưởng Loa Thành

Giải thưởng Loa Thành là giải thưởng các đề án xuất sắc cho sinh viên các trường đại học chuyên Ngành Xây dựng, Kiến trúc, Giao Thông, Thủy lợi... có bề dày hoạt động đến nay là 33 năm và thường xuyên nhận được sự hỗ trợ tích cực của LHH. Mặc dầu có nhiều khó khăn về dịch bệnh, về tài chính, năm nay giải thưởng vẫn tiếp tục được tổ chức thành công. Tổng hội XĐVN là thường trực giải Loa Thành tích cực thực hiện công tác chuẩn bị như thành lập Hội đồng và tổ chức chấm giải, tổ chức tọa đàm về giải theo đề nghị của LHH, phối hợp Hội KTS tổ chức thành công Lễ trao giải vào ngày 12/12/2021 tại Văn Miếu Quốc Tử Giám có sự tham gia đầy đủ của các đơn vị chủ trì và tài trợ giải và đặc biệt là có mặt đông đảo các thầy cô giáo hướng dẫn, thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Năm nay Ban tổ chức đã trao 64 giải thưởng, trong đó có 5 giải nhất.

5. Hoạt động của khối các Viện, các Trung tâm Khoa học công nghệ

Các Viện nghiên cứu và các Trung tâm trong thời kỳ

dịch bệnh cũng đã rất nỗ lực trong mọi hoạt động.

Viện Nghiên cứu Đô thị và Phát triển Hạ tầng vào tháng 02/2021 thành lập Trung tâm số 5 là Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển Hạ tầng miền Trung có trụ sở tại Đà Nẵng, đồng thời thành lập Trung tâm Trung tâm Thông tin và Tư vấn Phát triển Đô thị. Trung tâm Thông tin và Tư vấn Phát triển Đô thị đã triển khai các thông tin mang tính phổ biến kiến thức về phát triển đô thị và phát triển hạ tầng trên các kênh Youtube, Facebook và đã giới thiệu được 22 video clip về giới thiệu các đề án phát triển đô thị. Viện thực hiện hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp Quốc gia do Văn phòng Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đặt hàng và đang thực hiện đề tài khoa học công nghệ do Bộ Xây dựng đặt hàng. Viện tiếp tục thực hiện các công trình năm 2020 chuyển tiếp một số công trình về quy hoạch và phát triển đô thị ở một số địa phương như Bắc Giang, Bắc Ninh, Cần Thơ, Hà Giang, Quảng Ninh, Hải Dương, Nam Định, Kiên Giang... Thực hiện một số công việc về đề án phân loại đô thị cho một số huyện thuộc Hà Giang, Hải Dương, Thành phố Cần Thơ... Lập một số đề án quy hoạch QHPK một số khu vực của Bắc Giang, Thành phố Rạch Giá đến năm 2040... và một số tỉnh như An Giang, Đồng Nai, Quảng Nam... Tạp chí Người Đô thị tạp chí in xuất bản đúng định kỳ hàng tháng, đúng số trang cấp phép. Viện đã tổ chức hội thảo nghiên cứu khoa học “Đô thị hóa và phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020, đề xuất gợi ý định hướng chính sách đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Viện thường xuyên tham gia các Hội đồng thẩm định về quy hoạch, phát triển đô thị và hạ tầng, tham gia các hội đồng khoa học của các Bộ, ngành và góp ý một số văn bản pháp quy do Tổng hội XĐVN giao, viết bài tham luận các hội thảo trong nước và quốc tế *cũng như trả lời phỏng vấn, viết bài đăng trên báo chí, truyền hình, tạp chí về các vấn đề quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, đô thị, hạ tầng*, tham gia công tác đào tạo đại học, trên đại học tại các trường Đại học đào tạo về Xây dựng - Kiến trúc. Viện đã tiếp tục kết nối với các tổ chức quốc tế Heath Bridge (Canada), Spacion Dcision (Ấn Độ)... về phát triển đô thị.

Viện Nghiên cứu Kinh tế Xây dựng và Đô thị tiếp tục thực hiện đề tài khoa học “Nghiên cứu hướng dẫn sử dụng công nghệ viễn thám đánh giá thực trạng hệ thống không gian xanh đô thị để lồng ghép mục tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh” của Bộ Xây dựng chuyển giao từ năm 2020 và 01 đề tài “Ứng dụng công nghệ trong quản lý khu đô thị mới theo quy hoạch được duyệt” do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam giao. Thực hiện một số hợp đồng về định mức, đơn giá, chỉ số giá và quy hoạch phát triển đô thị của địa phương do Viện và Chi nhánh phía Nam của Viện thực hiện. Tháng 11/2021 đã tổ chức Hội thảo của đề tài Bộ Xây dựng “Công nghệ viễn thám và trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý không gian xanh hướng đến đô thị tăng trưởng xanh”.

Trung tâm Đào tạo Khoa học Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Xây dựng, trong năm qua liên kết với

trường Đào Duy Từ đào tạo các lớp học cho khối THPT và THCS. Liên kết với một số cơ sở đào tạo tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ về đấu thầu, quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng. Đã thực hiện Tư vấn đấu thầu, LCNT cho một số công trình. Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán cho một số dự án, công trình như dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật chung - Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam tại Đồng Mô Hà Nội, thẩm tra dự án và thiết kế, dự toán xây dựng cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở cao tầng NO3-T7 Khu Đoàn Ngoại Giao, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội;

Các Trung tâm Khoa học công nghệ khác trước đây đã khó khăn về vốn, về năng lực thiết bị khi dự thầu tìm kiếm công việc trong năm 2020 và 2021 càng khó khăn hơn khi dịch bệnh kéo dài.

(Ghi chú: Trong khuôn khổ của Tạp chí, các hoạt động của các hội chuyên ngành, hội tỉnh thành, hội tập thể và một số hoạt động khác của Tổng hội chưa đưa vào số Tạp chí này)

Đánh giá chung

Năm 2021, tình hình hoạt động Tổng hội nói chung chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID, nhiều cuộc hội nghị, hội thảo của Tổng hội phải hoãn hoặc phải tổ chức trực tuyến, nhiều chương trình công tác không thể thực hiện theo kế hoạch đề ra. Nhưng với tinh thần trách nhiệm của người trí thức, tính tự nguyện vì sự nghiệp phát triển của đất nước, toàn thể anh chị em hội viên của Tổng hội đã có nhiều nỗ lực để khắc phục khó khăn trở ngại, chủ động thay đổi cách làm việc, thích ứng với tình hình mới, phấn đấu, đạt được kết quả hoạt động đề ra. Kết quả hoạt động của Tổng hội không chỉ góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật mà còn góp phần nâng cao vị thế và vai trò của Tổng hội Xây dựng Việt Nam thông qua công tác tư vấn phản biện, tuyên truyền phổ biến kiến thức, công tác đào tạo và hoạt động khoa học.

Năm 2021, Tổng hội vinh dự nhận được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng vì có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển Ngành xây dựng. 01 tập thể và 05 cá nhân được nhận Bằng khen của Liên hiệp hội.

- Trong năm 2021, Tổng hội Xây dựng Việt Nam cũng trao bằng khen cho

16 tập thể và 52 cá nhân có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021. Tập thể Công ty Cổ phần Tập đoàn VN Đà Thành, Tập thể Tạp chí Người Xây dựng, Tập thể Ban Thông tin; Hội Xây dựng Vũng Tàu; Viện Nghiên cứu Đô thị và Phát triển Hạ tầng; Viện Nghiên cứu Kinh tế Xây dựng và Đô thị; Chi nhánh Viện Nghiên cứu Kinh tế Xây dựng và Đô thị tại thành phố Đà Nẵng; Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không - ACC; Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế và Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Không - ADCC; Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Hàng Không - AEC; Hội Cơ học Đất và Địa kỹ thuật Công trình Việt Nam.

II. PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NĂM 2022

Trong tình hình đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, với phương châm vừa chống dịch vừa phát triển, Tổng hội Xây dựng Việt Nam dự kiến phương hướng nhiệm vụ năm 2022 như sau:

1. Tích cực cho việc tổ chức Đại Hội lần thứ IX và kỷ

niệm 40 năm thành lập Tổng hội vào Quý III năm 2022. Các tiểu ban đã có quyết định thành lập nhanh chóng xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo phân công. Các Hội thành viên đã đến thời gian tổ chức Đại Hội nhiệm kỳ 2020-2025 đề nghị khẩn trương hoàn thành việc tổ chức Đại hội theo thời gian quy định.

2. Tập trung thực hiện các công việc sau Đại hội, về tổ chức chương trình hành động, ổn định bộ máy tổ chức và nhân sự, quy chế hoạt động.

3. Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình hợp tác và tổ chức ký kết một số chương trình hợp tác mới với các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp khác nhằm tạo cơ sở pháp lý, nguồn lực và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các tổ chức thành viên và trực thuộc trong hệ thống của Tổng hội.

4. Tổ chức hội thảo quốc gia về

- Chuyển đổi số - Xây dựng đô thị thông minh;

- Quản lý phát triển đô thị;

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyên về Xây dựng;

- Bổ sung, xây dựng cơ chế dịch vụ công;

Chào mừng Đại hội lần thứ IX và một số hội thảo quan trọng khác.

5. Tiếp tục tham gia và hoàn thành tư vấn phản biện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan tới lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng như chiến lược phát triển Ngành Xây dựng, chiến lược phát triển đô thị quốc gia, chiến lược phát triển nhà ở,... Bên cạnh đó tham gia tư vấn phản biện các đề tài dự án khác do VUSTA hoặc các ngành khác yêu cầu.

6. Hoàn thành các đề tài nhiệm vụ khoa học năm 2022 với Bộ Xây dựng, với Liên hiệp Các hội KH&KT Việt Nam, các đề án tư vấn, các nghiên cứu khoa học hợp tác với các địa phương. Đồng thời chuẩn bị đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cho các năm tiếp theo.

7. Đẩy mạnh và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống báo chí, khai thác tối đa tuyến bài ở từng lĩnh vực chuyên môn cho cộng đồng bạn đọc riêng của mỗi báo, đồng thời bám sát, phát hiện các vấn đề nóng, thời sự phục vụ và định hướng dư luận xã hội.

8. Đổi mới việc xét trao giải thưởng Loa Thành, giải thưởng công trình chất lượng, công trình xanh... Đề nghị nâng cấp Giải Loa Thành trở thành giải Quốc gia cho các trường đào tạo ngành Kiến trúc và Xây dựng.

9. Phát triển quan hệ hợp tác Quốc tế với các tổ chức, cá nhân về lĩnh vực xây dựng. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác sẵn có với các Hội KTS, Hội QHPTĐT, Hiệp hội Nhà thầu, Hiệp hội Bất Động sản và mở rộng hợp tác với các Hội, Hiệp hội khác.

10. Phối hợp với Ban Kinh tế TW triển khai Nghị quyết đô thị hoá cho cán bộ hội viên Tổng hội.

11. Đẩy mạnh công tác đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề cho các Hội viên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam đề nghị giao cho Tổng hội cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân cả 3 bậc I, II và III.

12. Phát động thi đua toàn Tổng hội lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu lần thứ IX và kỷ niệm 40 năm thành lập Tổng hội Xây dựng Việt Nam. □